

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2015

**BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2014 - 2015**

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1	CD11301650	Phạm Đức	Anh	C13_CDT01	10	12	8	25	4	15	2	76	Khá	
2	CD11301696	Tôn Quốc	Duy	C13_CDT01	10	12	4	25	4	15	9	79	Khá	
3	CD11301719	Trần Chí	Hải	C13_CDT01	10	8	4	25	4	15	2	68	Trung bình khá	
4	CD11301761	Nguyễn Phương	Khánh	C13_CDT01	9	8	6	25	4	15	2	69	Trung bình khá	
5	CD11301853	Hồ Trọng	Nhân	C13_CDT01	10	9	6	25	4	15	2	71	Khá	
6	CD11301854	Từ Minh Hồng	Nhân	C13_CDT01	8	9	6	25	9	15	2	74	Khá	
7	CD11301893	Đỗ Thiên	Phúc	C13_CDT01	10	9	6	25	12	10	2	74	Khá	
8	CD11301927	Trần Thanh	Sang	C13_CDT01	9	9	6	25	12	15	2	78	Khá	
9	CD11301921	Đỗ Thiên	Son	C13_CDT01	10	12	6	25	6	10	2	71	Khá	
10	CD11301939	Nguyễn Thành	Tài	C13_CDT01	10	9	8	25	12	10	9	83	Tốt	
11	CD11301932	Nguyễn Duy	Tâm	C13_CDT01	10	9	8	25	8	10	2	72	Khá	
12	CD11301934	Nguyễn Văn	Tâm	C13_CDT01	10	10	6	25	12	10	2	75	Khá	
13	CD11301959	Lê Đạt	Thành	C13_CDT01	10	8	4	25	4	10	2	63	Trung bình khá	
14	CD11302014	Cao Nguyễn Minh	Toàn	C13_CDT01	10	9	4	25	7	10	2	67	Trung bình khá	
15	CD11302077	Lê Bảo	Vinh	C13_CDT01	10	6	6	25	12	10	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
16	CD11400016	Nguyễn	An	C14_CDT01	9	8	4	25	13	10	2	71	Khá	
17	CD11400114	Nguyễn Hoàng	Chương	C14_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
18	CD11400080	Nguyễn Chí	Công	C14_CDT01	9	6	4	25	16	10	2	72	Khá	
19	CD11400164	Nguyễn Duy	Doanh	C14_CDT01	10	12	6	25	16	11	8	88	Tốt	
20	CD11400163	Lê Văn	Dũ	C14_CDT01	9	8	4	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
21	CD11400182	Đặng Phước Khánh	Duy	C14_CDT01	9	6	4	25	6	10	2	62	Trung bình khá	
22	CD11400320	Hồ Thanh	Hải	C14_CDT01	9	8	4	25	15	9	2	72	Khá	
23	CD11400322	Huỳnh Tuấn	Hải	C14_CDT01	9	6	4	25	15	10	2	71	Khá	
24	CD11400486	Phạm Quốc	Huy	C14_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
25	CD11400505	Lê Phước	Khánh	C14_CDT01	9	6	4	25	11	10	2	67	Trung bình khá	
26	CD11400839	Lưu Trí	Nguyên	C14_CDT01	8.5	6	4	25	18	10	2	73.5	Khá	
27	CD11301908	Trần Gia	Quân	C14_CDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
28	CD11401097	Khru Văn Hoàng	Sang	C14_CDT01	10	8	4	25	18	10	2	77	Khá	
29	CD11401082	Nguyễn Đông	Son	C14_CDT01	10	12	4	25	18	10	8	87	Tốt	
30	CD11401167	Lê Minh	Thái	C14_CDT01	9	6	4	20	10	10	2	61	Trung bình khá	
31	CD11401223	Trương Quang	Thắng	C14_CDT01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
32	CD11401493	Trương Văn	Tĩnh	C14_CDT01	9	12	4	25	19	10	2	81	Tốt	
33	DH11200001	Nguyễn Trường	An	D12_CDT01	10	10	6	25	18	13	9	91	Xuất sắc	
34	DH11201767	Nguyễn Tuấn	Dũng	D12_CDT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
35	DH11200750	Huỳnh Ngọc	Duy	D12_CDT01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
36	DH11200003	Cao Đức	Huy	D12_CDT01	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
37	DH11200004	Nguyễn Tấn	Phát	D12_CDT01	10	9	8	25	10	15	2	79	Khá	
38	DH11200005	Liu Nàm	Sáng	D12_CDT01	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
39	DH11201805	Đỗ Phú	Tấn	D12_CDT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
40	DH11200766	Lê Minh	Tiến	D12_CDT01	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
41	DH11200771	Huỳnh Trọng	Tính	D12_CDT01	10	8	4	25	12	15	2	76	Khá	
42	DH11201958	Luu Ngọc Minh	Trí	D12_CDT01	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
43	DH11201768	Nguyễn Ngọc	Triều	D12_CDT01	10	12	8	25	10	15	9	89	Tốt	
44	DH11200006	Trần Anh	Việt	D12_CDT01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
45	DH11201804	Truong	Vũ	D12_CDT01	10	10	8	25	10	15	2	80	Tốt	
46	DH11300067	Nguyễn Ngọc Trường	An	D13_CDT01	9	8	4	20	20	7	2	70	Khá	
47	DH11300104	Trần Nguyễn Đức	Anh	D13_CDT01	10	12	4	25	12	10	2	75	Khá	
48	DH11300236	Lê Anh	Duy	D13_CDT01	10	12	8	25	20	12	2	89	Tốt	
49	DH11300019	Hoàng Nguyên	Đán	D13_CDT01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
50	DH11300343	Lê Hồng	Hải	D13_CDT01	10	12	4	25	13	5	2	71	Khá	
51	DH11300397	Dương Văn	Hiếu	D13_CDT01	9	12	2	25	16	10	2	76	Khá	
52	DH11302106	Nguyễn Cao	Hiếu	D13_CDT01	9	12	4	25	7	15	2	74	Khá	
53	DH11300433	Tạ Duy	Hoàng	D13_CDT01	10	12	2	20	14	15	2	75	Khá	
54	DH11300413	Huỳnh Tiến	Hung	D13_CDT01	9	6	8	25	12	7	2	69	Trung bình khá	
55	DH11300501	Quách Phùng	Kha	D13_CDT01	6	6	0	25	18	5	2	62	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
56	DH11300524	Nguyễn Đoàn Đăng	Khoa	D13_CDT01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
57	DH11300527	Nguyễn Thanh	Khoa	D13_CDT01	10	9	2	25	20	12	2	80	Tốt	
58	DH11300541	Mai Tuấn	Kiệt	D13_CDT01	10	6	4	25	13	10	2	70	Khá	
59	DH11300562	Tô Nhất	Lâm	D13_CDT01	10	12	2	25	20	12	2	83	Tốt	
60	DH11300584	Lê Hữu	Lộc	D13_CDT01	10	6	0	25	17	10	2	70	Khá	
61	DH11300586	Nguyễn Văn	Lộc	D13_CDT01	8	8	4	25	15	7	2	69	Trung bình khá	
62	DH11300698	Ngô Ngọc	Minh	D13_CDT01	10	11	8	25	18	12	9	93	Xuất sắc	
63	DH11300709	Nguyễn Tấn	Minh	D13_CDT01	9	12	2	25	19	15	2	84	Tốt	
64	DH11300801	Võ Văn	Nghĩa	D13_CDT01	9	8	2	25	13	15	2	74	Khá	
65	DH11300810	Trần Kiến	Nguyên	D13_CDT01	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
66	DH11300825	Huỳnh Trọng	Nhân	D13_CDT01	9	12	6	25	8	15	2	77	Khá	
67	DH11300915	Nguyễn Thành	Phát	D13_CDT01	10	12	0	25	16	15	2	80	Tốt	
68	DH11300917	Tạ Tấn	Phát	D13_CDT01	8	12	0	25	16	10	2	73	Khá	
69	DH11300991	Nguyễn Trương	Phong	D13_CDT01	10	10	6	25	8	15	2	76	Khá	
70	DH11300979	Nguyễn Tuấn	Phúc	D13_CDT01	10	12	8	25	6	5	2	68	Trung bình khá	
71	DH11300984	Trương Hồng	Phúc	D13_CDT01	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	
72	DH11300950	Lê Hùng	Phước	D13_CDT01	9	8	6	25	20	7	2	77	Khá	
73	DH11300951	Phạm Tấn	Phước	D13_CDT01	7	8	2	25	5	15	8	70	Khá	
74	DH11300941	Võ Hoài	Phương	D13_CDT01	10	9	0	25	20	12	2	78	Khá	
75	DH11301005	Trần Danh Lê	Quân	D13_CDT01	8	6	4	2	17	10	2	49	Yếu	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
76	DH11301033	Nguyễn Hoàng	Quý	D13_CDT01	10	12	2	25	20	7	2	78	Khá	
77	DH11301096	Nguyễn Thanh	Tâm	D13_CDT01	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
78	DH11301238	Nguyễn Đình	Thi	D13_CDT01	10	9	4	25	18	12	2	80	Tốt	
79	DH11301279	Nguyễn Quang	Thuận	D13_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
80	DH11301319	Nguyễn Quang	Tiến	D13_CDT01	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
81	DH11301320	Nguyễn Quốc	Tiến	D13_CDT01	10	9	2	25	17	15	2	80	Tốt	
82	DH11301447	Nguyễn Hồ Tấn	Trung	D13_CDT01	9	8	3	25	8	15	2	70	Khá	
83	DH11301478	Phạm Văn	Tuấn	D13_CDT01	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
84	DH11301548	Đông Xuân Đăng	Vinh	D13_CDT01	9	6	4	25	16	7	2	69	Trung bình khá	
85	DH11300124	Hoàng Đại	Bảo	D13_CDT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
86	DH11300193	Trương Quang	Danh	D13_CDT02	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
87	DH11300058	Nguyễn Tấn	Định	D13_CDT02	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
88	DH11300359	Nguyễn Trường	Hạnh	D13_CDT02	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
89	DH11300407	Trương Minh	Hiếu	D13_CDT02	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
90	DH11302105	Huỳnh Kim	Hoàng	D13_CDT02	10	6	8	25	3	15	2	69	Trung bình khá	
91	DH11300447	Nguyễn Văn	Huân	D13_CDT02	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
92	DH11300380	Nguyễn Mạnh	Hùng	D13_CDT02	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
93	DH11300316	Phan Quốc	Hương	D13_CDT02	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
94	DH11300624	Nguyễn Văn	Linh	D13_CDT02	10	8	8	25	20	13	2	86	Tốt	
95	DH11300642	Đỗ Ngọc Thành	Long	D13_CDT02	10	12	6	25	18	13	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
96	DH11300648	Nguyễn Ngọc Hùng	Long	D13_CDT02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
97	DH11300582	Đình Trọng	Lộc	D13_CDT02	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
98	DH11300599	Nguyễn	Lợi	D13_CDT02	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
99	DH11300736	Lê Văn	Nam	D13_CDT02	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	
100	DH11300799	Trương Trọng	Nghĩa	D13_CDT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
101	DH11300848	Nguyễn Tuấn	Nhã	D13_CDT02	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
102	DH11300842	Mai Hữu	Nhàn	D13_CDT02	10	6	6	25	17	15	2	81	Tốt	
103	DH11300907	Cao Cơ	Phát	D13_CDT02	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
104	DH11301016	Chênh Hính	Quay	D13_CDT02	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
105	DH11301008	Võ Trung	Quân	D13_CDT02	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
106	DH11301036	Phạm Minh	Quý	D13_CDT02	10	8	6	25	17	15	2	83	Tốt	
107	DH11301053	Vũ Trọng	Quyền	D13_CDT02	10	8	8	25	10	13	2	76	Khá	
108	DH11301074	Nguyễn Phước	Sang	D13_CDT02	10	6	8	15	18	15	2	74	Khá	
109	DH11301084	Nguyễn Ngọc	Sin	D13_CDT02	10	6	6	25	20	15	2	84	Tốt	
110	DH11301060	Nguyễn Hải	Son	D13_CDT02	10	6	6	25	20	10	2	79	Khá	
111	DH11301229	Phan Minh	Thanh	D13_CDT02	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
112	DH11301232	Trịnh Hữu	Thanh	D13_CDT02	10	8	6	25	20	15	9	93	Xuất sắc	
113	DH11301162	Lê Công	Thành	D13_CDT02	10	8	8	25	15	13	2	81	Tốt	
114	DH11301307	Đặng Bùi Minh	Tiến	D13_CDT02	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
115	DH11301318	Nguyễn Ngọc	Tiến	D13_CDT02	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
116	DH11301348	Võ Trương Khánh	Toàn	D13_CDT02	6	6	7	25	3	15	2	64	Trung bình khá	
117	DH11301453	Nguyễn Như	Trí	D13_CDT02	10	8	4	25	18	10	2	77	Khá	
118	DH11301460	Trần Trọng	Trí	D13_CDT02	10	12	8	25	20	13	2	90	Xuất sắc	
119	DH11301340	Vũ Minh	Tú	D13_CDT02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
120	DH11301470	Nguyễn Minh	Tuấn	D13_CDT02	10	6	2	25	10	10	2	65	Trung bình khá	
121	DH11301302	Nguyễn Xuân	Tùng	D13_CDT02	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
122	DH11301304	Trương Thanh	Tùng	D13_CDT02	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
123	DH11301564	Phạm Tuấn	Vũ	D13_CDT02	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
124	DH11400014	Lê Minh	An	D14_CDT01	10	6	8	25	11	10	2	72	Khá	
125	DH11400070	Phạm Tấn	Bão	D14_CDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
126	DH11400055	Lê Hải	Bình	D14_CDT01	10	6	8	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
127	DH11400081	Nguyễn Phi	Công	D14_CDT01	10	6	7	25	13	15	2	78	Khá	
128	DH11400082	Trần Thành	Công	D14_CDT01	9	6	8	25	16	15	2	81	Tốt	
129	DH11400155	Nguyễn Thanh	Dinh	D14_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
130	DH11400190	Nguyễn Minh	Duy	D14_CDT01	10	6	8	25	11	15	2	77	Khá	
131	DH11400193	Nguyễn Tri	Duy	D14_CDT01	9	6	7	25	20	15	2	84	Tốt	
132	DH11400196	Đào Ngọc	Duyên	D14_CDT01	10	9	8	25	19	13	2	86	Tốt	
133	DH11400248	Phạm Châu Quỳnh	Đức	D14_CDT01	10	6	8	25	20	15	2	86	Tốt	
134	DH11400258	Nguyễn Hoàng	Gia	D14_CDT01	10	6	8	25	20	15	2	86	Tốt	
135	DH11400321	Hoàng Ngọc	Hải	D14_CDT01	10	12	8	25	7	15	10	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
136	DH11400332	Võ Duy	Hải	D14_CDT01	9	6	7	25	15	15	10	87	Tốt	
137	DH11400366	Nguyễn Phúc	Hậu	D14_CDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
138	DH11400367	Trần Minh	Hậu	D14_CDT01	10	6	8	25	20	15	2	86	Tốt	
139	DH11401683	Lê Thanh	Hiếu	D14_CDT01	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
140	DH11400399	Nguyễn Trọng	Hiếu	D14_CDT01	10	6	8	25	10	15	2	76	Khá	
141	DH11400407	Trương Trung	Hiếu	D14_CDT01	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
142	DH11400429	Lê Trường	Hoàng	D14_CDT01	9	6	8	25	15	15	2	80	Tốt	
143	DH11400460	Đào Trọng	Huân	D14_CDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
144	DH11400479	Nguyễn Đăng Phát	Huy	D14_CDT01	10	6	6	25	13	15	2	77	Khá	
145	DH11401766	Nguyễn Văn	Hung	D14_CDT01	10	8	8	25	10	15	2	78	Khá	
146	DH11400523	Nguyễn Thành	Kha	D14_CDT01	10	6	8	25	13	15	2	79	Khá	
147	DH11400520	Trương Thế	Khải	D14_CDT01	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
148	DH11400552	Trần Thiên	Khoa	D14_CDT01	8	6	8	25	19	15	2	83	Tốt	
149	DH11400549	Trương Đăng	Khoa	D14_CDT01	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
150	DH11400566	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	D14_CDT01	10	6	8	25	19	10	2	80	Tốt	
151	DH11400656	Hoàng Triệu Minh	Luân	D14_CDT01	9	12	8	25	19	5	2	80	Tốt	
152	DH11400700	Phạm Hoàng	Minh	D14_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
153	DH11400817	Liêu Nguyên	Nghị	D14_CDT01	10	10	6	25	14	10	2	77	Khá	
154	DH11400818	Đỗ Văn	Nghĩa	D14_CDT01	10	6	6	25	8	15	2	72	Khá	
155	DH11400822	Huỳnh Trọng	Nghĩa	D14_CDT01	9	6	8	25	16	15	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
156	DH11400872	Lương	Vĩ Nhân	D14_CDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
157	DH11400875	Nguyễn	Thành Nhân	D14_CDT01	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
158	DH11401017	Bành	Minh Phong	D14_CDT01	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
159	DH11401732	Nguyễn	Thành Phong	D14_CDT01	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
160	DH11401734	Phạm	Thanh Phong	D14_CDT01	10	6	4	25	17	13	2	77	Khá	
161	DH11400976	Nguyễn	Minh Phước	D14_CDT01	9	8	8	25	7	15	2	74	Khá	
162	DH11400949	Đặng	Hồng Minh Phương	D14_CDT01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
163	DH11401076	Hồ	Sỹ Sáng	D14_CDT01	9	6	8	25	16	15	2	81	Tốt	
164	DH11401139	Nguyễn	Công Tài	D14_CDT01	10	8	8	25	15	15	2	83	Tốt	
165	DH11401125	Lê	Thanh Tân	D14_CDT01	7	6	8	25	10	15	2	73	Khá	
166	DH11401189	Thạch	Minh Thành	D14_CDT01	10	8	6	25	14	15	2	80	Tốt	
167	DH11301179	Nguyễn	Quốc Thảo	D14_CDT01	10	10	2	25	19	10	2	78	Khá	
168	DH11301210	Nguyễn	Tăng Cao Thắng	D14_CDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
169	DH11401253	Nguyễn	Trần Vũ Thiên	D14_CDT01	9	10	8	25	16	5	2	75	Khá	
170	DH11401286	Trần	Đặng Thịnh	D14_CDT01	9	6	8	25	20	15	2	85	Tốt	
171	DH11401292	Đặng	Ngọc Thuận	D14_CDT01	10	6	8	25	16	10	2	77	Khá	
172	DH11302114	Mai	An Tiêm	D14_CDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
173	DH11401333	Nguyễn	Công Tiến	D14_CDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
174	DH11401336	Nguyễn	Quang Minh Tiến	D14_CDT01	10	6	4	25	19	14	2	80	Tốt	
175	DH11401534	Nguyễn	Trung Tín	D14_CDT01	10	9	8	25	8	10	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
176	DH11401360	Lương Kiệt	Toàn	D14_CDT01	9	8	8	25	18	15	2	85	Tốt	
177	DH11401484	Nguyễn Minh	Trí	D14_CDT01	10	8	2	25	20	12	2	79	Khá	
178	DH11401419	Phan Minh	Trọng	D14_CDT01	10	12	8	25	6	15	2	78	Khá	
179	DH11401474	Trịnh Thuyết	Truyền	D14_CDT01	10	12	2	25	14	12	2	77	Khá	
180	DH11401509	Nguyễn Văn	Tuấn	D14_CDT01	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
181	DH11401771	Phan Minh	Tuấn	D14_CDT01	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
182	DH11401551	Trần Trọng	Văn	D14_CDT01	9	10	8	25	20	5	2	79	Khá	
183	DH11401667	Lê Tuấn	Vỹ	D14_CDT01	10	12	7	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
184	CD61301646	Trần Nguyễn Tường	An	C13_TP01	10	9	8	25	9	15	2	78	Khá	
185	CD61301652	Vũ Thị Tuyết	Anh	C13_TP01	10	8	2	25	12	15	2	74	Khá	
186	CD61301662	Nguyễn Ngọc	Bảo	C13_TP01	10	8	2	25	7	15	2	69	Trung bình khá	
187	CD61301664	Phạm Đình	Cần	C13_TP01	10	8	4	25	7	15	2	71	Khá	
188	CD61301668	Đào Đoàn Ngọc	Châu	C13_TP01	10	9	6	25	10	15	2	77	Khá	
189	CD61301670	Nguyễn Thị Thanh	Châu	C13_TP01	10	8	2	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
190	CD61301673	Nguyễn Cẩm	Chuyên	C13_TP01	10	9	6	25	10	15	2	77	Khá	
191	CD61301694	Nguyễn Lê Khương	Duy	C13_TP01	10	9	6	25	0	15	2	67	Trung bình khá	
192	CD61301638	Tô Phan Tấn	Đạt	C13_TP01	10	12	6	25	15	15	10	93	Xuất sắc	
193	CD61301735	Nguyễn Phan Thảo	Hiền	C13_TP01	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	
194	CD61301743	Nguyễn Xuân	Hiếu	C13_TP01	10	8	6	25	7	15	2	73	Khá	
195	CD61301764	Mai Đỗ Mạnh	Kha	C13_TP01	10	12	2	25	11	10	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
196	CD61301772	Đông Danh	Khoa	C13_TP01	10	8	7	25	16	15	2	83	Tốt	
197	CD61301785	Đỗ Hoàng	Lâm	C13_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
198	CD61301798	Nguyễn Thị Thùy	Linh	C13_TP01	10	9	2	25	14	10	9	79	Khá	
199	CD61301809	Phạm Thị Ngọc	Mai	C13_TP01	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
200	CD61301819	Nguyễn Thị	Mon	C13_TP01	10	9	6	25	8	15	2	75	Khá	
201	CD61301821	Nguyễn Thị Thanh	Mỹ	C13_TP01	10	9	2	25	12	15	2	75	Khá	
202	CD61301829	Tô Thị Kim	Ngân	C13_TP01	10	8	8	25	0	15	2	68	Trung bình khá	
203	CD61301843	Huỳnh Tấn	Nghĩa	C13_TP01	10	12	4	25	7	15	2	75	Khá	
204	CD61301835	Nguyễn Kim	Ngọc	C13_TP01	10	8	0	25	20	15	2	80	Tốt	
205	CD61301837	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	C13_TP01	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
206	CD61301872	Đỗ Thị Diễm	Oanh	C13_TP01	10	9	6	25	13	15	2	80	Tốt	
207	CD61301899	Nguyễn Quan Minh	Phong	C13_TP01	10	9	3	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
208	CD61301900	Trương Tuấn	Phong	C13_TP01	10	9	6	25	10	15	2	77	Khá	
209	CD61301884	Đỗ Đình	Phước	C13_TP01	10	8	2	25	4	15	2	66	Trung bình khá	
210	CD61301881	Trần Nguyệt	Phuong	C13_TP01	10	9	0	25	16	15	2	77	Khá	
211	CD61301920	Lê Thị Phúc	Quyên	C13_TP01	10	8	2	25	5	15	2	67	Trung bình khá	
212	CD61301914	Hồ Ngọc Như	Quỳnh	C13_TP01	10	9	4	25	10	15	2	75	Khá	
213	CD61301916	Lê Nguyễn Khánh	Quỳnh	C13_TP01	10	9	2	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
214	CD61301972	Trương Thanh	Thanh	C13_TP01	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
215	CD61301964	Trần Thị Thanh	Thảo	C13_TP01	10	9	8	25	12	10	9	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
216	CD61301982	Lê Thị Kim	Thoa	C13_TP01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
217	CD61301985	Đỗ Thị Kim	Thúy	C13_TP01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
218	CD61301986	Thái Thị Thanh	Thúy	C13_TP01	10	9	4	25	6	15	2	71	Khá	
219	CD61301946	Trương Thiên	Thư	C13_TP01	10	8	6	25	16	15	2	82	Tốt	
220	CD61302030	Nguyễn Thị Thảo	Trang	C13_TP01	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
221	CD61302032	Võ Thị Thùy	Trang	C13_TP01	10	9	4	25	5	15	2	70	Khá	
222	CD61302017	Vưu Thụy Bảo	Trâm	C13_TP01	10	12	8	25	15	12	2	84	Tốt	
223	CD61302023	Võ Thị Ngọc	Trâm	C13_TP01	10	9	2	25	11	15	2	74	Khá	
224	CD61302049	Lý Minh	Trí	C13_TP01	10	9	6	25	14	15	10	89	Tốt	
225	CD61302037	Đỗ Thị Mộng	Trình	C13_TP01	10	9	6	25	13	15	9	87	Tốt	
226	CD61302006	Trần Thanh	Tùng	C13_TP01	10	9	7	25	8	10	9	78	Khá	
227	CD61302063	Nghiêm Thị Thúy	Tuyền	C13_TP01	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
228	CD61302076	Huỳnh Công	Vinh	C13_TP01	10	9	6	25	10	15	2	77	Khá	
229	CD61400124	Phạm Thị Mỹ	Chi	C14_TP01	10	8	4	25	11	13	2	73	Khá	
230	CD61400137	Phan Ngọc Hồng	Cúc	C14_TP01	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
231	CD61400188	Nguyễn Huỳnh	Duy	C14_TP01	10	10	0	25	12	15	2	74	Khá	
232	CD61400192	Nguyễn Trường	Duy	C14_TP01	10	6	2	25	10	10	2	65	Trung bình khá	
233	CD61400202	Nguyễn La Mỹ	Duyên	C14_TP01	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
234	CD61400214	Huỳnh Hồng	Đào	C14_TP01	9	8	0	25	13	15	2	72	Khá	
235	CD61400254	Nguyễn Thị	Gấm	C14_TP01	10	12	0	25	16	8	2	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
236	CD61400269	Dương Thị Phương	Hằng	C14_TP01	9	6	4	25	10	15	2	71	Khá	
237	CD61400395	Hồ Trần Trọng	Hiếu	C14_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
238	CD61400422	Hoàng Thị Thu	Hoài	C14_TP01	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
239	CD61400356	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	C14_TP01	10	9	2	25	13	10	2	71	Khá	
240	CD61400465	Nguyễn Thị Bích	Huệ	C14_TP01	10	8	0	25	20	15	2	80	Tốt	
241	CD61400416	Nguyễn Nhật	Hung	C14_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
242	CD61400571	Trương Thanh	Kiều	C14_TP01	10	8	4	25	5	10	9	71	Khá	
243	CD61400560	Lê Thị Thiên	Kim	C14_TP01	10	8	2	25	11	10	2	68	Trung bình khá	
244	CD61400582	Lê Văn	Lai	C14_TP01	9	6	2	25	16	8	2	68	Trung bình khá	
245	CD61400724	Nguyễn Thị Tố	My	C14_TP01	10	9	4	25	8	15	2	73	Khá	
246	CD61400725	Phạm Hoàng	My	C14_TP01	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
247	CD61400748	Vũ Thị	Ngát	C14_TP01	10	12	2	25	7	15	2	73	Khá	
248	CD61400782	Võ Thị Thu	Ngân	C14_TP01	10	12	0	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
249	CD61400805	Phan Thị	Ngọc	C14_TP01	10	8	6	25	19	10	2	80	Tốt	
250	CD61400835	Lương Thị Phương	Nguyên	C14_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
251	CD61400848	Thái Cao	Nguyên	C14_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
252	CD61400895	Kiều Phạm Trang	Nhi	C14_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
253	CD61400906	Nguyễn Trịnh Hoài	Nhi	C14_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
254	CD61400857	Phạm Thị Quỳnh	Như	C14_TP01	10	9	6	25	10	15	2	77	Khá	
255	CD61400866	Võ Ngọc Minh	Như	C14_TP01	10	8	6	25	9	15	9	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
256	CD61400937	Trương Hoàng	Oanh	C14_TP01	10	9	0	25	10	15	2	71	Khá	
257	CD61400953	Lâm Tú	Phương	C14_TP01	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
258	CD61401141	Nguyễn Nhật	Tài	C14_TP01	9	6	0	25	15	15	2	72	Khá	
259	CD61401143	Nguyễn Tấn	Tài	C14_TP01	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
260	CD61401111	Nguyễn Phụng Hoàng	Tâm	C14_TP01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
261	CD61401123	Lương Hoàng Trọng	Tân	C14_TP01	10	8	8	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
262	CD61401210	Phan Thị Hồng	Thắm	C14_TP01	10	12	2	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
263	CD61401282	Nguyễn Hữu	Thịnh	C14_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
264	CD61401303	Lê Thị Cẩm	Tiên	C14_TP01	9	12	4	25	16	15	2	83	Tốt	
265	CD61401364	Nguyễn Tấn	Toàn	C14_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
266	CD61401658	Huỳnh Ngọc Bảo	Trang	C14_TP01	10	9	4	25	11	13	2	74	Khá	
267	CD61401390	Trương Thị Ngọc	Trân	C14_TP01	10	10	0	25	16	15	2	78	Khá	
268	CD61401490	Trần Ngọc	Trí	C14_TP01	10	10	0	25	14	15	2	76	Khá	
269	CD61401471	Nguyễn Thái Nhân	Trung	C14_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
270	CD61401561	Phạm Ngọc Tuyết	Vi	C14_TP01	9	8	4	25	11	13	2	72	Khá	
271	DH61200591	Nguyễn Thị Nhân	ái	D12_TP01	10	10	8	25	13	15	9	90	Xuất sắc	
272	DH61200593	Nhâm Gia	Bảo	D12_TP01	9	12	4	25	18	15	2	85	Tốt	
273	DH61200594	Nguyễn Thị Kim	Chi	D12_TP01	9	12	0	25	15	15	2	78	Khá	
274	DH61201954	Hồ Xuân	Dinh	D12_TP01	9	9	4	25	15	15	9	86	Tốt	
275	DH61200595	Võ Thị Hoàng	Dung	D12_TP01	9	12	6	25	20	15	9	96	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
276	DH61200596	Hà Huy	Đạt	D12_TP01	10	10	4	25	20	15	9	93	Xuất sắc	
277	DH61200597	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	D12_TP01	9	8	0	25	15	15	2	74	Khá	
278	DH61201739	Lê Thượng	Hải	D12_TP01	10	12	4	25	12	15	9	87	Tốt	
279	DH61200599	Châu Vĩnh	Hào	D12_TP01	9	8	4	25	15	15	2	78	Khá	
280	DH61200601	Trương Hoàng	Khải	D12_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
281	DH61200602	Trần Tuấn	Kiệt	D12_TP01	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
282	DH61200603	Nguyễn Minh	Mẫn	D12_TP01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
283	DH61200604	Nguyễn Thị Hằng	My	D12_TP01	9	12	8	25	12	15	2	83	Tốt	
284	DH61200606	Nguyễn Minh	Nhật	D12_TP01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
285	DH61200607	Lê Thành	Phát	D12_TP01	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
286	DH61200609	Hà Văn Thiên	Phúc	D12_TP01	9	12	0	25	9	15	2	72	Khá	
287	DH61200608	Nguyễn Ngọc Anh	Phương	D12_TP01	9	10	8	25	12	15	2	81	Tốt	
288	DH61200610	Nguyễn Ngọc	Tân	D12_TP01	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
289	DH61200612	Lưu Phương	Thảo	D12_TP01	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
290	DH61200613	Trần Lê Phương	Thùy	D12_TP01	10	10	8	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
291	DH61200611	Trần Minh	Thư	D12_TP01	10	12	8	25	15	15	9	94	Xuất sắc	
292	DH61201724	Tô Thị Thùy	Trang	D12_TP01	9	12	4	25	6	15	9	80	Tốt	
293	DH61200615	Trần Thị Minh	Trang	D12_TP01	9	12	0	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
294	DH61200614	Nguyễn Thu	Trâm	D12_TP01	10	12	8	25	16	15	10	96	Xuất sắc	
295	DH61200617	Phạm Thị Thanh	Trúc	D12_TP01	10	9	0	25	9	15	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
296	DH61200618	Đỗ Trần Minh	Trung	D12_TP01	9	12	4	25	20	15	2	87	Tốt	
297	DH61200619	Lê Quang	Trung	D12_TP01	9	12	4	25	20	15	9	94	Xuất sắc	
298	DH61200616	Nhữ Quang	Trưởng	D12_TP01	9	12	4	25	15	15	2	82	Tốt	
299	DH61200620	Trần Ngọc	Tuyên	D12_TP01	9	12	4	25	8	15	2	75	Khá	
300	DH61200621	Văn Hoàng Tứ	Anh	D12_TP02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
301	DH61200622	Nguyễn Đức	Đông	D12_TP02	10	9	6	25	20	15	10	95	Xuất sắc	
302	DH61200623	Nguyễn Văn	Gấm	D12_TP02	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
303	DH61200625	Lê Thị	Hà	D12_TP02	10	9	4	25	20	15	9	92	Xuất sắc	
304	DH61200626	Nguyễn Thị Diễm	Hạnh	D12_TP02	10	12	4	25	19	15	9	94	Xuất sắc	
305	DH61200629	Bùi Thị	Huệ	D12_TP02	10	9	4	25	17	15	2	82	Tốt	
306	DH61200630	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
307	DH61200624	Lê Thị Cúc	Hương	D12_TP02	10	12	4	25	19	15	10	95	Xuất sắc	
308	DH61200631	Dư Văn	Khoa	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
309	DH61200632	Phạm Hoàng Bảo	Kim	D12_TP02	8	10	4	25	20	15	2	84	Tốt	
310	DH61200633	Lê Thị Diễm	My	D12_TP02	10	9	8	25	19	15	9	95	Xuất sắc	
311	DH61200634	Võ Thị Bích	Ngọc	D12_TP02	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
312	DH61200636	Quách Pha	Nil	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
313	DH61200637	Ngô Thị Phương	Oanh	D12_TP02	10	9	7	25	20	15	2	88	Tốt	
314	DH61200638	Nguyễn Hoàng Minh	Thơ	D12_TP02	10	10	4	25	20	15	9	93	Xuất sắc	
315	DH61200640	Trương Hoàng Xuân	Thùy	D12_TP02	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
316	DH61200641	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D12_TP02	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
317	DH61200639	Đỗ Thị Ngọc	Thương	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
318	DH61200645	Thân Đức	Trang	D12_TP02	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
319	DH61200643	Huỳnh Bảo	Trân	D12_TP02	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
320	DH61200646	Võ Thị Diễm	Trinh	D12_TP02	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
321	DH61200649	Nguyễn Thanh	Xuân	D12_TP02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
322	DH61300232	Đỗ Minh	Duy	D13_TP01	10	8	4	25	20	10	9	86	Tốt	
323	DH61300243	Nguyễn Hoàng	Duy	D13_TP01	10	6	0	25	14	15	2	72	Khá	
324	DH61300249	Trần Khương	Duy	D13_TP01	10	8	8	25	17	15	10	93	Xuất sắc	
325	DH61300279	Đỗ Thị Phương	Hằng	D13_TP01	10	9	8	25	18	10	2	82	Tốt	
326	DH61300306	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	D13_TP01	10	9	6	25	19	15	2	86	Tốt	
327	DH61300389	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	D13_TP01	10	9	4	25	18	15	2	83	Tốt	
328	DH61300395	Bùi	Hiếu	D13_TP01	7	6	6	25	20	15	2	81	Tốt	
329	DH61300365	Nguyễn Thị	Hồng	D13_TP01	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
330	DH61300414	Lâm Chấn	Hung	D13_TP01	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
331	DH61300313	Nguyễn Thị Thu	Hương	D13_TP01	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
332	DH61300512	Mai Thị Kiều	Khanh	D13_TP01	10	10	6	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
333	DH61300490	Võ Quốc	Khánh	D13_TP01	10	6	0	25	15	15	2	73	Khá	
334	DH61300521	Lý Anh	Khoa	D13_TP01	10	8	8	25	20	10	9	90	Xuất sắc	
335	DH61300546	Trần Anh	Kiệt	D13_TP01	10	8	6	25	16	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
336	DH61300604	Chung Ngọc	Linh	D13_TP01	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
337	DH61300635	Võ Thị Hoài	Linh	D13_TP01	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
338	DH61300645	Lương Tiểu	Long	D13_TP01	10	8	0	25	10	15	2	70	Khá	
339	DH61300600	Nguyễn Thị Kim	Lợi	D13_TP01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
340	DH61302102	Lê Thị Trúc	Mai	D13_TP01	10	9	8	25	14	15	2	83	Tốt	
341	DH61300677	Phạm Thị Ngọc	Mai	D13_TP01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
342	DH61300748	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngân	D13_TP01	10	12	0	25	20	10	10	87	Tốt	
343	DH61300758	Trần Tuyết	Ngân	D13_TP01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
344	DH61300827	Lê Đặng Thế	Nhân	D13_TP01	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
345	DH61300858	Huỳnh Thị Tuyết	Nhi	D13_TP01	10	8	0	25	16	15	2	76	Khá	
346	DH61300860	Khâu Thị Yên	Nhi	D13_TP01	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
347	DH61300819	Mai Nhật Quỳnh	Như	D13_TP01	10	10	8	25	18	10	2	83	Tốt	
348	DH61300913	Nguyễn Tấn	Phát	D13_TP01	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
349	DH61300990	Ngụy Quốc	Phong	D13_TP01	10	8	6	25	16	10	2	77	Khá	
350	DH61300958	Ngô Nguyễn Yên	Phượng	D13_TP01	10	8	6	25	13	15	2	79	Khá	
351	DH61300960	Võ Thúy	Phượng	D13_TP01	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
352	DH61301044	Phạm Thị Ngọc	Quyên	D13_TP01	10	10	8	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
353	DH61301046	Trần	Quyên	D13_TP01	10	9	8	25	14	15	2	83	Tốt	
354	DH61301093	Lê Nguyễn Thanh	Tâm	D13_TP01	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
355	DH61301094	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	D13_TP01	10	10	8	25	12	10	9	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
356	DH61301159	Hồ Chấn	Thành	D13_TP01	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
357	DH61301173	Lê Thu	Thảo	D13_TP01	10	12	7	25	20	12	10	96	Xuất sắc	
358	DH61301236	Âu Thị Phương	Thi	D13_TP01	10	9	8	25	11	15	2	80	Tốt	
359	DH61301218	Trần Lê Đình	Thọ	D13_TP01	10	8	0	25	17	15	2	77	Khá	
360	DH61301259	Huỳnh Quang	Thụ	D13_TP01	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
361	DH61301369	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	D13_TP01	10	10	8	25	20	10	10	93	Xuất sắc	
362	DH61301410	Huỳnh Thị Phương	Trinh	D13_TP01	10	8	6	25	16	10	2	77	Khá	
363	DH61301462	Hà Anh	Tuấn	D13_TP01	10	6	4	25	16	10	2	73	Khá	
364	DH61301493	Lê Thị	Tuyền	D13_TP01	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
365	DH61301535	Trương Thị Hồng	Vân	D13_TP01	10	9	4	25	20	12	9	89	Tốt	
366	DH61301557	Từ Chí	Vinh	D13_TP01	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
367	DH61300105	Trần Tuấn	Anh	D13_TP02	10	10	8	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
368	DH61300134	Nguyễn Thị Phương	Bảo	D13_TP02	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
369	DH61300148	Đoàn Thị Hồng	Cẩm	D13_TP02	10	10	8	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
370	DH61300161	Nguyễn Đồng Bảo	Châu	D13_TP02	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
371	DH61300226	Nguyễn Ngọc Xuân	Dung	D13_TP02	10	10	0	25	20	15	2	82	Tốt	
372	DH61300186	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	D13_TP02	10	8	2	25	16	15	2	78	Khá	
373	DH61300275	Nguyễn Thị Trúc	Giang	D13_TP02	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
374	DH61300324	Nguyễn Hải	Hà	D13_TP02	10	10	4	25	13	15	2	79	Khá	
375	DH61300349	Phạm Minh	Hải	D13_TP02	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
376	DH61300352	Trịnh Huỳnh Tuấn	Hải	D13_TP02	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
377	DH61300470	Phạm Nguyễn Ngọc	Huy	D13_TP02	10	6	0	25	14	15	2	72	Khá	
378	DH61300311	Lê Thị Ngọc	Huong	D13_TP02	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
379	DH61300489	Trần Minh	Khánh	D13_TP02	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
380	DH61300564	Ngô Bội	Lân	D13_TP02	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
381	DH61300616	Nguyễn Bảo	Linh	D13_TP02	10	9	0	25	18	15	9	86	Tốt	
382	DH61300663	Đình Hồng Trúc	Ly	D13_TP02	10	10	4	25	20	15	2	86	Tốt	
383	DH61300689	Trần ái	Mi	D13_TP02	10	8	6	25	13	15	2	79	Khá	
384	DH61300694	Đoàn Xuân	Minh	D13_TP02	8	6	4	25	5	15	2	65	Trung bình khá	
385	DH61300761	Vũ Thị	Ngân	D13_TP02	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
386	DH61300856	Hồ Phương Thúy	Nhi	D13_TP02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
387	DH61300816	Đoàn Huỳnh	Nhur	D13_TP02	10	9	4	25	17	15	9	89	Tốt	
388	DH61300896	Nguyễn Minh	Nhựt	D13_TP02	9	6	2	25	16	15	2	75	Khá	
389	DH61300899	Dương Kiều	Oanh	D13_TP02	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
390	DH61300912	Nguyễn Nhật	Phát	D13_TP02	10	6	4	25	13	15	8	81	Tốt	
391	DH61300963	Nguyễn Hùng	Phú	D13_TP02	9	12	4	25	19	10	9	88	Tốt	
392	DH61300930	Nguyễn Hồ Tiểu	Phuong	D13_TP02	10	10	5	25	20	15	2	87	Tốt	
393	DH61300937	Phùng Thị Bích	Phuong	D13_TP02	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
394	DH61301020	Đặng Ngọc Như	Quỳnh	D13_TP02	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
395	DH61301071	Khâu Minh	Sang	D13_TP02	9	12	7	25	16	10	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
396	DH61301219	Hoàng Thị Trang	Thanh	D13_TP02	10	12	5	25	18	15	2	87	Tốt	
397	DH61301234	Nguyễn Thị Thiên	Thâm	D13_TP02	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
398	DH61301249	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	D13_TP02	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
399	DH61301140	Trần Thiện Thiên	Thư	D13_TP02	10	8	4	25	16	15	9	87	Tốt	
400	DH61301383	Nguyễn Châu Tuyết	Trang	D13_TP02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
401	DH61302104	Nguyễn Thị Kim	Trang	D13_TP02	10	10	4	25	16	15	9	89	Tốt	
402	DH61301357	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D13_TP02	10	12	4	25	17	15	10	93	Xuất sắc	
403	DH61301363	Lê Diệp Bảo	Trân	D13_TP02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
404	DH61301350	Nguyễn Lê Khánh	Trình	D13_TP02	9	12	5	25	14	15	2	82	Tốt	
405	DH61301486	Trương Huỳnh Mỹ	Tuyên	D13_TP02	10	12	2	25	20	15	10	94	Xuất sắc	
406	DH61301577	Huỳnh Võ Thanh	Vy	D13_TP02	10	10	8	25	12	15	9	89	Tốt	
407	DH61301580	Lê Nguyễn Thúy	Vy	D13_TP02	8	8	6	25	16	15	2	80	Tốt	
408	DH61300095	Nguyễn Thị Phương	Anh	D13_TP03	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
409	DH61300143	Cao Thị Ngọc	Bạch	D13_TP03	10	12	4	25	4	15	2	72	Khá	
410	DH61300199	Nguyễn Thy Hà	Diễm	D13_TP03	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
411	DH61300270	Chung Bảo	Gia	D13_TP03	10	12	4	25	2	10	2	65	Trung bình khá	
412	DH61300329	Phương Mỹ	Hà	D13_TP03	10	9	8	25	8	10	2	72	Khá	
413	DH61300308	Đỗ Ngọc Quỳnh	Hương	D13_TP03	10	12	8	25	8	15	9	87	Tốt	
414	DH61300312	Lê Thị Ngọc	Hương	D13_TP03	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
415	DH61300534	Trương Xuân	Kiên	D13_TP03	8	8	4	25	2	15	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
416	DH61300557	Huỳnh Hoàng	Lâm	D13_TP03	10	8	6	25	3	15	2	69	Trung bình khá	
417	DH61300691	Nguyễn Mộc	Miên	D13_TP03	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
418	DH61300764	Nguyễn Thị Hằng	Nga	D13_TP03	10	8	8	25	8	10	2	71	Khá	
419	DH61300753	Phạm Mai Hoàng	Ngân	D13_TP03	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
420	DH61300840	Võ Hoàng	Nhân	D13_TP03	10	12	6	25	9	10	8	80	Tốt	
421	DH61300857	Hầu Lâm Đình	Nhi	D13_TP03	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
422	DH61300874	Trần Phương	Nhi	D13_TP03	10	9	6	25	13	15	8	86	Tốt	
423	DH61300887	Lê Thị Cẩm	Nhung	D13_TP03	10	9	6	25	8	15	2	75	Khá	
424	DH61301047	Trần Đoàn Phương	Quyên	D13_TP03	10	9	8	25	10	10	2	74	Khá	
425	DH61301073	Lưu Tấn	Sang	D13_TP03	10	8	4	25	9	15	2	73	Khá	
426	DH61301103	Huỳnh Khánh	Tân	D13_TP03	10	9	4	25	6	15	6	75	Khá	
427	DH61301195	Trần Lê Phương	Thảo	D13_TP03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
428	DH61301131	Lê Thị Vũ	Thư	D13_TP03	10	9	8	25	18	15	8	93	Xuất sắc	
429	DH61301288	Bùi Ngọc Cẩm	Tiên	D13_TP03	10	8	2	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
430	DH61301312	Lê Phi	Tiến	D13_TP03	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
431	DH61301502	Võ Sĩ	Tín	D13_TP03	10	6	0	25	20	7	2	70	Khá	
432	DH61301380	Mai Thùy	Trang	D13_TP03	10	12	4	25	4	15	8	78	Khá	
433	DH61301362	Hồ Thị Huyền	Trân	D13_TP03	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
434	DH61301437	Quách Thanh	Trúc	D13_TP03	10	12	8	25	4	15	8	82	Tốt	
435	DH61301465	Lê Minh	Tuấn	D13_TP03	10	12	6	25	5	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
436	DH61301519	Tài Gia	Văn	D13_TP03	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
437	DH61301524	Huỳnh Như Ngọc	Vân	D13_TP03	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
438	DH61301558	Trần Thị Phúc	Vinh	D13_TP03	10	9	6	25	6	15	2	73	Khá	
439	DH61301584	Nguyễn Phan Thảo	Vy	D13_TP03	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
440	DH61301589	Võ Trần Thúy	Vy	D13_TP03	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
441	DH61301568	Hà Phạm Kim	Vỹ	D13_TP03	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
442	DH61301604	Nguyễn Thành	ý	D13_TP03	10	9	4	25	8	10	8	74	Khá	
443	DH61300069	Nguyễn Thành	An	D13_TP04	10	12	4	25	15	15	9	90	Xuất sắc	
444	DH61300262	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D13_TP04	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
445	DH61300264	Võ Nguyễn Trúc	Duyên	D13_TP04	10	9	6	25	9	15	2	76	Khá	
446	DH61300029	Châu Văn Tấn	Đạt	D13_TP04	10	8	8	25	20	12	10	93	Xuất sắc	
447	DH61300057	Nguyễn Khắc	Định	D13_TP04	10	8	4	25	15	15	2	79	Khá	
448	DH61300021	Trương Quý	Đông	D13_TP04	10	12	4	25	17	15	10	93	Xuất sắc	
449	DH61300357	Nguyễn Thị Dung	Hạnh	D13_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
450	DH61300354	Nguyễn Thị Như	Hào	D13_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
451	DH61300478	Nguyễn Bích	Huyền	D13_TP04	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
452	DH61300597	Trần Thị Mỹ	Liên	D13_TP04	10	8	4	25	12	15	2	76	Khá	
453	DH61300688	Sâm Hải	Mi	D13_TP04	10	6	4	25	9	15	2	71	Khá	
454	DH61300705	Nguyễn Ngọc	Minh	D13_TP04	10	6	4	25	12	15	2	74	Khá	
455	DH61300728	Ngô Thị Kiều	My	D13_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
456	DH61300729	Ngô Trà	My	D13_TP04	10	12	8	25	15	15	10	95	Xuất sắc	
457	DH61300759	Võ Dur Thảo	Ngân	D13_TP04	10	8	4	25	9	15	9	80	Tốt	
458	DH61300918	Thái Thanh	Phát	D13_TP04	10	9	4	25	19	15	10	92	Xuất sắc	
459	DH61300994	Võ Hữu Văn	Phong	D13_TP04	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
460	DH61301003	Nguyễn Việt	Quân	D13_TP04	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
461	DH61301067	Quách Thị Thu	Sương	D13_TP04	10	8	4	25	15	15	2	79	Khá	
462	DH61301117	Lê Tấn	Tài	D13_TP04	10	8	4	25	9	15	9	80	Tốt	
463	DH61301185	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D13_TP04	10	12	6	25	9	15	2	79	Khá	
464	DH61301280	Nguyễn Thị	Thuận	D13_TP04	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
465	DH61301250	Nguyễn Thị Xuân	Thùy	D13_TP04	10	12	8	25	20	10	10	95	Xuất sắc	
466	DH61301382	Ngô Thùy	Trang	D13_TP04	10	6	8	25	6	15	2	72	Khá	
467	DH61301401	Mai Quyết	Trọng	D13_TP04	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
468	DH61301507	Đỗ Thu	Uyên	D13_TP04	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
469	DH61301528	Nguyễn Tường	Vân	D13_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
470	DH61301532	Phan Thị Bích	Vân	D13_TP04	10	9	4	25	19	15	2	84	Tốt	
471	DH61301555	Nhìn Phí	Vinh	D13_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
472	DH61301563	Phạm Thị Hoài	Vũ	D13_TP04	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
473	DH61301574	Hà Khánh	Vy	D13_TP04	10	6	4	25	6	15	9	75	Khá	
474	DH61301593	Phan Thị Diệu	Xuân	D13_TP04	10	8	4	25	12	15	2	76	Khá	
475	DH61301598	Đặng Thị Như	ý	D13_TP04	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
476	DH61300059	Đặng Thái	An	D13_TP05	10	12	4	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
477	DH61300070	Nguyễn Thành	An	D13_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
478	DH61300091	Nguyễn Mai	Anh	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
479	DH61300092	Nguyễn Phi	Anh	D13_TP05	10	10	8	25	20	5	2	80	Tốt	
480	DH61300112	Dương Tiểu	Bình	D13_TP05	10	9	2	25	18	10	2	76	Khá	
481	DH61300201	Nguyễn Lam Trúc	Diệp	D13_TP05	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
482	DH61300211	Ngô Hoàng	Dũng	D13_TP05	10	12	7	25	6	15	9	84	Tốt	
483	DH61300048	Phạm Dương	Đan	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
484	DH61300022	Ngô Yến	Đình	D13_TP05	10	12	7	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
485	DH61300299	Võ Thị Thanh	Hằng	D13_TP05	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
486	DH61300436	Võ Thành	Hoàng	D13_TP05	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
487	DH61300314	Phạm Thị Trúc	Hương	D13_TP05	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
488	DH61300520	Lê Anh	Khoa	D13_TP05	10	12	7	25	20	10	9	93	Xuất sắc	
489	DH61300555	Đào Phát	Lâm	D13_TP05	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
490	DH61300680	Trần Thị Thu	Mai	D13_TP05	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
491	DH61300722	Huỳnh Nguyễn Hoàng	Mỹ	D13_TP05	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
492	DH61300762	Đặng Thị Thiên	Nga	D13_TP05	10	12	4	25	20	5	10	86	Tốt	
493	DH61300765	Nguyễn Thị Ngọc	Nga	D13_TP05	10	8	4	25	12	15	2	76	Khá	
494	DH61300814	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	D13_TP05	10	8	8	25	15	15	2	83	Tốt	
495	DH61300850	Nguyễn Minh	Nhật	D13_TP05	10	12	7	25	13	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
496	DH61300889	Phan Ngọc	Nhung	D13_TP05	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
497	DH61300818	Mai Hoàng Quỳnh	Nhur	D13_TP05	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
498	DH61300988	Nguyễn Đỗ Đình	Phục	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
499	DH61301180	Nguyễn Thanh	Thảo	D13_TP05	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
500	DH61301189	Nguyễn Thu	Thảo	D13_TP05	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
501	DH61301192	Phan Thị Thu	Thảo	D13_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
502	DH61301202	Vũ Thị Thạch	Thảo	D13_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
503	DH61301260	Lê Thị Kim	Thoa	D13_TP05	10	12	8	25	18	10	9	92	Xuất sắc	
504	DH61301272	Huỳnh Thị Cẩm	Thu	D13_TP05	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
505	DH61301132	Lục Anh	Thư	D13_TP05	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
506	DH61301136	Nguyễn Anh	Thư	D13_TP05	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
507	DH61301376	Huỳnh Thị	Trang	D13_TP05	10	9	8	25	18	15	10	95	Xuất sắc	
508	DH61301381	Mai Thị Xuân	Trang	D13_TP05	10	9	4	25	19	15	9	91	Xuất sắc	
509	DH61301390	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_TP05	10	8	4	25	16	10	2	75	Khá	
510	DH61301396	Phạm Vũ Khương	Trang	D13_TP05	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
511	DH61301352	Lê Thị Bích	Trâm	D13_TP05	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
512	DH61301353	Ngô Thị	Trâm	D13_TP05	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
513	DH61301301	Nguyễn Việt Duy	Tùng	D13_TP05	10	12	6	25	17	13	2	85	Tốt	
514	DH61301111	Nguyễn Thị Xinh	Tươi	D13_TP05	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
515	DH61301510	Nguyễn Cao Nhã	Uyên	D13_TP05	10	12	7	25	16	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
516	DH61301522	Đỗ Trần Khánh	Vân	D13_TP05	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
517	DH61301533	Phan Thị Hồng	Vân	D13_TP05	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
518	DH61300002	Nguyễn Thị Nhân	ái	D13_TP06	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
519	DH61300165	Phạm Thị Diễm	Châu	D13_TP06	10	8	8	25	19	10	2	82	Tốt	
520	DH61300194	Trần Đại	Danh	D13_TP06	10	6	7	25	14	15	2	79	Khá	
521	DH61300198	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	D13_TP06	10	6	6	25	13	15	2	77	Khá	
522	DH61300204	Chê Thị Mỹ	Diệu	D13_TP06	10	8	8	25	16	13	2	82	Tốt	
523	DH61300326	Nguyễn Thị Thanh	Hà	D13_TP06	10	12	6	25	19	12	2	86	Tốt	
524	DH61300297	Trần Thị	Hằng	D13_TP06	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
525	DH61300298	Trần Thị Thu	Hằng	D13_TP06	10	9	8	25	16	10	9	87	Tốt	
526	DH61300406	Phạm Thị Minh	Hiếu	D13_TP06	10	10	8	25	20	12	9	94	Xuất sắc	
527	DH61300364	Mai Kim	Hồng	D13_TP06	10	8	8	25	19	10	2	82	Tốt	
528	DH61300580	Trần Thị Hương	Lan	D13_TP06	10	12	4	25	13	15	9	88	Tốt	
529	DH61300632	Tsần Kim	Linh	D13_TP06	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
530	DH61300658	Lê Văn	Lục	D13_TP06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
531	DH61300687	Nguyễn Hà	Mi	D13_TP06	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
532	DH61300670	Khúc Thị	Mơ	D13_TP06	10	9	8	25	20	10	9	91	Xuất sắc	
533	DH61300766	Tô Yên	Nga	D13_TP06	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
534	DH61300755	Phạm Thị Ngọc	Ngân	D13_TP06	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
535	DH61300757	Trần Thị Quỳnh	Ngân	D13_TP06	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
536	DH61300846	Võ Thanh	Nhàn	D13_TP06	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
537	DH61300817	Lê Thị Thùy	Như	D13_TP06	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
538	DH61301049	Trần Phương	Quyên	D13_TP06	10	8	8	25	12	10	2	75	Khá	
539	DH61301051	Võ Thúy	Quyên	D13_TP06	10	9	6	25	16	15	9	90	Xuất sắc	
540	DH61301097	Nguyễn Thị Minh	Tâm	D13_TP06	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
541	DH61301098	Phan Văn	Tâm	D13_TP06	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
542	DH61301211	Trần Hữu	Thắng	D13_TP06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
543	DH61301254	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	D13_TP06	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
544	DH61301285	Nguyễn Thị Thanh	Thy	D13_TP06	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
545	DH61301323	Thang Gia	Tiến	D13_TP06	10	9	8	25	13	10	9	84	Tốt	
546	DH61301388	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D13_TP06	10	8	8	25	16	10	2	79	Khá	
547	DH61301391	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_TP06	10	9	8	25	12	10	9	83	Tốt	
548	DH61301355	Nguyễn Lê Quỳnh	Trâm	D13_TP06	10	8	8	25	19	10	2	82	Tốt	
549	DH61301368	Nguyễn Thị Huyền	Trân	D13_TP06	10	8	8	25	12	10	9	82	Tốt	
550	DH61301306	Võ Ngọc	Tùng	D13_TP06	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
551	DH61301488	Bùi Phạm Bích	Tuyền	D13_TP06	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
552	DH61301492	Huỳnh Thị Sơn	Tuyền	D13_TP06	10	12	8	25	12	15	9	91	Xuất sắc	
553	DH61301531	Nguyễn Thị Thanh	Vân	D13_TP06	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
554	DH61301541	Nguyễn ái	Vi	D13_TP06	10	6	8	25	19	10	2	80	Tốt	
555	DH61301553	Nguyễn Thế	Vinh	D13_TP06	10	8	8	25	19	10	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
556	DH61301601	Lê Thị	ý	D13_TP06	10	12	4	25	15	15	9	90	Xuất sắc	
557	DH61400061	Hoàng Lâm Quốc	Bảo	D14_TP01	10	12	8	25	15	10	9	89	Tốt	
558	DH61400069	Trần Vũ	Bảo	D14_TP01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
559	DH61400101	Đinh Thị Hạ	Châu	D14_TP01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
560	DH61400112	Trần Thị Minh	Châu	D14_TP01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
561	DH61400122	Nguyễn Ngọc Mai	Chi	D14_TP01	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
562	DH61400219	Dương Tuấn	Đạt	D14_TP01	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
563	DH61400271	Nguyễn Thị Duyên	Hằng	D14_TP01	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
564	DH61400275	Trần Thị Thúy	Hằng	D14_TP01	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
565	DH61400452	Phan Thị Kim	Hon	D14_TP01	10	8	6	25	15	10	2	76	Khá	
566	DH61400355	Nguyễn Thị	Hồng	D14_TP01	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
567	DH61400410	Đào Hoài	Hung	D14_TP01	9	6	4	25	19	10	2	75	Khá	
568	DH61400641	Trần Thị Thanh	Loan	D14_TP01	8	12	6	25	19	15	9	94	Xuất sắc	
569	DH61400609	Nguyễn Tấn	Lượng	D14_TP01	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
570	DH61400676	Sử Hoàng Thanh	Mai	D14_TP01	10	12	4	25	19	15	9	94	Xuất sắc	
571	DH61400688	Châu Kim	Minh	D14_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
572	DH61400694	Lê Nhật	Minh	D14_TP01	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
573	DH61400727	Thái Thị Trà	My	D14_TP01	10	12	8	25	18	10	9	92	Xuất sắc	
574	DH61400732	Châu Vinh	Nam	D14_TP01	10	12	8	25	9	15	9	88	Tốt	
575	DH61400783	Hà Bảo	Ngà	D14_TP01	10	9	8	25	18	10	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
576	DH61400761	Nguyễn Kim	Ngân	D14_TP01	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
577	DH61400794	Hà Thị Kim	Ngọc	D14_TP01	10	12	8	24	8	15	2	79	Khá	
578	DH61400831	Đặng Thị Kim	Nguyên	D14_TP01	10	8	4	25	18	15	2	82	Tốt	
579	DH61401701	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	D14_TP01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
580	DH61400894	Huỳnh Mẫn	Nhi	D14_TP01	10	12	4	25	18	10	2	81	Tốt	
581	DH61400897	Lê Phương	Nhi	D14_TP01	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
582	DH61400896	Lương Vũ Quỳnh	Nhi	D14_TP01	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
583	DH61400856	Phạm Thị Quỳnh	Như	D14_TP01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
584	DH61400965	Từ Hồng	Phấn	D14_TP01	10	12	7	25	19	15	9	97	Xuất sắc	
585	DH61401030	Phạm Kim	Phụng	D14_TP01	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
586	DH61400978	Đỗ Thị Ngọc	Phượng	D14_TP01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
587	DH61401735	Đoàn Vũ Thanh	Tân	D14_TP01	10	6	6	25	10	15	2	74	Khá	
588	DH61401289	Nguyễn Thị Lệ	Thu	D14_TP01	10	8	6	25	14	10	9	82	Tốt	
589	DH61401262	Đinh Thị	Thùy	D14_TP01	9	6	8	25	20	10	2	80	Tốt	
590	DH61401263	Ngô Thanh	Thùy	D14_TP01	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
591	DH61401274	Phan Thị Huỳnh	Thúy	D14_TP01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
592	DH61401415	Trần Thị Thanh	Trang	D14_TP01	10	8	8	25	13	10	2	76	Khá	
593	DH61401476	Dương Quốc	Trí	D14_TP01	10	10	8	25	16	10	0	79	Khá	
594	DH61401485	Nguyễn Thành	Trí	D14_TP01	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
595	DH61401453	Trần Lại Thủy	Triều	D14_TP01	8	12	8	25	13	15	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
596	DH61401429	Thái Nhật	Trường	D14_TP01	8	12	8	25	13	10	2	78	Khá	
597	DH61401328	Trần Huỳnh Thanh	Tùng	D14_TP01	9	6	6	25	16	10	9	81	Tốt	
598	DH61401559	Nguyễn Lê Tường	Vi	D14_TP01	10	9	6	25	18	10	2	80	Tốt	
599	DH61401583	Nguyễn Tấn Anh	Vũ	D14_TP01	10	10	8	25	18	10	2	83	Tốt	
600	DH61401603	Nguyễn Thảo	Vy	D14_TP01	10	12	8	25	18	10	9	92	Xuất sắc	
601	DH61401708	Phạm Bình	An	D14_TP02	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
602	DH61400037	Nguyễn Lê Xuân	Anh	D14_TP02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
603	DH61400064	Nguyễn Hoàng	Bảo	D14_TP02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
604	DH61400056	Lê Quang	Bình	D14_TP02	10	6	6	25	19	12	2	80	Tốt	
605	DH61400151	Nguyễn Huy	Danh	D14_TP02	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
606	DH61400253	Phạm Linh	Em	D14_TP02	10	12	8	25	19	5	2	81	Tốt	
607	DH61400260	Đỗ Thị Lệ	Giang	D14_TP02	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
608	DH61400346	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	D14_TP02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
609	DH61400267	Đặng Thị Tuyết	Hằng	D14_TP02	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
610	DH61400284	Phạm Hồng	Hân	D14_TP02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
611	DH61400384	Nguyễn Thị Minh	Hiền	D14_TP02	9	8	4	25	15	10	2	73	Khá	
612	DH61400493	Chu Thị Khánh	Huyền	D14_TP02	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
613	DH61400501	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	D14_TP02	10	12	6	25	16	10	9	88	Tốt	
614	DH61400466	Phạm Ngọc Trúc	Huỳnh	D14_TP02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
615	DH61400535	Nguyễn Thị Gia	Khanh	D14_TP02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
616	DH61400628	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D14_TP02	10	12	6	25	18	5	2	78	Khá	
617	DH61400631	Trương Thúy ái	Linh	D14_TP02	10	12	6	25	20	12	9	94	Xuất sắc	
618	DH61400639	Trần Nguyễn Phi	Loan	D14_TP02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
619	DH61400657	Khuong Nguyễn Kinh	Luân	D14_TP02	9	8	8	25	8	10	2	70	Khá	
620	DH61400713	Tạ Thị	Mến	D14_TP02	10	12	8	25	10	10	9	84	Tốt	
621	DH61400686	Đỗ Nhật	Minh	D14_TP02	10	12	7	25	18	10	2	84	Tốt	
622	DH61400714	Nguyễn Bé	Mĩnh	D14_TP02	10	12	6	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
623	DH61400762	Nguyễn Thị Bích	Ngân	D14_TP02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
624	DH61400898	Ngô Thị Yến	Nhi	D14_TP02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
625	DH61400852	Ngô Thị Quỳnh	Như	D14_TP02	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
626	DH61401009	Trần Anh Đại	Phúc	D14_TP02	10	12	8	25	13	10	9	87	Tốt	
627	DH61401059	Trần Thị Phương	Quỳnh	D14_TP02	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
628	DH61401078	Nguyễn Ngọc	Sâm	D14_TP02	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
629	DH61401185	Nguyễn Phước	Thành	D14_TP02	10	12	4	25	15	10	2	78	Khá	
630	DH61401252	Phạm Nguyễn Thanh	Thi	D14_TP02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
631	DH61401158	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D14_TP02	10	12	8	25	19	10	9	93	Xuất sắc	
632	DH61401299	Phạm Vũ Đan	Thy	D14_TP02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
633	DH61401313	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	D14_TP02	10	12	6	25	19	10	9	91	Xuất sắc	
634	DH61401368	Nguyễn	Tony	D14_TP02	10	12	4	25	19	13	9	92	Xuất sắc	
635	DH61401399	Nguyễn Minh	Trang	D14_TP02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
636	DH61401378	Nguyễn Thị Huỳnh	Trâm	D14_TP02	10	12	8	25	19	5	9	88	Tốt	
637	DH61401475	Đỗ Minh	Trí	D14_TP02	10	6	6	25	18	10	2	77	Khá	
638	DH61401760	Huỳnh Minh	Trương	D14_TP02	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
639	DH61401348	Nguyễn Cẩm	Tú	D14_TP02	10	12	4	25	20	5	2	78	Khá	
640	DH61401530	Ngô Thị ánh	Tuyết	D14_TP02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
641	DH61401564	Bùi Quang	Vinh	D14_TP02	10	8	4	25	15	10	9	81	Tốt	
642	DH61401596	Cao Thị Phương	Vy	D14_TP02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
643	DH61400023	Châu Kiều	Anh	D14_TP03	10	12	0	25	20	10	2	79	Khá	
644	DH61400004	Bùi Thị	ánh	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	9	88	Tốt	
645	DH61400113	Lê Tấn Hoàng	Chương	D14_TP03	10	12	6	25	19	12	9	93	Xuất sắc	
646	DH61400092	Nguyễn Lý	Cường	D14_TP03	10	6	2	25	16	10	2	71	Khá	
647	DH61400158	Võ Ngọc	Diễm	D14_TP03	10	10	4	25	20	10	2	81	Tốt	
648	DH61400216	Đỗ Thành	Đạt	D14_TP03	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
649	DH61400213	Nguyễn Thị Bé	Đình	D14_TP03	10	9	8	25	20	10	9	91	Xuất sắc	
650	DH61400249	Phùng Ngọc	Đức	D14_TP03	10	12	0	25	20	10	9	86	Tốt	
651	DH61400305	Lê Thị Thu	Hà	D14_TP03	7	6	2	25	20	10	2	72	Khá	
652	DH61401718	Phạm Thị ánh	Hồng	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	9	88	Tốt	
653	DH61400498	Lê Ngọc Mai	Huyền	D14_TP03	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	
654	DH61400499	Nguyễn Thanh	Huyền	D14_TP03	10	12	2	25	13	10	2	74	Khá	
655	DH61400419	Trang Nguyễn Phước	Hung	D14_TP03	10	10	2	25	20	9	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
656	DH61401762	Huỳnh Bảo	Long	D14_TP03	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
657	DH61400659	Lê An	Luân	D14_TP03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
658	DH61400785	Lý Diệp Thiên	Nga	D14_TP03	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
659	DH61400764	Nguyễn Thị Ngọc	Ngân	D14_TP03	10	12	8	25	15	10	9	89	Tốt	
660	DH61400770	Phan Đình Ngọc	Ngân	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
661	DH61400819	Đình Trọng	Nghĩa	D14_TP03	10	10	2	25	20	5	2	74	Khá	
662	DH61400791	Đào Khả	Ngọc	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	9	88	Tốt	
663	DH61400916	Bùi Thị Cẩm	Nhung	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
664	DH61400931	Huỳnh Thị Bảo	Ny	D14_TP03	10	12	2	25	13	10	2	74	Khá	
665	DH61400944	Phạm Thuận	Phát	D14_TP03	10	9	2	25	13	10	9	78	Khá	
666	DH61401023	Nguyễn Yên	Phong	D14_TP03	10	10	8	25	5	15	9	82	Tốt	
667	DH61401110	Lê Thị Hồng	Tâm	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
668	DH61401234	Lê Ngọc Xuân	Thanh	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
669	DH61401239	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	D14_TP03	10	6	2	25	20	15	2	80	Tốt	
670	DH61401199	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D14_TP03	10	12	0	25	20	10	9	86	Tốt	
671	DH61401204	Phạm Thị Thanh	Thảo	D14_TP03	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	
672	DH61401217	Nguyễn Anh Minh	Thắng	D14_TP03	10	6	2	25	20	10	2	75	Khá	
673	DH61401249	Ng Song Thụy Giang	Thi	D14_TP03	10	12	0	25	17	10	2	76	Khá	
674	DH61401175	Hoàng Văn	Thông	D14_TP03	10	6	2	25	20	10	2	75	Khá	
675	DH61401160	Nguyễn Thị Anh	Thư	D14_TP03	10	12	2	25	19	10	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
676	DH61401656	Nguyễn Lý Xuân	Thy	D14_TP03	10	12	0	25	20	12	2	81	Tốt	
677	DH61401318	Thái Cẩm	Tiên	D14_TP03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
678	DH61401332	La Bích	Tiên	D14_TP03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
679	DH61401395	Dương Thị Huỳnh	Trang	D14_TP03	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
680	DH61401744	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
681	DH61401406	Nguyễn Thị Thanh	Trang	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
682	DH61401491	Trần Thiện	Trí	D14_TP03	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
683	DH61401620	Mai Nguyễn Như	ý	D14_TP03	10	12	0	25	20	10	9	86	Tốt	
684	DH61401625	Đình Hồng	Yến	D14_TP03	10	12	2	25	20	10	9	88	Tốt	
685	DH61400031	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	D14_TP04	7	6	2	25	20	10	9	79	Khá	
686	DH61400041	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	D14_TP04	10	9	4	25	16	10	2	76	Khá	
687	DH61400161	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	D14_TP04	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
688	DH61400200	Lê Thị ánh	Duyên	D14_TP04	10	10	2	25	14	15	2	78	Khá	
689	DH61400302	Bùi Ngọc Ngân	Hà	D14_TP04	10	6	2	24	12	15	2	71	Khá	
690	DH61400334	Nguyễn Mỹ	Hào	D14_TP04	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
691	DH61400467	Đào Thanh	Huy	D14_TP04	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
692	DH61400364	Huỳnh Thị Kim	Hường	D14_TP04	10	12	2	25	18	10	2	79	Khá	
693	DH61401726	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	D14_TP04	9	12	2	25	16	10	2	76	Khá	
694	DH61400622	Nguyễn Thị Diễm	Linh	D14_TP04	10	8	2	25	16	15	2	78	Khá	
695	DH61401779	Trần Thị Khánh	Linh	D14_TP04	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
696	DH61400647	Huỳnh Thành	Long	D14_TP04	8	6	4	25	19	15	2	79	Khá	
697	DH61400653	Trần Duy	Long	D14_TP04	9	8	4	25	19	15	2	82	Tốt	
698	DH61400683	Nguyễn Ngọc Kiều	Mi	D14_TP04	10	9	2	25	19	10	2	77	Khá	
699	DH61400703	Tạ Võ Quang	Minh	D14_TP04	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
700	DH61400816	Dương Hữu	Nghị	D14_TP04	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
701	DH61400804	Phạm Trần Yên	Ngọc	D14_TP04	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
702	DH61400844	Nguyễn Thị Mộng	Nguyên	D14_TP04	10	12	2	25	14	10	2	75	Khá	
703	DH61401690	Phạm Kim	Nguyệt	D14_TP04	10	8	4	25	18	10	2	77	Khá	
704	DH61400850	Trang Thị ánh	Nguyệt	D14_TP04	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
705	DH61400890	Bùi Ngọc Yến	Nhi	D14_TP04	10	12	2	25	16	15	8	88	Tốt	
706	DH61400861	Trần Huỳnh	Như	D14_TP04	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
707	DH61400935	Phạm Thị Hoàng	Oanh	D14_TP04	10	8	2	25	16	15	8	84	Tốt	
708	DH61401018	Cung Đạt	Phong	D14_TP04	10	12	2	25	16	10	2	77	Khá	
709	DH61401293	Huỳnh Ngọc	Thuận	D14_TP04	10	8	4	25	18	15	2	82	Tốt	
710	DH61401297	Hà Thụy Kim	Thuyền	D14_TP04	10	8	4	25	18	10	2	77	Khá	
711	DH61401154	Lê Thị Minh	Thư	D14_TP04	10	12	2	25	16	10	2	77	Khá	
712	DH61401162	Phan Ngọc Anh	Thư	D14_TP04	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
713	DH61401312	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	D14_TP04	10	9	4	25	16	15	9	88	Tốt	
714	DH61401366	Trần Quốc	Toàn	D14_TP04	10	8	4	25	18	10	9	84	Tốt	
715	DH61401396	Hoàng Trần Thùy	Trang	D14_TP04	10	12	2	25	16	10	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
716	DH61401398	Lý Ngọc	Trang	D14_TP04	9	12	2	25	14	10	2	74	Khá	
717	DH61401389	Tăng Thục	Trân	D14_TP04	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
718	DH61401446	Trần Thị Thùy	Trinh	D14_TP04	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
719	DH61401454	Đỗ Ngô Phương	Trúc	D14_TP04	10	12	2	25	19	10	2	80	Tốt	
720	DH61401457	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D14_TP04	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
721	DH61401544	Đỗ Hoàng Phương	Uyên	D14_TP04	8	6	4	25	16	15	2	76	Khá	
722	DH61401557	Nguyễn Minh	Vương	D14_TP04	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
723	DH61401601	Nguyễn Hoàng Thanh	Vy	D14_TP04	8	6	4	25	19	15	8	85	Tốt	
724	DH61401607	Phạm Thị Tường	Vy	D14_TP04	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
725	DH61401615	Đoàn Ngọc	Xuân	D14_TP04	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
726	DH61400036	Nguyễn Hoàng Tú	Anh	D14_TP05	10	12	2	25	3	5	2	59	Trung bình	
727	DH61400035	Nguyễn Hồng	Anh	D14_TP05	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
728	DH61400099	Ngô Bằng	Chánh	D14_TP05	10	8	6	25	13	15	2	79	Khá	
729	DH61400136	Nguyễn Thiện	Chí	D14_TP05	10	8	6	25	11	10	2	72	Khá	
730	DH61400344	Nguyễn Thị Hương	Hạnh	D14_TP05	10	12	0	25	3	10	2	62	Trung bình khá	
731	DH61400435	Nguyễn Thanh	Hoàng	D14_TP05	0	6	0	0	0	0	8	14	Kém	
732	DH61400299	Trần Phạm Xuân	Hương	D14_TP05	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
733	DH61400503	Ôn Kim	Khánh	D14_TP05	10	10	8	25	17	15	2	87	Tốt	
734	DH61400585	Nguyễn Thị Hồng	Lan	D14_TP05	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
735	DH61400620	Ngô Trung Khánh	Linh	D14_TP05	10	8	7	25	20	15	10	95	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
736	DH61400660	Ngô Bá Khả	Luân	D14_TP05	10	8	6	25	11	10	2	72	Khá	
737	DH61400673	Lê Đào Xuân	Mai	D14_TP05	10	12	6	25	19	15	10	97	Xuất sắc	
738	DH61400697	Nguyễn Bình	Minh	D14_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
739	DH61400709	Trần Công	Minh	D14_TP05	10	10	8	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
740	DH61400720	Huỳnh Thị Diễm	My	D14_TP05	10	12	8	25	9	15	10	89	Tốt	
741	DH61400715	Lê Thị Ngọc	Mỹ	D14_TP05	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
742	DH61400717	Trương Khả	Mỹ	D14_TP05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
743	DH61400751	Đỗ Thị Thanh	Ngân	D14_TP05	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
744	DH61400759	Lý Ngọc	Ngân	D14_TP05	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
745	DH61401727	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D14_TP05	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
746	DH61400809	Trịnh Cát	Ngọc	D14_TP05	10	8	3	25	2	15	2	65	Trung bình khá	
747	DH61401000	Nguyễn Minh	Phúc	D14_TP05	10	12	6	25	18	5	9	85	Tốt	
748	DH61400952	Huỳnh Thụy	Phuong	D14_TP05	10	12	4	25	15	5	10	81	Tốt	
749	DH61401038	Nguyễn Văn	Quân	D14_TP05	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
750	DH61401171	Phạm Hồng	Thái	D14_TP05	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
751	DH61401188	Phạm Quốc	Thành	D14_TP05	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
752	DH61401193	Trần Trung	Thành	D14_TP05	10	6	8	25	11	15	8	83	Tốt	
753	DH61401245	Lê Thị Ngọc	Thắm	D14_TP05	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
754	DH61401271	Lưu Thanh	Thúy	D14_TP05	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
755	DH61401678	Phạm Thụy Minh	Thư	D14_TP05	10	12	4	25	12	5	9	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
756	DH61401310	Nguyễn Phan Cẩm	Tiên	D14_TP05	10	12	8	25	15	5	2	77	Khá	
757	DH61401362	Nguyễn Quốc	Toàn	D14_TP05	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
758	DH61401487	Trần Bảo	Trí	D14_TP05	10	12	0	25	18	15	2	82	Tốt	
759	DH61401494	Hồ Minh	Tuấn	D14_TP05	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
760	DH61401511	Trần Minh	Tuấn	D14_TP05	10	12	8	25	14	5	2	76	Khá	
761	DH61401513	Võ Anh	Tuấn	D14_TP05	10	8	4	25	9	5	2	63	Trung bình khá	
762	DH61401547	Nguyễn Thị Cẩm	Uyên	D14_TP05	10	6	2	25	8	5	2	58	Trung bình	
763	DH61401552	Đào Thị Ngọc	Vân	D14_TP05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
764	DH61401560	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	D14_TP05	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
765	DH61401637	Viên Kim	Yến	D14_TP05	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
766	DH61401786	Nguyễn Thị Bá	An	D14_TP06	10	12	2	25	9	15	2	75	Khá	
767	DH61400100	Trương Gia	Chánh	D14_TP06	10	8	4	25	18	15	2	82	Tốt	
768	DH61400107	Nguyễn Huy	Châu	D14_TP06	10	10	5	25	10	3	2	65	Trung bình khá	
769	DH61400130	Trần Thị Kim	Chi	D14_TP06	10	9	8	25	11	15	2	80	Tốt	
770	DH61400147	Trần Thị Vĩ	Dạ	D14_TP06	10	12	8	25	20	10	10	95	Xuất sắc	
771	DH61400207	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	D14_TP06	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
772	DH61400235	Trần	Đạt	D14_TP06	10	12	8	25	12	15	9	91	Xuất sắc	
773	DH61400257	Ngô Xương	Gia	D14_TP06	10	12	7	25	8	10	9	81	Tốt	
774	DH61400263	Nguyễn Hữu Trường	Giang	D14_TP06	10	12	4	25	14	5	9	79	Khá	
775	DH61400272	Nguyễn Trương Thúy	Hằng	D14_TP06	10	10	6	25	18	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
776	DH61400378	Võ Thanh	Hiền	D14_TP06	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
777	DH61400440	Phùng Thanh	Hoàng	D14_TP06	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
778	DH61400464	Lý Ngọc	Huệ	D14_TP06	10	12	8	25	6	10	2	73	Khá	
779	DH61400296	Nguyễn Thị Thu	Hương	D14_TP06	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
780	DH61400546	Nguyễn Trần Anh	Khoa	D14_TP06	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
781	DH61400579	Ngô Triết	Lâm	D14_TP06	10	12	8	25	14	5	9	83	Tốt	
782	DH61400750	Đỗ Chí	Ngân	D14_TP06	10	12	8	25	11	10	10	86	Tốt	
783	DH61400843	Nguyễn Thị	Nguyên	D14_TP06	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
784	DH61400829	Lê Cẩm	Ngung	D14_TP06	10	12	8	25	17	10	10	92	Xuất sắc	
785	DH61400920	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	D14_TP06	10	12	8	25	20	7	10	92	Xuất sắc	
786	DH61400862	Trần Huỳnh	Như	D14_TP06	10	12	2	25	10	5	2	66	Trung bình khá	
787	DH61400993	Đào Thị	Phúc	D14_TP06	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
788	DH61401028	Lý Diễm	Phụng	D14_TP06	10	12	4	25	11	15	10	87	Tốt	
789	DH61401731	Phan ái	Phương	D14_TP06	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
790	DH61400981	Nguyễn Thị Bích	Phượng	D14_TP06	10	12	8	25	6	10	2	73	Khá	
791	DH61401071	Quách Hoàng Thùy	Quyên	D14_TP06	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
792	DH61401072	Trần Tố	Quyên	D14_TP06	10	9	6	25	13	15	2	80	Tốt	
793	DH61401090	Trần Thiện	Son	D14_TP06	10	12	4	25	9	10	2	72	Khá	
794	DH61401288	Nguyễn Thị	Thu	D14_TP06	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
795	DH61401322	Trịnh ái	Tiên	D14_TP06	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
796	DH61401323	Võ Anh	Tiên	D14_TP06	10	10	2	25	10	15	2	74	Khá	
797	DH61401409	Nguyễn Thị Tuyết	Trang	D14_TP06	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
798	DH61401531	Lê Thị Ty	Ty	D14_TP06	10	12	6	25	11	8	9	81	Tốt	
799	DH61401549	Trương Tô	Uyên	D14_TP06	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
800	DH61401693	Lê Nguyễn Tường	Vy	D14_TP06	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
801	DH61401609	Trần Hồ Hoàng	Vy	D14_TP06	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
802	DH61401635	Trần Thị Kim	Yến	D14_TP06	10	8	8	25	14	10	2	77	Khá	
803	CD51301624	Nguyễn Thị Ngọc	ánh	C13_TH01	10	12	4	25	13	10	8	82	Tốt	
804	CD51301625	Lê Trọng	Ân	C13_TH01	9	6	8	25	17	10	2	77	Khá	
805	CD51301655	Nguyễn Quốc	Bình	C13_TH01	9	8	8	25	13	10	2	75	Khá	
806	CD51301681	Nguyễn Vũ Khoa	Danh	C13_TH01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
807	CD51301677	Nguyễn Thế	Dân	C13_TH01	10	9	7	25	19	10	2	82	Tốt	
808	CD51301685	Lê Phạm Ngọc	Diệu	C13_TH01	10	8	6	25	18	10	8	85	Tốt	
809	CD51301689	Huỳnh Tú	Dung	C13_TH01	10	10	2	25	7	10	2	66	Trung bình khá	
810	CD51301687	Lê Quang	Dũng	C13_TH01	9	6	6	25	18	10	2	76	Khá	
811	CD51301693	Nguyễn Hoàng Hữu	Duy	C13_TH01	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
812	CD51302099	Nguyễn Lương	Duy	C13_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
813	CD51301698	Võ Thành	Duy	C13_TH01	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
814	CD51301639	Vương Thanh	Đa	C13_TH01	10	12	8	25	13	5	2	75	Khá	
815	CD51301627	Tường Hải	Đăng	C13_TH01	10	9	4	25	16	10	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
816	CD51301714	Bạch Dương Thanh	Hải	C13_TH01	10	6	4	25	18	15	2	80	Tốt	
817	CD51301707	Trần Ngọc	Hân	C13_TH01	10	10	4	25	10	10	8	77	Khá	
818	CD51301730	Nguyễn Phước	Hậu	C13_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
819	CD51301731	Nguyễn Quang	Hậu	C13_TH01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
820	CD51301732	Trần Đình	Hậu	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
821	CD51301738	Ngô Thành	Hiệp	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
822	CD51301749	Huỳnh Dương Nguyên	Hoàn	C13_TH01	10	6	4	25	2	10	2	59	Trung bình	
823	CD51301750	Đặng Ngọc Huy	Hoàng	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
824	CD51201275	Võ Đức	Huy	C13_TH01	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
825	CD51301747	Võ Đại	Hung	C13_TH01	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
826	CD51301776	Nguyễn Cát	Khoa	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
827	CD51301777	Nguyễn Ngọc Đăng	Khoa	C13_TH01	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
828	CD51301780	Châu Hán	Kiệt	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
829	CD51301793	Võ Tấn	Lượng	C13_TH01	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
830	CD51301815	Bùi Bình	Minh	C13_TH01	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
831	CD51301824	Võ Tấn	Nam	C13_TH01	10	8	2	25	18	10	9	82	Tốt	
832	CD51301886	Lý Hồng	Phước	C13_TH01	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
833	CD51301875	Hà Vũ	Phuong	C13_TH01	10	6	0	25	8	15	2	66	Trung bình khá	
834	CD51301924	Đặng Xuân	Sang	C13_TH01	9	6	8	25	17	10	2	77	Khá	
835	CD51301931	Lâm Ngọc	Tâm	C13_TH01	10	12	4	25	10	10	8	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
836	CD51301970	Nguyễn Duy	Thanh	C13_TH01	10	6	8	25	10	15	2	76	Khá	
837	CD51301988	Võ Phúc	Thịnh	C13_TH01	10	8	0	25	19	15	2	79	Khá	
838	CD51301945	Phan Thị Minh	Thư	C13_TH01	10	6	8	25	18	10	8	85	Tốt	
839	CD51302015	Nguyễn Hữu	Toàn	C13_TH01	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
840	CD51302029	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	C13_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
841	CD51302040	Sâm Quốc	Triệu	C13_TH01	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
842	CD51302033	Lê Văn	Trường	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
843	CD51302012	Lê Thành	Tú	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
844	CD51302058	Trần Minh	Tuấn	C13_TH01	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
845	CD51302082	Huỳnh Văn	Việt	C13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
846	CD51302083	Lê Đại	Việt	C13_TH01	10	6	8	25	13	10	2	74	Khá	
847	CD51302078	Lê Phú	Vinh	C13_TH01	9	6	8	25	18	10	2	78	Khá	
848	CD51302080	Tăng Thoại	Vinh	C13_TH01	10	6	4	25	14	15	2	76	Khá	
849	CD51400060	Dương Gia	Bảo	C14_TH01	10	12	7	25	7	8	2	71	Khá	
850	CD51400063	Nguyễn Chí	Bảo	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
851	CD51400073	Nguyễn Văn Ru	Bi	C14_TH01	10	8	7	25	7	8	2	67	Trung bình khá	
852	CD51400131	Nguyễn Ngọc	Chiêu	C14_TH01	10	6	7	25	7	15	2	72	Khá	
853	CD51400133	Bùi Việt	Chinh	C14_TH01	10	12	7	25	7	8	2	71	Khá	
854	CD51400079	Lê Thành	Công	C14_TH01	10	6	7	25	7	8	2	65	Trung bình khá	
855	CD51400150	Lê Thành	Danh	C14_TH01	10	6	7	25	7	8	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
856	CD51400191	Nguyễn Thanh Bảo	Duy	C14_TH01	10	12	7	25	10	10	10	84	Tốt	
857	CD51400206	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	C14_TH01	10	12	7	25	7	13	9	83	Tốt	
858	CD51401768	Phạm Ngọc Hải	Dương	C14_TH01	10	6	7	25	0	8	2	58	Trung bình	
859	CD51400221	Huỳnh Lê Tuấn	Đạt	C14_TH01	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
860	CD51400225	Lê Văn	Đạt	C14_TH01	10	12	7	25	7	8	2	71	Khá	
861	CD51400232	Phan Tô Lộc	Đạt	C14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
862	CD51400211	Nguyễn Huỳnh Hải	Đăng	C14_TH01	10	12	8	25	11	10	2	78	Khá	
863	CD51400323	Lê Trần Công	Hải	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
864	CD51400325	Ngũ Minh	Hải	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
865	CD51401719	Nguyễn Bá	Hậu	C14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
866	CD51400397	Nguyễn Hữu	Hiếu	C14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
867	CD51400456	Nguyễn Văn	Hòa	C14_TH01	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
868	CD51400443	Võ Thanh	Hoàng	C14_TH01	10	12	7	25	7	8	2	71	Khá	
869	CD51400415	Ngô Tấn	Hung	C14_TH01	10	12	7	25	7	10	2	73	Khá	
870	CD51400277	Nguyễn Trí	Hữu	C14_TH01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
871	CD51401724	Trương Hoàng	Khang	C14_TH01	10	6	7	25	7	13	2	70	Khá	
872	CD51400558	Nguyễn Du	Khích	C14_TH01	10	12	7	25	4	13	2	73	Khá	
873	CD51400537	Đình Đăng	Khoa	C14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
874	CD51400543	Nguyễn Duy Đăng	Khoa	C14_TH01	10	12	7	25	7	8	2	71	Khá	
875	CD51400556	Bùi Hữu	Khuyên	C14_TH01	10	12	7	25	7	8	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
876	CD51401648	Lê Văn Tân	Long	C14_TH01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
877	CD51401649	Nguyễn Thành	Long	C14_TH01	10	12	4	25	7	13	10	81	Tốt	
878	CD51400658	Lương Minh	Luân	C14_TH01	10	12	7	25	7	8	2	71	Khá	
879	CD51400678	Nguyễn Minh	Mẫn	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
880	CD51400824	Lê Vũ Trọng	Nghĩa	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
881	CD51401652	Đậu Văn	Pháp	C14_TH01	10	12	7	25	7	8	2	71	Khá	
882	CD51400942	Phạm Ngọc	Phát	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
883	CD51401019	Lâm Thanh	Phong	C14_TH01	10	12	7	25	10	13	2	79	Khá	
884	CD51401025	Trần Chí	Phong	C14_TH01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
885	CD51401791	Phan Thịnh	Phú	C14_TH01	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
886	CD51400997	Lý Hoàng	Phúc	C14_TH01	10	6	7	25	7	10	2	67	Trung bình khá	
887	CD51401006	Phùng Kim	Phúc	C14_TH01	10	12	7	25	7	10	2	73	Khá	
888	CD51400977	Nguyễn Thành	Phước	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
889	CD51401132	Đỗ Hón	Tài	C14_TH01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
890	CD51401138	Lưu Phát	Tài	C14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
891	CD51401147	Trần Duy	Tài	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
892	CD51401172	Phạm Nguyễn Xuân	Thái	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
893	CD51401190	Trần Gia	Thành	C14_TH01	10	12	4	25	2	10	9	72	Khá	
894	CD51401232	Lê Bá	Thọ	C14_TH01	10	12	8	25	7	8	9	79	Khá	
895	CD51401654	Nguyễn Phạm Xuân	Thủy	C14_TH01	10	6	7	25	7	8	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
896	CD51401392	Phan Tân	Trạng	C14_TH01	10	8	7	25	7	8	2	67	Trung bình khá	
897	CD51401447	Trần Thị Việt	Trinh	C14_TH01	10	12	7	25	8	10	10	82	Tốt	
898	CD51401467	Ngô Minh	Trung	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
899	CD51401347	Nguyễn Anh	Tú	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
900	CD51401542	Mã Đông	Uy	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	8	14	Kém	
901	CD51401589	Bùi Trần Viết Long	Vĩ	C14_TH01	10	6	7	25	7	8	2	65	Trung bình khá	
902	CD51401570	Nguyễn Thanh	Vinh	C14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
903	CD51401571	Phạm Quang	Vinh	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
904	CD51401764	Trần Thiện	Vinh	C14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
905	DH51200482	Hàng Kỳ	Anh	D12_TH01	10	6	6	25	16	15	2	80	Tốt	
906	DH51200484	Dương Gia	Bảo	D12_TH01	10	12	8	25	12	13	8	88	Tốt	
907	DH51200483	Nguyễn Phương	Bình	D12_TH01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
908	DH51200485	Trần Như	Cầm	D12_TH01	10	12	8	25	16	15	8	94	Xuất sắc	
909	DH51200486	Hoàng Văn	Cường	D12_TH01	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
910	DH51200487	Nguyễn Phi	Cường	D12_TH01	10	6	4	25	18	12	2	77	Khá	
911	DH51200489	Nguyễn Minh	Đức	D12_TH01	10	10	0	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
912	DH51200496	Trần Văn	Hiện	D12_TH01	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
913	DH51200542	Nguyễn Ngọc	Hiệp	D12_TH01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
914	DH51200497	Phạm Quý Quỳnh	Hoa	D12_TH01	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
915	DH51200499	Huỳnh Thanh	Huy	D12_TH01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
916	DH51201738	Nguyễn Quang	Huy	D12_TH01	9	6	7	25	14	15	2	78	Khá	
917	DH51200501	Lâm Minh	Khánh	D12_TH01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
918	DH51200502	Lý	Khuong	D12_TH01	10	12	8	25	20	10	8	93	Xuất sắc	
919	DH51200503	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	D12_TH01	10	8	4	25	12	15	2	76	Khá	
920	DH51200504	Hà Nhật	Lễ	D12_TH01	10	10	6	25	15	15	2	83	Tốt	
921	DH51200507	Trần Công Trọng	Nghĩa	D12_TH01	10	8	8	25	10	15	2	78	Khá	
922	DH51200505	Nguyễn Như	Ngọc	D12_TH01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
923	DH51200506	Trần Thị Phương	Ngọc	D12_TH01	10	6	4	25	12	15	2	74	Khá	
924	DH51200509	Vương Trọng	Nhân	D12_TH01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
925	DH51200508	Nguyễn Lê Hồng	Như	D12_TH01	10	12	8	25	18	15	9	97	Xuất sắc	
926	DH51200510	Tôn Bửu	Phát	D12_TH01	10	8	6	25	16	10	2	77	Khá	
927	DH51200514	Lâm Thanh	Phong	D12_TH01	9	10	4	25	12	15	2	77	Khá	
928	DH51200513	Đỗ Văn	Phú	D12_TH01	10	6	4	25	19	10	2	76	Khá	
929	DH51201902	Dương Tiểu	Phụng	D12_TH01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
930	DH51200511	Trương Thị Hà	Phương	D12_TH01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
931	DH51200512	Huỳnh Thị Mỹ	Phượng	D12_TH01	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
932	DH51200515	Trần Chấn	Quyền	D12_TH01	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
933	DH51200516	Trần Hồng	Song	D12_TH01	10	10	4	25	19	10	2	80	Tốt	
934	DH51201926	Nguyễn Thị Thu	Sương	D12_TH01	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
935	DH51200519	Nguyễn Minh	Tài	D12_TH01	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
936	DH51201772	Luu Phạm Ngọc	Tân	D12_TH01	10	10	3	25	18	15	2	83	Tốt	
937	DH51200517	Ngô Cẩm	Tân	D12_TH01	10	10	8	25	18	15	2	88	Tốt	
938	DH51200521	Nguyễn Đình	Thắng	D12_TH01	10	12	4	25	4	10	8	73	Khá	
939	DH51200523	Lê Thanh	Thọ	D12_TH01	10	10	8	25	12	15	2	82	Tốt	
940	DH51200520	Tăng Nhã	Thơ	D12_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
941	DH51200524	Trần Đình	Thuận	D12_TH01	10	12	5	25	15	15	2	84	Tốt	
942	DH51200526	Nguyễn Anh	Tiến	D12_TH01	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
943	DH51200535	Lê Trọng	Tín	D12_TH01	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
944	DH51200531	Nguyễn Trần Minh	Trí	D12_TH01	10	10	6	25	20	5	2	78	Khá	
945	DH51200529	Trương Quốc	Trung	D12_TH01	10	8	0	25	13	15	2	73	Khá	
946	DH51200527	Phùng Nhật	Tú	D12_TH01	10	6	6	25	13	15	2	77	Khá	
947	DH51200532	Cao Hoàn	Tuấn	D12_TH01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
948	DH51200533	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	D12_TH01	10	8	4	25	20	7	2	76	Khá	
949	DH51200536	Tô Thanh	Vũ	D12_TH01	10	8	0	25	20	10	2	75	Khá	
950	DH51200537	Nguyễn Trường	An	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
951	DH51200538	Bạch Phước	Bảo	D12_TH02	10	11	6	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
952	DH51201972	Võ Thị Ngọc	Bích	D12_TH02	10	8	6	25	19	10	2	80	Tốt	
953	DH51200002	Phan Văn	Đức	D12_TH02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
954	DH51200541	Nguyễn Trần Nhân	Hậu	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
955	DH51200543	Nguyễn Ngọc	Hiếu	D12_TH02	10	8	8	25	20	8	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
956	DH51200545	Lê Văn	Hoàng	D12_TH02	10	6	8	25	20	13	2	84	Tốt	
957	DH51200547	Đào Khắc	Huy	D12_TH02	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
958	DH51201770	Ngô Gia	Huy	D12_TH02	10	8	8	25	19	8	2	80	Tốt	
959	DH51200548	Phan Thanh	Khải	D12_TH02	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
960	DH51200549	Hà Đăng	Khoa	D12_TH02	10	0	0	25	0	15	2	52	Trung bình	
961	DH51200550	Đỗ Minh	Kiệt	D12_TH02	10	12	8	25	14	15	8	92	Xuất sắc	
962	DH51200552	Nguyễn Thị	Kiều	D12_TH02	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
963	DH51200555	Nguyễn Duy	Long	D12_TH02	10	10	8	25	13	13	2	81	Tốt	
964	DH51201976	Nguyễn Thị Thanh	Mai	D12_TH02	10	8	5	25	18	15	2	83	Tốt	
965	DH51201807	Phan Thị Thanh	Mai	D12_TH02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
966	DH51200557	Đoàn Lê	Minh	D12_TH02	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
967	DH51200558	Nguyễn Duy	Minh	D12_TH02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
968	DH51200559	Nguyễn Ngọc	Minh	D12_TH02	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
969	DH51200561	Phan Hoàng	Nam	D12_TH02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
970	DH51200562	Trần Hoàng	Nam	D12_TH02	10	10	8	25	8	13	2	76	Khá	
971	DH51200566	Phan Trọng	Nhân	D12_TH02	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
972	DH51200567	Bùi Minh	Nhật	D12_TH02	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
973	DH51200568	Lê Việt	Nhật	D12_TH02	10	12	8	25	18	8	2	83	Tốt	
974	DH51200570	Phan Thiên	Phú	D12_TH02	10	8	6	25	15	10	2	76	Khá	
975	DH51200571	Trần Thị Hạnh	Phúc	D12_TH02	10	8	4	25	16	15	10	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
976	DH51200572	Phùng Thanh	Quang	D12_TH02	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	
977	DH51200573	Nguyễn Tăng	Sâm	D12_TH02	9	8	0	25	20	13	2	77	Khá	
978	DH51200574	Bùi Công	Sinh	D12_TH02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
979	DH51200575	Đình Huy Ngọc	Tâm	D12_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
980	DH51200577	Huỳnh Duy	Tân	D12_TH02	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
981	DH51201806	Lê Chí	Thành	D12_TH02	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
982	DH51200582	Trần Nguyễn Thanh	Thùy	D12_TH02	7	12	6	25	20	10	10	90	Xuất sắc	
983	DH51201771	Phạm Thị Bích	Thủy	D12_TH02	10	12	2	25	14	15	2	80	Tốt	
984	DH51200584	Lê Kim	Tiến	D12_TH02	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
985	DH51200590	Lâm Trung	Tín	D12_TH02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
986	DH51200586	Đào Quế	Trân	D12_TH02	10	12	2	25	14	15	2	80	Tốt	
987	DH51200587	Diệp Bảo	Trung	D12_TH02	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
988	DH51200588	Nguyễn Duy	Tuấn	D12_TH02	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
989	DH51300073	Trần Thành	An	D13_TH01	9	10	6	25	6	15	2	73	Khá	
990	DH51300076	Đoàn Phan Thế	Anh	D13_TH01	9	9	2	25	12	15	2	74	Khá	
991	DH51300153	Lư Thế	Cường	D13_TH01	10	8	0	25	15	10	2	70	Khá	
992	DH51300208	Hồ Quang	Dũng	D13_TH01	10	6	2	25	12	15	2	72	Khá	
993	DH51300234	Bùi Ngọc Anh	Duy	D13_TH01	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
994	DH51300235	Lư Khánh	Duy	D13_TH01	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
995	DH51300039	Nguyễn Tuấn	Đạt	D13_TH01	9	12	2	25	11	10	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
996	DH51300340	Hoàng Đoàn Sơn	Hải	D13_TH01	0	6	0	0	0	0	8	14	Kém	
997	DH51300346	Nguyễn Minh	Hải	D13_TH01	10	9	8	25	14	12	2	80	Tốt	
998	DH51300337	Trương Tuấn	Hào	D13_TH01	10	12	0	25	12	10	2	71	Khá	
999	DH51300403	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_TH01	10	6	4	25	8	12	2	67	Trung bình khá	
1000	DH51200546	Trương Tiến	Hòa	D13_TH01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
1001	DH51300428	Nguyễn Huy	Hoàng	D13_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1002	DH51300455	Dẫn Huyền	Huy	D13_TH01	10	8	2	25	14	10	2	71	Khá	
1003	DH51300452	Đỗ Huỳnh Thanh	Huy	D13_TH01	10	8	6	25	6	15	2	72	Khá	
1004	DH51300466	Nguyễn Ngọc	Huy	D13_TH01	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
1005	DH51300474	Trịnh Hữu	Huy	D13_TH01	10	12	0	25	12	10	2	71	Khá	
1006	DH51300412	Cái Hữu	Hung	D13_TH01	10	6	4	25	8	10	2	65	Trung bình khá	
1007	DH51300566	Phan Minh	Lân	D13_TH01	10	6	4	25	14	5	2	66	Trung bình khá	
1008	DH51300589	Trần Hữu	Lộc	D13_TH01	10	12	2	25	17	12	9	87	Tốt	
1009	DH51300656	Nguyễn Việt	Luân	D13_TH01	10	12	0	25	15	10	2	74	Khá	
1010	DH51300697	Lê Tiến	Minh	D13_TH01	10	12	4	25	14	10	2	77	Khá	
1011	DH51300716	Trịnh Văn	Minh	D13_TH01	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
1012	DH51200681	Lê Thành	Nam	D13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1013	DH51200560	Lý Hoài	Nam	D13_TH01	10	10	6	25	7	15	2	75	Khá	
1014	DH51300845	Trần Thị Thanh	Nhàn	D13_TH01	10	12	2	25	9	15	2	75	Khá	
1015	DH51300839	Trần Thiện	Nhân	D13_TH01	10	12	4	25	12	10	9	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1016	DH51300876	Trần Thị Tuyết	Nhi	D13_TH01	10	6	7	25	8	15	2	73	Khá	
1017	DH51301010	Hà Duy	Quang	D13_TH01	9	10	2	25	15	10	9	80	Tốt	
1018	DH51301015	Trần Sáng	Quang	D13_TH01	10	6	2	25	12	15	2	72	Khá	
1019	DH51301000	Lý Bình	Quân	D13_TH01	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
1020	DH51301050	Trần Thị Trúc	Quyên	D13_TH01	9	10	4	25	14	10	2	74	Khá	
1021	DH51301064	Trịnh Quang	Son	D13_TH01	10	9	4	25	17	10	9	84	Tốt	
1022	DH51301148	Lữ Văn	Thôn	D13_TH01	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
1023	DH51301251	Thân Thị Hoàng	Thùy	D13_TH01	10	12	2	25	9	10	2	70	Khá	
1024	DH51301255	Phạm Thị Thanh	Thùy	D13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1025	DH51301314	Nguyễn Hữu	Tiến	D13_TH01	10	6	4	25	20	15	2	82	Tốt	
1026	DH51301403	Nguyễn Chí Hải	Trường	D13_TH01	10	6	2	25	13	12	2	70	Khá	
1027	DH51301295	Hà Minh	Tùng	D13_TH01	10	6	6	25	19	5	2	73	Khá	
1028	DH51301517	Huỳnh Uyển	Văn	D13_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1029	DH51301609	Phan Đăng	ý	D13_TH01	10	9	4	25	19	10	2	79	Khá	
1030	DH51300129	Ngụy Tiến	Bảo	D13_TH02	10	10	6	25	15	8	2	76	Khá	
1031	DH51300117	Nguyễn Ngọc Thanh	Bình	D13_TH02	10	12	8	25	20	10	10	95	Xuất sắc	
1032	DH51300155	Nguyễn Thanh	Cường	D13_TH02	10	10	8	25	10	10	2	75	Khá	
1033	DH51300034	Nguyễn Hữu	Đạt	D13_TH02	10	9	6	25	13	15	2	80	Tốt	
1034	DH51300037	Nguyễn Thành	Đạt	D13_TH02	10	8	4	25	10	10	9	76	Khá	
1035	DH51300348	Nguyễn Xuân	Hải	D13_TH02	10	6	4	25	4	15	2	66	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1036	DH51300423	Nguyễn Minh	Hoài	D13_TH02	10	10	6	25	13	10	2	76	Khá	
1037	DH51300385	Trần Chí	Hùng	D13_TH02	9	10	2	24	2	15	2	64	Trung bình khá	
1038	DH51300461	Nguyễn Đức	Huy	D13_TH02	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1039	DH51300513	Nguyễn Duy	Khanh	D13_TH02	10	6	4	25	13	5	9	72	Khá	
1040	DH51300494	Trần Vĩ	Khâm	D13_TH02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1041	DH51300549	Lê Ngô Việt	Kiều	D13_TH02	10	9	4	25	9	15	2	74	Khá	
1042	DH51300551	Trần Huệ	Kỳ	D13_TH02	8	8	2	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
1043	DH51300615	Mạch Mỹ	Linh	D13_TH02	10	12	2	25	9	15	2	75	Khá	
1044	DH51300587	Phạm Thanh Phước	Lộc	D13_TH02	10	9	4	25	9	15	2	74	Khá	
1045	DH51300655	Huỳnh Gia	Luân	D13_TH02	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
1046	DH51300657	Võ Trần Trọng	Luân	D13_TH02	10	12	6	25	13	5	2	73	Khá	
1047	DH51300682	Hoàng Minh	Mẫn	D13_TH02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1048	DH51300712	Trương Đức	Minh	D13_TH02	10	10	0	25	19	10	2	76	Khá	
1049	DH51300834	Phan	Nhân	D13_TH02	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
1050	DH51300878	Trần Võ Thanh	Nhi	D13_TH02	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
1051	DH51300993	Trịnh Hoài	Phong	D13_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1052	DH51300971	Lê Minh	Phúc	D13_TH02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1053	DH51300974	Nguyễn Hoàng	Phúc	D13_TH02	10	9	4	25	8	15	2	73	Khá	
1054	DH51300952	Trang Tấn	Phước	D13_TH02	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
1055	DH51301030	Lữ Thuận	Quý	D13_TH02	10	9	4	25	9	15	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1056	DH51301146	Phan Thành	Thái	D13_TH02	10	12	6	25	6	10	2	71	Khá	
1057	DH51301200	Võ Phương	Thảo	D13_TH02	10	12	2	25	12	10	2	73	Khá	
1058	DH51301501	Võ Huỳnh Chí	Tín	D13_TH02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
1059	DH51301346	Phạm Thanh	Toàn	D13_TH02	10	6	8	25	4	10	2	65	Trung bình khá	
1060	DH51301449	Quan Chấn	Trung	D13_TH02	10	12	4	25	0	12	2	65	Trung bình khá	
1061	DH51301406	Phạm Xuân	Trương	D13_TH02	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
1062	DH51301334	Nguyễn Thanh	Tú	D13_TH02	10	12	4	25	19	10	9	89	Tốt	
1063	DH51301547	Nguyễn Văn	Vượng	D13_TH02	10	12	2	25	3	15	2	69	Trung bình khá	
1064	DH51300132	Nguyễn Quốc	Bảo	D13_TH03	10	6	6	25	18	5	2	72	Khá	
1065	DH51300140	Trần Phước	Bảo	D13_TH03	10	10	8	25	7	15	2	77	Khá	
1066	DH51300119	Trần Huy	Bình	D13_TH03	10	10	2	25	12	15	2	76	Khá	
1067	DH51300146	Nguyễn Hoàn	Cầu	D13_TH03	10	12	6	25	18	5	2	78	Khá	
1068	DH51300229	Nguyễn Thị Hồng	Dung	D13_TH03	10	9	8	25	19	10	10	91	Xuất sắc	
1069	DH51300245	Nguyễn Nhật	Duy	D13_TH03	10	12	2	25	9	15	2	75	Khá	
1070	DH51300220	Vũ Đức	Dự	D13_TH03	10	8	4	25	18	10	2	77	Khá	
1071	DH51300016	Nguyễn Văn	Đặng	D13_TH03	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
1072	DH51300018	Phạm Hải	Đặng	D13_TH03	10	10	4	25	16	5	2	72	Khá	
1073	DH51300358	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	D13_TH03	10	9	8	25	19	10	10	91	Xuất sắc	
1074	DH51300284	Lê Như	Hằng	D13_TH03	10	8	6	25	20	15	10	94	Xuất sắc	
1075	DH51300295	Nguyễn Thu	Hằng	D13_TH03	10	10	8	25	20	15	10	98	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1076	DH51300443	Trần Kim	Hòa	D13_TH03	9	12	0	25	12	15	2	75	Khá	
1077	DH51300465	Nguyễn Lâm Phước	Huy	D13_TH03	10	10	8	25	15	15	2	85	Tốt	
1078	DH51300469	Phạm Hoàng	Huy	D13_TH03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1079	DH51300499	Lê Minh	Kha	D13_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1080	DH51300574	Vũ Đức	Lam	D13_TH03	0	0	0	0	0	0	10	10	Kém	
1081	DH51300563	Trần Kim	Lâm	D13_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1082	DH51300610	Lê Ngọc Mỹ	Linh	D13_TH03	10	10	8	25	15	15	10	93	Xuất sắc	
1083	DH51300668	Nguyễn Thị Mai	Lý	D13_TH03	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
1084	DH51300796	Huỳnh Trọng	Nghĩa	D13_TH03	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
1085	DH51300809	Trương Vĩnh	Nguyên	D13_TH03	10	6	4	25	10	5	2	62	Trung bình khá	
1086	DH51300837	Trương Trọng	Nhân	D13_TH03	10	6	4	25	15	10	2	72	Khá	
1087	DH51300895	Nguyễn Minh	Nhật	D13_TH03	10	12	4	25	12	15	10	88	Tốt	
1088	DH51300908	Huỳnh Kim	Phát	D13_TH03	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
1089	DH51300966	Đặng Hoàng	Phúc	D13_TH03	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
1090	DH51300983	Từ Hoàng	Phúc	D13_TH03	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
1091	DH51300923	Đoàn Thị Mỹ	Phương	D13_TH03	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
1092	DH51300924	Đoàn Văn	Phương	D13_TH03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1093	DH51301144	Nguyễn Hoàng	Thái	D13_TH03	10	9	4	25	18	5	2	73	Khá	
1094	DH51301247	Trần Triệu	Thiện	D13_TH03	10	0	4	25	4	5	2	50	Trung bình	
1095	DH51301133	Lưu Thị Anh	Thư	D13_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1096	DH51301400	Trần Thị Ngọc	Trang	D13_TH03	10	10	8	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
1097	DH51301451	Nguyễn Đình Nhân	Trí	D13_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1098	DH51301454	Nguyễn Nhật Minh	Trí	D13_TH03	10	6	8	25	7	15	2	73	Khá	
1099	DH51301474	Nguyễn Thanh	Tuấn	D13_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1100	DH51301572	Đỗ Hồng Minh	Vy	D13_TH03	10	8	8	10	10	15	2	63	Trung bình khá	
1101	DH51300060	Đoàn Huỳnh Bình	An	D13_TH04	10	12	6	25	20	12	10	95	Xuất sắc	
1102	DH51300088	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_TH04	10	12	8	25	12	10	9	86	Tốt	
1103	DH51300098	Phạm Ngọc	Anh	D13_TH04	10	12	8	25	9	15	9	88	Tốt	
1104	DH51300137	Sử Chấn Hoài	Bảo	D13_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1105	DH51300142	Bùi Hà	Bắc	D13_TH04	10	12	4	25	5	15	2	73	Khá	
1106	DH51300157	Trần Việt	Cường	D13_TH04	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1107	DH51300213	Nguyễn Hoàng	Dũng	D13_TH04	8	6	0	25	13	10	2	64	Trung bình khá	
1108	DH51300214	Nguyễn Hoàng	Dũng	D13_TH04	10	12	6	25	17	10	2	82	Tốt	
1109	DH51300240	Ngô Trần Quang	Duy	D13_TH04	10	10	8	25	9	15	2	79	Khá	
1110	DH51300350	Phạm Ngọc	Hải	D13_TH04	10	8	4	25	8	15	9	79	Khá	
1111	DH51300351	Phan Lê Hồ	Hải	D13_TH04	10	12	8	25	9	10	2	76	Khá	
1112	DH51300368	Lê Phúc	Hậu	D13_TH04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1113	DH51300369	Lê Thanh	Hậu	D13_TH04	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
1114	DH51300439	Lê Quang	Hòa	D13_TH04	10	9	6	25	17	10	2	79	Khá	
1115	DH51300440	Lưu	Hòa	D13_TH04	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1116	DH51300431	Phạm Trọng	Hoàng	D13_TH04	10	8	8	25	12	10	9	82	Tốt	
1117	DH51300419	Vương Quang	Hung	D13_TH04	8	10	0	25	20	10	2	75	Khá	
1118	DH51300523	Nguyễn Đăng	Khoa	D13_TH04	10	6	0	25	20	12	10	83	Tốt	
1119	DH51300525	Nguyễn Minh	Khoa	D13_TH04	10	6	0	25	8	15	2	66	Trung bình khá	
1120	DH51300581	Phan Văn	Lên	D13_TH04	10	6	0	25	7	10	2	60	Trung bình khá	
1121	DH51300662	Trần Văn	Luôt	D13_TH04	10	6	2	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
1122	DH51300684	Thái Minh	Mẫn	D13_TH04	10	6	2	25	8	13	2	66	Trung bình khá	
1123	DH51300693	Đoàn Quang	Mính	D13_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1124	DH51300737	Nguyễn Hoài	Nam	D13_TH04	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
1125	DH51300800	Trần Trọng	Nghĩa	D13_TH04	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
1126	DH51300909	Huỳnh Ngô Tấn	Phát	D13_TH04	10	12	8	25	4	10	9	78	Khá	
1127	DH51300992	Trần Đệ	Phong	D13_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1128	DH51301012	Phạm Nguyễn Minh	Quang	D13_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1129	DH51301112	Đặng Văn	Tài	D13_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1130	DH51301089	Bùi Thiệu Thành	Tâm	D13_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1131	DH51301161	Lương Trí	Thành	D13_TH04	10	6	4	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
1132	DH51301206	Dương Minh	Thắng	D13_TH04	10	6	4	25	13	5	2	65	Trung bình khá	
1133	DH51301265	Đặng Đức	Thịnh	D13_TH04	10	8	4	20	6	10	2	60	Trung bình khá	
1134	DH51301149	Hứa Hoàng Minh	Thông	D13_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1135	DH51301258	Vũ Thu	Thủy	D13_TH04	10	8	8	25	5	15	9	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1136	DH51301263	Nguyễn Thị Cẩm	Thúy	D13_TH04	10	10	2	25	7	15	10	79	Khá	
1137	DH51301356	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D13_TH04	10	9	2	25	20	15	10	91	Xuất sắc	
1138	DH51301303	Phạm Văn	Tùng	D13_TH04	10	6	6	25	10	15	2	74	Khá	
1139	DH51301127	Nguyễn Trương Huy	Tường	D13_TH04	10	8	4	25	7	10	2	66	Trung bình khá	
1140	DH51301540	Trần Tấn	Vạn	D13_TH04	10	8	8	25	0	10	9	70	Khá	
1141	DH51301561	Lê Thanh	Vũ	D13_TH04	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
1142	DH51300079	Châu Công Tuấn	Anh	D13_TH05	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
1143	DH51300077	Đoàn Tuấn	Anh	D13_TH05	10	6	6	25	18	15	2	82	Tốt	
1144	DH51300175	Nguyễn Hữu Nhật	Chi	D13_TH05	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	
1145	DH51300176	Nguyễn Thị Phương	Chi	D13_TH05	10	9	4	25	19	15	9	91	Xuất sắc	
1146	DH51300151	Đình Tuấn	Cường	D13_TH05	10	9	7	25	18	15	2	86	Tốt	
1147	DH51300050	Nguyễn Thuyết	Đường	D13_TH05	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
1148	DH51300341	Hoàng Thị Thúy	Hải	D13_TH05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1149	DH51300393	Trần Thu	Hiền	D13_TH05	10	8	2	25	19	15	9	88	Tốt	
1150	DH51300421	Dương Thanh	Hoài	D13_TH05	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
1151	DH51300309	Chu Lê	Hương	D13_TH05	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
1152	DH51300535	Hồ Hoàng	Kim	D13_TH05	10	6	8	25	15	15	2	81	Tốt	
1153	DH51300573	Nguyễn Thị Hồng	Lam	D13_TH05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1154	DH51300701	Nguyễn Hoàng	Minh	D13_TH05	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
1155	DH51300702	Nguyễn Lê	Minh	D13_TH05	10	6	6	25	18	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1156	DH51300735	Lê Ngọc	Nam	D13_TH05	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
1157	DH51300742	Bùi Nguyễn Kim	Ngân	D13_TH05	10	10	4	25	20	15	10	94	Xuất sắc	
1158	DH51300774	Huỳnh Thị Thu	Ngọc	D13_TH05	10	12	5	25	18	15	2	87	Tốt	
1159	DH51300872	Trương Kiệt	Nhi	D13_TH05	10	8	4	25	18	15	2	82	Tốt	
1160	DH51300879	Mai Hồng	Nhũ	D13_TH05	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
1161	DH51301019	Lê Vĩnh	Quới	D13_TH05	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
1162	DH51301095	Nguyễn Thành	Tâm	D13_TH05	10	9	8	25	17	15	10	94	Xuất sắc	
1163	DH51301123	Ngô Đình	Tấn	D13_TH05	10	8	6	25	19	15	2	85	Tốt	
1164	DH51301216	Trương Ngọc	Thạch	D13_TH05	10	6	4	25	19	15	2	81	Tốt	
1165	DH51301166	Trần Tấn	Thành	D13_TH05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1166	DH51301244	Nguyễn Chí	Thiện	D13_TH05	10	8	7	25	19	15	2	86	Tốt	
1167	DH51301275	Lê Thanh	Thuận	D13_TH05	10	6	8	25	14	15	2	80	Tốt	
1168	DH51301135	Nguyễn Đỗ Minh	Thư	D13_TH05	10	6	8	25	14	15	2	80	Tốt	
1169	DH51301287	Đặng Thị Mỹ	Tiên	D13_TH05	10	12	8	25	15	15	9	94	Xuất sắc	
1170	DH51301349	Nguyễn Đình	Toại	D13_TH05	10	8	8	25	19	15	2	87	Tốt	
1171	DH51301395	Phạm Thị Thùy	Trang	D13_TH05	10	12	5	25	19	15	2	88	Tốt	
1172	DH51301459	Trần Cao	Trí	D13_TH05	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1173	DH51301446	Huỳnh Thanh	Trung	D13_TH05	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
1174	DH51301516	Võ Trần Bảo	Uyên	D13_TH05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1175	DH51301543	Nguyễn Thị Tường	Vi	D13_TH05	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1176	DH51301565	Tô Hoài	Vũ	D13_TH05	10	6	8	25	17	15	2	83	Tốt	
1177	DH51301576	Hoàng Thị Ngọc	Vy	D13_TH05	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1178	DH51300177	Phan Kim	Chi	D13_TH06	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
1179	DH51300184	Nguyễn Thị Ngọc	Cúc	D13_TH06	10	12	6	25	15	15	8	91	Xuất sắc	
1180	DH51300238	Lê Hoàng	Duy	D13_TH06	10	6	8	25	19	15	2	85	Tốt	
1181	DH51300190	Trần Trung	Dương	D13_TH06	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
1182	DH51300054	Nguyễn Hoàng Trọng	Đức	D13_TH06	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
1183	DH51300330	Phan Thị Hồng	Hà	D13_TH06	10	12	6	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
1184	DH51300277	Châu Diệu	Hán	D13_TH06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1185	DH51300292	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D13_TH06	10	6	8	25	20	15	10	94	Xuất sắc	
1186	DH51300392	Trần Thị Thu	Hiền	D13_TH06	10	8	8	25	20	12	9	92	Xuất sắc	
1187	DH51300399	Lê Hoài	Hiếu	D13_TH06	10	8	4	25	18	15	2	82	Tốt	
1188	DH51300437	Lê Thị	Hoa	D13_TH06	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
1189	DH51300429	Nguyễn Kim	Hoàng	D13_TH06	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
1190	DH51300434	Trương Minh	Hoàng	D13_TH06	10	6	4	25	16	15	2	78	Khá	
1191	DH51300361	Chúc Anh	Học	D13_TH06	10	9	4	25	20	15	8	91	Xuất sắc	
1192	DH51300446	Nguyễn Minh	Huân	D13_TH06	10	6	4	25	13	15	2	75	Khá	
1193	DH51300418	Trần Văn	Hung	D13_TH06	10	10	4	25	20	15	8	92	Xuất sắc	
1194	DH51300651	Trần Thành	Long	D13_TH06	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
1195	DH51300567	Trần Hữu	Lương	D13_TH06	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1196	DH51300710	Nguyễn Văn	Minh	D13_TH06	10	8	6	25	20	15	2	86	Tốt	
1197	DH51300732	Phan Thị Diễm	My	D13_TH06	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1198	DH51300726	Võ Lê Hoàng	Mỹ	D13_TH06	10	10	4	25	8	15	2	74	Khá	
1199	DH51300754	Phạm Thị Kim	Ngân	D13_TH06	10	10	4	25	15	15	2	81	Tốt	
1200	DH51300949	Đặng Kim	Phước	D13_TH06	10	6	6	25	15	15	2	79	Khá	
1201	DH51301027	Trương Thị Ngọc	Quỳnh	D13_TH06	10	12	6	25	20	15	8	96	Xuất sắc	
1202	DH51301113	Cao Thái	Tài	D13_TH06	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
1203	DH51301116	Lê Quang	Tài	D13_TH06	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
1204	DH51301088	Bùi Phúc Minh	Tâm	D13_TH06	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
1205	DH51301231	Trương H Thụy Thái	Thanh	D13_TH06	10	11	8	25	20	15	9	98	Xuất sắc	
1206	DH51301208	Nguyễn Hoàng	Thắng	D13_TH06	10	6	6	25	19	15	2	83	Tốt	
1207	DH51301153	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	D13_TH06	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
1208	DH51301282	Tăng Đức	Thuận	D13_TH06	10	12	4	25	20	15	8	94	Xuất sắc	
1209	DH51301134	Ngô Minh	Thư	D13_TH06	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1210	DH51301418	Nguyễn Trần Thị	Trinh	D13_TH06	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1211	DH51301466	Ngô Thanh	Tuấn	D13_TH06	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
1212	DH51301596	Phan Thị Kim	Xuyến	D13_TH06	10	9	8	25	20	15	8	95	Xuất sắc	
1213	DH51301605	Nguyễn Thị Như	ý	D13_TH06	10	12	6	25	18	15	8	94	Xuất sắc	
1214	DH51401785	Trần Nguyễn Hoàng	Anh	D14_TH01	8	8	8	25	11	11	2	73	Khá	
1215	DH51400074	Ung Triệu	Biêu	D14_TH01	10	6	8	25	11	15	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1216	DH51400115	Nguyễn Tài	Chương	D14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1217	DH51400095	Quách Phú	Cường	D14_TH01	10	6	4	25	3	10	2	60	Trung bình khá	
1218	DH51400153	Trịnh Công	Danh	D14_TH01	10	12	0	25	12	15	9	83	Tốt	
1219	DH51400229	Nguyễn Thành	Đạt	D14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1220	DH51400233	Phan Thành	Đạt	D14_TH01	10	6	2	25	14	13	2	72	Khá	
1221	DH51400250	Thái Huỳnh	Đức	D14_TH01	10	9	2	25	6	10	2	64	Trung bình khá	
1222	DH51400312	Huỳnh Gia	Hào	D14_TH01	10	6	0	25	3	15	2	61	Trung bình khá	
1223	DH51400313	Lương Nhiều	Hào	D14_TH01	8	6	0	25	15	5	2	61	Trung bình khá	
1224	DH51400316	Nguyễn Duy	Hào	D14_TH01	9	6	6	25	8	15	2	71	Khá	
1225	DH51400400	Nguyễn Văn	Hiếu	D14_TH01	10	12	0	25	0	6	2	55	Trung bình	
1226	DH51400453	Diệp Cẩm	Hòa	D14_TH01	10	12	0	25	0	10	2	59	Trung bình	
1227	DH51300427	Lê Quốc	Hoàng	D14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1228	DH51400434	Nguyễn Minh	Hoàng	D14_TH01	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
1229	DH51400470	Đình Quốc	Huy	D14_TH01	10	6	8	25	11	12	2	74	Khá	
1230	DH51400475	Lê Gia	Huy	D14_TH01	10	12	6	25	8	15	8	84	Tốt	
1231	DH51401644	Nguyễn Mộc	Lâm	D14_TH01	10	9	8	25	12	15	9	88	Tốt	
1232	DH51400633	Trần Tuấn	Linh	D14_TH01	10	12	8	25	11	10	2	78	Khá	
1233	DH51400592	Hồng Thành	Lộc	D14_TH01	9	8	6	25	6	8	2	64	Trung bình khá	
1234	DH51400597	Nguyễn Vương Thành	Lộc	D14_TH01	6	6	6	25	10	10	2	65	Trung bình khá	
1235	DH51400820	Hồ Trung	Nghĩa	D14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1236	DH51400871	Huỳnh Trọng	Nhân	D14_TH01	9	10	2	25	9	8	2	65	Trung bình khá	
1237	DH51400887	Nguyễn Long	Nhật	D14_TH01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
1238	DH51400946	Trần Bá	Phát	D14_TH01	7	8	0	25	0	10	2	52	Trung bình	
1239	DH51400948	Trần Tuấn	Phát	D14_TH01	10	6	8	25	2	15	2	68	Trung bình khá	
1240	DH51401026	Trần Hỷ	Phong	D14_TH01	10	12	6	25	8	8	2	71	Khá	
1241	DH51400985	Lâm Hiệp	Phú	D14_TH01	9	6	2	25	20	8	9	79	Khá	
1242	DH51400991	Võ Đình	Phú	D14_TH01	10	9	8	25	8	8	2	70	Khá	
1243	DH51401033	Ô Kiếm	Quân	D14_TH01	9	10	4	25	16	8	9	81	Tốt	
1244	DH51401049	Hà Hải	Quốc	D14_TH01	10	6	2	25	6	10	2	61	Trung bình khá	
1245	DH51401075	Trần Lý	Quyền	D14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1246	DH51301070	Bùi Đức	Sang	D14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1247	DH51401140	Nguyễn Ngọc	Tài	D14_TH01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1248	DH51401129	Phan Ngọc Minh	Tân	D14_TH01	10	12	4	25	12	5	2	70	Khá	
1249	DH51401173	Phạm Quang	Thái	D14_TH01	10	12	2	25	3	10	2	64	Trung bình khá	
1250	DH51401242	Thị Hải	Thanh	D14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1251	DH51401183	Dương Minh	Thành	D14_TH01	10	12	2	25	3	5	2	59	Trung bình	
1252	DH51401191	Trần Minh	Thành	D14_TH01	10	6	6	25	9	12	2	70	Khá	
1253	DH51401705	Nguyễn Trần Phước	Thiện	D14_TH01	10	8	2	25	6	10	2	63	Trung bình khá	
1254	DH51401176	Lâm Chí	Thông	D14_TH01	10	12	5	25	15	5	2	74	Khá	
1255	DH51401296	Trần Ngọc	Thuận	D14_TH01	10	6	8	25	11	15	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1256	DH51401492	Võ Minh	Trí	D14_TH01	9	6	6	25	8	15	2	71	Khá	
1257	DH51401462	Lê Văn	Tròn	D14_TH01	10	10	2	25	10	10	9	76	Khá	
1258	DH51401424	Dương Đình	Trường	D14_TH01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1259	DH51401593	Nguyễn Tuấn	Vỹ	D14_TH01	10	6	6	25	6	15	2	70	Khá	
1260	DH51400017	Nguyễn Phước	An	D14_TH02	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
1261	DH51401710	Lê Huỳnh Nhật	Anh	D14_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1262	DH51400083	Tăng Trường	Cơ	D14_TH02	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
1263	DH51400157	Võ Ngọc	Diễm	D14_TH02	10	12	4	25	7	15	2	75	Khá	
1264	DH51400241	Nguyễn Văn	Điền	D14_TH02	10	6	4	25	13	10	6	74	Khá	
1265	DH51400301	Đặng Ngọc	Hà	D14_TH02	10	10	4	25	10	15	2	76	Khá	
1266	DH51400326	Nguyễn Thiên	Hải	D14_TH02	10	10	4	25	4	10	2	65	Trung bình khá	
1267	DH51401681	Trần Ngọc Gia	Hân	D14_TH02	10	12	4	25	11	15	8	85	Tốt	
1268	DH51401772	Trần Thị Hồng	Huệ	D14_TH02	10	10	8	25	10	15	8	86	Tốt	
1269	DH51400472	Huỳnh Anh	Huy	D14_TH02	10	10	4	25	13	10	2	74	Khá	
1270	DH51400541	Nguyễn Đăng	Khoa	D14_TH02	10	12	4	25	7	15	2	75	Khá	
1271	DH51400548	Thái Minh	Khoa	D14_TH02	10	8	4	25	9	15	2	73	Khá	
1272	DH51400553	Vương Anh	Khoa	D14_TH02	10	8	4	25	13	10	2	72	Khá	
1273	DH51400687	Cao Thị Ngọc	Minh	D14_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1274	DH51400690	Hoàng Đức	Minh	D14_TH02	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
1275	DH51400692	Huỳnh Trí	Minh	D14_TH02	10	12	4	25	7	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1276	DH51400704	Thị Trường	Minh	D14_TH02	10	8	4	25	13	10	2	72	Khá	
1277	DH51400733	Huỳnh Thanh	Nam	D14_TH02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1278	DH51400756	Lê Thị Kim	Ngân	D14_TH02	10	10	4	25	20	15	9	93	Xuất sắc	
1279	DH51400760	Mai Hoàng	Ngân	D14_TH02	10	6	4	25	20	15	8	88	Tốt	
1280	DH51400851	Huỳnh Thị Huỳnh	Như	D14_TH02	10	6	4	25	13	10	2	70	Khá	
1281	DH51401027	Trần Vương Quyền	Phong	D14_TH02	10	8	4	25	15	10	2	74	Khá	
1282	DH51400986	Lê Ngọc	Phú	D14_TH02	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
1283	DH51400987	Nguyễn An Hoài	Phú	D14_TH02	10	12	4	25	12	10	2	75	Khá	
1284	DH51400988	Nguyễn Ngọc	Phú	D14_TH02	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
1285	DH51401001	Nguyễn Phúc	Phúc	D14_TH02	7	6	4	25	5	15	2	64	Trung bình khá	
1286	DH51401014	Vũ Duy	Phúc	D14_TH02	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
1287	DH51401101	Nguyễn Thanh	Sang	D14_TH02	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
1288	DH51401104	Nghiêm Văn	Sinh	D14_TH02	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
1289	DH51401092	Võ Hoàng	Son	D14_TH02	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
1290	DH51401241	Thái Kim	Thanh	D14_TH02	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
1291	DH51401224	Trần Đức	Thắng	D14_TH02	10	8	4	25	12	10	2	71	Khá	
1292	DH51401256	Lê Huỳnh Xuân	Thiên	D14_TH02	10	6	6	25	20	15	2	84	Tốt	
1293	DH51401279	Nguyễn	Thịnh	D14_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1294	DH51401178	Trần Cao	Thông	D14_TH02	10	8	6	25	13	10	2	74	Khá	
1295	DH51401294	Lê Quang	Thuận	D14_TH02	10	10	4	25	15	10	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1296	DH51401417	Nguyễn Quốc	Trọng	D14_TH02	10	8	4	25	13	10	2	72	Khá	
1297	DH51401349	Nguyễn Chung	Tú	D14_TH02	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
1298	DH51401352	Nguyễn Nhật	Tú	D14_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1299	DH51401586	Trần Thanh	Vũ	D14_TH02	10	6	4	25	9	15	2	71	Khá	
1300	DH51401591	Nguyễn Giang Thiện	Vỹ	D14_TH02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1301	DH51401614	Thái Hồng	Xương	D14_TH02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1302	DH51400015	Ng Huỳnh Trường	An	D14_TH03	10	8	8	25	15	10	2	78	Khá	
1303	DH51400043	Nguyễn Trần Tuấn	Anh	D14_TH03	9	6	6	25	18	15	2	81	Tốt	
1304	DH51400105	Lý Hồng	Châu	D14_TH03	10	6	6	25	15	15	9	86	Tốt	
1305	DH51400145	Phan Nguyễn Duy	Dương	D14_TH03	10	6	8	25	14	15	2	80	Tốt	
1306	DH51401717	Huỳnh Hà	Giang	D14_TH03	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
1307	DH51400338	Trần Quang	Hạ	D14_TH03	10	6	6	25	15	15	2	79	Khá	
1308	DH51400333	Vũ Hoàng	Hải	D14_TH03	10	6	8	25	19	15	2	85	Tốt	
1309	DH51400310	Đoàn Anh	Hào	D14_TH03	10	9	8	25	11	15	2	80	Tốt	
1310	DH51400390	Phạm Ngọc	Hiệp	D14_TH03	10	6	8	25	17	15	2	83	Tốt	
1311	DH51400405	Phạm Trung	Hiếu	D14_TH03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1312	DH51400428	Lê Mạnh	Hoàng	D14_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1313	DH51400431	Nguyễn Anh	Hoàng	D14_TH03	10	8	8	25	14	15	2	82	Tốt	
1314	DH51400371	Ngô Thanh	Hùng	D14_TH03	10	6	8	25	14	15	2	80	Tốt	
1315	DH51400473	Lâm Quốc	Huy	D14_TH03	10	6	6	25	15	15	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1316	DH51400480	Nguyễn Hoàng	Huy	D14_TH03	10	6	6	25	15	15	9	86	Tốt	
1317	DH51400623	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D14_TH03	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
1318	DH51400594	Nguyễn Phúc	Lộc	D14_TH03	10	10	6	25	9	15	2	77	Khá	
1319	DH51400792	Đặng Hồng	Ngọc	D14_TH03	10	10	8	25	10	15	2	80	Tốt	
1320	DH51400877	Nguyễn Trọng	Nhân	D14_TH03	10	8	8	25	14	15	2	82	Tốt	
1321	DH51400924	Thái Thị Tuyết	Nhung	D14_TH03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1322	DH51400928	Tổng Minh	Nhật	D14_TH03	10	8	8	25	14	15	9	89	Tốt	
1323	DH51401034	Huỳnh Phạm Minh	Quân	D14_TH03	10	9	8	25	14	15	2	83	Tốt	
1324	DH51401037	Lê Minh	Quân	D14_TH03	10	8	8	25	14	15	2	82	Tốt	
1325	DH51401736	Dương Quốc	Tài	D14_TH03	10	8	8	25	11	15	2	79	Khá	
1326	DH51401108	Huỳnh Thanh	Tâm	D14_TH03	10	6	6	25	10	15	2	74	Khá	
1327	DH51401165	Hà Xương	Thái	D14_TH03	10	6	7	25	11	15	2	76	Khá	
1328	DH51401182	Đình Nho	Thành	D14_TH03	10	6	6	25	12	15	9	83	Tốt	
1329	DH51401295	Trần Hiếu	Thuận	D14_TH03	10	6	8	25	14	15	9	87	Tốt	
1330	DH51401539	Ngô Đại	Tính	D14_TH03	10	6	7	25	13	15	2	78	Khá	
1331	DH51401421	Trần Ngọc	Trọng	D14_TH03	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
1332	DH51401464	Không Thành	Trung	D14_TH03	9	8	2	25	14	15	9	82	Tốt	
1333	DH51401391	Trần Minh	Trương	D14_TH03	10	6	6	25	15	15	9	86	Tốt	
1334	DH51401427	Nguyễn Nhật	Trường	D14_TH03	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
1335	DH51401657	Hồ Thanh	Tú	D14_TH03	10	9	8	25	14	15	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1336	DH51401495	Hồ Nguyễn Minh	Tuấn	D14_TH03	10	6	8	25	14	15	9	87	Tốt	
1337	DH51401499	Ngô Anh	Tuấn	D14_TH03	9	6	6	25	15	15	2	78	Khá	
1338	DH51401501	Nguyễn Anh	Tuấn	D14_TH03	10	8	8	25	14	15	9	89	Tốt	
1339	DH51401505	Nguyễn Nhật	Tuấn	D14_TH03	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
1340	DH51401521	Hà Thị Ngọc	Tuyền	D14_TH03	10	9	7	25	12	15	2	80	Tốt	
1341	DH51401592	Nguyễn Hồ Hoàng	Vĩ	D14_TH03	10	6	2	25	12	15	9	79	Khá	
1342	DH51400025	Khâu Thị Trâm	Anh	D14_TH04	10	10	6	25	14	15	2	82	Tốt	
1343	DH51400051	Phạm Hoàng Tường	Bách	D14_TH04	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
1344	DH51400077	Dương Đức	Công	D14_TH04	10	6	8	25	14	15	9	87	Tốt	
1345	DH51400178	Lê Huỳnh Kim	Dung	D14_TH04	10	12	0	25	18	15	9	89	Tốt	
1346	DH51400226	Mai Trọng	Đạt	D14_TH04	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
1347	DH51400231	Nguyễn Tiến	Đạt	D14_TH04	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
1348	DH51400212	Tạ Khánh	Đăng	D14_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1349	DH51400315	Mạch Chí	Hào	D14_TH04	9	6	6	25	20	15	2	83	Tốt	
1350	DH51400385	Vũ Đức	Hiền	D14_TH04	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
1351	DH51401720	Trần Hồ	Hiệp	D14_TH04	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1352	DH51401773	Huỳnh Thanh	Huy	D14_TH04	10	10	5	25	11	15	2	78	Khá	
1353	DH51400413	Lê Minh	Hung	D14_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1354	DH51401698	Trần Văn	Hung	D14_TH04	10	6	5	25	13	15	9	83	Tốt	
1355	DH51400508	Nguyễn Trọng	Khánh	D14_TH04	10	6	6	25	18	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1356	DH51400540	Mai Tuấn	Khoa	D14_TH04	9	6	8	25	5	15	2	70	Khá	
1357	DH51400550	Trương Nguyễn Anh	Khoa	D14_TH04	10	6	7	25	20	15	9	92	Xuất sắc	
1358	DH51400554	Võ Trần Đăng	Khoa	D14_TH04	10	8	4	25	16	15	9	87	Tốt	
1359	DH51400516	Lê Trung	Khương	D14_TH04	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
1360	DH51400574	Phạm Phương	Lâm	D14_TH04	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1361	DH51400575	Thái Tuyền	Lâm	D14_TH04	10	6	8	25	17	15	2	83	Tốt	
1362	DH51400691	Huỳnh Gia	Minh	D14_TH04	10	12	6	25	13	15	9	90	Xuất sắc	
1363	DH51400695	Liêu Hấn	Minh	D14_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1364	DH51400739	Nguyễn Thành	Nam	D14_TH04	10	6	8	25	15	15	2	81	Tốt	
1365	DH51400879	Nguyễn Việt	Nhân	D14_TH04	10	6	8	25	18	15	2	84	Tốt	
1366	DH51400925	Nguyễn Hoàng	Nhật	D14_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1367	DH51400939	Đỗ Duy	Phát	D14_TH04	10	6	8	25	19	15	2	85	Tốt	
1368	DH51400971	Bùi Đăng	Phước	D14_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1369	DH51400972	Lâm Thanh	Phước	D14_TH04	10	6	8	25	20	15	2	86	Tốt	
1370	DH51400974	Lê Thành	Phước	D14_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1371	DH51400975	Nguyễn Hoàng	Phước	D14_TH04	10	6	8	25	14	15	2	80	Tốt	
1372	DH51401042	Lưu Quốc	Quan	D14_TH04	10	6	8	25	14	15	2	80	Tốt	
1373	DH51401102	Võ Ngọc	Sang	D14_TH04	10	6	4	25	9	15	2	71	Khá	
1374	DH51401134	Dương Văn	Tài	D14_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1375	DH51401255	Thái Thanh	Thiên	D14_TH04	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1376	DH51401267	Lê Thị Huyền	Thoại	D14_TH04	10	6	8	25	19	15	2	85	Tốt	
1377	DH51401369	Hồ Hoàng Quỳnh	Trâm	D14_TH04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1378	DH51401452	Lê Nguyễn Hải	Triều	D14_TH04	10	6	8	25	17	15	2	83	Tốt	
1379	DH51401431	Vũ Xuân	Trường	D14_TH04	10	6	8	25	6	15	2	72	Khá	
1380	DH51401341	Bùi Thanh	Tú	D14_TH04	10	8	5	25	17	15	2	82	Tốt	
1381	DH51401572	Tạ Chiêu	Vinh	D14_TH04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1382	DH51401584	Nguyễn Thái	Vũ	D14_TH04	10	6	0	25	18	15	2	76	Khá	
1383	DH51400020	Nguyễn Huỳnh Khương	An	D14_TH05	8	12	0	25	14	15	2	76	Khá	
1384	DH51400019	Nguyễn Thị Thúy	An	D14_TH05	10	8	4	25	12	15	2	76	Khá	
1385	DH51400104	Lương Nguyễn Bảo	Châu	D14_TH05	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
1386	DH51400109	Trần Huy	Châu	D14_TH05	9	6	6	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
1387	DH51400116	Phạm Hồng	Chương	D14_TH05	10	12	4	25	3	15	2	71	Khá	
1388	DH51400245	Lê Văn	Đức	D14_TH05	10	6	4	25	15	15	2	77	Khá	
1389	DH51400264	Nguyễn Trường	Giang	D14_TH05	10	6	4	25	9	15	2	71	Khá	
1390	DH51400337	Trần Quang	Hạ	D14_TH05	10	6	4	25	9	15	2	71	Khá	
1391	DH51400442	Võ Phương	Hoàng	D14_TH05	10	6	0	25	20	15	10	86	Tốt	
1392	DH51400369	Hà Hữu	Hùng	D14_TH05	10	12	6	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
1393	DH51400483	Nguyễn Quang	Huy	D14_TH05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1394	DH51400522	Lương Minh	Kha	D14_TH05	10	8	0	25	8	15	10	76	Khá	
1395	DH51400525	Lâm Hữu	Khang	D14_TH05	9	8	2	25	14	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1396	DH51400504	Đỗ Đăng	Khánh	D14_TH05	8	6	5	25	9	15	2	70	Khá	
1397	DH51400545	Nguyễn Minh	Khoa	D14_TH05	9	6	0	25	20	15	2	77	Khá	
1398	DH51400618	Lê Văn	Linh	D14_TH05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1399	DH51401675	Phan Ngọc	Linh	D14_TH05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1400	DH51401750	Võ Tấn	Lĩnh	D14_TH05	10	6	0	25	19	15	2	77	Khá	
1401	DH51400638	Nguyễn Thụy Kim	Loan	D14_TH05	10	12	6	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
1402	DH51400600	Trần Vĩnh	Lộc	D14_TH05	8	6	4	25	14	15	2	74	Khá	
1403	DH51400577	Từ	Lương	D14_TH05	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
1404	DH51400668	Vũ Khánh	Ly	D14_TH05	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
1405	DH51400723	Nguyễn Ngọc ái	My	D14_TH05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1406	DH51400736	Nguyễn Duy	Nam	D14_TH05	10	6	4	25	20	15	10	90	Xuất sắc	
1407	DH51400846	Phạm Hoàn	Nguyên	D14_TH05	8	6	4	25	12	15	2	72	Khá	
1408	DH51400870	Huỳnh Minh	Nhân	D14_TH05	10	12	0	25	19	15	10	91	Xuất sắc	
1409	DH51401733	Nguyễn Trung	Phong	D14_TH05	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
1410	DH51401041	Vũ Trần	Quân	D14_TH05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1411	DH51401051	Nguyễn Minh	Quốc	D14_TH05	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
1412	DH51401063	Nguyễn Minh	Quý	D14_TH05	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
1413	DH51401095	Đặng Hồng	Sang	D14_TH05	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
1414	DH51401145	Phan Quang	Tài	D14_TH05	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
1415	DH51401281	Nguyễn Duy	Thịnh	D14_TH05	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1416	DH51401305	Lê Thị Thủy	Tiên	D14_TH05	8	8	6	25	20	15	10	92	Xuất sắc	
1417	DH51401537	Huỳnh Trọng	Tính	D14_TH05	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
1418	DH51401479	Lê Minh	Trí	D14_TH05	8	6	4	25	10	15	2	70	Khá	
1419	DH51401437	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	D14_TH05	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
1420	DH51401789	Dương Minh	Tuấn	D14_TH05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1421	DH51401508	Nguyễn Thanh	Tuấn	D14_TH05	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
1422	DH51400134	Phan Đình	Chiến	D14_TH06	10	10	8	25	16	10	10	89	Tốt	
1423	DH51400135	Quách Đình	Chung	D14_TH06	10	9	4	25	16	10	2	76	Khá	
1424	DH51400149	Huỳnh Ngọc	Danh	D14_TH06	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
1425	DH51400194	Phạm Quốc	Duy	D14_TH06	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
1426	DH51400204	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	D14_TH06	10	12	8	25	16	10	10	91	Xuất sắc	
1427	DH51400243	Trần Tấn	Điền	D14_TH06	10	12	4	25	8	10	2	71	Khá	
1428	DH51401749	Ngô Xuân	Hải	D14_TH06	10	10	6	25	19	10	2	82	Tốt	
1429	DH51400386	Hoàng Đình	Hiển	D14_TH06	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1430	DH51400401	Nguyễn Xuân	Hiếu	D14_TH06	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
1431	DH51400454	Hoàng	Hòa	D14_TH06	10	12	2	25	10	10	2	71	Khá	
1432	DH51401699	Lộc Văn	Hòa	D14_TH06	10	12	4	25	8	10	2	71	Khá	
1433	DH51400489	Trần Đức	Huy	D14_TH06	10	12	4	25	15	10	2	78	Khá	
1434	DH51400524	Đông Minh	Khai	D14_TH06	10	12	7	25	15	10	2	81	Tốt	
1435	DH51400513	Sầm Hoàng	Khâm	D14_TH06	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1436	DH51400519	Trần Bá	Khương	D14_TH06	10	12	4	25	8	10	2	71	Khá	
1437	DH51400601	Nguyễn Thị Kim	Liên	D14_TH06	10	12	7	25	20	10	2	86	Tốt	
1438	DH51400614	Bùi Vũ	Linh	D14_TH06	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
1439	DH51400669	Nguyễn Thế	Mạnh	D14_TH06	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
1440	DH51400712	Đoàn Thị	Mến	D14_TH06	10	12	4	25	13	10	10	84	Tốt	
1441	DH51400868	Dương Thành	Nhân	D14_TH06	10	12	2	25	19	10	2	80	Tốt	
1442	DH51400865	Triệu Ngô Hạnh	Như	D14_TH06	10	12	8	25	13	10	10	88	Tốt	
1443	DH51401002	Nguyễn Văn Hoàng	Phúc	D14_TH06	10	8	2	25	16	10	10	81	Tốt	
1444	DH51401015	Vũ Nguyễn Hoàng	Phúc	D14_TH06	10	8	4	25	16	10	2	75	Khá	
1445	DH51400962	Vũ Tá	Phương	D14_TH06	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
1446	DH51401137	Lê Văn	Tài	D14_TH06	10	8	7	25	13	10	2	75	Khá	
1447	DH51401121	Trần Thiện	Tâm	D14_TH06	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
1448	DH51401235	Ngô Nguyễn Lan	Thanh	D14_TH06	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1449	DH51401194	Đặng Thạch	Thảo	D14_TH06	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
1450	DH51401739	Nguyễn Cao	Thăng	D14_TH06	10	12	4	25	18	10	10	89	Tốt	
1451	DH51401213	Bùi Toàn	Thắng	D14_TH06	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
1452	DH51401219	Nguyễn Văn	Thắng	D14_TH06	10	6	4	25	16	10	2	73	Khá	
1453	DH51401220	Nguyễn Việt	Thắng	D14_TH06	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
1454	DH51401538	Huỳnh Trung	Tính	D14_TH06	10	12	8	25	13	10	10	88	Tốt	
1455	DH51401426	Nguyễn Lê Xuân	Trường	D14_TH06	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1456	DH51401428	Nguyễn Nhật	Trường	D14_TH06	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
1457	DH51401354	Nguyễn Tú	Tú	D14_TH06	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
1458	DH51401502	Nguyễn Anh	Tuấn	D14_TH06	10	10	6	25	20	10	2	83	Tốt	
1459	DH51401588	Nguyễn Thái	Vĩnh	D14_TH06	10	8	4	25	16	10	2	75	Khá	
1460	DH51401579	Đoàn Tuấn	Vũ	D14_TH06	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
1461	DH51401629	Hoàng Thị Ngọc	Yến	D14_TH06	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
1462	CD31301674	Đặng Đình	Cừ	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1463	CD31301665	Lê Văn	Cường	C13_DDT01	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
1464	CD31301686	Huỳnh Ngọc	Dũng	C13_DDT01	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
1465	CD31301701	Huỳnh Tấn	Giàu	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1466	CD31301716	Châu Kim	Hải	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
1467	CD31301756	Lê Phúc	Huy	C13_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1468	CD31301769	Trần Đỗ Quốc	Khanh	C13_DDT01	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
1469	CD31301813	Nguyễn Minh	Mẫn	C13_DDT01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
1470	CD31301892	Đỗ Hoàng	Phúc	C13_DDT01	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
1471	CD31301912	Vũ Duy	Quang	C13_DDT01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1472	CD31301933	Nguyễn Thanh	Tâm	C13_DDT01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1473	CD31301935	Ngô Thanh	Tân	C13_DDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1474	CD31301958	Bùi Văn	Thành	C13_DDT01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1475	CD31301983	Ngô Công	Thức	C13_DDT01	10	8	7	25	20	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1476	CD31302053	Lê Hoàng	Tuân	C13_DDT01	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
1477	CD31302054	Lê Minh	Tuân	C13_DDT01	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
1478	CD31302056	Nguyễn Quốc	Tuân	C13_DDT01	8	12	8	25	19	15	2	89	Tốt	
1479	CD31302005	Nguyễn Hữu Xuân	Tùng	C13_DDT01	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
1480	CD31302061	Đoàn Minh	Tuyển	C13_DDT01	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
1481	CD31200802	Bùi Xuân	Vĩnh	C13_DDT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
1482	CD31302085	Nguyễn Tuấn	Vũ	C13_DDT01	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
1483	CD31302086	Trà Lê Anh	Vũ	C13_DDT01	7	6	6	25	14	15	2	75	Khá	
1484	CD41301644	Lê Thị Trường	An	C13_VT01	10	6	8	25	16	10	2	77	Khá	
1485	CD41301666	Nguyễn Tấn	Cường	C13_VT01	10	6	4	25	15	10	2	72	Khá	
1486	CD41301718	Phạm Văn	Hải	C13_VT01	10	8	8	25	17	10	2	80	Tốt	
1487	CD41301897	Đỗ Truy	Phong	C13_VT01	10	6	8	25	5	13	2	69	Trung bình khá	
1488	CD41301882	Võ Trần Hoài	Phuong	C13_VT01	10	6	6	25	7	10	2	66	Trung bình khá	
1489	CD41301928	Võ Thành	Sang	C13_VT01	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
1490	CD41301996	Nguyễn Mai	Thy	C13_VT01	10	8	8	25	16	10	2	79	Khá	
1491	CD41302046	Trương Minh	Trung	C13_VT01	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
1492	CD41302090	Trần Thị Hồng	Vy	C13_VT01	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
1493	CD31400183	Hồ Văn Thanh	Duy	C14_DDT01	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
1494	CD31400394	Dương Hoàng	Hiếu	C14_DDT01	10	8	0	25	0	13	2	58	Trung bình	
1495	CD31400487	Tăng Gia	Huy	C14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1496	CD31400608	Võ Hữu	Lợi	C14_DDT01	10	6	0	25	3	5	2	51	Trung bình	
1497	CD31400679	Nguyễn Minh	Mẫn	C14_DDT01	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
1498	CD31400716	Nguyễn Châu	Mỹ	C14_DDT01	10	12	2	25	5	5	2	61	Trung bình khá	
1499	CD31400731	Châu Hoài	Nam	C14_DDT01	10	12	0	25	3	0	0	50	Trung bình	
1500	CD31400836	La Quốc	Nguyên	C14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1501	CD31400876	Nguyễn Thế	Nhân	C14_DDT01	10	9	0	25	0	13	2	59	Trung bình	
1502	CD31400996	Lê Trần Đình	Phúc	C14_DDT01	10	12	0	25	0	13	9	69	Trung bình khá	
1503	CD31401148	Trần Tấn	Tài	C14_DDT01	10	12	0	25	3	5	0	55	Trung bình	
1504	CD31401498	Lê Thanh	Tuấn	C14_DDT01	10	12	0	25	3	5	0	55	Trung bình	
1505	CD31401565	Lăng Chấn	Vinh	C14_DDT01	10	12	0	25	0	13	2	62	Trung bình khá	
1506	CD31401569	Nguyễn Thái	Vinh	C14_DDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1507	CD41400026	Lê Hoàng Tuấn	Anh	C14_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1508	CD41400065	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	C14_VT01	10	12	2	25	3	13	9	74	Khá	
1509	CD41400186	Nguyễn Anh	Duy	C14_VT01	10	9	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
1510	CD41400892	Hoàng Ngọc	Nhi	C14_VT01	10	12	0	25	3	10	2	62	Trung bình khá	
1511	CD41401691	Nguyễn Tấn	Tài	C14_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1512	CD41401112	Nguyễn Thanh	Tâm	C14_VT01	10	12	2	25	10	15	2	76	Khá	
1513	CD41401119	Phan Lê Trọng	Tâm	C14_VT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1514	CD41401216	Ngô Văn	Thắng	C14_VT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1515	DH31200774	Hồ Quốc	Bảo	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1516	DH31200008	Huỳnh Quang	Bình	D12_DDT01	10	10	6	25	20	15	2	88	Tốt	
1517	DH31200009	Nguyễn Hoàng	Duy	D12_DDT01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
1518	DH31200653	Phạm Minh	Đức	D12_DDT01	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
1519	DH31201929	Nguyễn Phú	Hải	D12_DDT01	10	8	6	25	20	15	2	86	Tốt	
1520	DH31201980	Lưu Kim	Hiền	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1521	DH31200790	Đoàn Thanh	Qui	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1522	DH31200011	Phạm Minh	Tâm	D12_DDT01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
1523	DH31100028	Nguyễn Hữu	Thành	D12_DDT01	10	10	6	25	20	15	2	88	Tốt	
1524	DH31200012	Bùi Công	Tiến	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1525	DH31200014	Phạm Minh	Tuấn	D12_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1526	DH41201721	Châu Thế	Cường	D12_VT01	10	8	7	25	20	15	2	87	Tốt	
1527	DH41200652	Nguyễn Mạnh	Đạt	D12_VT01	10	12	7	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
1528	DH41201769	Nguyễn Tiến	Đạt	D12_VT01	10	9	7	25	20	15	2	88	Tốt	
1529	DH41201782	Trương Văn	Định	D12_VT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1530	DH41200656	Phạm Trọng	Nhân	D12_VT01	10	10	7	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
1531	DH41200660	Lâm Quang	Vũ	D12_VT01	10	10	7	25	20	15	2	89	Tốt	
1532	DH31300122	Chế Thanh	Bảo	D13_DDT01	10	6	4	25	7	15	2	69	Trung bình khá	
1533	DH31300181	Lý Kim	Chung	D13_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1534	DH31300210	Lê Tiến	Dũng	D13_DDT01	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	
1535	DH31300216	Nguyễn Thành	Dũng	D13_DDT01	10	6	8	25	15	15	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1536	DH31300244	Nguyễn Khánh	Duy	D13_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1537	DH31300036	Nguyễn Thành	Đạt	D13_DDT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
1538	DH31300345	Nguyễn Hữu	Hải	D13_DDT01	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	
1539	DH31300338	Võ Thế	Hào	D13_DDT01	10	6	0	25	20	15	2	78	Khá	
1540	DH31300394	Nguyễn Văn	Hiệp	D13_DDT01	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
1541	DH31300402	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_DDT01	10	12	8	25	3	15	10	83	Tốt	
1542	DH31300381	Nguyễn Minh	Hùng	D13_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1543	DH31300301	Trần Đại	Hữu	D13_DDT01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
1544	DH31300497	Vưu	Khải	D13_DDT01	10	8	6	25	9	15	2	75	Khá	
1545	DH31300507	Lê Anh	Khang	D13_DDT01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1546	DH31300487	Nhiều Thuận	Khánh	D13_DDT01	10	8	6	25	13	15	2	79	Khá	
1547	DH31300516	Phạm Thanh	Khiêm	D13_DDT01	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
1548	DH31300518	Huỳnh Minh	Khoa	D13_DDT01	10	8	6	25	9	15	2	75	Khá	
1549	DH31300530	Trần Lâm Thanh	Khoa	D13_DDT01	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
1550	DH31300493	Lý Diên	Khôi	D13_DDT01	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	
1551	DH31300593	Nguyễn Thanh	Liên	D13_DDT01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
1552	DH31100023	Lê Văn	Long	D13_DDT01	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
1553	DH31300720	Trần Cón	Mùng	D13_DDT01	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
1554	DH31300738	Nguyễn Hoàng	Nam	D13_DDT01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
1555	DH31300739	Nguyễn Nhựt	Nam	D13_DDT01	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1556	DH31300741	Phạm Thành	Nam	D13_DDT01	10	8	8	25	14	15	2	82	Tốt	
1557	DH31300793	Bùi Trọng	Nghĩa	D13_DDT01	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
1558	DH31300794	Cù Văn	Nghĩa	D13_DDT01	10	9	8	25	16	15	10	93	Xuất sắc	
1559	DH31300812	Võ Hồng	Nguyên	D13_DDT01	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
1560	DH31300841	Võ Thanh	Nhân	D13_DDT01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
1561	DH31300972	Nguyễn Hồng	Phúc	D13_DDT01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
1562	DH31300981	Phạm Ngọc Thiên	Phúc	D13_DDT01	10	6	6	25	20	13	2	82	Tốt	
1563	DH31300932	Nguyễn Khắc Nhị	Phương	D13_DDT01	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
1564	DH31300934	Nguyễn Thanh	Phương	D13_DDT01	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
1565	DH31301035	Nguyễn Trọng	Quý	D13_DDT01	10	8	2	25	18	15	2	80	Tốt	
1566	DH31301082	Trần Tấn	Sang	D13_DDT01	10	8	6	25	20	15	2	86	Tốt	
1567	DH31301086	Đỗ Tiên	Sĩ	D13_DDT01	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	
1568	DH31301085	Giang Tiên Đắc	Sinh	D13_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1569	DH31301118	Nguyễn Tấn	Tài	D13_DDT01	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
1570	DH31301087	Đặng Chí	Tâm	D13_DDT01	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
1571	DH31301102	Hoàng Kỳ	Tân	D13_DDT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
1572	DH31301160	Huỳnh Công	Thành	D13_DDT01	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
1573	DH31301246	Phạm Lê Minh	Thiện	D13_DDT01	10	10	8	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
1574	DH31301277	Nguyễn Duy	Thuận	D13_DDT01	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
1575	DH31301311	Lê Hoàng	Tiến	D13_DDT01	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1576	DH31301317	Nguyễn Năng	Tiến	D13_DDT01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
1577	DH31301345	Nguyễn Thanh	Toàn	D13_DDT01	10	8	4	25	6	10	2	65	Trung bình khá	
1578	DH31301443	Đường Minh	Trung	D13_DDT01	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
1579	DH31301336	Nguyễn Tuấn	Tú	D13_DDT01	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
1580	DH31301337	Phan Đình Minh	Tú	D13_DDT01	10	8	6	25	10	15	2	76	Khá	
1581	DH31301338	Trần Nguyễn Anh	Tú	D13_DDT01	10	8	6	25	10	15	2	76	Khá	
1582	DH31301467	Nguyễn Đình	Tuấn	D13_DDT01	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
1583	DH31301297	Nguyễn Ngô	Tùng	D13_DDT01	10	8	2	25	16	15	2	78	Khá	
1584	DH31301305	Trần Duy	Tùng	D13_DDT01	10	6	4	25	7	15	2	69	Trung bình khá	
1585	DH31301545	Võ Lan	Vi	D13_DDT01	10	9	8	25	15	15	10	92	Xuất sắc	
1586	DH31301554	Nguyễn Trí	Vinh	D13_DDT01	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
1587	DH31301556	Phạm Văn	Vinh	D13_DDT01	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
1588	DH31301599	Đỗ	ý	D13_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1589	DH41300172	Trần Thị Thu	Chang	D13_VT01	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
1590	DH41300158	Lê Quang	Chánh	D13_VT01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
1591	DH41300179	Phan Duy	Chinh	D13_VT01	10	12	8	25	12	10	0	77	Khá	
1592	DH41300152	Hoàng Xuân	Cường	D13_VT01	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
1593	DH41300215	Nguyễn Quốc	Dũng	D13_VT01	10	9	8	25	17	15	2	86	Tốt	
1594	DH41300331	Tô Nguyễn Chiêu	Hà	D13_VT01	10	10	8	25	17	10	2	82	Tốt	
1595	DH41300355	Nguyễn Lê Anh	Hạ	D13_VT01	10	11	8	25	20	10	9	93	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1596	DH41300339	Chung Ngọc	Hải	D13_VT01	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
1597	DH41300344	Mai Thanh	Hải	D13_VT01	10	8	4	25	15	10	2	74	Khá	
1598	DH41300356	Nguyễn Kiều	Hạnh	D13_VT01	10	10	8	25	20	12	9	94	Xuất sắc	
1599	DH41300444	Trần Thị Ngọc	Hòa	D13_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1600	DH41300426	Hồ Minh	Hoàng	D13_VT01	10	12	6	25	8	15	2	78	Khá	
1601	DH41300377	Lê Minh	Hùng	D13_VT01	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
1602	DH41300462	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_VT01	10	10	6	25	17	15	2	85	Tốt	
1603	DH41300498	Hoàng Nguyên	Kha	D13_VT01	10	8	8	25	2	15	2	70	Khá	
1604	DH41300502	Văn Phan Nhật	Kha	D13_VT01	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
1605	DH41300508	Lê Trọng	Khang	D13_VT01	7	12	4	24	13	10	2	72	Khá	
1606	DH41300528	Phạm Đăng	Khoa	D13_VT01	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
1607	DH41300544	Phạm Diệp Anh	Kiệt	D13_VT01	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
1608	DH41300536	Hồ Văn	Kim	D13_VT01	10	9	8	25	18	10	2	82	Tốt	
1609	DH41300618	Nguyễn Nhật	Linh	D13_VT01	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
1610	DH41300629	Trần Hoài	Linh	D13_VT01	10	9	8	25	10	15	9	86	Tốt	
1611	DH41300643	Đỗ Phạm Hoàng	Long	D13_VT01	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
1612	DH41300650	Trần Thành	Long	D13_VT01	10	8	2	25	17	10	2	74	Khá	
1613	DH41300591	Võ Văn	Lộc	D13_VT01	10	9	2	25	17	10	2	75	Khá	
1614	DH41300847	Tô Thanh	Nhà	D13_VT01	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
1615	DH41300910	Lương Tấn	Phát	D13_VT01	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1616	DH41300953	Trần Hồng	Phước	D13_VT01	10	9	4	25	15	5	2	70	Khá	
1617	DH41301037	Trịnh Minh	Quý	D13_VT01	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
1618	DH41301080	Trương Quảng	Sang	D13_VT01	10	9	8	25	19	12	2	85	Tốt	
1619	DH41301065	Lê Thị ái	Sương	D13_VT01	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
1620	DH41301205	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	D13_VT01	10	9	4	25	15	5	2	70	Khá	
1621	DH41301235	Nguyễn Hữu	Thậm	D13_VT01	10	12	3	25	9	12	2	73	Khá	
1622	DH41301316	Nguyễn Mạnh	Tiến	D13_VT01	10	6	8	25	10	10	2	71	Khá	
1623	DH41301500	Nguyễn Vũ Trung	Tín	D13_VT01	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
1624	DH41301505	Nguyễn Tuất	Tính	D13_VT01	10	8	8	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
1625	DH41301347	Võ Duy	Toàn	D13_VT01	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
1626	DH41301455	Nguyễn Thành	Trí	D13_VT01	10	8	4	25	3	5	2	57	Trung bình	
1627	DH41301472	Nguyễn Phan Anh	Tuấn	D13_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1628	DH41301473	Nguyễn Thanh	Tuấn	D13_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1629	DH41301480	Trần Anh	Tuấn	D13_VT01	10	8	0	25	6	12	2	63	Trung bình khá	
1630	DH41301298	Nguyễn Sơn	Tùng	D13_VT01	10	8	2	25	6	5	2	58	Trung bình	
1631	DH41301491	Huỳnh Thanh	Tuyền	D13_VT01	10	9	6	25	18	15	2	85	Tốt	
1632	DH41301569	Lưu Tuấn	Vĩ	D13_VT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1633	DH41301559	Trần Quốc	Việt	D13_VT01	10	9	7	25	16	10	2	79	Khá	
1634	DH41301551	Nguyễn Hữu	Vinh	D13_VT01	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
1635	DH41301562	Nguyễn Đức	Vũ	D13_VT01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1636	DH41301567	Trần Quang	Vũ	D13_VT01	10	10	4	25	4	10	0	63	Trung bình khá	
1637	DH41301539	Võ Hoàng	Vương	D13_VT01	10	9	6	25	14	10	2	76	Khá	
1638	DH41301608	Nguyễn Văn	ý	D13_VT01	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
1639	DH31400046	Trát Hoàng Quốc	Anh	D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1640	DH31401714	Nguyễn Văn	Bằng	D14_DDT01	10	10	8	25	5	15	2	75	Khá	
1641	DH31400184	Lê Khả	Duy	D14_DDT01	10	10	8	25	11	15	2	81	Tốt	
1642	DH31400185	Lê Nguyễn Khánh	Duy	D14_DDT01	10	9	8	25	14	15	2	83	Tốt	
1643	DH31400218	Chiêng Tấn	Đạt	D14_DDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1644	DH31400222	Huỳnh Phát	Đạt	D14_DDT01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
1645	DH31400210	Hoàng Tuệ	Đặng	D14_DDT01	10	12	8	25	5	15	2	77	Khá	
1646	DH31400240	Nguyễn Phúc	Điền	D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1647	DH31400259	Nguyễn Hoàng	Gia	D14_DDT01	10	9	8	25	5	15	2	74	Khá	
1648	DH31400319	Dương Phạm Thanh	Hải	D14_DDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1649	DH31401642	Lê Thanh	Hải	D14_DDT01	10	6	8	25	11	15	2	77	Khá	
1650	DH31400329	Phạm Văn	Hải	D14_DDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1651	DH31400282	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	D14_DDT01	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
1652	DH31400392	Đỗ Trí	Hiếu	D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1653	DH31400396	Lý Ngọc Trung	Hiếu	D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1654	DH31401722	Vũ Minh	Hoàng	D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1655	DH31400368	Đoàn Hình	Hùng	D14_DDT01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1656	DH31400527	Nguyễn Duy	Khang	D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1657	DH31400536	Vy Ngọc Vũ	Khanh	D14_DDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1658	DH31400565	Huỳnh Tuấn	Kiệt	D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1659	DH31400649	Lưu Trần Giang	Long	D14_DDT01	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
1660	DH31400710	Võ Duy	Minh	D14_DDT01	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
1661	DH31400738	Nguyễn Quốc	Nam	D14_DDT01	10	8	8	25	11	15	2	79	Khá	
1662	DH31400742	Nguyễn Việt	Nam	D14_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1663	DH31400827	Phùng Nhật	Nghĩa	D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1664	DH31400828	Trần Đại	Nghĩa	D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1665	DH31400815	Trần Văn	Nghiệm	D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1666	DH31400874	Nguyễn Thành	Nhân	D14_DDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1667	DH31400886	Nguyễn Hoàng	Nhật	D14_DDT01	10	12	8	25	5	15	2	77	Khá	
1668	DH31401003	Nguyễn Xuân	Phúc	D14_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1669	DH31401013	Trịnh Đình Hoàn	Phúc	D14_DDT01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
1670	DH31400957	Nguyễn Hùng	Phương	D14_DDT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
1671	DH31400961	Văn Công	Phương	D14_DDT01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1672	DH31401050	Lê Cường	Quốc	D14_DDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1673	DH31401096	Đình Minh	Sang	D14_DDT01	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
1674	DH31401079	Đào Ngọc	Son	D14_DDT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
1675	DH31401089	Phạm Thanh	Son	D14_DDT01	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1676	DH31401144	Phạm Chí Tài		D14_DDT01	10	12	8	25	5	15	2	77	Khá	
1677	DH31401146	Trần Đức Anh		D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1678	DH31401737	Võ Tiến		D14_DDT01	10	10	8	25	5	15	2	75	Khá	
1679	DH31401116	Nguyễn Trần Minh		D14_DDT01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
1680	DH31401128	Nguyễn Thành		D14_DDT01	10	6	8	25	13	15	2	79	Khá	
1681	DH31401184	Nguyễn Hoàng		D14_DDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1682	DH31401212	Đỗ Công		D14_DDT01	10	12	8	25	5	15	2	77	Khá	
1683	DH31401254	Phạm Hoàng		D14_DDT01	10	6	8	25	11	15	2	77	Khá	
1684	DH31401276	Lâm Phú		D14_DDT01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1685	DH31401285	Trương Tấn		D14_DDT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1686	DH31401177	Nguyễn Ngọc		D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1687	DH31401244	Huỳnh Đại		D14_DDT01	10	8	8	25	5	15	2	73	Khá	
1688	DH31401335	Nguyễn Minh		D14_DDT01	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
1689	DH31401780	Phạm Minh		D14_DDT01	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
1690	DH31401358	Đoàn Thanh		D14_DDT01	10	6	8	25	16	15	2	82	Tốt	
1691	DH31401478	Lê Minh		D14_DDT01	10	6	8	25	11	15	2	77	Khá	
1692	DH31401483	Nguyễn Hữu		D14_DDT01	10	10	8	25	5	15	2	75	Khá	
1693	DH31401416	Dương Minh		D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1694	DH31401469	Nguyễn Hiếu		D14_DDT01	10	6	8	25	11	15	2	77	Khá	
1695	DH31401350	Nguyễn Hữu Hoàng		D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1696	DH31401506	Nguyễn Quốc	Tuấn	D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1697	DH31401515	Võ Trí	Tuệ	D14_DDT01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
1698	DH31401327	Nguyễn Nhật	Tùng	D14_DDT01	10	12	8	25	5	15	2	77	Khá	
1699	DH31401149	Lâm Quốc	Tường	D14_DDT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1700	DH31401587	Trần Minh	Vệ	D14_DDT01	10	12	8	25	5	15	2	77	Khá	
1701	DH31401575	Lê Nguyễn Hoàng	Việt	D14_DDT01	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
1702	DH31401665	Nguyễn Quốc	Việt	D14_DDT01	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
1703	DH41400033	Nguyễn Hữu Bảo	Anh	D14_VT01	10	12	4	25	10	5	9	75	Khá	
1704	DH41400053	Hà Thanh	Bình	D14_VT01	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
1705	DH41400088	Nguyễn Trương Chí	Cao	D14_VT01	9	12	3	25	3	10	2	64	Trung bình khá	
1706	DH41400091	Nguyễn Cao	Cường	D14_VT01	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
1707	DH41401715	Nguyễn Doãn Mạnh	Cường	D14_VT01	10	8	4	25	5	5	2	59	Trung bình	
1708	DH41400096	Trần Quốc	Cường	D14_VT01	9	9	2	25	0	5	2	52	Trung bình	
1709	DH41400170	Nguyễn Viết	Dũng	D14_VT01	10	8	2	25	0	5	2	52	Trung bình	
1710	DH41400228	Nguyễn Quốc	Đạt	D14_VT01	10	9	2	25	0	9	2	57	Trung bình	
1711	DH41400436	Nguyễn Trọng	Hoàng	D14_VT01	10	8	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
1712	DH41400437	Nguyễn Việt	Hoàng	D14_VT01	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
1713	DH41400438	Nguyễn Vũ Phương	Hoàng	D14_VT01	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
1714	DH41400444	Vũ Duy	Hoàng	D14_VT01	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
1715	DH41400362	Đặng Quang	Hội	D14_VT01	10	6	4	25	7	10	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1716	DH41400375	Trần Văn	Hùng	D14_VT01	10	12	0	25	4	7	9	67	Trung bình khá	
1717	DH41400477	Mai Quang	Huy	D14_VT01	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
1718	DH41400491	Võ Thái	Huy	D14_VT01	10	12	4	25	0	5	2	58	Trung bình	
1719	DH41400539	Bùi Anh	Khoa	D14_VT01	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
1720	DH41400612	Đoàn Võ Phương	Linh	D14_VT01	10	12	4	25	3	5	2	61	Trung bình khá	
1721	DH41400644	Dương Kim	Long	D14_VT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1722	DH41400655	Trịnh Văn	Luu	D14_VT01	10	8	2	25	6	5	2	58	Trung bình	
1723	DH41400680	Trần Công	Mẫn	D14_VT01	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
1724	DH41400696	Mai Quang	Minh	D14_VT01	10	6	0	25	0	5	2	48	Yếu	
1725	DH41400765	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	D14_VT01	10	8	0	25	0	5	2	50	Trung bình	
1726	DH41400826	Phạm Trung	Nghĩa	D14_VT01	10	9	4	25	0	10	2	60	Trung bình khá	
1727	DH41401689	Nguyễn Vinh	Nghiệp	D14_VT01	10	6	0	25	0	5	2	48	Yếu	
1728	DH41400842	Nguyễn Quốc	Nguyên	D14_VT01	10	12	4	25	3	5	9	68	Trung bình khá	
1729	DH41400878	Nguyễn Trung	Nhân	D14_VT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1730	DH41400913	Huỳnh Thị Minh	Nhụy	D14_VT01	10	8	4	25	6	10	9	72	Khá	
1731	DH41400964	Nguyễn Quốc	Phẩm	D14_VT01	10	12	6	25	15	5	2	75	Khá	
1732	DH41401020	Lê Anh	Phong	D14_VT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1733	DH41401021	Nguyễn Hoài	Phong	D14_VT01	10	12	7	25	6	5	9	74	Khá	
1734	DH41400973	Lê Hoàng	Phước	D14_VT01	10	12	4	25	0	5	2	58	Trung bình	
1735	DH41401043	Dương Duy	Quang	D14_VT01	10	12	0	25	3	5	2	57	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1736	DH41401081	Cao Trung	Son	D14_VT01	10	12	0	25	6	5	2	60	Trung bình khá	
1737	DH41401087	Phạm Hoàng	Son	D14_VT01	10	12	4	25	0	5	2	58	Trung bình	
1738	DH41401126	Nguyễn Duy	Tân	D14_VT01	10	12	0	25	0	8	2	57	Trung bình	
1739	DH41401127	Nguyễn Minh	Tân	D14_VT01	10	12	2	25	0	5	2	56	Trung bình	
1740	DH41401283	Nguyễn Xa Trường	Thịnh	D14_VT01	10	12	0	25	12	5	9	73	Khá	
1741	DH41401153	Cao Nguyễn Xuân	Thư	D14_VT01	10	8	0	25	3	10	9	65	Trung bình khá	
1742	DH41401317	Phan Thảo	Tiên	D14_VT01	10	8	2	25	3	10	2	60	Trung bình khá	
1743	DH41401532	Lưu Hoàng	Tín	D14_VT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1744	DH41401533	Nguyễn Trương Trung	Tín	D14_VT01	10	10	2	25	0	5	2	54	Trung bình	
1745	DH41401422	Võ Phước	Trọng	D14_VT01	10	12	0	25	20	5	2	74	Khá	
1746	DH41401580	Dương Đoàn	Vũ	D14_VT01	10	8	4	25	0	10	2	59	Trung bình	
1747	DH41401581	Lê Hoàng	Vũ	D14_VT01	10	12	0	25	0	10	2	59	Trung bình	
1748	CD91301848	Võ Công	Nguyên	C13_MT2TT	10	12	0	25	16	10	2	75	Khá	
1749	CD91301963	Đào Thị Thanh	Thảo	C13_MT2TT	10	8	2	25	6	10	2	63	Trung bình khá	
1750	CD91002113	Đinh Thị Minh	Thư	C13_MT2TT	10	12	5	25	5	10	2	69	Trung bình khá	
1751	CD91301647	Hồ	Anh	C13_MT3DH	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
1752	CD91301631	Nguyễn Ngọc Trung Bình	Đặng	C13_MT3DH	10	10	2	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
1753	CD91301712	La Bảo	Hào	C13_MT3DH	10	8	2	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
1754	CD91301950	Phương Bá	Thông	C13_MT3DH	10	9	2	25	2	15	9	72	Khá	
1755	CD91302098	Văn Thị	Hòa	C13_MT4NT	10	9	8	25	18	10	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1756	CD91301753	Trần Thị Như	Hoàng	C13_MT4NT	10	8	8	25	16	12	2	81	Tốt	
1757	CD91301833	Võ Thị Tuyết	Nga	C13_MT4NT	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
1758	CD91301910	Lê Hồng	Quang	C13_MT4NT	10	6	8	25	16	10	2	77	Khá	
1759	CD91301948	Bùi Kim	Thái	C13_MT4NT	3	6	4	25	8	10	0	56	Trung bình	
1760	CD91301997	Tạ Thanh	Thy	C13_MT4NT	10	6	8	25	13	10	9	81	Tốt	
1761	DH91200205	Trương Thị Mỹ	Diệu	D12_MT1TD	10	8	4	25	5	15	0	67	Trung bình khá	
1762	DH91200019	Nguyễn Cao	Duy	D12_MT1TD	9	8	8	25	20	10	9	89	Tốt	
1763	DH91200168	Nguyễn Tuấn Phúc	Đại	D12_MT1TD	9	10	8	25	0	15	2	69	Trung bình khá	
1764	DH91200023	Ninh Thị	Giang	D12_MT1TD	10	8	4	25	12	10	2	71	Khá	
1765	DH91200172	Nguyễn Ngọc	Hiển	D12_MT1TD	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1766	DH91200028	Nguyễn Tô Thế	Huy	D12_MT1TD	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	
1767	DH91200175	Tường Nguyễn Phương	Khanh	D12_MT1TD	9	8	0	25	9	15	2	68	Trung bình khá	
1768	DH91200178	Nguyễn Thị Minh	Kim	D12_MT1TD	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
1769	DH91200072	Lợi Cẩm	Nguyên	D12_MT1TD	10	10	7	25	13	15	10	90	Xuất sắc	
1770	DH91200184	Hồ Thành	Phát	D12_MT1TD	9	12	8	25	2	15	2	73	Khá	
1771	DH91200114	Huỳnh Thị	Tâm	D12_MT1TD	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
1772	DH91200194	Nguyễn Thanh	Thiện	D12_MT1TD	10	10	8	25	10	15	2	80	Tốt	
1773	DH91201737	Tăng Thị Thanh	Thùy	D12_MT1TD	10	12	4	25	10	15	0	76	Khá	
1774	DH91200191	Hồ Thị Minh	Thư	D12_MT1TD	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
1775	DH91200236	Nguyễn Thành	Triệu	D12_MT1TD	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1776	DH91200092	Hứa Thị	Chung	D12_MT2TT	10	9	8	25	18	12	2	84	Tốt	
1777	DH91200020	Trần Quang	Duy	D12_MT2TT	10	10	7	25	18	12	10	92	Xuất sắc	
1778	DH91200207	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	D12_MT2TT	10	9	4	25	12	10	2	72	Khá	
1779	DH91200133	Huỳnh Thái	Đình	D12_MT2TT	10	10	4	25	10	13	2	74	Khá	
1780	DH91200061	Châu Minh	Đức	D12_MT2TT	10	12	7	25	20	10	10	94	Xuất sắc	
1781	DH91200136	Văn Thị Diệu	Huyền	D12_MT2TT	10	10	2	25	15	10	9	81	Tốt	
1782	DH91200141	Thang Thi	Kỳ	D12_MT2TT	10	11	4	25	10	10	9	79	Khá	
1783	DH91200109	Nguyễn Thụy Hồng	Nhung	D12_MT2TT	9	6	8	25	9	10	2	69	Trung bình khá	
1784	DH91200039	Huỳnh Lee Trúc	Quân	D12_MT2TT	10	10	7	25	20	12	2	86	Tốt	
1785	DH91200115	Phan Thị Thanh	Tâm	D12_MT2TT	10	12	4	25	7	10	2	70	Khá	
1786	DH91200118	Trần Thị	Tin	D12_MT2TT	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
1787	DH91200122	Hà Bảo	Trâm	D12_MT2TT	10	11	4	25	10	13	2	75	Khá	
1788	DH91200195	Nguyễn Ngọc Khánh	Trân	D12_MT2TT	10	10	5	25	16	13	2	81	Tốt	
1789	DH91200090	Đình Hoàng Thiên	Vũ	D12_MT2TT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1790	DH91200054	Nguyễn Bá	An	D12_MT3DH	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
1791	DH91200165	Hồ Ngọc Kim	Anh	D12_MT3DH	10	9	2	25	12	10	2	70	Khá	
1792	DH91200204	Phạm Thị Thúy	Diễm	D12_MT3DH	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
1793	DH91200018	Trần Viễn	Du	D12_MT3DH	10	6	2	25	10	15	2	70	Khá	
1794	DH91200059	Trần Duy	Đạt	D12_MT3DH	10	9	8	25	10	5	2	69	Trung bình khá	
1795	DH91200022	Phan Thành	Được	D12_MT3DH	10	8	4	25	6	5	2	60	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1796	DH91200135	Trần Văn	Hải	D12_MT3DH	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
1797	DH91200062	Ngô Chí	Hiên	D12_MT3DH	10	12	4	25	0	5	2	58	Trung bình	
1798	DH91200171	Trần Chấn	Hồng	D12_MT3DH	10	9	6	25	10	15	2	77	Khá	
1799	DH91200098	Đoàn Thị Kim	Huệ	D12_MT3DH	10	9	6	25	17	15	2	84	Tốt	
1800	DH91200174	Lê Thị Thanh	Huyền	D12_MT3DH	10	10	6	25	15	15	2	83	Tốt	
1801	DH91200213	Đặng Văn	Kết	D12_MT3DH	10	8	7	25	20	15	2	87	Tốt	
1802	DH91200212	Trần Đình Anh	Khoa	D12_MT3DH	10	10	8	8	20	15	2	73	Khá	
1803	DH91200140	Trịnh Thị	Khuyên	D12_MT3DH	10	10	4	25	16	15	10	90	Xuất sắc	
1804	DH91200138	Nguyễn Đình An	Khuong	D12_MT3DH	9	6	6	25	15	10	2	73	Khá	
1805	DH91200064	Lê Từ Y	Linh	D12_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1806	DH91200065	Trần Nguyễn Khánh	Linh	D12_MT3DH	10	6	4	25	8	5	2	60	Trung bình khá	
1807	DH91200066	Nguyễn Hữu	Long	D12_MT3DH	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
1808	DH91200144	Nguyễn Hoàng Thảo	Ly	D12_MT3DH	9	8	6	25	15	15	2	80	Tốt	
1809	DH91200031	Đặng Quang	Minh	D12_MT3DH	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
1810	DH91200103	Trương Hoàng	Mỹ	D12_MT3DH	10	12	4	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
1811	DH91200067	Đoàn Thanh	Nam	D12_MT3DH	10	10	4	25	0	5	2	56	Trung bình	
1812	DH91200069	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	D12_MT3DH	10	12	2	20	5	5	2	56	Trung bình	
1813	DH91200215	Đoàn Đỗ Uyên	Nhã	D12_MT3DH	10	12	8	23	19	15	2	89	Tốt	
1814	DH91200035	Nguyễn Thanh	Nhàn	D12_MT3DH	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
1815	DH91200217	Phạm Nguyễn Bảo	Nhi	D12_MT3DH	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1816	DH91200073	Nguyễn Minh	Nhật	D12_MT3DH	10	8	8	25	19	10	2	82	Tốt	
1817	DH91200218	Hồ Thị Kim	Oanh	D12_MT3DH	10	9	8	25	16	10	2	80	Tốt	
1818	DH91200185	Nguyễn Hoàng	Phát	D12_MT3DH	10	9	8	25	16	10	9	87	Tốt	
1819	DH91200038	Phan Thanh	Phong	D12_MT3DH	10	9	4	25	9	5	2	64	Trung bình khá	
1820	DH91200221	Võ Huỳnh	Phú	D12_MT3DH	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
1821	DH91200077	Huỳnh Đông Bảo	Phúc	D12_MT3DH	10	10	8	25	15	15	10	93	Xuất sắc	
1822	DH91200224	Nguyễn Thị Kim	Phụng	D12_MT3DH	10	10	8	25	20	10	10	93	Xuất sắc	
1823	DH91200152	Văn Trương Cẩm	Phụng	D12_MT3DH	10	9	2	25	10	15	2	73	Khá	
1824	DH91200075	Nguyễn Đăng Bảo	Phương	D12_MT3DH	10	10	2	25	12	15	2	76	Khá	
1825	DH91100602	Trần Lê Thiện ái Bảo	Phương	D12_MT3DH	10	12	4	25	19	5	2	77	Khá	
1826	DH91200036	Võ Thị Mỹ	Phượng	D12_MT3DH	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
1827	DH91200078	Trần Hoàng	Quyên	D12_MT3DH	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
1828	DH91201736	Huỳnh Thị Nguyệt	Sương	D12_MT3DH	10	9	2	25	10	15	2	73	Khá	
1829	DH91200113	Trương Thị Thu	Sương	D12_MT3DH	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
1830	DH91200229	Huỳnh Bá	Tài	D12_MT3DH	10	9	6	25	16	5	2	73	Khá	
1831	DH91200227	Nguyễn Văn	Tân	D12_MT3DH	10	9	8	25	10	10	2	74	Khá	
1832	DH91200040	Võ Hoàng Nguyên	Thảo	D12_MT3DH	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
1833	DH91200043	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D12_MT3DH	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
1834	DH91200116	Trần Thị Thanh	Thúy	D12_MT3DH	10	9	8	25	14	10	2	78	Khá	
1835	DH91200156	Hoàng Song Uyên	Thư	D12_MT3DH	10	10	4	25	8	10	2	69	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1836	DH91200121	Lê Hữu	Toàn	D12_MT3DH	10	12	2	25	15	10	2	76	Khá	
1837	DH91200046	Đỗ Đoàn Huyền	Trang	D12_MT3DH	9	10	4	25	12	5	2	67	Trung bình khá	
1838	DH91200161	Hà Nguyễn Khánh	Trang	D12_MT3DH	10	10	4	25	10	15	9	83	Tốt	
1839	DH91200123	Nguyễn Thùy	Trang	D12_MT3DH	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
1840	DH91200083	Nguyễn Đăng Thùy	Trâm	D12_MT3DH	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
1841	DH91200198	Nguyễn Bá	Trí	D12_MT3DH	10	6	2	25	5	5	2	55	Trung bình	
1842	DH91200162	Lê	Triều	D12_MT3DH	10	9	8	20	19	15	2	83	Tốt	
1843	DH91200084	Lâm Thục	Trinh	D12_MT3DH	10	10	6	25	19	13	2	85	Tốt	
1844	DH91200085	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	D12_MT3DH	10	10	8	25	19	15	2	89	Tốt	
1845	DH91200119	Nguyễn Vũ Thạch	Tú	D12_MT3DH	10	10	6	25	19	13	2	85	Tốt	
1846	DH91200086	Lê Anh	Tuấn	D12_MT3DH	10	9	0	25	3	10	2	59	Trung bình	
1847	DH91200087	Nguyễn Quốc	Tuấn	D12_MT3DH	10	10	4	25	4	10	2	65	Trung bình khá	
1848	DH91200237	Tô Anh	Tuấn	D12_MT3DH	10	10	4	25	15	10	2	76	Khá	
1849	DH91201862	Nguyễn Hữu	Tuyên	D12_MT3DH	10	8	2	25	3	5	2	55	Trung bình	
1850	DH91200088	Trần Kim	Tuyên	D12_MT3DH	10	10	0	25	0	10	2	57	Trung bình	
1851	DH91200164	Trần Thị Phương	Uyên	D12_MT3DH	9	9	0	25	11	9	2	65	Trung bình khá	
1852	DH91200200	Lương Hoàng	Vũ	D12_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1853	DH91200050	Nguyễn Lê Uyên	Vy	D12_MT3DH	10	9	4	25	13	12	2	75	Khá	
1854	DH91200238	Phạm Vũ Phương	Vy	D12_MT3DH	10	9	6	25	16	5	2	73	Khá	
1855	DH91200051	Võ Tường	Vy	D12_MT3DH	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1856	DH91200052	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	D12_MT3DH	10	9	0	25	0	10	2	56	Trung bình	
1857	DH91200091	Trần Diệp	Anh	D12_MT4NT	10	10	6	25	10	15	2	78	Khá	
1858	DH91200016	Nguyễn Vũ	Bảo	D12_MT4NT	10	10	4	25	5	15	2	71	Khá	
1859	DH91201735	Bùi Danh	Ca	D12_MT4NT	10	10	0	25	15	15	2	77	Khá	
1860	DH91200130	Chu Thị Kim	Chi	D12_MT4NT	9	6	0	25	5	15	2	62	Trung bình khá	
1861	DH91200167	Hà Kiều	Diễm	D12_MT4NT	9	12	0	25	0	5	2	53	Trung bình	
1862	DH91200093	Huỳnh Kim	Dũng	D12_MT4NT	10	9	8	25	12	5	2	71	Khá	
1863	DH91200131	Huỳnh Thị Thúy	Duy	D12_MT4NT	7	6	0	25	2	10	2	52	Trung bình	
1864	DH91200095	Bùi Ngọc Mỹ	Duyên	D12_MT4NT	10	12	6	25	3	15	2	73	Khá	
1865	DH91200132	Phan Hà Mỹ	Duyên	D12_MT4NT	10	12	8	25	3	15	2	75	Khá	
1866	DH91200017	Trương Ứng	Dương	D12_MT4NT	9	12	8	25	15	15	9	93	Xuất sắc	
1867	DH91200169	Phạm Châu	Đức	D12_MT4NT	9	12	2	25	5	10	2	65	Trung bình khá	
1868	DH91200024	Đỗ Anh	Hào	D12_MT4NT	10	10	5	25	13	15	8	86	Tốt	
1869	DH91200096	Lê Trung	Hiền	D12_MT4NT	6	10	0	25	10	15	2	68	Trung bình khá	
1870	DH91200211	Phạm Lê Trung	Hiếu	D12_MT4NT	10	10	0	25	9	15	2	71	Khá	
1871	DH91200097	Trần Trịnh	Hoàng	D12_MT4NT	9	10	2	25	5	15	2	68	Trung bình khá	
1872	DH91201977	Hồ Xuân	Hương	D12_MT4NT	10	10	8	25	4	15	2	74	Khá	
1873	DH91200139	Trần Duy	Khang	D12_MT4NT	10	10	6	25	5	15	2	73	Khá	
1874	DH91200137	Lý Vương Nhựt	Khánh	D12_MT4NT	10	9	0	25	10	15	2	71	Khá	
1875	DH91200176	Nguyễn Đăng	Khoa	D12_MT4NT	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1876	DH91200100	Nguyễn Thị Kim	Liên	D12_MT4NT	10	10	8	25	8	15	2	78	Khá	
1877	DH91200142	Phạm Thị Thanh	Liễu	D12_MT4NT	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
1878	DH91200180	Nguyễn Ngọc	Lợi	D12_MT4NT	10	9	6	25	9	15	2	76	Khá	
1879	DH91200032	Trương Nguyễn Phương	Minh	D12_MT4NT	10	12	0	25	7	15	2	71	Khá	
1880	DH91200146	Trần Lê Hải	Nam	D12_MT4NT	10	10	0	25	10	5	2	62	Trung bình khá	
1881	DH91200104	Trần Thị Thu	Nga	D12_MT4NT	7	9	8	25	10	15	2	76	Khá	
1882	DH91200181	Huỳnh Thị ánh	Ngọc	D12_MT4NT	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
1883	DH91200070	Nguyễn Thị Như	Ngọc	D12_MT4NT	10	10	2	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
1884	DH91200071	Lê Nhã	Nguyên	D12_MT4NT	10	12	7	25	2	5	2	63	Trung bình khá	
1885	DH91200106	Trần Hữu	Nhân	D12_MT4NT	10	9	0	25	10	15	2	71	Khá	
1886	DH91200105	Võ Thị Quỳnh	Như	D12_MT4NT	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
1887	DH91200145	Huỳnh Nguyễn Kim	Nuong	D12_MT4NT	9	10	8	25	6	15	9	82	Tốt	
1888	DH91200076	Trần Nhật	Phi	D12_MT4NT	10	12	8	25	4	15	2	76	Khá	
1889	DH91200223	Lý Minh	Phong	D12_MT4NT	10	10	0	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
1890	DH91200111	Ngô Hạnh	Phúc	D12_MT4NT	10	10	4	25	17	7	8	81	Tốt	
1891	DH91200151	Ngô Bội	Phụng	D12_MT4NT	8	9	0	25	7	15	2	66	Trung bình khá	
1892	DH91200186	Nguyễn Hữu	Phước	D12_MT4NT	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
1893	DH91200150	Phạm Hồng	Phước	D12_MT4NT	9	8	2	25	5	10	2	61	Trung bình khá	
1894	DH91200074	Mạc Mỹ	Phương	D12_MT4NT	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
1895	DH91200219	Nguyễn Hoài	Phương	D12_MT4NT	9	8	0	25	20	15	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1896	DH91200148	Nguyễn Như	Phương	D12_MT4NT	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
1897	DH91200187	Đỗ Thị Bích	Phượng	D12_MT4NT	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
1898	DH91200153	Lê Văn	Quân	D12_MT4NT	9	8	0	25	20	15	2	79	Khá	
1899	DH91201863	Hoàng Đình	Thành	D12_MT4NT	7	12	0	25	2	10	2	58	Trung bình	
1900	DH91200080	Hồ Kim	Thành	D12_MT4NT	8	9	5	25	8	15	2	72	Khá	
1901	DH91200192	Huỳnh Chí	Thành	D12_MT4NT	9	12	6	25	3	15	8	78	Khá	
1902	DH91200695	Đoàn Thanh	Thảo	D12_MT4NT	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
1903	DH91200158	Tăng Lê Vy	Thảo	D12_MT4NT	10	10	8	25	6	15	2	76	Khá	
1904	DH91200193	Nguyễn Đình	Thiên	D12_MT4NT	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
1905	DH91200081	Nguyễn Hoàn	Thiện	D12_MT4NT	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
1906	DH91100515	Huỳnh Thị Trúc	Thơ	D12_MT4NT	7	10	0	25	3	15	2	62	Trung bình khá	
1907	DH91201816	Nguyễn Anh	Thơ	D12_MT4NT	9	12	0	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
1908	DH91200231	Đỗ Nguyễn Hoàng	Thuận	D12_MT4NT	10	9	0	25	9	15	2	70	Khá	
1909	DH91200230	Đào Thị Minh	Thùy	D12_MT4NT	10	9	8	25	10	15	2	79	Khá	
1910	DH91200041	Nguyễn Giang Diệu	Thùy	D12_MT4NT	10	10	6	25	20	5	8	84	Tốt	
1911	DH91200157	Phạm Nguyễn Hoài	Thương	D12_MT4NT	10	9	6	25	3	15	2	70	Khá	
1912	DH91100565	Trần Anh	Thy	D12_MT4NT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1913	DH91200044	Đỗ Ngọc Xuân	Tiến	D12_MT4NT	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
1914	DH91200160	Nguyễn Trung	Tiến	D12_MT4NT	10	9	8	25	0	15	2	69	Trung bình khá	
1915	DH91201777	Nguyễn	Tĩnh	D12_MT4NT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1916	DH91200233	Nguyễn Khánh	Toàn	D12_MT4NT	9	8	0	25	0	15	2	59	Trung bình	
1917	DH91200235	Nguyễn Thị Mỹ	Trâm	D12_MT4NT	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
1918	DH91200045	Phạm Thị Bích	Trâm	D12_MT4NT	10	10	0	25	9	15	2	71	Khá	
1919	DH91200126	Trần Minh	Trung	D12_MT4NT	10	12	4	25	2	15	2	70	Khá	
1920	DH91200082	Đình Cẩm	Tú	D12_MT4NT	10	9	4	25	3	10	2	63	Trung bình khá	
1921	DH91200120	Phan Thành	Tú	D12_MT4NT	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
1922	DH91201867	Trịnh Anh	Tuấn	D12_MT4NT	10	12	8	25	9	15	9	88	Tốt	
1923	DH91200047	Đặng Cao	Văn	D12_MT4NT	10	12	4	25	3	10	2	66	Trung bình khá	
1924	DH91200049	Vương	Vĩ	D12_MT4NT	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
1925	DH91200199	Tạ Quốc	Việt	D12_MT4NT	9	6	0	25	0	15	2	57	Trung bình	
1926	DH91300005	Nguyễn Thị	ánh	D13_MT1TD	7	6	7	25	2	10	2	59	Trung bình	
1927	DH91300010	Nguyễn Ngọc Hồng	Ân	D13_MT1TD	10	12	2	25	12	10	2	73	Khá	
1928	DH91300180	Đỗ Văn	Chung	D13_MT1TD	9	6	6	25	17	15	2	80	Tốt	
1929	DH91300028	Đỗ Thành	Đạt	D13_MT1TD	10	12	2	25	12	15	2	78	Khá	
1930	DH91300053	Lê Hữu	Đức	D13_MT1TD	10	10	8	25	12	15	2	82	Tốt	
1931	DH91300307	Đặng Thị Thu	Hương	D13_MT1TD	10	8	2	25	19	7	9	80	Tốt	
1932	DH91300561	Nguyễn Hoàng	Lâm	D13_MT1TD	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
1933	DH91300685	Trần Trí	Mẫn	D13_MT1TD	10	10	2	25	15	10	2	74	Khá	
1934	DH91300798	Trương Nguyễn Trọng	Nghĩa	D13_MT1TD	10	8	2	25	18	5	2	70	Khá	
1935	DH91300813	Bùi Thị Thu	Nguyệt	D13_MT1TD	10	9	2	25	15	10	2	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1936	DH91300822	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D13_MT1TD	10	8	4	25	15	10	9	81	Tốt	
1937	DH91300922	Võ Tấn	Phát	D13_MT1TD	10	8	4	25	6	10	2	65	Trung bình khá	
1938	DH91300931	Nguyễn Hoàng Trúc	Phuong	D13_MT1TD	10	6	2	25	15	10	2	70	Khá	
1939	DH91301177	Nguyễn Ngọc	Thảo	D13_MT1TD	10	8	2	25	9	10	2	66	Trung bình khá	
1940	DH91301267	Nguyễn Ngọc	Thịnh	D13_MT1TD	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
1941	DH91301373	Nguyễn Lê Ngọc	Trà	D13_MT1TD	10	12	0	25	15	15	9	86	Tốt	
1942	DH91301328	Lê Hoàng Mỹ	Tú	D13_MT1TD	9	12	2	25	12	15	2	77	Khá	
1943	DH91301333	Nguyễn Ngọc	Tú	D13_MT1TD	10	10	2	25	3	10	2	62	Trung bình khá	
1944	DH91301484	Nguyễn Ngọc Thông	Tuệ	D13_MT1TD	10	8	2	25	9	15	2	71	Khá	
1945	DH91300120	Trần Văn	Bình	D13_MT2TT	10	9	5	25	11	10	2	72	Khá	
1946	DH91300202	Nguyễn Thị Mỹ	Diệp	D13_MT2TT	10	9	5	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
1947	DH91300222	Đặng Thị Ngọc	Dung	D13_MT2TT	10	9	2	25	8	10	9	73	Khá	
1948	DH91300038	Nguyễn Trần	Đạt	D13_MT2TT	10	9	5	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
1949	DH91300400	Ngô Thị	Hiếu	D13_MT2TT	10	10	0	25	11	10	2	68	Trung bình khá	
1950	DH91300417	Trần Ninh	Hung	D13_MT2TT	10	10	5	25	12	10	9	81	Tốt	
1951	DH91300318	Trương Dạ Lý	Huong	D13_MT2TT	10	8	0	25	6	10	2	61	Trung bình khá	
1952	DH91300575	Đỗ Thị Như	Lan	D13_MT2TT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1953	DH91300612	Lê Nguyễn Thảo	Linh	D13_MT2TT	10	12	5	25	9	10	2	73	Khá	
1954	DH91300613	Lê Thị Mỹ	Linh	D13_MT2TT	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
1955	DH91300706	Nguyễn Ngọc	Minh	D13_MT2TT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1956	DH91200068	Lê Thị	Nga	D13_MT2TT	10	9	3	25	9	10	2	68	Trung bình khá	
1957	DH91300833	Nguyễn Trọng	Nhân	D13_MT2TT	10	10	5	25	11	10	2	73	Khá	
1958	DH91300898	Huỳnh Thị	Ny	D13_MT2TT	10	9	2	25	11	10	9	76	Khá	
1959	DH91300902	Nguyễn Thị Phương	Oanh	D13_MT2TT	10	8	5	25	8	10	2	68	Trung bình khá	
1960	DH91301039	Chung Tô	Quyên	D13_MT2TT	10	9	5	25	11	10	2	72	Khá	
1961	DH91301196	Trần Lê Thu	Thảo	D13_MT2TT	10	9	2	25	9	10	2	67	Trung bình khá	
1962	DH91301375	Hoàng Ngọc	Trang	D13_MT2TT	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
1963	DH91301389	Nguyễn Thị Minh	Trang	D13_MT2TT	0	9	0	0	0	0	9	18	Kém	
1964	DH91301386	Nguyễn Thùy	Trang	D13_MT2TT	10	9	5	25	5	10	2	66	Trung bình khá	
1965	DH91301398	Trần Kiều	Trang	D13_MT2TT	10	12	2	25	11	10	2	72	Khá	
1966	DH91301537	Võ Thị Thu	Vân	D13_MT2TT	10	9	3	25	6	10	2	65	Trung bình khá	
1967	DH91301542	Nguyễn Phương Hoài	Vi	D13_MT2TT	10	12	2	25	11	10	2	72	Khá	
1968	DH91301621	Vũ Hoàng	Yến	D13_MT2TT	10	9	5	25	13	10	2	74	Khá	
1969	DH91300074	Võ Thị Trúc	An	D13_MT3DH	10	9	2	25	0	15	6	67	Trung bình khá	
1970	DH91300082	Huỳnh Tinh	Anh	D13_MT3DH	10	10	4	25	20	15	2	86	Tốt	
1971	DH91300089	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_MT3DH	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
1972	DH91300090	Nguyễn Hoàng	Anh	D13_MT3DH	10	10	2	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
1973	DH91300109	Hoàng	Bách	D13_MT3DH	10	10	6	25	20	15	6	92	Xuất sắc	
1974	DH91300113	Et Đặng Thanh	Bình	D13_MT3DH	10	9	6	25	0	15	2	67	Trung bình khá	
1975	DH91300170	Hồng Khắc	Chương	D13_MT3DH	10	9	5	25	20	15	6	90	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1976	DH91300145	Nguyễn Hoàng	Cương	D13_MT3DH	10	8	2	25	12	15	2	74	Khá	
1977	DH91300228	Nguyễn Thị Hạnh	Dung	D13_MT3DH	10	10	4	25	6	15	2	72	Khá	
1978	DH91300230	Tôn Võ Thùy	Dung	D13_MT3DH	10	9	4	25	6	15	2	71	Khá	
1979	DH91300239	Lê Hoàng	Duy	D13_MT3DH	10	9	4	25	2	15	2	67	Trung bình khá	
1980	DH91300258	Nguyễn Hoàng Phương	Duyên	D13_MT3DH	10	10	6	25	9	15	2	77	Khá	
1981	DH91300189	Trần Thị Thùy	Dương	D13_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
1982	DH91300042	Trần Lâm Tiến	Đạt	D13_MT3DH	10	9	8	25	8	15	2	77	Khá	
1983	DH91300056	Lê Bá	Đình	D13_MT3DH	10	9	6	25	7	15	2	74	Khá	
1984	DH91300327	Nguyễn Thị Thu	Hà	D13_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
1985	DH91300291	Nguyễn Thị Kim	Hằng	D13_MT3DH	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
1986	DH91300404	Nguyễn Trung	Hiếu	D13_MT3DH	10	10	6	25	12	15	2	80	Tốt	
1987	DH91300441	Nguyễn Ngọc	Hòa	D13_MT3DH	10	9	6	25	0	15	2	67	Trung bình khá	
1988	DH91300424	Đặng Văn	Hoàng	D13_MT3DH	10	10	2	25	6	15	2	70	Khá	
1989	DH91300362	Lâm Kim	Học	D13_MT3DH	10	10	2	25	6	15	2	70	Khá	
1990	DH91300449	Hồ Văn	Huấn	D13_MT3DH	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
1991	DH91300384	Phạm Khánh	Hùng	D13_MT3DH	10	8	4	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
1992	DH91300459	Lê Cẩm	Huy	D13_MT3DH	10	9	0	25	0	15	2	61	Trung bình khá	
1993	DH91300460	Lê Hoàng	Huy	D13_MT3DH	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
1994	DH91300515	Lê Minh	Khiêm	D13_MT3DH	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
1995	DH91300531	Trần Phan Đăng	Khoa	D13_MT3DH	10	10	8	25	12	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
1996	DH91300532	Nguyễn Bùi ái	Khuê	D13_MT3DH	10	8	2	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
1997	DH91200177	Lương Nguyễn Trung	Kiên	D13_MT3DH	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
1998	DH91300543	Nguyễn Lê Anh	Kiệt	D13_MT3DH	10	6	2	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
1999	DH91300568	Lê Thị Kim	Lài	D13_MT3DH	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
2000	DH91300569	Nguyễn Thị Tuyết	Lê	D13_MT3DH	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
2001	DH91300602	Bùi Trần Thùy	Linh	D13_MT3DH	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
2002	DH91300619	Nguyễn Thùy Phương	Linh	D13_MT3DH	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
2003	DH91300627	Phùng Gia	Linh	D13_MT3DH	10	9	4	25	17	15	2	82	Tốt	
2004	DH91300631	Trần Ngọc Mỹ	Linh	D13_MT3DH	10	8	6	25	6	15	2	72	Khá	
2005	DH91300634	Võ Ngọc	Linh	D13_MT3DH	5	6	0	25	7	10	0	53	Trung bình	
2006	DH91300590	Võ Bảo	Lộc	D13_MT3DH	10	6	6	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
2007	DH91300598	Đinh Thị Ngọc	Lợi	D13_MT3DH	10	8	2	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
2008	DH91300659	Nguyễn Đình	Lực	D13_MT3DH	10	8	4	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
2009	DH91300665	Lưu Ngọc	Ly	D13_MT3DH	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
2010	DH91300686	Đỗ Thị Quỳnh	Mi	D13_MT3DH	10	10	8	25	6	15	2	76	Khá	
2011	DH91300699	Nguyễn ánh	Minh	D13_MT3DH	10	10	6	25	14	15	2	82	Tốt	
2012	DH91300704	Nguyễn Long Bảo	Minh	D13_MT3DH	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
2013	DH91300731	Nguyễn Thị Quỳnh	My	D13_MT3DH	10	9	4	25	9	15	2	74	Khá	
2014	DH91300791	Nguyễn Thành	Nghiệp	D13_MT3DH	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
2015	DH91300828	Lý Thành	Nhân	D13_MT3DH	10	6	0	25	0	10	2	53	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2016	DH91300832	Nguyễn Thanh	Nhân	D13_MT3DH	10	10	6	25	0	15	2	68	Trung bình khá	
2017	DH91300864	Nguyễn Thị Cẩm	Nhi	D13_MT3DH	10	9	2	25	6	15	2	69	Trung bình khá	
2018	DH91300893	Đình ánh	Nhật	D13_MT3DH	10	8	0	25	6	15	2	66	Trung bình khá	
2019	DH91300905	Trần Thị Ngọc	Oanh	D13_MT3DH	10	6	2	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
2020	DH91300914	Nguyễn Tấn	Phát	D13_MT3DH	10	9	6	25	2	15	2	69	Trung bình khá	
2021	DH91200037	Nguyễn Ngọc Thiên	Phúc	D13_MT3DH	10	10	0	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
2022	DH91300925	Bùi Thị Kiều	Phuong	D13_MT3DH	10	10	6	25	6	15	2	74	Khá	
2023	DH91300928	Lê Thị Kim	Phuong	D13_MT3DH	10	9	8	25	0	15	2	69	Trung bình khá	
2024	DH91300929	Lê Thị Trúc	Phuong	D13_MT3DH	10	8	2	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
2025	DH91300927	Lữ Minh	Phuong	D13_MT3DH	10	8	2	25	9	15	6	75	Khá	
2026	DH91300935	Phạm Mai	Phuong	D13_MT3DH	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
2027	DH91300944	Võ Thị Thanh	Phuong	D13_MT3DH	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
2028	DH91300959	Nguyễn Thị	Phuợng	D13_MT3DH	10	9	4	25	9	15	2	74	Khá	
2029	DH91301059	Lê Trần Nhật	Son	D13_MT3DH	10	9	6	25	0	15	2	67	Trung bình khá	
2030	DH91301061	Nguyễn Ngọc	Son	D13_MT3DH	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
2031	DH91301106	Nghiêm Quốc	Tân	D13_MT3DH	10	10	4	25	20	15	10	94	Xuất sắc	
2032	DH91301222	Lưu Thanh	Thanh	D13_MT3DH	10	9	2	25	9	15	2	72	Khá	
2033	DH91301168	Cao Thái Thanh	Thảo	D13_MT3DH	10	9	6	25	3	15	2	70	Khá	
2034	DH91301167	Đỗ Thu	Thảo	D13_MT3DH	10	10	2	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
2035	DH91301191	Phạm Thị Thanh	Thảo	D13_MT3DH	10	10	4	25	6	15	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2036	DH91301204	Đàm Thị Hồng	Thắm	D13_MT3DH	10	9	4	25	6	15	6	75	Khá	
2037	DH91301239	Quảng Thị Nhật	Thi	D13_MT3DH	10	8	6	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
2038	DH91301245	Nguyễn Quốc	Thiện	D13_MT3DH	10	10	4	25	0	15	2	66	Trung bình khá	
2039	DH91301266	Hứa Đức	Thịnh	D13_MT3DH	10	9	2	25	15	15	9	85	Tốt	
2040	DH91301252	Ngô Trần Hoài	Thúy	D13_MT3DH	10	9	2	25	6	15	2	69	Trung bình khá	
2041	DH91301156	Nguyễn Thị Yên	Thương	D13_MT3DH	10	10	8	25	20	15	10	98	Xuất sắc	
2042	DH91301308	Đỗ Duy	Tiến	D13_MT3DH	10	9	2	25	11	15	6	78	Khá	
2043	DH91301359	Phan Nguyễn Bảo	Trâm	D13_MT3DH	10	8	2	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
2044	DH91301429	Ngô Phan Phúc	Triệu	D13_MT3DH	10	10	2	25	6	15	2	70	Khá	
2045	DH91301413	Nguyễn Phương	Trinh	D13_MT3DH	10	9	2	25	9	15	2	72	Khá	
2046	DH91301433	Lê Thị Phương	Trúc	D13_MT3DH	10	9	6	25	6	15	2	73	Khá	
2047	DH91301435	Nguyễn ánh	Trúc	D13_MT3DH	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
2048	DH91301450	Dương Thanh	Truyền	D13_MT3DH	10	9	2	25	12	15	2	75	Khá	
2049	DH91301327	Giáp Thị Cẩm	Tú	D13_MT3DH	10	6	2	25	3	15	2	63	Trung bình khá	
2050	DH91301475	Phạm Minh	Tuấn	D13_MT3DH	10	10	5	25	15	15	2	82	Tốt	
2051	DH91301546	Bùi Văn	Viên	D13_MT3DH	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
2052	DH91301583	Nguyễn Ngọc Bảo	Vy	D13_MT3DH	10	8	8	25	14	15	2	82	Tốt	
2053	DH91301595	Hồ Thị Kim	Xuyến	D13_MT3DH	10	9	2	25	8	15	2	71	Khá	
2054	DH91301607	Nguyễn Trịnh Như	ý	D13_MT3DH	10	9	3	25	9	15	2	73	Khá	
2055	DH91300100	Phan Quốc	Anh	D13_MT4NT	9	9	8	25	4	10	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2056	DH91300139	Trương Xuân	Bảo	D13_MT4NT	10	9	4	25	6	10	9	73	Khá	
2057	DH91300169	Trần Thị Ngọc	Châu	D13_MT4NT	10	8	6	25	12	10	2	73	Khá	
2058	DH91300166	Trương Ngọc	Châu	D13_MT4NT	10	9	4	25	13	10	2	73	Khá	
2059	DH91300227	Nguyễn Phương	Dung	D13_MT4NT	10	8	6	25	12	10	2	73	Khá	
2060	DH91300233	Bùi Ngọc	Duy	D13_MT4NT	9	9	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
2061	DH91300246	Nguyễn Trọng Mẫn	Duy	D13_MT4NT	8	9	4	25	9	10	2	67	Trung bình khá	
2062	DH91200057	Phạm Huỳnh Khắc	Duy	D13_MT4NT	10	12	0	25	0	5	2	54	Trung bình	
2063	DH91300185	Hoàng Văn	Dương	D13_MT4NT	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
2064	DH91300031	Lâm Minh	Đạt	D13_MT4NT	10	10	4	25	9	10	9	77	Khá	
2065	DH91300015	Châu Hải	Đặng	D13_MT4NT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2066	DH91300023	Trương Ngọc Vân	Đình	D13_MT4NT	10	10	0	25	3	10	9	67	Trung bình khá	
2067	DH91300020	Tăng Quý	Đông	D13_MT4NT	10	9	2	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
2068	DH91300321	Chu Thị Thanh	Hà	D13_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2069	DH91300296	Phạm Lê Mỹ	Hằng	D13_MT4NT	10	9	6	25	8	10	2	70	Khá	
2070	DH91300408	Trần Trọng	Hiếu	D13_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2071	DH91300376	Lê Huy	Hùng	D13_MT4NT	10	9	2	25	20	10	2	78	Khá	
2072	DH91300471	Phạm Tấn	Huy	D13_MT4NT	10	6	0	25	0	15	9	65	Trung bình khá	
2073	DH91300415	Nguyễn Phú	Hung	D13_MT4NT	10	12	4	25	4	10	2	67	Trung bình khá	
2074	DH91300545	Phạm Trung	Kiệt	D13_MT4NT	9	9	0	25	2	10	2	57	Trung bình	
2075	DH91300633	Văn Thị Mỹ	Linh	D13_MT4NT	8	9	2	25	8	10	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2076	DH91300692	Huỳnh Thị Vi	Min	D13_MT4NT	10	8	2	25	12	10	9	76	Khá	
2077	DH91300775	Luu Hoàng Bích	Ngọc	D13_MT4NT	10	10	6	25	8	10	2	71	Khá	
2078	DH91300805	Mai Xuân	Nguyên	D13_MT4NT	9	8	4	25	10	10	2	68	Trung bình khá	
2079	DH91300807	Nguyễn Nguyễn Kim	Nguyên	D13_MT4NT	7	6	0	25	0	10	2	50	Trung bình	
2080	DH91300849	Đào Lê Minh	Nhật	D13_MT4NT	10	12	4	25	2	15	2	70	Khá	
2081	DH91300936	Phạm Thị Thảo	Phương	D13_MT4NT	8	8	6	25	12	10	2	71	Khá	
2082	DH91301115	Lê Phú	Tài	D13_MT4NT	10	9	4	25	9	10	2	69	Trung bình khá	
2083	DH91301230	Trương Đỗ Thiên	Thanh	D13_MT4NT	10	10	0	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
2084	DH91301243	Mã Hóa	Thiện	D13_MT4NT	9	9	8	25	13	10	2	76	Khá	
2085	DH91301261	Phan Văn	Thức	D13_MT4NT	10	6	0	25	0	10	2	53	Trung bình	
2086	DH91301322	Phạm Trung	Tiến	D13_MT4NT	10	10	8	25	17	10	9	89	Tốt	
2087	DH91301324	Trần Minh	Tiến	D13_MT4NT	9	8	6	25	20	10	2	80	Tốt	
2088	DH91301374	Trần Khánh Phương	Trà	D13_MT4NT	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
2089	DH91301379	Lê Thị Hương	Trang	D13_MT4NT	9	12	3	25	20	10	2	81	Tốt	
2090	DH91100526	Nguyễn Thị Vân	Trang	D13_MT4NT	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
2091	DH91301367	Nguyễn Huỳnh	Trân	D13_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2092	DH91301414	Nguyễn Phan Phương	Trinh	D13_MT4NT	9	8	2	25	15	10	2	71	Khá	
2093	DH91301402	Nguyễn Phúc	Trọng	D13_MT4NT	10	8	4	25	0	5	2	54	Trung bình	
2094	DH91301442	Trần Nguyên	Trực	D13_MT4NT	8	9	4	25	0	10	2	58	Trung bình	
2095	DH91301331	Nguyễn Hoàng Cẩm	Tú	D13_MT4NT	10	10	6	25	3	10	9	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2096	DH91301294	Đỗ Anh	Tùng	D13_MT4NT	9	8	6	25	0	10	2	60	Trung bình khá	
2097	DH91301485	Nguyễn Thành	Tuyên	D13_MT4NT	9	9	4	25	2	10	2	61	Trung bình khá	
2098	DH91301509	Nguyễn Bùi Bích	Uyên	D13_MT4NT	10	10	6	25	9	10	2	72	Khá	
2099	DH91301512	Nguyễn Thảo	Uyên	D13_MT4NT	9	9	4	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
2100	DH91301514	Phạm Ngọc Phương	Uyên	D13_MT4NT	9	10	4	25	10	10	2	70	Khá	
2101	DH91301523	Hồ Ngọc Thùy	Vân	D13_MT4NT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2102	DH91301544	Nguyễn Thị Tường	Vi	D13_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2103	DH91301592	Nguyễn Thanh	Xuân	D13_MT4NT	10	12	3	25	20	10	2	82	Tốt	
2104	DH91301614	Lê Thị	Yến	D13_MT4NT	7	8	2	25	0	5	2	49	Yếu	
2105	DH91400067	Phan Gia	Bảo	D14_MT1TD	10	8	2	25	11	8	8	72	Khá	
2106	DH91400054	Kiều Thị Trung	Bình	D14_MT1TD	8	12	0	25	0	5	2	52	Trung bình	
2107	DH91400086	Nguyễn Thành	Can	D14_MT1TD	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2108	DH91400457	Nguyễn Xuân	Hòa	D14_MT1TD	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
2109	DH91400530	Nguyễn Trung	Khang	D14_MT1TD	10	12	4	25	6	5	2	64	Trung bình khá	
2110	DH91400542	Nguyễn Đăng	Khoa	D14_MT1TD	10	9	4	25	20	0	9	77	Khá	
2111	DH91400670	Hoàng Thị Ngọc	Mai	D14_MT1TD	10	9	2	25	20	5	9	80	Tốt	
2112	DH91400838	Lê Trung	Nguyên	D14_MT1TD	10	9	2	25	11	5	2	64	Trung bình khá	
2113	DH91400864	Trần Thị Hoài	Như	D14_MT1TD	10	6	2	25	11	5	2	61	Trung bình khá	
2114	DH91401073	Võ Thị Hoàng	Quyên	D14_MT1TD	10	8	4	25	11	5	2	65	Trung bình khá	
2115	DH91401230	Trương Quang	Thạch	D14_MT1TD	10	9	0	25	12	5	0	61	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2116	DH91401277	Lê Hoàng	Thịnh	D14_MT1TD	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2117	DH91401397	Lê Nguyễn Thảo	Trang	D14_MT1TD	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
2118	DH91401385	Lê Thị Ngọc	Trân	D14_MT1TD	10	10	8	25	11	5	2	71	Khá	
2119	DH91401626	Đình Ngọc	Yến	D14_MT1TD	10	8	8	25	5	5	9	70	Khá	
2120	DH91400347	Trần Thị	Hạnh	D14_MT2TT	9	8	4	25	12	15	2	75	Khá	
2121	DH91401671	Tăng Thế	Hào	D14_MT2TT	10	8	7	25	11	15	9	85	Tốt	
2122	DH91400507	Nguyễn Ngọc	Khánh	D14_MT2TT	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
2123	DH91400510	Phan Thanh	Khánh	D14_MT2TT	10	9	4	25	12	10	9	79	Khá	
2124	DH91400538	Đoàn Trọng	Khoa	D14_MT2TT	10	10	4	25	17	10	9	85	Tốt	
2125	DH91400799	Nguyễn Bảo	Ngọc	D14_MT2TT	10	8	2	25	13	10	2	70	Khá	
2126	DH91400889	Đoàn Huỳnh Thảo	Nhi	D14_MT2TT	9	8	2	25	16	10	2	72	Khá	
2127	DH91400911	Trần Thúy	Nhi	D14_MT2TT	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
2128	DH91300903	Nguyễn Thị Tú	Oanh	D14_MT2TT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2129	DH91401180	Lê Thị Thương	Thương	D14_MT2TT	9	6	8	25	19	11	2	80	Tốt	
2130	DH91401412	Sử Thanh Huyền	Trang	D14_MT2TT	10	12	4	25	0	15	2	68	Trung bình khá	
2131	DH91401662	Trần Minh	Trí	D14_MT2TT	10	10	7	25	13	10	9	84	Tốt	
2132	DH91401418	Nguyễn Tấn	Trọng	D14_MT2TT	10	8	2	25	13	15	2	75	Khá	
2133	DH91401567	Nguyễn Ngọc Thảo	Vinh	D14_MT2TT	9	8	4	24	17	10	2	74	Khá	
2134	DH91400003	Nguyễn Thị Thúy	ái	D14_MT3DH	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
2135	DH91400040	Nguyễn Thị Phương	Anh	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2136	DH91400006	Phạm Ngọc	ánh	D14_MT3DH	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
2137	DH91401639	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	D14_MT3DH	10	10	8	25	15	10	2	80	Tốt	
2138	DH91400102	Hoàng Thị Hải	Châu	D14_MT3DH	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
2139	DH91400126	Phan Trần Yên	Chi	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2140	DH91400094	Phan Quốc	Cường	D14_MT3DH	10	10	8	25	15	10	2	80	Tốt	
2141	DH91400148	Huỳnh Đoàn Thành	Danh	D14_MT3DH	8	8	2	25	0	5	2	50	Trung bình	
2142	DH91401782	Hồ Phạm Quỳnh	Dung	D14_MT3DH	8	12	4	25	16	5	2	72	Khá	
2143	DH91400180	Vũ Hải	Dung	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2144	DH91401640	Bùi Chí	Dũng	D14_MT3DH	9	12	4	25	5	10	2	67	Trung bình khá	
2145	DH91400168	Nguyễn Anh	Dũng	D14_MT3DH	10	9	8	25	5	15	2	74	Khá	
2146	DH91400169	Nguyễn Văn	Dũng	D14_MT3DH	10	10	8	25	10	10	9	82	Tốt	
2147	DH91400208	Phan Thị Thùy	Duyên	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2148	DH91400139	Đặng Thị Thùy	Dương	D14_MT3DH	10	10	8	25	14	10	2	79	Khá	
2149	DH91400227	Nguyễn Hà	Đạt	D14_MT3DH	8	6	4	25	5	10	2	60	Trung bình khá	
2150	DH91400251	Trần Nguyễn Minh	Đức	D14_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2151	DH91400335	Lê Nhật	Hạ	D14_MT3DH	8	9	3	25	5	5	2	57	Trung bình	
2152	DH91400341	Lê Hồng	Hạnh	D14_MT3DH	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
2153	DH91400314	Lê Đức	Hào	D14_MT3DH	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
2154	DH91400381	Lý Quán	Hiền	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2155	DH91400382	Ngô Thị Ngọc	Hiền	D14_MT3DH	8	12	2	25	4	10	2	63	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2156	DH91400423	Đặng Thị Kim	Hoàng	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2157	DH91400432	Nguyễn Duy	Hoàng	D14_MT3DH	10	10	0	25	0	10	2	57	Trung bình	
2158	DH91400451	Nguyễn Thị Kim	Hoanh	D14_MT3DH	10	9	4	25	5	10	2	65	Trung bình khá	
2159	DH91400352	Đỗ Văn Nguyên	Hồng	D14_MT3DH	10	10	8	25	13	10	2	78	Khá	
2160	DH91400357	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	D14_MT3DH	10	12	4	25	5	10	2	68	Trung bình khá	
2161	DH91400461	Đình Hoàng Đức	Huân	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2162	DH91400370	Lâm Quốc	Hùng	D14_MT3DH	10	6	8	25	9	10	2	70	Khá	
2163	DH91400485	Nguyễn Xuân	Huy	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2164	DH91400488	Trần Đình	Huy	D14_MT3DH	9	12	0	25	0	10	2	58	Trung bình	
2165	DH91400412	Bùi Nhật Khánh	Hung	D14_MT3DH	8	12	2	25	4	10	2	63	Trung bình khá	
2166	DH91401643	Đỗ Quốc	Hung	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2167	DH91400290	Hồ Lan	Huong	D14_MT3DH	10	10	4	25	11	10	2	72	Khá	
2168	DH91400298	Phạm Ngọc Thiên	Huong	D14_MT3DH	10	6	8	25	13	10	2	74	Khá	
2169	DH91400526	Lê Vũ	Khang	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2170	DH91400506	Nguyễn Ngọc	Khánh	D14_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2171	DH91400518	Phan Hồng	Khương	D14_MT3DH	10	10	0	25	11	10	2	68	Trung bình khá	
2172	DH91400564	Châu Tuấn	Kiệt	D14_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2173	DH91400627	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D14_MT3DH	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
2174	DH91401647	Vũ Tuấn	Linh	D14_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2175	DH91400635	Hồ Thị Kim	Loan	D14_MT3DH	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2176	DH91400643	Châu	Trần Long	D14_MT3DH	10	12	2	25	7	10	2	68	Trung bình khá	
2177	DH91401792	Nguyễn	Thanh Luân	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2178	DH91400681	Đặng	Thị Y Mấn	D14_MT3DH	10	12	8	25	9	10	2	76	Khá	
2179	DH91400682	Nguyễn	Huỳnh ái Mi	D14_MT3DH	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
2180	DH91400693	Khuất	Diêm Minh	D14_MT3DH	10	10	8	25	15	10	2	80	Tốt	
2181	DH91400719	Trần	Thị Ngọc Mỹ	D14_MT3DH	10	9	8	25	13	5	2	72	Khá	
2182	DH91400734	Lê	Tiến Nam	D14_MT3DH	9	9	4	25	11	10	2	70	Khá	
2183	DH91400743	Phạm	Tiến Nam	D14_MT3DH	9	12	4	25	17	5	2	74	Khá	
2184	DH91400753	Dương	Huỳnh Thúy Ngân	D14_MT3DH	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
2185	DH91400755	Lâm	Thị Thanh Ngân	D14_MT3DH	9	6	8	25	0	10	2	60	Trung bình khá	
2186	DH91400830	Nguyễn	Ngọc Ngoạn	D14_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2187	DH91400885	Lê	Minh Nhật	D14_MT3DH	10	12	4	25	8	5	2	66	Trung bình khá	
2188	DH91400912	Nguyễn	Thanh Nhiên	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2189	DH91400926	Nguyễn	Minh Nhựt	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2190	DH91400940	Huỳnh	Đình Tấn Phát	D14_MT3DH	10	12	0	25	4	10	2	63	Trung bình khá	
2191	DH91400945	Trương	Đại Phát	D14_MT3DH	10	9	8	25	11	10	2	75	Khá	
2192	DH91401100	Nguyễn	Thanh Sang	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2193	DH91401114	Nguyễn	Thị Linh Tâm	D14_MT3DH	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2194	DH91401228	Huỳnh	Bá Thạch	D14_MT3DH	10	8	8	25	12	10	0	73	Khá	
2195	DH91401238	Nguyễn	Ngọc Huyền Thanh	D14_MT3DH	8	10	4	25	18	3	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2196	DH91401207	Trần Ngọc	Thảo	D14_MT3DH	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
2197	DH91401208	Trần Thị Thanh	Thảo	D14_MT3DH	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
2198	DH91401209	Võ Phương	Thảo	D14_MT3DH	8	8	8	25	12	10	2	73	Khá	
2199	DH91401163	Trần Giang	Thư	D14_MT3DH	0	10	0	0	0	0	9	19	Kém	
2200	DH91401540	Nguyễn Ngô Việt	Tính	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2201	DH91401361	Lê Việt	Toàn	D14_MT3DH	10	8	6	25	13	5	2	69	Trung bình khá	
2202	DH91401375	Nguyễn Lê Minh	Trâm	D14_MT3DH	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2203	DH91401477	Hồ Ngọc	Trí	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2204	DH91401445	Trần Thị Thùy	Trình	D14_MT3DH	10	9	4	25	4	10	2	64	Trung bình khá	
2205	DH91401449	Trần Uyển	Trình	D14_MT3DH	8	6	0	25	4	10	2	55	Trung bình	
2206	DH91401443	Trương Trần Ngọc	Trình	D14_MT3DH	10	8	4	25	0	5	2	54	Trung bình	
2207	DH91401353	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	D14_MT3DH	10	8	8	25	15	10	2	78	Khá	
2208	DH91401500	Nguyễn Anh	Tuấn	D14_MT3DH	10	6	4	25	0	5	2	52	Trung bình	
2209	DH91401517	Phan Bá	Tuyên	D14_MT3DH	9	12	0	25	4	10	2	62	Trung bình khá	
2210	DH91401525	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	D14_MT3DH	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
2211	DH91401554	Lê Thùy	Vân	D14_MT3DH	9	12	8	25	0	0	8	62	Trung bình khá	
2212	DH91401558	Đặng Thúy	Vi	D14_MT3DH	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
2213	DH91401613	Võ Thị Đan	Vy	D14_MT3DH	10	6	2	25	0	5	2	50	Trung bình	
2214	DH91401594	Phạm Tấn	Vỹ	D14_MT3DH	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2215	DH91401631	Nguyễn Hoàng Phi	Yến	D14_MT3DH	8	12	6	25	5	5	2	63	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2216	DH91400001	Đặng Mỹ	ái	D14_MT4NT	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
2217	DH91400022	Đặng Hồng	Anh	D14_MT4NT	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
2218	DH91401711	Lê Tuấn	Anh	D14_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2219	DH91400042	Nguyễn Trần Hồng	Anh	D14_MT4NT	10	12	8	25	11	10	2	78	Khá	
2220	DH91400009	Lê Anh Hồng	Ân	D14_MT4NT	10	9	4	25	20	13	2	83	Tốt	
2221	DH91400059	Cao Trương Hoài	Bảo	D14_MT4NT	9	12	5	23	7	12	2	70	Khá	
2222	DH91400068	Từ Ngọc Gia	Bảo	D14_MT4NT	8	10	7	25	20	8	2	80	Tốt	
2223	DH91400072	Lê Văn	Bảy	D14_MT4NT	9	12	4	25	20	15	2	87	Tốt	
2224	DH91400175	Phạm Thế	Dự	D14_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2225	DH91400348	Trần Thị Hồng	Hạnh	D14_MT4NT	10	9	4	25	20	13	2	83	Tốt	
2226	DH91400446	Nguyễn Quốc Hoàng	Hoa	D14_MT4NT	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
2227	DH91400425	Cao Thái	Hoàng	D14_MT4NT	10	12	8	25	20	11	2	88	Tốt	
2228	DH91300454	Cao Khánh	Huy	D14_MT4NT	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
2229	DH91400468	Đặng Minh	Huy	D14_MT4NT	0	6	2	25	0	15	2	50	Trung bình	
2230	DH91400495	Hồ Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	D14_MT4NT	10	9	8	25	20	10	10	92	Xuất sắc	
2231	DH91300482	Trương Ngọc Mỹ	Huyền	D14_MT4NT	8	12	8	25	5	15	2	75	Khá	
2232	DH91400300	Võ Ngọc Thiên	Hương	D14_MT4NT	10	12	3	25	5	15	10	80	Tốt	
2233	DH91400517	Nguyễn Trung	Khuong	D14_MT4NT	10	8	8	25	9	3	0	63	Trung bình khá	
2234	DH91400567	Võ Tuấn	Kiệt	D14_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2235	DH91400596	Nguyễn Thanh	Lộc	D14_MT4NT	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2236	DH91400605	Phùng Bửu	Lợi	D14_MT4NT	10	9	4	25	20	13	2	83	Tốt	
2237	DH91400702	Tào Quang	Minh	D14_MT4NT	10	8	4	25	20	13	2	82	Tốt	
2238	DH91400708	Trần Bá Hồng	Minh	D14_MT4NT	8	6	4	25	10	11	2	66	Trung bình khá	
2239	DH91400726	Phùng Nguyễn Hà	My	D14_MT4NT	7	8	8	25	15	10	2	75	Khá	
2240	DH91400786	Ngô Thị Kim	Nga	D14_MT4NT	9	9	8	25	11	15	2	79	Khá	
2241	DH91400752	Bùi Thị Thu	Ngân	D14_MT4NT	9	8	4	25	5	9	2	62	Trung bình khá	
2242	DH91400758	Lê Thị Mỹ	Ngân	D14_MT4NT	10	12	4	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
2243	DH91400796	La Thị ánh	Ngọc	D14_MT4NT	4	12	7	25	8	15	2	73	Khá	
2244	DH91400832	Đỗ Thị Trinh	Nguyễn	D14_MT4NT	9	9	4	25	9	15	2	73	Khá	
2245	DH91400907	Nguyễn Yến	Nhi	D14_MT4NT	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
2246	DH91400941	Nguyễn Tấn	Phát	D14_MT4NT	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2247	DH91401088	Phạm Hoàng	Son	D14_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2248	DH91401142	Nguyễn Tấn	Tài	D14_MT4NT	10	12	0	23	18	10	2	75	Khá	
2249	DH91401197	Nguyễn Lâm Thanh	Thảo	D14_MT4NT	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	
2250	DH91401214	Hoàng Võ Minh	Thắng	D14_MT4NT	10	9	2	25	6	15	2	69	Trung bình khá	
2251	DH91401246	Đào Thi	Thi	D14_MT4NT	9	9	8	25	8	10	2	71	Khá	
2252	DH91401248	Ng Đình Thị Minh	Thi	D14_MT4NT	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
2253	DH91401278	Lưu Thế	Thịnh	D14_MT4NT	6	8	8	25	9	15	2	73	Khá	
2254	DH91401261	Trần Đình	Thủ	D14_MT4NT	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2255	DH91401302	Văn Khiết	Thy	D14_MT4NT	10	10	7	25	8	15	2	77	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2256	DH91401486	Phạm Quang	Trí	D14_MT4NT	10	9	7	25	17	5	2	75	Khá	
2257	DH91401576	Nguyễn Bá	Việt	D14_MT4NT	10	12	7	25	8	10	2	74	Khá	
2258	DH91401622	Nguyễn Phước	Yên	D14_MT4NT	10	6	8	25	18	13	2	82	Tốt	
2259	CD81301671	Lê Ngọc	Chúc	C13_XD01	10	12	6	25	10	13	2	78	Khá	
2260	CD81301672	Nguyễn Văn	Chung	C13_XD01	10	12	7	25	15	10	2	81	Tốt	
2261	CD81301633	Đoàn Tấn	Đạt	C13_XD01	10	12	7	25	15	8	9	86	Tốt	
2262	CD81301643	Nguyễn Công	Định	C13_XD01	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
2263	CD81301744	Đặng Như	Hung	C13_XD01	6	6	0	18	5	5	2	42	Yếu	
2264	CD81301765	Dương Quốc	Khang	C13_XD01	10	12	3	25	10	12	2	74	Khá	
2265	CD81301773	Hồ Anh	Khoa	C13_XD01	7	6	8	18	0	6	2	47	Yếu	
2266	CD81301825	Võ Thành	Nam	C13_XD01	10	8	4	25	8	12	9	76	Khá	
2267	CD81301852	Dương Đình	Nhân	C13_XD01	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
2268	CD81301871	Trương Minh	Nhật	C13_XD01	10	10	8	25	19	10	2	84	Tốt	
2269	CD81301907	Phan Văn	Quân	C13_XD01	10	8	5	25	17	12	10	87	Tốt	
2270	CD81301930	Hà Tiến	Sĩ	C13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2271	CD81301938	Nguyễn Tấn	Tài	C13_XD01	10	8	6	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
2272	CD81301941	Phạm Thành	Tài	C13_XD01	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
2273	CD81301981	Nguyễn Bảo	Thoại	C13_XD01	8	6	8	25	17	10	8	82	Tốt	
2274	CD81301991	Đình Minh	Thuận	C13_XD01	10	6	7	25	17	10	8	83	Tốt	
2275	CD81302002	Nguyễn	Tiên	C13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2276	CD81302045	Ngô Ngọc	Trung	C13_XD01	10	9	6	25	12	10	9	81	Tốt	
2277	CD81302047	Trịnh Bảo	Trung	C13_XD01	9	8	3	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
2278	CD81400021	Phạm Trường	An	C14_XD01	10	12	8	25	15	15	0	85	Tốt	
2279	CD81400010	Liêu Hoàn	Ấn	C14_XD01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2280	CD81400058	Phùng Lương Phương	Bình	C14_XD01	10	9	8	25	6	15	2	75	Khá	
2281	CD81400328	Phạm Minh	Hải	C14_XD01	10	10	0	25	15	10	2	72	Khá	
2282	CD81400308	Phùng Chí	Hành	C14_XD01	10	12	6	25	10	5	10	78	Khá	
2283	CD81400363	Nguyễn Phước	Hội	C14_XD01	10	8	7	25	18	13	2	83	Tốt	
2284	CD81400607	Trần Vĩnh	Lợi	C14_XD01	10	8	8	25	7	15	2	75	Khá	
2285	CD81400773	Thạch Nguyễn Thái	Ngân	C14_XD01	10	12	6	25	14	15	0	82	Tốt	
2286	CD81400825	Nguyễn Trọng	Nghĩa	C14_XD01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2287	CD81400833	Huỳnh Tấn	Nguyên	C14_XD01	9	10	8	25	14	15	2	83	Tốt	
2288	CD81401728	Lê Ngọc	Nhất	C14_XD01	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
2289	CD81400966	Ngô Hoàng Tuấn	Phi	C14_XD01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2290	CD81400995	Lê Thanh	Phúc	C14_XD01	10	12	6	25	13	15	0	81	Tốt	
2291	CD81401099	Nguyễn Duy	Sang	C14_XD01	4	12	5	25	7	15	2	70	Khá	
2292	CD81401080	Cao Hoàng	Son	C14_XD01	10	12	0	25	15	10	0	72	Khá	
2293	CD81401192	Trần Quốc	Thành	C14_XD01	10	12	7	25	18	15	2	89	Tốt	
2294	CD81401742	Nguyễn Đình	Thuận	C14_XD01	9	12	8	25	6	15	2	77	Khá	
2295	CD81401331	Huỳnh Văn	Tiền	C14_XD01	10	12	7	25	10	12	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2296	CD81401473	Võ Xuân	Trung	C14_XD01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
2297	CD81401355	Nguyễn Văn	Tú	C14_XD01	10	12	0	25	15	10	2	74	Khá	
2298	CD81401503	Nguyễn Minh	Tuấn	C14_XD01	10	12	6	25	8	15	2	78	Khá	
2299	CD81401326	Ngô Thanh	Tùng	C14_XD01	9	8	8	25	18	10	2	80	Tốt	
2300	CD81401590	Mai Đình	Vĩ	C14_XD01	9	12	2	25	20	15	2	85	Tốt	
2301	CD81401577	Phạm Quốc	Việt	C14_XD01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2302	CD81401578	Trần Quốc	Việt	C14_XD01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2303	DH81200661	Lê Việt Tuấn	Anh	D12_XD01	10	12	8	25	11	13	8	87	Tốt	
2304	DH81200007	Nguyễn Kỳ	Bá	D12_XD01	10	6	8	25	5	15	2	71	Khá	
2305	DH81200662	Đặng Anh	Bắc	D12_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2306	DH81200665	Phạm Văn	Chúc	D12_XD01	10	12	4	25	10	12	2	75	Khá	
2307	DH81100424	Phạm Việt	Chương	D12_XD01	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
2308	DH81200663	Ngô Hán	Cường	D12_XD01	10	12	6	25	10	10	2	75	Khá	
2309	DH81200664	Phạm Nhật	Cường	D12_XD01	10	12	8	25	11	13	2	81	Tốt	
2310	DH81200666	Hồ Phi	Dương	D12_XD01	10	12	8	25	18	5	2	80	Tốt	
2311	DH81200668	Nguyễn Nhật	Điền	D12_XD01	10	12	4	25	10	13	8	82	Tốt	
2312	DH81200010	Bùi Ngọc	Hậu	D12_XD01	10	12	8	25	11	13	2	81	Tốt	
2313	DH81200669	Trần Công	Hậu	D12_XD01	9	12	4	25	10	13	2	75	Khá	
2314	DH81201860	Trần Quang	Hiếu	D12_XD01	10	12	8	25	2	15	2	74	Khá	
2315	DH81200670	Mai Quốc	Hùng	D12_XD01	10	12	6	25	18	10	8	89	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2316	DH81200671	Phạm Phi	Hùng	D12_XD01	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
2317	DH81200672	Trần Thanh	Hùng	D12_XD01	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
2318	DH81200673	Nguyễn Anh	Huy	D12_XD01	10	10	6	25	6	12	2	71	Khá	
2319	DH81200674	Võ Hữu	Huy	D12_XD01	9	10	8	25	10	15	2	79	Khá	
2320	DH81200675	Nguyễn Hữu	Lập	D12_XD01	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
2321	DH81200676	Nguyễn Minh	Lệ	D12_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2322	DH81200678	Nguyễn Minh	Luân	D12_XD01	10	12	4	25	9	13	2	75	Khá	
2323	DH81200679	Trần Đức	Minh	D12_XD01	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
2324	DH81200680	Hạp Tiến	Nam	D12_XD01	10	10	4	25	12	15	2	78	Khá	
2325	DH81201722	Trần Hoàn	Nhật	D12_XD01	10	12	7	25	20	10	2	86	Tốt	
2326	DH81200684	Võ Minh	Nhật	D12_XD01	10	10	7	25	19	10	2	83	Tốt	
2327	DH81200685	Châu Nhuận	Phát	D12_XD01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
2328	DH81200686	Lâm	Phát	D12_XD01	10	12	7	25	19	10	2	85	Tốt	
2329	DH81200220	Trần Văn	Phi	D12_XD01	10	10	6	25	10	10	2	73	Khá	
2330	DH81201859	Phan Nhật	Phuong	D12_XD01	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
2331	DH81200687	Phạm Minh	Quân	D12_XD01	10	12	7	25	15	10	2	81	Tốt	
2332	DH81200688	Đình Thanh	Son	D12_XD01	9	10	8	25	10	12	2	76	Khá	
2333	DH81200689	Trần Khắc	Son	D12_XD01	10	12	6	25	10	10	2	75	Khá	
2334	DH81200690	Nguyễn Thành	Tân	D12_XD01	10	12	8	25	10	12	2	79	Khá	
2335	DH81200691	Trần Văn	Tấn	D12_XD01	10	12	6	25	12	12	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2336	DH81200696	Nguyễn Xuân	Thắng	D12_XD01	10	12	4	25	3	15	9	78	Khá	
2337	DH81100483	Bùi Nguyễn Đình	Thi	D12_XD01	9	12	8	25	4	12	2	72	Khá	
2338	DH81200693	Phan Kiều	Thông	D12_XD01	10	10	5	25	8	10	2	70	Khá	
2339	DH81200698	Lê Quang	Tiến	D12_XD01	10	12	4	25	4	15	2	72	Khá	
2340	DH81200700	Tạ Gia Hồng	Trang	D12_XD01	10	10	8	25	15	12	8	88	Tốt	
2341	DH81200701	Võ Thiện	Triết	D12_XD01	10	12	6	25	12	10	2	77	Khá	
2342	DH81200699	Lê Ngọc	Tú	D12_XD01	10	6	2	25	8	10	2	63	Trung bình khá	
2343	DH81200702	Nguyễn Minh	Tuấn	D12_XD01	10	12	6	25	8	12	2	75	Khá	
2344	DH81200703	Bạch Ngọc	Vương	D12_XD01	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
2345	DH81200704	Lê Văn Tuấn	Anh	D12_XD02	10	8	4	25	18	15	2	82	Tốt	
2346	DH81200705	Hồ Việt	Cao	D12_XD02	10	10	0	25	7	15	2	69	Trung bình khá	
2347	DH81200706	Đoàn Phương	Đông	D12_XD02	10	10	4	25	12	10	2	73	Khá	
2348	DH81201814	Phạm Quốc	Hiển	D12_XD02	10	6	4	25	20	15	2	82	Tốt	
2349	DH81200710	Bùi Trọng	Hiếu	D12_XD02	10	9	4	25	10	15	2	75	Khá	
2350	DH81200711	Đặng Ngọc	Huy	D12_XD02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
2351	DH81200712	Lưu Khánh	Huy	D12_XD02	10	9	6	25	12	15	2	79	Khá	
2352	DH81200714	Trần Thiện	Khiêm	D12_XD02	10	8	8	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
2353	DH81200715	Lê Tiến	Khoa	D12_XD02	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
2354	DH81200716	Lê Phước	Kiệt	D12_XD02	10	9	0	25	11	15	2	72	Khá	
2355	DH81200717	Lưu Tuấn	Kiệt	D12_XD02	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2356	DH81200719	Huỳnh Văn Vũ	Linh	D12_XD02	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
2357	DH81200718	Trương Hoàng Đại	Lợi	D12_XD02	10	6	4	25	9	15	2	71	Khá	
2358	DH81201776	Ung Nho	Lưu	D12_XD02	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
2359	DH81200720	Mai Văn	Minh	D12_XD02	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
2360	DH81200722	Nguyễn Hoàng	Nguyên	D12_XD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2361	DH81200723	Võ Hồng	Nguyên	D12_XD02	10	12	7	25	20	10	9	93	Xuất sắc	
2362	DH81200724	Nguyễn Văn	Nguyện	D12_XD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2363	DH81200725	Nguyễn Tấn	Như	D12_XD02	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
2364	DH81201734	Trần Trung	Phong	D12_XD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2365	DH81200734	Trần	Tài	D12_XD02	10	10	6	25	14	15	2	82	Tốt	
2366	DH81200729	Nguyễn Minh	Tâm	D12_XD02	10	12	6	25	20	12	2	87	Tốt	
2367	DH81200730	Đặng Đình	Tân	D12_XD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2368	DH81200731	Lâm Trọng	Tân	D12_XD02	10	9	2	25	19	15	9	89	Tốt	
2369	DH81200732	Nguyễn Duy	Tân	D12_XD02	10	9	4	25	16	15	2	81	Tốt	
2370	DH81200737	Cao Anh	Thiện	D12_XD02	10	10	4	25	11	15	2	77	Khá	
2371	DH81200427	Trần Ngọc	Thiện	D12_XD02	10	9	4	25	9	15	2	74	Khá	
2372	DH81200738	Phạm Văn	Thùy	D12_XD02	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
2373	DH81200740	Lê Anh	Tiến	D12_XD02	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
2374	DH81200742	Đặng Minh	Trí	D12_XD02	10	9	4	25	16	10	2	76	Khá	
2375	DH81200743	Nguyễn Minh	Trí	D12_XD02	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2376	DH81200741	Nguyễn Thành	Trung	D12_XD02	10	9	8	25	7	15	2	76	Khá	
2377	DH81200744	Phạm Thanh	Tuấn	D12_XD02	10	9	0	25	20	15	9	88	Tốt	
2378	DH81200745	Trần Ngọc	Tuấn	D12_XD02	10	8	4	25	12	15	2	76	Khá	
2379	DH81200739	Trần Minh	Tùng	D12_XD02	8	10	4	25	12	15	2	76	Khá	
2380	DH81201937	Võ Quốc	Tùng	D12_XD02	10	8	4	25	14	15	2	78	Khá	
2381	DH81200746	Nguyễn Trần Thịnh	Vượng	D12_XD02	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
2382	DH81300096	Nguyễn Tuấn	Anh	D13_XD01	10	9	8	25	12	10	2	76	Khá	
2383	DH81300106	Trần Tuấn	Anh	D13_XD01	9	6	8	25	3	15	2	68	Trung bình khá	
2384	DH81300267	Nguyễn Việt	ấn	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2385	DH81300127	Lê Khắc	Bảo	D13_XD01	10	9	4	25	6	10	10	74	Khá	
2386	DH81300130	Nguyễn Cao Duy	Bảo	D13_XD01	10	8	6	25	6	10	10	75	Khá	
2387	DH81300135	Phạm Quốc	Bảo	D13_XD01	10	9	8	25	2	15	2	71	Khá	
2388	DH81300111	Trần Ngô Công	Bằng	D13_XD01	10	12	6	25	8	10	2	73	Khá	
2389	DH81300116	Ngô Thanh	Bình	D13_XD01	8	6	0	25	3	15	2	59	Trung bình	
2390	DH81300121	Trịnh Thái	Bình	D13_XD01	10	10	0	25	0	10	2	57	Trung bình	
2391	DH81300032	Lê Tiến	Đạt	D13_XD01	10	8	0	25	20	5	2	70	Khá	
2392	DH81300044	Trần Tuấn	Đạt	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2393	DH81200708	Lưu Tiến	Định	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2394	DH81300347	Nguyễn Minh	Hải	D13_XD01	10	6	8	25	2	5	2	58	Trung bình	
2395	DH81300410	Trần Vũ Chí	Hiếu	D13_XD01	10	9	4	25	0	15	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2396	DH81300422	Huỳnh Văn	Hoài	D13_XD01	10	8	4	25	6	15	2	70	Khá	
2397	DH81200709	Phan Thanh	Học	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2398	DH81300464	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_XD01	10	6	8	25	2	5	2	58	Trung bình	
2399	DH81300475	Vũ Quốc	Huy	D13_XD01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
2400	DH81300416	Nguyễn Văn	Hung	D13_XD01	10	10	8	25	12	10	2	77	Khá	
2401	DH81300538	Châu Tuấn	Kiệt	D13_XD01	10	8	7	25	5	15	2	72	Khá	
2402	DH81300559	Huỳnh Thanh	Lâm	D13_XD01	10	10	0	25	0	10	2	57	Trung bình	
2403	DH81300644	Hồ Hoàng	Long	D13_XD01	9	6	0	25	15	5	2	62	Trung bình khá	
2404	DH81300646	Lại Trần Kim	Long	D13_XD01	10	6	6	25	5	5	2	59	Trung bình	
2405	DH81300649	Phan Bảo	Long	D13_XD01	10	10	8	25	2	5	2	62	Trung bình khá	
2406	DH81300588	Trần Đắc	Lộc	D13_XD01	10	6	0	25	0	10	2	53	Trung bình	
2407	DH81300661	Nguyễn Văn	Luận	D13_XD01	10	12	4	25	20	12	10	93	Xuất sắc	
2408	DH81300678	Trương Huỳnh Xuân	Mai	D13_XD01	10	9	4	25	0	5	10	63	Trung bình khá	
2409	DH81300746	Mai Hồng	Ngân	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2410	DH81300792	Đặng Hoàng	Nghĩa	D13_XD01	10	9	0	25	15	10	2	71	Khá	
2411	DH81300797	Nguyễn Trọng	Nghĩa	D13_XD01	10	6	8	25	14	5	2	70	Khá	
2412	DH81302103	Trịnh Thanh	Nghĩa	D13_XD01	10	9	8	25	14	10	2	78	Khá	
2413	DH81300790	Trương Hoài	Nghiêm	D13_XD01	10	9	4	25	13	5	2	68	Trung bình khá	
2414	DH81300768	Đặng Bích	Ngọc	D13_XD01	10	8	4	25	4	8	10	69	Trung bình khá	
2415	DH81300808	Phù Cẩm	Nguyên	D13_XD01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2416	DH81300851	Nguyễn Thanh	Nhật	D13_XD01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
2417	DH81300894	Lê Minh	Nhật	D13_XD01	10	6	0	25	3	15	2	61	Trung bình khá	
2418	DH81300961	Lê Nhật	Phú	D13_XD01	10	8	4	25	4	8	2	61	Trung bình khá	
2419	DH81300964	Nguyễn Văn	Phú	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2420	DH81300965	Nguyễn Vĩnh	Phú	D13_XD01	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
2421	DH81300975	Nguyễn Thành	Phúc	D13_XD01	10	9	8	25	14	10	2	78	Khá	
2422	DH81300985	Trần Hữu	Phúc	D13_XD01	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
2423	DH81300938	Thái Huỳnh	Phuong	D13_XD01	10	10	0	25	0	15	2	62	Trung bình khá	
2424	DH81301002	Nguyễn Hoàng	Quân	D13_XD01	10	6	4	25	3	14	2	64	Trung bình khá	
2425	DH81301028	Đặng Phước	Quý	D13_XD01	10	12	7	25	19	5	2	80	Tốt	
2426	DH81301031	Lê Duy	Quý	D13_XD01	10	8	0	25	5	15	2	65	Trung bình khá	
2427	DH81301052	Viên Trí	Quyền	D13_XD01	10	12	0	25	12	5	2	66	Trung bình khá	
2428	DH81301079	Phạm Tuấn	Sang	D13_XD01	10	12	5	25	15	10	2	79	Khá	
2429	DH81301100	Vũ Quốc Duy	Tâm	D13_XD01	10	12	4	25	15	5	2	73	Khá	
2430	DH81301143	Nguyễn Duy	Thái	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2431	DH81301163	Nguyễn Minh	Thành	D13_XD01	10	8	3	25	15	15	2	78	Khá	
2432	DH81301212	Trần Quang	Thắng	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2433	DH81301268	Nguyễn Phan Nguyên	Thịnh	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2434	DH81301269	Nguyễn Trường	Thịnh	D13_XD01	10	9	8	25	2	15	2	71	Khá	
2435	DH81301271	Tổng Hữu	Thịnh	D13_XD01	10	6	4	25	2	7	2	56	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2436	DH81301315	Nguyễn Hoàng	Tiến	D13_XD01	10	12	6	25	12	10	2	77	Khá	
2437	DH81301499	Nguyễn Cửu Trung	Tín	D13_XD01	10	12	4	25	5	15	2	73	Khá	
2438	DH81301439	Nguyễn Quốc	Trị	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2439	DH81301445	Huỳnh Lê Minh	Trung	D13_XD01	10	9	4	25	0	5	2	55	Trung bình	
2440	DH81301461	Đỗ Lê	Tuấn	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	6	12	Kém	
2441	DH81301296	Nguyễn Minh	Tùng	D13_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2442	DH81301125	Lê Phú Cát	Tường	D13_XD01	10	12	8	25	12	15	10	92	Xuất sắc	
2443	DH81300131	Nguyễn Hoàng Quốc	Bảo	D13_XD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2444	DH81300141	Triệu Quốc	Bảo	D13_XD02	10	8	2	25	7	10	2	64	Trung bình khá	
2445	DH81300114	Hoàng Lê Việt	Bình	D13_XD02	10	8	4	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
2446	DH81300147	Trần Thanh	Cầu	D13_XD02	10	6	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
2447	DH81300168	Trần Thái	Châu	D13_XD02	10	6	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
2448	DH81300274	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	D13_XD02	10	9	4	25	4	10	2	64	Trung bình khá	
2449	DH81300268	Ngô Thị Ngọc	Giàu	D13_XD02	10	9	4	25	4	10	9	71	Khá	
2450	DH81300342	Huỳnh Đình	Hải	D13_XD02	10	9	4	25	4	10	2	64	Trung bình khá	
2451	DH81300370	Ngô Minh	Hậu	D13_XD02	10	8	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
2452	DH81300401	Nguyễn Minh	Hiếu	D13_XD02	10	8	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
2453	DH81300379	Mai Văn	Hùng	D13_XD02	10	8	2	25	7	10	2	64	Trung bình khá	
2454	DH81302100	Nguyễn Thanh	Hung	D13_XD02	10	12	2	25	4	10	2	65	Trung bình khá	
2455	DH81300496	Huỳnh Công	Khải	D13_XD02	10	8	2	25	2	10	2	59	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2456	DH81300504	Huỳnh Duy	Khang	D13_XD02	10	6	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
2457	DH81300511	Trần Minh	Khang	D13_XD02	10	6	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
2458	DH81300547	Trần Thái Anh	Kiệt	D13_XD02	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
2459	DH81300556	Cao Hoài	Lâm	D13_XD02	10	9	2	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
2460	DH81300558	Huỳnh Quốc	Lâm	D13_XD02	10	8	2	25	4	10	2	61	Trung bình khá	
2461	DH81300647	Lê Hoàng	Long	D13_XD02	10	9	4	25	8	10	9	75	Khá	
2462	DH81300654	Hà Ngọc Thành	Luân	D13_XD02	10	9	4	25	4	10	2	64	Trung bình khá	
2463	DH81300660	Lê Công	Luận	D13_XD02	10	9	2	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
2464	DH81300708	Nguyễn Nhật	Minh	D13_XD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2465	DH81300714	Trần Quang	Minh	D13_XD02	10	6	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
2466	DH81300782	Phạm Vũ	Ngọc	D13_XD02	10	9	2	25	4	10	2	62	Trung bình khá	
2467	DH81300824	Huỳnh Ngọc	Nhân	D13_XD02	10	9	7	25	4	10	2	67	Trung bình khá	
2468	DH81300829	Mai Quang	Nhân	D13_XD02	10	9	2	25	4	10	2	62	Trung bình khá	
2469	DH81300852	Nguyễn Trường Quang	Nhật	D13_XD02	10	12	2	25	5	10	2	66	Trung bình khá	
2470	DH81300823	Yang Kar	Nhì	D13_XD02	10	12	2	25	2	10	2	63	Trung bình khá	
2471	DH81300897	Tạ Văn	Niệm	D13_XD02	10	12	2	25	2	10	2	63	Trung bình khá	
2472	DH81300900	Lê Thị	Oanh	D13_XD02	10	9	2	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
2473	DH81300919	Từ Tấn	Phát	D13_XD02	10	6	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
2474	DH81300986	Trần Hoàng	Phúc	D13_XD02	10	9	4	25	5	10	2	65	Trung bình khá	
2475	DH81301009	Đình Duy	Quang	D13_XD02	10	8	2	25	2	10	2	59	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2476	DH81301018	Nguyễn Anh	Quốc	D13_XD02	10	9	2	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
2477	DH81301077	Phạm Tấn	Sang	D13_XD02	10	12	2	25	2	10	2	63	Trung bình khá	
2478	DH81301062	Nguyễn Văn	Son	D13_XD02	10	9	4	25	7	10	9	74	Khá	
2479	DH81301105	Liêu Minh	Tân	D13_XD02	10	9	4	25	7	10	2	67	Trung bình khá	
2480	DH81301124	Nguyễn Văn	Tấn	D13_XD02	10	8	2	25	5	10	2	62	Trung bình khá	
2481	DH81301214	Lưu Đức	Thạch	D13_XD02	10	10	2	25	5	10	2	64	Trung bình khá	
2482	DH81301223	Nguyễn Đức	Thanh	D13_XD02	10	12	2	25	2	10	2	63	Trung bình khá	
2483	DH81301207	Lê Quốc Dũng	Thắng	D13_XD02	10	8	4	25	2	10	2	61	Trung bình khá	
2484	DH81301281	Quách Đại	Thuận	D13_XD02	10	12	4	25	5	10	2	68	Trung bình khá	
2485	DH81301248	Mai Minh	Thùy	D13_XD02	10	9	7	25	5	10	2	68	Trung bình khá	
2486	DH81301344	Nguyễn Hữu	Toàn	D13_XD02	10	9	2	25	5	10	2	63	Trung bình khá	
2487	DH81301405	Nguyễn Văn	Trường	D13_XD02	10	12	2	25	2	10	2	63	Trung bình khá	
2488	DH81301407	Phan Đình	Trường	D13_XD02	10	8	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
2489	DH81301469	Nguyễn Anh	Tuấn	D13_XD02	10	9	2	25	4	10	2	62	Trung bình khá	
2490	DH81301506	Bùi Hạ	Uy	D13_XD02	10	8	2	25	2	10	2	59	Trung bình	
2491	DH81301518	Lê Trọng	Văn	D13_XD02	10	6	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
2492	DH81301570	Lê Đức	Vĩnh	D13_XD02	10	0	2	25	2	10	2	51	Trung bình	
2493	DH81301560	Hồ Phi	Vũ	D13_XD02	10	10	4	25	4	10	2	65	Trung bình khá	
2494	DH81300012	Tô Hoàng	Ân	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2495	DH81400087	Lê Thiên	Cang	D14_XD01	7	6	0	25	6	15	2	61	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2496	DH81400085	Nguyễn Minh	Cương	D14_XD01	10	12	2	25	5	15	2	71	Khá	
2497	DH81400173	Trần Nguyễn Hoàng	Dũng	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2498	DH81400238	Trần Đình	Đỗ	D14_XD01	7	12	2	25	2	13	2	63	Trung bình khá	
2499	DH81401669	Nguyễn Hữu Minh	Đức	D14_XD01	9	8	2	25	0	5	2	51	Trung bình	
2500	DH81400307	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	D14_XD01	10	12	6	25	8	15	2	78	Khá	
2501	DH81400327	Nguyễn Triều	Hải	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2502	DH81400330	Phạm Việt	Hải	D14_XD01	6	6	2	25	0	15	2	56	Trung bình	
2503	DH81400365	Lê Phúc	Hậu	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2504	DH81400377	Lê Minh	Hiền	D14_XD01	8	12	8	25	0	15	2	70	Khá	
2505	DH81400402	Phạm Ngọc	Hiếu	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2506	DH81400426	Dương Lê Minh	Hoàng	D14_XD01	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
2507	DH81400374	Trần Quốc	Hùng	D14_XD01	7	12	2	25	2	5	2	55	Trung bình	
2508	DH81400471	Cao Đăng	Huy	D14_XD01	10	12	7	25	0	15	2	71	Khá	
2509	DH81400469	Đặng Quốc	Huy	D14_XD01	9	6	6	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
2510	DH81400482	Nguyễn Ngọc Xuân	Huy	D14_XD01	10	12	4	25	18	12	10	91	Xuất sắc	
2511	DH81400418	Nguyễn Quốc	Hung	D14_XD01	10	12	8	25	0	10	2	67	Trung bình khá	
2512	DH81400533	Trần Tuấn	Khang	D14_XD01	7	12	2	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
2513	DH81400509	Nguyễn Trần Duy	Khánh	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2514	DH81400547	Phạm Việt	Khoa	D14_XD01	10	12	4	25	8	10	2	71	Khá	
2515	DH81401752	Phạm Anh	Kiệt	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2516	DH81400562	Nguyễn Bá	Kim	D14_XD01	10	12	8	25	16	15	10	96	Xuất sắc	
2517	DH81401673	Trương Minh	Lợi	D14_XD01	10	12	8	25	0	15	2	72	Khá	
2518	DH81400661	Phạm Lê Minh	Luân	D14_XD01	8	12	8	25	2	10	2	67	Trung bình khá	
2519	DH81400735	Nguyễn Bảo	Nam	D14_XD01	8	6	0	25	2	15	2	58	Trung bình	
2520	DH81400740	Nguyễn Thành	Nam	D14_XD01	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
2521	DH81400821	Hồ Văn	Nghĩa	D14_XD01	8	12	4	25	2	15	2	68	Trung bình khá	
2522	DH81400930	Phan Vạn	Ninh	D14_XD01	10	6	2	25	0	10	2	55	Trung bình	
2523	DH81400938	Huỳnh Trọng	Pháp	D14_XD01	9	12	4	25	2	10	2	64	Trung bình khá	
2524	DH81400969	Nguyễn Kim	Phi	D14_XD01	10	12	6	25	9	13	2	77	Khá	
2525	DH81401040	Trần Nhật Khoa	Quân	D14_XD01	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	
2526	DH81401653	Phan Trọng	Sinh	D14_XD01	9	12	0	25	2	15	2	65	Trung bình khá	
2527	DH81401084	Nguyễn Ngọc	Son	D14_XD01	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
2528	DH81401133	Cao Hữu	Tài	D14_XD01	10	6	8	25	0	8	2	59	Trung bình	
2529	DH81401122	Bùi Duy	Tân	D14_XD01	10	8	8	25	0	10	2	63	Trung bình khá	
2530	DH81401229	Phan Ngọc Hoàng	Thạch	D14_XD01	9	8	0	25	0	5	2	49	Yếu	
2531	DH81401166	Lê	Thái	D14_XD01	9	12	6	25	8	10	2	72	Khá	
2532	DH81301241	Nguyễn Phước	Thiên	D14_XD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2533	DH81401257	Lê Thành	Thiện	D14_XD01	10	10	8	25	2	15	2	72	Khá	
2534	DH81401280	Nguyễn Đức	Thịnh	D14_XD01	10	12	4	25	20	12	10	93	Xuất sắc	
2535	DH81401284	Tiêu Phú	Thịnh	D14_XD01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2536	DH81401287	Võ Nhật	Thịnh	D14_XD01	8	10	2	25	4	10	2	61	Trung bình khá	
2537	DH81401340	Võ Văn	Tiếng	D14_XD01	10	12	4	25	9	10	2	72	Khá	
2538	DH81401367	Võ Thanh	Toàn	D14_XD01	10	12	6	25	9	15	10	87	Tốt	
2539	DH81401481	Lê Võ Thiên	Trí	D14_XD01	10	8	6	25	4	15	2	70	Khá	
2540	DH81401488	Trần Minh	Trí	D14_XD01	10	12	0	25	9	10	2	68	Trung bình khá	
2541	DH81401451	Phan Bá	Triết	D14_XD01	9	10	6	25	14	15	2	81	Tốt	
2542	DH81401510	Phan Đình	Tuấn	D14_XD01	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	
2543	DH81401512	Trần Văn	Tuấn	D14_XD01	9	12	0	25	0	15	2	63	Trung bình khá	
2544	DH81401563	Trần Thiện	Vi	D14_XD01	10	9	0	25	0	13	10	67	Trung bình khá	
2545	DH81401585	Phạm Tuấn	Vũ	D14_XD01	8	12	4	25	10	13	2	74	Khá	
2546	DH81401605	Phạm Thúy	Vy	D14_XD01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2547	DH81400048	Triệu Huỳnh	Anh	D14_XD02	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
2548	DH81400008	Hà Hoàng	Ân	D14_XD02	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
2549	DH81400132	Bùi Hữu	Chinh	D14_XD02	10	12	8	25	20	13	2	90	Xuất sắc	
2550	DH81400187	Nguyễn Hoàng	Duy	D14_XD02	10	12	4	25	16	8	2	77	Khá	
2551	DH81400189	Nguyễn Khánh	Duy	D14_XD02	8	6	8	25	14	15	2	78	Khá	
2552	DH81400195	Trương Đình Bảo	Duy	D14_XD02	10	6	4	25	18	8	2	73	Khá	
2553	DH81400140	Bùi Thanh	Dương	D14_XD02	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
2554	DH81400220	Hồ Tấn	Đạt	D14_XD02	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
2555	DH81400252	Hoàng Huy	Định	D14_XD02	10	12	4	25	19	10	9	89	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2556	DH81400247	Nguyễn Việt	Đức	D14_XD02	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
2557	DH81400256	Võ Ngọc	Giàu	D14_XD02	10	12	4	25	18	8	2	79	Khá	
2558	DH81400303	Cao Kế	Hà	D14_XD02	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
2559	DH81400276	Trịnh Thị Diễm	Hằng	D14_XD02	10	12	4	25	14	10	2	77	Khá	
2560	DH81401672	Nguyễn Chí	Hiếu	D14_XD02	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
2561	DH81400406	Phạm Văn	Hiếu	D14_XD02	9	6	6	25	14	8	2	70	Khá	
2562	DH81400372	Nguyễn Việt	Hùng	D14_XD02	10	6	8	25	11	10	2	72	Khá	
2563	DH81400500	Nguyễn Thị	Huyền	D14_XD02	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
2564	DH81400420	Trần Quốc	Hung	D14_XD02	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
2565	DH81400584	Nguyễn Quốc	Lam	D14_XD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
2566	DH81400604	Nguyễn Thành	Lợi	D14_XD02	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2567	DH81400707	Trương Quốc	Minh	D14_XD02	10	8	8	25	11	10	2	74	Khá	
2568	DH81400746	Trương Nhật	Nam	D14_XD02	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
2569	DH81400845	Nguyễn Trần Minh	Nguyên	D14_XD02	10	8	7	25	17	12	2	81	Tốt	
2570	DH81401751	Bùi Hữu	Nhân	D14_XD02	10	8	8	25	7	15	2	75	Khá	
2571	DH81401730	Võ	Ninh	D14_XD02	10	12	4	25	17	12	10	90	Xuất sắc	
2572	DH81400968	Nguyễn Hoàng	Phi	D14_XD02	10	12	4	25	16	9	2	78	Khá	
2573	DH81400992	Vũ Văn	Phú	D14_XD02	10	12	6	25	11	10	9	83	Tốt	
2574	DH81401004	Phùng Kim	Phúc	D14_XD02	8	6	4	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
2575	DH81401046	Nguyễn Đăng	Quang	D14_XD02	10	12	8	25	11	10	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2576	DH81401039	Trần Anh	Quân	D14_XD02	10	9	4	25	9	8	2	67	Trung bình khá	
2577	DH81401065	Phạm Huy	Quý	D14_XD02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
2578	DH81401098	Lý Trường	Sang	D14_XD02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
2579	DH81401086	Nguyễn Tiến	Son	D14_XD02	10	12	6	25	14	10	2	79	Khá	
2580	DH81401109	Huỳnh Văn Minh	Tâm	D14_XD02	8	6	8	25	20	10	2	79	Khá	
2581	DH81401115	Nguyễn Thị Thu	Tâm	D14_XD02	8	8	6	25	20	10	2	79	Khá	
2582	DH81401124	Lê Minh	Tân	D14_XD02	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
2583	DH81401168	Lê Văn	Thái	D14_XD02	10	12	8	25	20	8	10	93	Xuất sắc	
2584	DH81401170	Nguyễn Bá	Thái	D14_XD02	9	6	8	25	12	10	2	72	Khá	
2585	DH81401221	Nguyễn Xuân	Thắng	D14_XD02	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
2586	DH81401393	Đặng Huyền	Trang	D14_XD02	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
2587	DH81401420	Trần Hữu	Trọng	D14_XD02	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
2588	DH81401470	Nguyễn Minh	Trung	D14_XD02	10	12	4	25	17	14	2	84	Tốt	
2589	DH81401759	Nguyễn Hữu	Trường	D14_XD02	10	8	8	25	20	7	10	88	Tốt	
2590	DH81401430	Vương Hữu	Trường	D14_XD02	10	12	6	25	17	8	10	88	Tốt	
2591	DH81401497	Lê Quốc	Tuấn	D14_XD02	10	12	5	25	13	8	2	75	Khá	
2592	DH81401663	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	D14_XD02	10	8	8	25	18	15	10	94	Xuất sắc	
2593	DH81401516	Đặng Vũ	Tuyên	D14_XD02	10	9	4	25	20	12	10	90	Xuất sắc	
2594	DH81401543	Võ Trí	Uy	D14_XD02	8	6	8	25	13	15	2	77	Khá	
2595	CD71301622	Hậu Tuệ	ái	C13_KD01	10	8	3	25	16	15	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2596	CD71301623	Lâm Mỹ	ái	C13_KD01	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
2597	CD71301626	Huỳnh	Âu	C13_KD01	10	8	3	25	2	15	8	71	Khá	
2598	CD71100345	Nguyễn Xuân Thạch	Cuong	C13_KD01	9	10	2	25	15	15	2	78	Khá	
2599	CD71301688	Mai Trung	Dũng	C13_KD01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2600	CD71301700	Trần Kế	Duyên	C13_KD01	10	12	8	25	18	15	10	98	Xuất sắc	
2601	CD71301637	Phạm Tấn	Đạt	C13_KD01	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
2602	CD71301713	Phùng Vĩnh	Hào	C13_KD01	10	9	8	25	17	15	2	86	Tốt	
2603	CD71201837	Văn Thị Kim	Hằng	C13_KD01	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
2604	CD71301725	Huỳnh Thiên	Hồng	C13_KD01	10	8	4	25	13	8	2	70	Khá	
2605	CD71301726	Nguyễn Thị Thu	Hồng	C13_KD01	10	10	2	25	16	15	2	80	Tốt	
2606	CD71301760	Võ Thị Thanh	Huyền	C13_KD01	10	6	8	25	17	15	2	83	Tốt	
2607	CD71301801	Đình Gia	Lệ	C13_KD01	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
2608	CD71301796	Nguyễn Ngọc Tường	Linh	C13_KD01	10	9	6	25	13	15	2	80	Tốt	
2609	CD71301822	Lê Huỳnh	Nam	C13_KD01	10	12	8	25	14	15	10	94	Xuất sắc	
2610	CD71301844	Nguyễn Trọng	Nghĩa	C13_KD01	10	6	4	25	20	15	2	82	Tốt	
2611	CD71301851	Vũ Huỳnh	Như	C13_KD01	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
2612	CD71301869	Huỳnh Thanh	Nhật	C13_KD01	10	10	2	25	10	15	2	74	Khá	
2613	CD71301902	Nguyễn Khắc	Phụng	C13_KD01	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
2614	CD71301880	Nguyễn Thị Mai	Phuong	C13_KD01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
2615	CD71301909	Khẩu Ngọc	Quang	C13_KD01	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2616	CD71301923	Nguyễn Kim	Son	C13_KD01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
2617	CD71301929	Nguyễn Thị Hồng	Sự	C13_KD01	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
2618	CD71301966	Phạm Thị Hồng	Thắm	C13_KD01	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
2619	CD71201175	Nguyễn Thị Thảo	Trang	C13_KD01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
2620	CD71302024	Lâm Soái	Trân	C13_KD01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
2621	CD71302025	Nguyễn Ngọc	Trân	C13_KD01	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
2622	CD71302036	Trương Văn	Trương	C13_KD01	10	10	4	25	16	15	2	82	Tốt	
2623	CD71302084	Nguyễn Hoàng	Vũ	C13_KD01	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
2624	CD71301649	Mai Vương Tiểu	Anh	C13_KD02	10	6	2	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
2625	CD71301675	Lê Thị Thu	Cúc	C13_KD02	10	12	2	25	11	10	9	79	Khá	
2626	CD71301711	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	C13_KD02	10	12	5	25	12	10	2	76	Khá	
2627	CD71301720	Trần Nguyễn Thanh	Hải	C13_KD02	10	6	2	25	14	10	2	69	Trung bình khá	
2628	CD71301704	Dương Thị Thu	Hằng	C13_KD02	10	8	0	25	15	10	6	74	Khá	
2629	CD71301757	Nguyễn Ngô Minh	Huy	C13_KD02	9	6	6	25	8	15	2	71	Khá	
2630	CD71301774	Huỳnh Đăng	Khoa	C13_KD02	10	8	2	25	11	15	8	79	Khá	
2631	CD71301782	Huỳnh Thị Diễm	Kiều	C13_KD02	10	6	4	25	9	10	2	66	Trung bình khá	
2632	CD71301802	Võ Thanh	Loan	C13_KD02	10	12	6	25	11	15	2	81	Tốt	
2633	CD71301810	Trần Thị Thanh	Mai	C13_KD02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
2634	CD71301811	Trần Thị Trúc	Mai	C13_KD02	10	8	2	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
2635	CD71301818	Trần Phạm Kiều	Minh	C13_KD02	10	12	8	25	19	10	10	94	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2636	CD71301823	Phạm Hải	Nam	C13_KD02	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
2637	CD71301832	Trang Thị Thanh	Nga	C13_KD02	10	8	2	25	14	15	2	76	Khá	
2638	CD71301827	Dương Quý	Ngân	C13_KD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2639	CD71301828	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	C13_KD02	10	6	5	25	8	10	2	66	Trung bình khá	
2640	CD71301842	Trần Hồng	Ngọc	C13_KD02	10	12	8	25	12	10	2	79	Khá	
2641	CD71301845	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	C13_KD02	10	12	6	25	20	10	10	93	Xuất sắc	
2642	CD71301883	Đặng Ngọc	Phước	C13_KD02	10	8	2	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
2643	CD71301917	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	C13_KD02	10	12	2	25	6	15	2	72	Khá	
2644	CD71301940	Phạm Huỳnh Tấn	Tài	C13_KD02	10	12	5	25	8	10	6	76	Khá	
2645	CD71301965	Trần Thị Thu	Thảo	C13_KD02	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
2646	CD71301994	Phạm Minh	Thuận	C13_KD02	10	8	6	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
2647	CD71301995	Trương Quang Mỹ	Thuận	C13_KD02	10	8	2	25	14	15	2	76	Khá	
2648	CD71301957	Nguyễn Nhật Thương	Thương	C13_KD02	10	8	0	25	18	10	8	79	Khá	
2649	CD71302009	Lê Hoàng Minh	Tiến	C13_KD02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2650	CD71302026	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	C13_KD02	10	6	2	25	11	15	2	71	Khá	
2651	CD71302043	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	C13_KD02	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
2652	CD71302034	Nguyễn Minh	Trường	C13_KD02	9	12	4	25	17	15	2	84	Tốt	
2653	CD71302013	Nguyễn Tuấn	Tú	C13_KD02	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
2654	CD71302109	Huỳnh Ngọc Kim	Tuyền	C13_KD02	10	8	4	25	11	10	2	70	Khá	
2655	CD71301648	Huỳnh Ngọc Vân	Anh	C13_KD03	10	6	0	25	0	10	2	53	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2656	CD71301651	Trần Tuyết	Anh	C13_KD03	10	9	4	25	18	10	9	85	Tốt	
2657	CD71301663	Trần Gia	Bội	C13_KD03	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
2658	CD71301676	Nguyễn Thị Thu	Cúc	C13_KD03	10	6	0	25	6	10	2	59	Trung bình	
2659	CD71301683	Thái Thanh	Diễm	C13_KD03	10	12	0	25	2	10	2	61	Trung bình khá	
2660	CD71301636	Nguyễn Thành	Đạt	C13_KD03	10	6	2	25	6	10	2	61	Trung bình khá	
2661	CD71301721	Đàm Mỹ	Hào	C13_KD03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2662	CD71301751	Hồ Công Quốc	Hoàng	C13_KD03	10	12	0	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
2663	CD71301724	Dương Thị	Hồng	C13_KD03	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
2664	CD71301754	Lê Trúc	Huỳnh	C13_KD03	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
2665	CD71301762	Phan Nhật	Khánh	C13_KD03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2666	CD71301799	Nguyễn Thị Thùy	Linh	C13_KD03	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
2667	CD71301807	Nguyễn Lê Quỳnh	Mai	C13_KD03	8	8	8	25	18	15	2	84	Tốt	
2668	CD71301812	Đặng Gia	Mẫn	C13_KD03	10	8	0	25	6	10	2	61	Trung bình khá	
2669	CD71301831	Lê Thị Tuyết	Nga	C13_KD03	10	12	0	25	6	5	2	60	Trung bình khá	
2670	CD71301834	Huỳnh Thị Mỹ	Ngọc	C13_KD03	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
2671	CD71301846	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	C13_KD03	10	8	0	25	13	10	2	68	Trung bình khá	
2672	CD71301847	Tôn Bình	Nguyên	C13_KD03	10	6	0	25	8	5	2	56	Trung bình	
2673	CD71301855	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	C13_KD03	10	6	4	25	6	15	2	68	Trung bình khá	
2674	CD71301859	Ninh Trần Thủy	Nhi	C13_KD03	10	9	4	25	19	15	10	92	Xuất sắc	
2675	CD71301898	Hồ Thanh	Phong	C13_KD03	10	6	0	25	3	10	2	56	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2676	CD71301949	Nguyễn Anh	Thái	C13_KD03	10	8	0	25	6	10	2	61	Trung bình khá	
2677	CD71301961	Nguyễn Thị Kim	Thành	C13_KD03	10	6	0	25	3	15	2	61	Trung bình khá	
2678	CD71301980	Lâm Gia	Thoại	C13_KD03	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
2679	CD71302018	Đỗ Thị Mai	Trâm	C13_KD03	10	8	0	25	0	15	2	60	Trung bình khá	
2680	CD71302052	Võ Minh	Trí	C13_KD03	10	6	0	25	4	10	2	57	Trung bình	
2681	CD71302081	Trần Hoàng	Vinh	C13_KD03	10	12	0	25	9	10	2	68	Trung bình khá	
2682	CD71302088	Huỳnh Hồ Thúy	Vy	C13_KD03	10	6	0	25	3	15	2	61	Trung bình khá	
2683	CD71302089	Trần Thùy	Vy	C13_KD03	10	6	2	25	3	10	2	58	Trung bình	
2684	CD71302096	Huỳnh Phi	Yến	C13_KD03	8	8	6	25	18	15	2	82	Tốt	
2685	CD71301690	Lê Thị Mỹ	Dung	C13_KD04	10	12	8	25	17	5	2	79	Khá	
2686	CD71301699	Thái Hà Mỹ	Duyên	C13_KD04	10	12	2	25	15	10	2	76	Khá	
2687	CD71301640	Lê Thị Hồng	Điễm	C13_KD04	10	12	0	25	13	10	2	72	Khá	
2688	CD71301629	Trần Tú	Đình	C13_KD04	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
2689	CD71301702	Nguyễn Thị Mỹ	Giang	C13_KD04	10	12	2	25	15	10	2	76	Khá	
2690	CD71301736	Nguyễn Thị Thu	Hiền	C13_KD04	10	12	2	25	15	10	2	76	Khá	
2691	CD71301804	Tăng Tài	Luân	C13_KD04	10	12	2	25	15	10	2	76	Khá	
2692	CD71301861	Trần Tiêu	Nhi	C13_KD04	10	12	0	25	13	10	9	79	Khá	
2693	CD71301868	Trần Thị Hồng	Nhung	C13_KD04	10	12	4	25	4	10	2	67	Trung bình khá	
2694	CD71301905	Trương Nghi	Phụng	C13_KD04	10	6	4	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
2695	CD71301876	Nguyễn Bình	Phương	C13_KD04	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2696	CD71301906	Nguyễn Minh	Quân	C13_KD04	10	12	4	25	12	12	9	84	Tốt	
2697	CD71301918	Nguyễn Thị	Quỳnh	C13_KD04	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
2698	CD71301953	Ngô Anh	Thơ	C13_KD04	10	12	4	25	3	10	2	66	Trung bình khá	
2699	CD71301992	Lê Lưu	Thuận	C13_KD04	10	12	0	25	11	15	2	75	Khá	
2700	CD71301979	Ngô Lý Như	Thúy	C13_KD04	9	12	8	25	20	10	9	93	Xuất sắc	
2701	CD71302004	Trần Ng Kim Thủy	Tiên	C13_KD04	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
2702	CD71302016	Thái Chí	Toàn	C13_KD04	9	12	4	25	18	10	9	87	Tốt	
2703	CD71302027	Huỳnh Thị Mai	Trang	C13_KD04	10	12	2	25	15	12	2	78	Khá	
2704	CD71302028	Lâm Lê Thùy	Trang	C13_KD04	10	9	4	25	17	10	2	77	Khá	
2705	CD71302031	Trần Thị Thùy	Trang	C13_KD04	9	8	6	25	12	15	2	77	Khá	
2706	CD71302019	Trương Hoàng Yến	Trâm	C13_KD04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2707	CD71302042	Huỳnh Thanh	Trúc	C13_KD04	10	8	4	25	15	10	2	74	Khá	
2708	CD71302069	Hà Võ Bích	Vân	C13_KD04	9	6	6	25	9	12	2	69	Trung bình khá	
2709	CD71302070	Nguyễn Thị Thanh	Vân	C13_KD04	10	12	2	25	12	10	2	73	Khá	
2710	CD71302072	Phan Thị Thu	Vân	C13_KD04	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
2711	CD71302091	Lê Hữu Yến	Xuân	C13_KD04	10	8	4	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
2712	CD71301678	Lê Thị Thúy	Dương	C13_KT01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
2713	CD71301679	Lục Duy	Dương	C13_KT01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
2714	CD71301710	Âu Thị Ngọc	Hà	C13_KT01	8	12	8	25	20	10	2	85	Tốt	
2715	CD71301748	Lê Thanh	Hoài	C13_KT01	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2716	CD71301759	Lâm Phạm Thanh	Huyền	C13_KT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2717	CD71301746	Nguyễn Đăng	Hung	C13_KT01	7	6	8	25	15	15	2	78	Khá	
2718	CD71301783	Mã Hiểu	Kỳ	C13_KT01	10	12	8	25	16	13	2	86	Tốt	
2719	CD71301800	Phạm Thị	Linh	C13_KT01	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
2720	CD71301820	Nguyễn Hương	Mỹ	C13_KT01	10	12	8	25	20	13	2	90	Xuất sắc	
2721	CD71301836	Nguyễn Phương Như	Ngọc	C13_KT01	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
2722	CD71301839	Trương Thị Kim	Ngọc	C13_KT01	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
2723	CD71301858	Lê Thị Yến	Nhi	C13_KT01	10	8	8	25	13	10	2	76	Khá	
2724	CD71301863	Vũ Thị Yến	Nhi	C13_KT01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
2725	CD71301865	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	C13_KT01	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
2726	CD71301867	Trần Hồng	Nhung	C13_KT01	7	12	8	25	17	15	2	86	Tốt	
2727	CD71301873	Lê Tấn	Phát	C13_KT01	10	6	8	25	19	15	2	85	Tốt	
2728	CD71301888	Lê Thị Bích	Phượng	C13_KT01	10	12	0	25	20	15	2	84	Tốt	
2729	CD71301954	Nguyễn Thị Thanh	Thơ	C13_KT01	7	12	8	25	17	15	2	86	Tốt	
2730	CD71301990	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	C13_KT01	7	12	8	25	17	15	2	86	Tốt	
2731	CD71301976	Dương Thị Biên	Thùy	C13_KT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2732	CD71301978	Bùi Thị Minh	Thùy	C13_KT01	4	6	0	25	20	15	2	72	Khá	
2733	CD71301947	Trần Thị Anh	Thư	C13_KT01	10	12	0	25	20	5	2	74	Khá	
2734	CD71302001	Lê Thị Cẩm	Tiên	C13_KT01	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
2735	CD71302003	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	C13_KT01	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2736	CD71302020	Trần Thị Bích	Trâm	C13_KT01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2737	CD71302021	Trần Thị Mộng	Trâm	C13_KT01	10	9	6	25	18	15	2	85	Tốt	
2738	CD71302064	Nguyễn Thị Mộng	Tuyền	C13_KT01	10	12	8	25	20	13	2	90	Xuất sắc	
2739	CD71302065	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	C13_KT01	10	12	8	20	19	10	2	81	Tốt	
2740	CD71302066	Võ Thị ánh	Tuyết	C13_KT01	6	12	8	25	20	15	2	88	Tốt	
2741	CD71302092	Võ Thị	Xuân	C13_KT01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
2742	CD71302094	Bành Thị Hoàng	Yến	C13_KT01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
2743	CD71302095	Hồ Thị Kim	Yến	C13_KT01	10	12	4	25	18	10	2	81	Tốt	
2744	CD71400174	Vũ Quốc	Dũng	C14_QT01	7	8	4	25	10	8	2	64	Trung bình khá	
2745	CD71400205	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	C14_QT01	9	9	4	25	13	10	2	72	Khá	
2746	CD71400237	Vũ Thành	Đạt	C14_QT01	8	12	2	25	5	13	2	67	Trung bình khá	
2747	CD71400262	Lê Thị Cẩm	Giang	C14_QT01	10	12	6	25	16	13	2	84	Tốt	
2748	CD71400324	Lý Trần Hoàng	Hải	C14_QT01	8	12	2	25	2	9	2	60	Trung bình khá	
2749	CD71400311	Dư Trí	Hào	C14_QT01	9	8	4	25	9	14	2	71	Khá	
2750	CD71400450	Hồ Trần Ngọc	Hoan	C14_QT01	8	12	6	25	7	8	2	68	Trung bình khá	
2751	CD71400515	Huỳnh Ngô Ngọc	Khương	C14_QT01	10	12	6	25	13	15	2	83	Tốt	
2752	CD71400588	Trịnh Phương	Lan	C14_QT01	10	12	4	25	5	13	2	71	Khá	
2753	CD71400721	Lê Phước	My	C14_QT01	8	12	6	25	13	14	9	87	Tốt	
2754	CD71400722	Nguyễn Đoàn Trúc	My	C14_QT01	9	12	6	25	14	10	10	86	Tốt	
2755	CD71400774	Trương ái Kim	Ngân	C14_QT01	10	9	4	25	11	14	2	75	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2756	CD71400795	Lê Bá	Ngọc	C14_QT01	10	12	6	25	10	15	2	80	Tốt	
2757	CD71400797	Lê Thị Thanh	Ngọc	C14_QT01	9	9	4	25	11	15	2	75	Khá	
2758	CD71400837	Lê Thị Kim	Nguyên	C14_QT01	9	12	4	25	8	14	2	74	Khá	
2759	CD71400923	Phan Hồng	Nhung	C14_QT01	8	8	4	25	11	13	9	78	Khá	
2760	CD71400970	Võ Thế	Phi	C14_QT01	8	12	4	25	7	13	2	71	Khá	
2761	CD71401008	Trần Đại	Phúc	C14_QT01	7	12	4	25	7	13	2	70	Khá	
2762	CD71401781	Nguyễn Bảo	Quốc	C14_QT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2763	CD71401058	Trần Bảo	Quỳnh	C14_QT01	7	8	4	25	6	8	2	60	Trung bình khá	
2764	CD71401186	Nguyễn Thái Đức	Thành	C14_QT01	8	9	4	25	10	8	2	66	Trung bình khá	
2765	CD71401195	Đoàn Thị	Thảo	C14_QT01	10	12	4	25	10	14	2	77	Khá	
2766	CD71401202	Nguyễn Thị Yên	Thảo	C14_QT01	9	8	4	25	9	13	2	70	Khá	
2767	CD71401222	Phạm Đại	Thắng	C14_QT01	8	8	4	25	16	15	9	85	Tốt	
2768	CD71401703	Tôn Diễm	Thư	C14_QT01	9	12	0	25	5	13	2	66	Trung bình khá	
2769	CD71401304	Lê Thị Mỹ	Tiên	C14_QT01	9	12	2	25	13	15	9	85	Tốt	
2770	CD71401365	Trương Vẹn	Toàn	C14_QT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2771	CD71401448	Trần Thị Yên	Trình	C14_QT01	8	12	4	25	10	13	2	74	Khá	
2772	CD71401775	Cao Hoàng	Tú	C14_QT01	7	8	2	25	7	13	2	64	Trung bình khá	
2773	CD71401526	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	C14_QT01	8	12	4	25	8	13	2	72	Khá	
2774	CD71401598	Hoàng Hà	Vy	C14_QT01	9	8	4	25	7	13	2	68	Trung bình khá	
2775	CD71401627	Dương Ngọc	Yên	C14_QT01	8	12	2	25	11	13	9	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2776	CD71400034	Nguyễn Hồ Mai	Anh	C14_QT02	10	8	4	25	5	5	2	59	Trung bình	
2777	CD71400039	Nguyễn Thị Kim	Anh	C14_QT02	10	8	4	25	14	5	2	68	Trung bình khá	
2778	CD71400005	Nguyễn Thị Kim	ánh	C14_QT02	10	9	2	25	18	5	2	71	Khá	
2779	CD71400110	Trần Ngọc Bảo	Châu	C14_QT02	10	9	4	25	3	10	2	63	Trung bình khá	
2780	CD71401774	Trương Minh	Châu	C14_QT02	10	8	3	25	6	15	2	69	Trung bình khá	
2781	CD71400266	Đoàn Quỳnh	Giao	C14_QT02	10	6	0	25	0	5	2	48	Yếu	
2782	CD71400318	Đỗ Huy	Hải	C14_QT02	10	8	4	25	7	10	9	73	Khá	
2783	CD71400274	Trần Thị Thanh	Hằng	C14_QT02	10	12	4	25	0	5	9	65	Trung bình khá	
2784	CD71400354	Ngô Phụng	Hồng	C14_QT02	10	12	6	25	7	5	9	74	Khá	
2785	CD71400360	Trần Thị Tuyết	Hồng	C14_QT02	10	6	4	25	15	5	2	67	Trung bình khá	
2786	CD71400474	Lâm Thiên	Huy	C14_QT02	10	6	2	25	2	10	2	57	Trung bình	
2787	CD71400478	Ngô Phúc	Huy	C14_QT02	10	6	2	25	0	10	2	55	Trung bình	
2788	CD71400619	Lê Xuân	Linh	C14_QT02	10	8	8	25	12	5	2	70	Khá	
2789	CD71401787	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	C14_QT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2790	CD71400640	Trần Huệ	Loan	C14_QT02	10	12	4	25	12	7	2	72	Khá	
2791	CD71400767	Nguyễn Thị Trung	Ngân	C14_QT02	10	9	6	25	20	15	10	95	Xuất sắc	
2792	CD71401729	Nguyễn Yên	Nhi	C14_QT02	10	8	0	25	2	9	9	63	Trung bình khá	
2793	CD71400919	Nguyễn Hoàng Xuân	Nhung	C14_QT02	10	9	4	25	5	5	2	60	Trung bình khá	
2794	CD71400932	Dương Thị Hoàng	Oanh	C14_QT02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2795	CD71400936	Tạ Khải	Oanh	C14_QT02	10	9	2	25	7	10	9	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2796	CD71401031	Trần Thị Vân	Phụng	C14_QT02	10	9	2	25	2	5	2	55	Trung bình	
2797	CD71401047	Nguyễn Mạnh	Quang	C14_QT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2798	CD71401054	Đỗ Thị Trang	Quỳnh	C14_QT02	10	6	0	25	0	5	2	48	Yếu	
2799	CD71401118	Phạm Huỳnh Xuân	Tâm	C14_QT02	10	9	3	25	0	5	9	61	Trung bình khá	
2800	CD71401206	Phan Thị	Thảo	C14_QT02	10	6	0	25	0	5	2	48	Yếu	
2801	CD71401311	Nguyễn Thụy Thùy	Tiên	C14_QT02	10	8	4	25	12	10	2	71	Khá	
2802	CD71401319	Trương Thị Thùy	Tiên	C14_QT02	10	12	4	25	0	5	9	65	Trung bình khá	
2803	CD71401435	Nguyễn Thị Băng	Trinh	C14_QT02	10	9	0	25	0	5	2	51	Trung bình	
2804	CD71401436	Nguyễn Thị Mai	Trinh	C14_QT02	10	12	2	25	5	5	2	61	Trung bình khá	
2805	CD71401356	Trương Cẩm	Tú	C14_QT02	10	6	4	25	5	5	9	64	Trung bình khá	
2806	CD71401624	Đào Minh	Yến	C14_QT02	10	12	8	25	8	5	2	70	Khá	
2807	CD71400071	Nguyễn Thị	Bọt	C14_QT03	10	8	7	25	14	15	2	81	Tốt	
2808	CD71400123	Phạm Thị Mỹ	Chi	C14_QT03	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
2809	CD71400142	Nguyễn Đại	Dương	C14_QT03	10	12	7	24	20	14	10	97	Xuất sắc	
2810	CD71401758	Nguyễn Võ Lệ	Hằng	C14_QT03	10	8	8	25	9	15	2	77	Khá	
2811	CD71400459	Trần Thị Phương	Hòa	C14_QT03	10	12	8	25	17	13	2	87	Tốt	
2812	CD71400462	Quách Thị	Hua	C14_QT03	10	6	8	25	16	11	2	78	Khá	
2813	CD71400494	Dương Thị Thu	Huyền	C14_QT03	10	8	4	25	16	12	2	77	Khá	
2814	CD71400528	Nguyễn Hoài Đăng	Khang	C14_QT03	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
2815	CD71400511	Phùng Gia	Khánh	C14_QT03	9	6	8	25	16	5	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2816	CD71401778	Huỳnh Trúc	Liên	C14_QT03	10	12	7	25	5	15	2	76	Khá	
2817	CD71400611	Đặng Mỹ	Linh	C14_QT03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2818	CD71400617	Lê Thị Phương	Linh	C14_QT03	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
2819	CD71400626	Nguyễn Thị Thùy	Linh	C14_QT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2820	CD71400662	Phạm Minh	Luân	C14_QT03	10	8	6	25	16	10	2	77	Khá	
2821	CD71400672	Huỳnh	Mai	C14_QT03	10	9	7	25	16	15	2	84	Tốt	
2822	CD71400684	Nguyễn Thảo	Mi	C14_QT03	6	12	6	22	18	13	2	79	Khá	
2823	CD71400757	Lê Thị Kim	Ngân	C14_QT03	10	9	6	25	15	10	2	77	Khá	
2824	CD71400922	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	C14_QT03	6	12	6	22	13	13	2	74	Khá	
2825	CD71400959	Nguyễn Lam	Phương	C14_QT03	10	8	8	25	13	15	2	81	Tốt	
2826	CD71400980	Nguyễn Khánh	Phượng	C14_QT03	10	8	4	25	20	14	2	83	Tốt	
2827	CD71401060	Trần Trúc	Quỳnh	C14_QT03	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
2828	CD71401093	Lê Diệp	Sương	C14_QT03	9	6	7	25	17	13	2	79	Khá	
2829	CD71401094	Nguyễn Thị Ngọc	Sương	C14_QT03	10	6	8	25	20	15	10	94	Xuất sắc	
2830	CD71401225	Trần Quốc	Thắng	C14_QT03	9	6	7	23	18	14	2	79	Khá	
2831	CD71401306	Ngô Thị Mỹ	Tiên	C14_QT03	10	12	7	25	12	15	2	83	Tốt	
2832	CD71401308	Nguyễn Ngọc Xuân	Tiên	C14_QT03	10	12	6	25	14	13	2	82	Tốt	
2833	CD71401400	Nguyễn Ngọc Hương	Trang	C14_QT03	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
2834	CD71401377	Nguyễn Thị Bích	Trâm	C14_QT03	10	12	8	25	14	13	2	84	Tốt	
2835	CD71401380	Phan Thị Ngọc	Trâm	C14_QT03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2836	CD71401455	Bùi Thanh	Trúc	C14_QT03	9	6	7	24	18	14	2	80	Tốt	
2837	CD71401599	Huỳnh Ngọc Khánh	Vy	C14_QT03	10	9	6	25	14	13	2	79	Khá	
2838	CD71401706	Lê Tuấn	Vỹ	C14_QT03	10	8	2	25	14	15	2	76	Khá	
2839	CD71401636	Trần Thị Ngọc	Yến	C14_QT03	10	6	6	25	20	14	2	83	Tốt	
2840	CD71400224	Lê Phan Tấn	Đạt	C14_QT04	10	8	7	25	8	15	2	75	Khá	
2841	CD71400278	Đào Thị Ngọc	Hân	C14_QT04	10	6	7	25	16	15	2	81	Tốt	
2842	CD71400433	Nguyễn Duy	Hoàng	C14_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2843	CD71401682	Hà Thị ánh	Hồng	C14_QT04	10	6	6	25	8	15	2	72	Khá	
2844	CD71401748	Nguyễn Duy	Huân	C14_QT04	9	6	8	25	8	15	2	73	Khá	
2845	CD71400484	Nguyễn Văn	Huy	C14_QT04	9	6	8	25	20	15	2	85	Tốt	
2846	CD71400295	Nguyễn Thị Diễm	Hương	C14_QT04	10	6	6	25	8	15	2	72	Khá	
2847	CD71401670	Trần Lê Quỳnh	Hương	C14_QT04	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
2848	CD71400589	Nguyễn Thị	Lên	C14_QT04	10	12	0	25	16	13	2	78	Khá	
2849	CD71401646	Nguyễn Phạm	Lin-Đa	C14_QT04	8	12	6	25	4	13	2	70	Khá	
2850	CD71400629	Nguyễn Trần Quỳnh	Linh	C14_QT04	10	6	8	25	11	15	2	77	Khá	
2851	CD71400665	Trần Hoàn Anh	Luân	C14_QT04	10	12	6	25	8	15	2	78	Khá	
2852	CD71400737	Nguyễn Hoàng	Nam	C14_QT04	10	6	8	25	15	15	2	81	Tốt	
2853	CD71400790	Võ Thị Bích	Nga	C14_QT04	10	12	0	25	3	15	2	67	Trung bình khá	
2854	CD71400803	Phạm Thị Hồng	Ngọc	C14_QT04	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
2855	CD71400841	Nguyễn Phúc	Nguyên	C14_QT04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2856	CD71401032	Công Nhật	Phu	C14_QT04	10	6	4	25	8	15	2	70	Khá	
2857	CD71400983	Trần Thị Thanh	Phượng	C14_QT04	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
2858	CD71401062	Nguyễn Hoàng	Quý	C14_QT04	10	8	4	25	2	15	2	66	Trung bình khá	
2859	CD71401083	Nguyễn Hoàng	Son	C14_QT04	7	6	8	25	12	15	2	75	Khá	
2860	CD71401740	Ngụy Như	Thắng	C14_QT04	10	6	4	25	11	15	2	73	Khá	
2861	CD71401247	Hồ Anh	Thi	C14_QT04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2862	CD71401334	Nguyễn Mậu	Tiến	C14_QT04	9	6	2	25	5	15	2	64	Trung bình khá	
2863	CD71401659	Lê Xuân	Trang	C14_QT04	10	6	6	25	15	10	2	74	Khá	
2864	CD71401370	Hồ Thị Bích	Trâm	C14_QT04	9	12	6	24	18	13	2	84	Tốt	
2865	CD71401444	Trần Ngọc Phương	Trinh	C14_QT04	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	
2866	CD71401548	Phan Thị Thục	Uyên	C14_QT04	10	8	8	25	12	15	2	80	Tốt	
2867	CD71401541	Võ Hoàng	Ước	C14_QT04	9	8	4	25	6	15	0	67	Trung bình khá	
2868	CD71401595	Bùi Thị Thảo	Vy	C14_QT04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
2869	CD71401611	Võ Huỳnh Thanh	Vy	C14_QT04	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
2870	CD71401694	Võ Hoàng Thanh	Xuân	C14_QT04	10	9	0	25	5	15	2	66	Trung bình khá	
2871	CD71401618	Vũ Thị	Xuân	C14_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2872	DH71200280	Nguyễn Tân	An	D12_KD01	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
2873	DH71200362	Nguyễn Mai	Anh	D12_KD01	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
2874	DH71200239	Nguyễn Thị Phương	Anh	D12_KD01	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
2875	DH71200363	Huỳnh Nữ Linh	Châu	D12_KD01	10	10	8	25	14	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2876	DH71200364	Nguyễn Thị Mỹ	Chính	D12_KD01	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
2877	DH71201856	Nguyễn Thị Bách	Dung	D12_KD01	10	9	8	25	18	10	2	82	Tốt	
2878	DH71200366	Dương Bá	Duy	D12_KD01	10	9	6	25	17	10	2	79	Khá	
2879	DH71201810	Đoàn Minh	Duy	D12_KD01	8	12	8	25	16	15	2	86	Tốt	
2880	DH71200367	Nguyễn Khánh	Duy	D12_KD01	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
2881	DH71200365	Chu Thị Thùy	Dương	D12_KD01	9	8	8	25	14	10	2	76	Khá	
2882	DH71200405	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D12_KD01	10	12	6	25	20	5	2	80	Tốt	
2883	DH71200368	Võ Tấn	Đạt	D12_KD01	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
2884	DH71201723	Nguyễn Minh	Hăng	D12_KD01	10	9	8	25	14	15	2	83	Tốt	
2885	DH71200370	Phạm Trí	Hiếu	D12_KD01	10	10	8	25	18	12	2	85	Tốt	
2886	DH71200292	Hồ Thanh	Huy	D12_KD01	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
2887	DH71200371	Huỳnh Thị Diệu	Huyền	D12_KD01	10	9	6	25	13	15	2	80	Tốt	
2888	DH71200332	Trần Ngọc	Huyền	D12_KD01	10	12	4	25	8	10	2	71	Khá	
2889	DH71200372	Trần Minh	Khôi	D12_KD01	10	10	8	25	14	10	2	79	Khá	
2890	DH71200298	Đình Thanh	Long	D12_KD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2891	DH71200251	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D12_KD01	10	10	7	25	12	15	2	81	Tốt	
2892	DH71200301	Phùng Bích	Ngọc	D12_KD01	10	6	8	25	18	10	2	79	Khá	
2893	DH71200253	Thái Gia	Ngọc	D12_KD01	10	8	6	25	18	12	2	81	Tốt	
2894	DH71200262	Lâm Thị Thảo	Nhi	D12_KD01	10	9	4	25	19	15	2	84	Tốt	
2895	DH71200261	Tăng Thị Quỳnh	Như	D12_KD01	10	10	6	25	19	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2896	DH71201745	Vũ Thái Bảo Ngọc	Oánh	D12_KD01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
2897	DH71200305	Huỳnh	Phát	D12_KD01	10	12	7	25	9	15	2	80	Tốt	
2898	DH71200266	Hồ Vũ Thanh	Phong	D12_KD01	8	8	8	25	4	10	2	65	Trung bình khá	
2899	DH71200265	Lý Hoàng	Phúc	D12_KD01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2900	DH71201855	Nguyễn Thị	Phượng	D12_KD01	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
2901	DH71200268	Ngô Minh	Quang	D12_KD01	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
2902	DH71200348	Trương Tấn	Sang	D12_KD01	8	6	0	25	0	10	2	51	Trung bình	
2903	DH71201744	Huỳnh Ngọc	Sâm	D12_KD01	10	9	4	25	12	15	2	77	Khá	
2904	DH71200350	Vương Đình	Thắng	D12_KD01	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
2905	DH71201726	Nguyễn Lê Mai	Thơ	D12_KD01	10	9	8	25	20	12	2	86	Tốt	
2906	DH71200358	Võ Nhật	Trường	D12_KD01	10	12	6	25	5	15	2	75	Khá	
2907	DH71200317	Nguyễn Kim	Tuyền	D12_KD01	10	6	4	25	17	10	2	74	Khá	
2908	DH71200278	Nguyễn Công	Vinh	D12_KD01	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
2909	DH71200319	Phạm Khắc	Vỹ	D12_KD01	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
2910	DH71200320	Phạm Thái Lệ	Xuân	D12_KD01	10	8	4	25	17	10	2	76	Khá	
2911	DH71201811	Trần Ngọc	Xuân	D12_KD01	10	9	2	25	10	10	2	68	Trung bình khá	
2912	DH71200442	Võ Khánh	An	D12_KD02	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
2913	DH71200404	Nguyễn Thái	Bảo	D12_KD02	9	6	4	25	4	10	2	60	Trung bình khá	
2914	DH71200446	Vương Dũng	Cầm	D12_KD02	10	12	2	25	15	15	2	81	Tốt	
2915	DH71200447	Nguyễn Thị Kim	Chăm	D12_KD02	10	9	4	25	16	12	9	85	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2916	DH71200406	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	D12_KD02	10	8	0	25	17	10	2	72	Khá	
2917	DH71200408	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	D12_KD02	10	9	6	25	16	10	2	78	Khá	
2918	DH71200409	Nguyễn Thanh	Hậu	D12_KD02	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
2919	DH71200373	Đông Đông	Khang	D12_KD02	10	8	7	25	18	10	9	87	Tốt	
2920	DH71200375	Thiệu Vi ý	Lan	D12_KD02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
2921	DH71200376	Cao Huỳnh Gia	Linh	D12_KD02	8	12	6	25	14	10	2	77	Khá	
2922	DH71200377	Lê Thị Huyền	Linh	D12_KD02	9	9	7	25	20	10	2	82	Tốt	
2923	DH71200379	Lưu Bội	Linh	D12_KD02	10	10	2	25	20	12	2	81	Tốt	
2924	DH71200418	Triệu Thị Kim	Loan	D12_KD02	10	9	6	25	18	15	2	85	Tốt	
2925	DH71200419	Kim Thanh	Long	D12_KD02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2926	DH71200421	Thị Xuân	Mai	D12_KD02	10	10	8	25	20	5	2	80	Tốt	
2927	DH71200380	Phạm Văn	Mạnh	D12_KD02	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
2928	DH71200381	Lê Tú	Mi	D12_KD02	10	9	7	25	18	14	2	85	Tốt	
2929	DH71200424	Nguyễn Ngà	Nguyên	D12_KD02	10	12	7	25	16	10	9	89	Tốt	
2930	DH71200426	Lê Hữu	Nhân	D12_KD02	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
2931	DH71201774	Nguyễn Văn	Nhân	D12_KD02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
2932	DH71200385	Nguyễn Đình Kiều	Nhi	D12_KD02	9	12	0	25	20	15	2	83	Tốt	
2933	DH71201941	Nguyễn Thị Yến	Oanh	D12_KD02	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
2934	DH71200427	Nguyễn Thanh	Phuong	D12_KD02	10	12	6	25	16	10	2	81	Tốt	
2935	DH71200466	Phan Văn	Quang	D12_KD02	10	8	8	25	14	15	2	82	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2936	DH71200430	Nguyễn Như	Quỳnh	D12_KD02	10	9	8	25	12	15	2	81	Tốt	
2937	DH71200389	Đoàn Trúc	Son	D12_KD02	10	10	0	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
2938	DH71200432	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D12_KD02	10	10	0	25	17	10	2	74	Khá	
2939	DH71200470	Đỗ Hoàng	Thắng	D12_KD02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
2940	DH71201853	Đặng Thị Đan	Thùy	D12_KD02	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
2941	DH71200391	Lê Thị Minh	Thư	D12_KD02	10	9	8	25	17	12	2	83	Tốt	
2942	DH71200478	Lê Hoài	Tín	D12_KD02	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	
2943	DH71200477	Nguyễn Thị	Trang	D12_KD02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
2944	DH71200475	Đào Thị Huyền	Trân	D12_KD02	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
2945	DH71201808	Quảng Thị Hải	Triều	D12_KD02	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
2946	DH71200397	Bùi Thị Ngọc	Trúc	D12_KD02	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
2947	DH71200440	Hồ Thị	Trúc	D12_KD02	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
2948	DH71200437	Đặng Thị Cẩm	Tú	D12_KD02	9	6	2	25	20	10	2	74	Khá	
2949	DH71200398	Lê Thị Thanh	Tuyền	D12_KD02	10	6	0	25	20	15	2	78	Khá	
2950	DH71200479	Trần Thị Cẩm	Vân	D12_KD02	10	9	4	25	19	15	9	91	Xuất sắc	
2951	DH71200281	Trịnh Mai Ngọc	Anh	D12_MAR01	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
2952	DH71200282	Nguyễn Vũ	Bằng	D12_MAR01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
2953	DH71200240	Đình Thái	Bình	D12_MAR01	9	12	6	24	15	15	2	83	Tốt	
2954	DH71200325	Lê Thị Mỹ	Chi	D12_MAR01	10	8	8	25	18	10	2	81	Tốt	
2955	DH71200326	Nguyễn Thị Mai	Chi	D12_MAR01	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2956	DH71200284	Lê Thị Mỹ	Duyên	D12_MAR01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2957	DH71200327	Phạm Linh	Đan	D12_MAR01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
2958	DH71200285	Nguyễn Thị Anh	Đào	D12_MAR01	10	12	8	25	20	12	8	95	Xuất sắc	
2959	DH71200242	Tạ Tấn	Đạt	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
2960	DH71200243	Huỳnh Thị Ngọc	Điệp	D12_MAR01	10	12	8	25	16	15	9	95	Xuất sắc	
2961	DH71200244	Nguyễn Thị Hồng	Điều	D12_MAR01	10	9	2	25	19	15	2	82	Tốt	
2962	DH71200288	Lưu Thanh	Hải	D12_MAR01	10	9	8	25	18	13	2	85	Tốt	
2963	DH71200286	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	D12_MAR01	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2964	DH71200289	Dương Ngọc	Hiền	D12_MAR01	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
2965	DH71200291	Nguyễn Thiên	Hoàng	D12_MAR01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
2966	DH71200330	Huỳnh Gia	Huệ	D12_MAR01	10	12	8	25	20	12	10	97	Xuất sắc	
2967	DH71200334	Trần Đăng	Khoa	D12_MAR01	10	9	8	24	18	13	6	88	Tốt	
2968	DH71200374	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	D12_MAR01	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
2969	DH71200246	Nguyễn Bá	Lộc	D12_MAR01	10	9	6	25	18	10	8	86	Tốt	
2970	DH71200339	Hồng Quang	Minh	D12_MAR01	10	9	8	24	18	13	6	88	Tốt	
2971	DH71200249	Đào Thị Nhật	My	D12_MAR01	10	9	2	25	19	15	2	82	Tốt	
2972	DH71200250	Mai Kim	Ngân	D12_MAR01	10	12	5	25	16	15	2	85	Tốt	
2973	DH71200341	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D12_MAR01	10	8	8	25	14	15	2	82	Tốt	
2974	DH71200300	Trần Kim	Ngân	D12_MAR01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
2975	DH71200302	Tăng Phồn	Nghĩa	D12_MAR01	10	8	6	25	18	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2976	DH71200257	Hàng Trạng	Nguyên	D12_MAR01	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
2977	DH71200258	Hồ Dương Quỳnh	Nguyên	D12_MAR01	10	12	8	25	18	13	2	88	Tốt	
2978	DH71200304	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D12_MAR01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
2979	DH71200260	Phạm Xuân Mỹ	Như	D12_MAR01	10	10	5	25	16	15	2	83	Tốt	
2980	DH71200263	Ông Bích	Phương	D12_MAR01	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
2981	DH71200264	Phạm Cao Minh	Phương	D12_MAR01	10	9	8	25	19	10	2	83	Tốt	
2982	DH71201948	Trần Thụy Nhật	Quỳnh	D12_MAR01	10	10	5	25	16	15	2	83	Tốt	
2983	DH71200308	Huỳnh Phan Thanh	Tâm	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2984	DH71200270	Huỳnh Thị Phương	Thảo	D12_MAR01	10	9	5	25	16	15	2	82	Tốt	
2985	DH71200310	Phạm Thị Phương	Thảo	D12_MAR01	10	9	8	25	18	13	2	85	Tốt	
2986	DH71200311	Nguyễn Ngọc	Thức	D12_MAR01	10	8	0	25	0	15	10	68	Trung bình khá	
2987	DH71200273	Lê Công	Toàn	D12_MAR01	10	10	6	25	18	10	2	81	Tốt	
2988	DH71200354	Mai Thị Ngọc	Trâm	D12_MAR01	10	10	8	25	20	12	10	95	Xuất sắc	
2989	DH71200313	Nguyễn Ngọc	Trâm	D12_MAR01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
2990	DH71200314	Phạm Ngọc	Trâm	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
2991	DH71200315	Lê Văn Thành	Trúc	D12_MAR01	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
2992	DH71200277	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D12_MAR01	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2993	DH71200318	Phùng Nguyễn Phương	Uyên	D12_MAR01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2994	DH71201920	Ngô Thị Như	Yên	D12_MAR01	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
2995	DH71200443	Lục Thị Ngọc	Anh	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
2996	DH71200444	Phan Như Quỳnh	Anh	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
2997	DH71200445	Trần Thanh	Bình	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
2998	DH71201905	Nguyễn Thị	Chinh	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
2999	DH71200448	Nguyễn Phạm Kim	Chung	D12_MAR02	10	9	8	25	14	15	9	90	Xuất sắc	
3000	DH71200451	Trần Thị	Duyên	D12_MAR02	10	12	7	25	20	15	2	91	Xuất sắc	
3001	DH71201854	Đào Thị Thu	Hà	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3002	DH71200412	Nguyễn Thị Mai	Hoa	D12_MAR02	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
3003	DH71200455	Lê Đức	Huy	D12_MAR02	10	9	8	25	10	15	2	79	Khá	
3004	DH71200453	Trần Thị Thanh	Hương	D12_MAR02	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
3005	DH71201729	Thái Thị Hồng	Khánh	D12_MAR02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3006	DH71200456	Trần Phú	Khánh	D12_MAR02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3007	DH71200414	Phan Hoàng	Kim	D12_MAR02	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
3008	DH71200415	Trần Công Xuân	Liên	D12_MAR02	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
3009	DH71200417	Trần Thị Ngọc	Loan	D12_MAR02	10	12	8	25	13	15	9	92	Xuất sắc	
3010	DH71200460	Phạm Thị Trúc	Ly	D12_MAR02	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
3011	DH71200461	Lê Tấn	Mạnh	D12_MAR02	10	10	7	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
3012	DH71200252	Phan Hồng Bảo	Ngọc	D12_MAR02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
3013	DH71200343	Trương Thị Xuân	Nhi	D12_MAR02	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
3014	DH71200465	Ngô Thị Diễm	Phúc	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
3015	DH71200346	Nguyễn Lê	Phúc	D12_MAR02	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3016	DH71200463	Lê Thị Ngọc	Phuong	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3017	DH71200464	Nguyễn Lương Tri	Phuong	D12_MAR02	10	10	8	25	10	15	2	80	Tốt	
3018	DH71200345	Lê Thị Ngọc	Phuong	D12_MAR02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3019	DH71200388	Nguyễn Thị Kim	Quyên	D12_MAR02	10	9	7	25	20	15	2	88	Tốt	
3020	DH71200390	Đỗ Thị Thu	Suong	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3021	DH71200471	Võ Huỳnh Thị	Thạch	D12_MAR02	10	12	8	25	18	15	9	97	Xuất sắc	
3022	DH71200434	Mai Thị Thanh	Thanh	D12_MAR02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3023	DH71201946	Nguyễn Kim	Thảo	D12_MAR02	10	10	7	25	18	15	9	94	Xuất sắc	
3024	DH71200433	Lê Thị	Thêm	D12_MAR02	10	12	6	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
3025	DH71200351	Đỗ Nhật	Thoại	D12_MAR02	10	9	4	25	15	15	2	80	Tốt	
3026	DH71201773	Hồ Đình	Thông	D12_MAR02	10	12	7	25	20	15	9	98	Xuất sắc	
3027	DH71201252	Nguyễn Thị Diệu	Thùy	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3028	DH71200353	Nguyễn Hoàng Thanh	Thúy	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3029	DH71200349	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D12_MAR02	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
3030	DH71200431	Đỗ Thị Kiều	Thương	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3031	DH71200468	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D12_MAR02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3032	DH71200436	Hồ Thị Thùy	Tiên	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3033	DH71200439	Nguyễn Thị Xuân	Trang	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3034	DH71200474	Lê Huỳnh Thùy	Trâm	D12_MAR02	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	
3035	DH71200438	Lê Ngọc Phương	Trâm	D12_MAR02	10	12	8	25	11	15	9	90	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3036	DH71201728	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3037	DH71200357	Đỗ Nguyên Thanh	Trường	D12_MAR02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3038	DH71201857	Huỳnh Bích	Tuyền	D12_MAR02	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
3039	DH71200361	Nguyễn Trần Tường	Vi	D12_MAR02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3040	DH71200480	Phạm Phú	Vinh	D12_MAR02	10	12	8	25	19	15	9	98	Xuất sắc	
3041	DH71201775	Lê Quang	Vũ	D12_MAR02	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
3042	DH71200481	Trần Thị Thanh	Yến	D12_MAR02	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
3043	DH71200323	Lê Công Tuấn	Anh	D12_TC01	10	9	6	25	18	13	2	83	Tốt	
3044	DH71200324	Phạm Ngọc	Anh	D12_TC01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3045	DH71200241	Nguyễn Trần Việt	Bắc	D12_TC01	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
3046	DH71201852	Võ Thị Hồng	Cầm	D12_TC01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3047	DH71200245	Nguyễn Lê Thu	Giàu	D12_TC01	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
3048	DH71200287	Lê Thị Ngọc	Hà	D12_TC01	10	12	7	25	19	15	8	96	Xuất sắc	
3049	DH71200329	Nguyễn Thị Minh	Hiền	D12_TC01	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3050	DH71200290	Nguyễn Trọng Trung	Hiếu	D12_TC01	10	8	8	25	7	10	2	70	Khá	
3051	DH71200331	Lý Thị Mỹ	Huyền	D12_TC01	10	10	7	25	17	15	2	86	Tốt	
3052	DH71201970	Trần Ngọc Lan	Hương	D12_TC01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
3053	DH71200294	Nguyễn Duy	Khải	D12_TC01	10	10	5	25	14	15	2	81	Tốt	
3054	DH71200293	Huỳnh Ngọc Kim	Khánh	D12_TC01	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
3055	DH71200295	Lưu Minh	Kiệt	D12_TC01	10	11	8	25	7	10	9	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3056	DH71200297	Lê Thị Ngọc	Liên	D12_TC01	10	12	6	25	20	15	8	96	Xuất sắc	
3057	DH71200336	Nguyễn Uyên	Linh	D12_TC01	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
3058	DH71200247	Tiêu Minh	Long	D12_TC01	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
3059	DH71200338	Hà Yến	Mi	D12_TC01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3060	DH71200340	Lê Thị Diễm	My	D12_TC01	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
3061	DH71200254	Thân Thị ánh	Ngọc	D12_TC01	10	9	8	25	15	15	9	91	Xuất sắc	
3062	DH71200256	Đỗ Tân Thanh	Nguyên	D12_TC01	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
3063	DH71200303	Hồ Yến	Nhi	D12_TC01	10	12	6	25	12	10	9	84	Tốt	
3064	DH71200259	Lê Thị Huỳnh	Như	D12_TC01	10	11	8	25	20	10	8	92	Xuất sắc	
3065	DH71200306	Nguyễn Thanh	Phú	D12_TC01	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
3066	DH71200344	Đặng ánh	Phuong	D12_TC01	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3067	DH71200267	Hồ Thanh	Quân	D12_TC01	10	12	6	25	13	10	9	85	Tốt	
3068	DH71200347	Thôi Nghệ	Quỳnh	D12_TC01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3069	DH71200309	Huỳnh Kim	Tân	D12_TC01	10	12	3	25	18	15	8	91	Xuất sắc	
3070	DH71200269	Hồ Thị Thanh	Thảo	D12_TC01	10	12	8	25	14	10	9	88	Tốt	
3071	DH71200271	Lê Thị Ngọc	Thảo	D12_TC01	10	11	8	25	13	10	8	85	Tốt	
3072	DH71200272	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D12_TC01	10	12	8	25	7	10	8	80	Tốt	
3073	DH71200352	Đinh Thị Diễm	Thúy	D12_TC01	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
3074	DH71200356	Thái Du Tú	Trân	D12_TC01	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3075	DH71200274	Nguyễn Minh	Trọng	D12_TC01	10	12	8	25	13	10	8	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3076	DH71200360	Phan Thị Minh	Tuyền	D12_TC01	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
3077	DH71200279	Phạm Hoàng	Yến	D12_TC01	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
3078	DH71200403	Nguyễn Văn	Bữu	D12_TC02	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
3079	DH71201955	Phùng Thụy Băng	Cầm	D12_TC02	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
3080	DH71200449	Nguyễn Chí	Dũng	D12_TC02	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
3081	DH71200450	Phạm Đỗ Hương	Duyên	D12_TC02	10	9	8	25	15	13	2	82	Tốt	
3082	DH71200407	Phạm Thị Mỹ	Duyên	D12_TC02	10	12	7	25	15	15	2	86	Tốt	
3083	DH71201731	Trần Tiến	Dương	D12_TC02	10	12	7	25	20	10	2	86	Tốt	
3084	DH71200452	Huỳnh Hải	Đặng	D12_TC02	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
3085	DH71201813	Nguyễn Thị	Hải	D12_TC02	10	12	4	25	19	15	10	95	Xuất sắc	
3086	DH71200369	Trương Thị Ngọc	Hân	D12_TC02	10	12	7	25	14	15	9	92	Xuất sắc	
3087	DH71200410	Hoàng Đăng	Hiếu	D12_TC02	10	12	5	25	16	15	2	85	Tốt	
3088	DH71200411	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	D12_TC02	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3089	DH71201742	Dương Cẩm	Hùng	D12_TC02	10	11	8	25	20	15	10	99	Xuất sắc	
3090	DH71201964	Nguyễn Thị Việt	Hương	D12_TC02	9	8	8	25	9	15	2	76	Khá	
3091	DH71200457	Lương Xuân	Khải	D12_TC02	10	6	0	23	12	15	2	68	Trung bình khá	
3092	DH71200413	Huỳnh Duy	Khang	D12_TC02	10	12	8	25	20	12	10	97	Xuất sắc	
3093	DH71200458	Dương ái	Linh	D12_TC02	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
3094	DH71200378	Lê Thị Thùy	Linh	D12_TC02	10	12	7	25	9	15	2	80	Tốt	
3095	DH71200416	Văn Ngọc Tiểu	Linh	D12_TC02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3096	DH71200459	Lâm Cẩm	Loan	D12_TC02	9	12	6	25	11	15	2	80	Tốt	
3097	DH71201812	Huỳnh Trúc	Mai	D12_TC02	10	12	8	25	16	7	10	88	Tốt	
3098	DH71200382	Nguyễn Thanh Hoài	Nam	D12_TC02	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
3099	DH71200423	Võ Huỳnh Như	Ngọc	D12_TC02	10	12	7	25	19	15	2	90	Xuất sắc	
3100	DH71200386	Lưu Thị	Nhung	D12_TC02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3101	DH71200387	Nguyễn Thị	Nhung	D12_TC02	10	12	7	25	11	15	2	82	Tốt	
3102	DH71200462	Bùi Thanh Hoài	Phương	D12_TC02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
3103	DH71200307	Trần Cẩm	Quỳnh	D12_TC02	10	12	5	25	16	15	2	85	Tốt	
3104	DH71201858	Phạm Thị	Tâm	D12_TC02	10	12	8	25	14	12	9	90	Xuất sắc	
3105	DH71200393	Ngô Thị Thu	Thảo	D12_TC02	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3106	DH71200469	Phạm Thị Thu	Thảo	D12_TC02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3107	DH71200435	Hồ Thị Thanh	Thúy	D12_TC02	10	10	8	25	16	15	10	94	Xuất sắc	
3108	DH71200394	Phạm Thị Thanh	Thúy	D12_TC02	10	10	7	25	19	15	2	88	Tốt	
3109	DH71200473	Nguyễn Lê Kim	Thuyền	D12_TC02	10	8	6	25	13	15	2	79	Khá	
3110	DH71200392	Nguyễn Lâm Anh	Thư	D12_TC02	10	12	7	25	20	10	2	86	Tốt	
3111	DH71200396	Nguyễn Thị Quế	Trân	D12_TC02	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
3112	DH71201904	Trần Thị Thùy	Trình	D12_TC02	10	12	8	25	15	13	2	85	Tốt	
3113	DH71201730	Trương Hoàng Thu	Yến	D12_TC02	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
3114	DH71300004	Lê Ngọc	ánh	D13_QT01	10	10	2	25	16	15	2	80	Tốt	
3115	DH71300196	Lương Thị	Diễm	D13_QT01	10	9	6	25	20	15	9	94	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3116	DH71300207	Nguyễn Trường	Dũ	D13_QT01	9	6	2	25	10	15	8	75	Khá	
3117	DH71300241	Nguyễn Đình	Duy	D13_QT01	10	8	6	25	20	15	2	86	Tốt	
3118	DH71300322	Danh Thị	Hà	D13_QT01	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3119	DH71300323	Lê Thị	Hà	D13_QT01	10	6	8	25	14	12	2	77	Khá	
3120	DH71302107	Trần Minh	Hào	D13_QT01	10	12	6	25	19	13	2	87	Tốt	
3121	DH71300388	Lê Thị	Hiền	D13_QT01	10	12	6	25	18	15	9	95	Xuất sắc	
3122	DH71300456	Huỳnh Khâm	Huy	D13_QT01	10	10	2	25	11	15	2	75	Khá	
3123	DH71300492	Hoàng Lê	Khôi	D13_QT01	10	10	2	25	10	15	2	74	Khá	
3124	DH71300611	Lê Ngọc Tuyết	Linh	D13_QT01	10	6	8	25	4	7	2	62	Trung bình khá	
3125	DH71300652	Trần Thị Hải	Long	D13_QT01	10	10	6	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
3126	DH71300789	Trương Thục	Nghi	D13_QT01	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
3127	DH71300786	Võ Huỳnh Bảo	Ngọc	D13_QT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3128	DH71300921	Trần Tấn	Phát	D13_QT01	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
3129	DH71300962	Nguyễn Đắc	Phú	D13_QT01	10	12	2	25	11	15	2	77	Khá	
3130	DH71300933	Nguyễn Kiều	Phương	D13_QT01	10	9	8	25	18	10	9	89	Tốt	
3131	DH71301041	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	D13_QT01	10	12	6	25	18	15	9	95	Xuất sắc	
3132	DH71301042	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	D13_QT01	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
3133	DH71301145	Nguyễn Minh	Thái	D13_QT01	10	12	2	25	11	12	2	74	Khá	
3134	DH71301220	Huỳnh Thị Thu	Thanh	D13_QT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3135	DH71301158	Châu Kim	Thành	D13_QT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3136	DH71301164	Nguyễn Văn Tiến	Thành	D13_QT01	10	8	6	20	20	10	2	76	Khá	
3137	DH71301174	Lê Vũ Thị Thu	Thảo	D13_QT01	10	8	4	25	18	15	2	82	Tốt	
3138	DH71301186	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_QT01	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
3139	DH71301240	Nguyễn Ngọc Thanh	Thiên	D13_QT01	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
3140	DH71302110	Lâm Hiếu	Thiện	D13_QT01	10	9	7	23	17	15	2	83	Tốt	
3141	DH71301137	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	D13_QT01	10	10	4	25	15	15	2	81	Tốt	
3142	DH71301141	Trịnh Thái Anh	Thư	D13_QT01	10	6	0	25	16	10	2	69	Trung bình khá	
3143	DH71301358	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	D13_QT01	10	12	2	25	9	10	9	77	Khá	
3144	DH71301412	Lê Thị Tuyết	Trinh	D13_QT01	10	10	6	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
3145	DH71301423	Trần Ngọc Nguyên	Trinh	D13_QT01	9	6	2	25	8	15	2	67	Trung bình khá	
3146	DH71301335	Nguyễn Thị Thanh	Tú	D13_QT01	10	12	6	25	20	13	2	88	Tốt	
3147	DH71301463	Huỳnh Công	Tuấn	D13_QT01	10	8	6	25	20	10	9	88	Tốt	
3148	DH71301464	Lê Hoàng	Tuấn	D13_QT01	10	12	6	25	14	15	9	91	Xuất sắc	
3149	DH71301571	Đào Ngọc Hoàng	Vy	D13_QT01	10	10	4	25	14	15	2	80	Tốt	
3150	DH71301586	Trần Hồng Thảo	Vy	D13_QT01	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
3151	DH71300063	Lê Thúy	An	D13_QT02	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
3152	DH71300083	Lê Thị Kim	Anh	D13_QT02	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	
3153	DH71300097	Nguyễn Xuân Phương	Anh	D13_QT02	10	12	8	25	17	12	2	86	Tốt	
3154	DH71300102	Trương Ngọc Hoàng	Anh	D13_QT02	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
3155	DH71300011	Nguyễn Thị Hồng	Ân	D13_QT02	9	8	8	25	9	10	2	71	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3156	DH71300115	Lư Cẩm	Bình	D13_QT02	10	8	4	25	17	15	2	81	Tốt	
3157	DH71300212	Ngô Trung	Dũng	D13_QT02	9	6	6	25	12	13	2	73	Khá	
3158	DH71300260	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	D13_QT02	10	6	4	25	12	10	2	69	Trung bình khá	
3159	DH71300188	Trần Phan Thùy	Dương	D13_QT02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3160	DH71300035	Nguyễn Tấn	Đạt	D13_QT02	8	6	6	25	11	15	2	73	Khá	
3161	DH71300045	Võ Tiên	Đạt	D13_QT02	8	6	6	25	11	15	2	73	Khá	
3162	DH71300055	Nguyễn Huỳnh	Đức	D13_QT02	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
3163	DH71300335	Nguyễn Tuấn	Hào	D13_QT02	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
3164	DH71300282	Bùi Thị Thu	Hằng	D13_QT02	10	8	0	25	17	15	2	77	Khá	
3165	DH71300290	Nguyễn Thúy	Hằng	D13_QT02	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
3166	DH71300463	Nguyễn Hoàng	Huy	D13_QT02	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
3167	DH71300506	Lương Bảo	Khang	D13_QT02	7	8	7	25	7	10	9	73	Khá	
3168	DH71300517	Cao Minh	Khoa	D13_QT02	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3169	DH71300621	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D13_QT02	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3170	DH71300664	Lê Thị	Ly	D13_QT02	10	12	8	25	19	10	2	86	Tốt	
3171	DH71300679	Trần Nguyễn Xuân	Mai	D13_QT02	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3172	DH71300681	Cheng Huệ	Mẫn	D13_QT02	10	10	6	25	12	10	2	75	Khá	
3173	DH71300771	Dương Lê Bích	Ngọc	D13_QT02	10	6	6	25	19	15	0	81	Tốt	
3174	DH71300778	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D13_QT02	10	12	6	25	13	12	2	80	Tốt	
3175	DH71300826	Lữ Thành	Nhân	D13_QT02	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3176	DH71300869	Phạm Yên	Nhi	D13_QT02	10	10	0	25	17	15	2	79	Khá	
3177	DH71300871	Thiệu Bảo	Nhi	D13_QT02	10	9	4	25	17	15	2	82	Tốt	
3178	DH71300885	Lê Đặng Hồng	Nhung	D13_QT02	8	6	4	25	16	15	2	76	Khá	
3179	DH71301001	Nguyễn Hùng Minh	Quân	D13_QT02	0	12	0	0	0	0	10	22	Kém	
3180	DH71301006	Triệu Mỹ	Quân	D13_QT02	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
3181	DH71301227	Phạm Nguyễn Việt	Thanh	D13_QT02	10	12	8	25	19	15	10	99	Xuất sắc	
3182	DH71301183	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D13_QT02	10	8	0	25	17	15	2	77	Khá	
3183	DH71301138	Trần Hồ Anh	Thư	D13_QT02	10	6	6	25	19	15	0	81	Tốt	
3184	DH71301289	Bùi Thị Cẩm	Tiên	D13_QT02	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
3185	DH71301360	Trần Thị Phương	Trâm	D13_QT02	10	6	4	25	20	15	2	82	Tốt	
3186	DH71301411	Lê Hồ Đoan	Trình	D13_QT02	8	9	4	25	10	10	2	68	Trung bình khá	
3187	DH71301431	Hồng Thanh	Trúc	D13_QT02	10	8	8	25	19	13	2	85	Tốt	
3188	DH71301496	Trần Thị Thanh	Tuyền	D13_QT02	1	10	2	25	2	10	2	52	Trung bình	
3189	DH71301521	Đỗ Nguyễn Thùy	Vân	D13_QT02	10	11	4	25	20	15	9	94	Xuất sắc	
3190	DH71301578	Lâm Trường	Vy	D13_QT02	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
3191	DH71301606	Nguyễn Thị Như	ý	D13_QT02	4	12	8	25	19	15	2	85	Tốt	
3192	DH71301612	Đào Kim	Yến	D13_QT02	10	10	8	25	19	15	10	97	Xuất sắc	
3193	DH71300133	Nguyễn Quốc	Bảo	D13_QT03	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
3194	DH71300118	Trần Gia	Bình	D13_QT03	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3195	DH71300160	Ngô Huệ	Châu	D13_QT03	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3196	DH71300171	Trần Doãn	Chương	D13_QT03	10	10	6	25	20	10	2	83	Tốt	
3197	DH71300150	Đặng Quang	Cường	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	10	93	Xuất sắc	
3198	DH71300041	Tiêu Tiến	Đạt	D13_QT03	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
3199	DH71300333	Âu Huỳnh Kiến	Hào	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3200	DH71300286	Lê Thị Mỹ	Hằng	D13_QT03	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
3201	DH71300283	Lương Minh	Hằng	D13_QT03	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
3202	DH71300293	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	D13_QT03	10	12	4	25	20	10	10	91	Xuất sắc	
3203	DH71300302	Dương Đài Các	Hân	D13_QT03	10	6	4	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
3204	DH71300405	Phạm Minh	Hiếu	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	10	93	Xuất sắc	
3205	DH71300360	Võ Đông	Hồ	D13_QT03	10	9	6	25	20	10	10	90	Xuất sắc	
3206	DH71300451	Đặng Nhật	Huy	D13_QT03	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
3207	DH71300315	Phạm Thị Xuân	Hương	D13_QT03	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3208	DH71300579	Thái Phương	Lan	D13_QT03	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3209	DH71300614	Lý Bảo	Linh	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3210	DH71300638	Nguyễn Hồng	Loan	D13_QT03	10	12	4	25	19	10	10	90	Xuất sắc	
3211	DH71300672	Đào Lý Huỳnh	Mai	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3212	DH71300744	Hoàng Nguyễn Phương	Ngân	D13_QT03	10	6	6	25	20	10	2	79	Khá	
3213	DH71300749	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3214	DH71300779	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	D13_QT03	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
3215	DH71300803	Lê Sỹ	Nguyên	D13_QT03	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3216	DH71300815	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	D13_QT03	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
3217	DH71300881	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	D13_QT03	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
3218	DH71300996	Phạm Kim	Phụng	D13_QT03	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
3219	DH71300939	Thân Hồ Minh	Phuong	D13_QT03	10	12	8	25	20	10	10	95	Xuất sắc	
3220	DH71301043	Nguyễn Thị Thoại	Quyên	D13_QT03	10	6	8	25	19	10	2	80	Tốt	
3221	DH71301056	Nguyễn Thị Bích	Sâm	D13_QT03	10	8	6	25	20	10	2	81	Tốt	
3222	DH71301233	Trịnh Lê Lan	Thanh	D13_QT03	10	6	6	25	19	10	2	78	Khá	
3223	DH71301139	Trần Minh	Thư	D13_QT03	10	12	4	25	16	10	10	87	Tốt	
3224	DH71301157	Võ Văn	Thương	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3225	DH71301378	Lê Thị	Trang	D13_QT03	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
3226	DH71301351	Lê Hạnh	Trâm	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3227	DH71301452	Nguyễn Minh	Trí	D13_QT03	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
3228	DH71301422	Trần Ngọc	Trinh	D13_QT03	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
3229	DH71301329	Lê Tấn	Tú	D13_QT03	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3230	DH71301495	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3231	DH71301498	Phạm Thị Hồng	Tuyết	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3232	DH71301581	Lê Phạm Thanh	Vy	D13_QT03	10	9	6	25	20	10	2	82	Tốt	
3233	DH71301594	Trịnh Thị Minh	Xuân	D13_QT03	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3234	DH71300001	Hứa Thị Mỹ	ái	D13_QT04	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3235	DH71300163	Phạm Đỗ Bảo	Châu	D13_QT04	10	12	6	25	20	10	8	91	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3236	DH71300248	Trương Phạm Nhật	Duy	D13_QT04	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
3237	DH71300026	Bùi Thị Anh	Đào	D13_QT04	10	12	6	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
3238	DH71300332	Võ Ngọc Ngân	Hà	D13_QT04	10	8	6	25	19	10	8	86	Tốt	
3239	DH71300334	Lữ Gia	Hào	D13_QT04	9	12	6	25	18	10	2	82	Tốt	
3240	DH71300304	Lâm Phụng	Hân	D13_QT04	10	6	8	25	20	10	6	85	Tốt	
3241	DH71300435	Võ Huy	Hoàng	D13_QT04	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
3242	DH71300372	Đàm Hỷ	Hùng	D13_QT04	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3243	DH71300457	Huỳnh Võ Minh	Huy	D13_QT04	9	6	6	25	20	10	2	78	Khá	
3244	DH71300468	Nguyễn Trần Gia	Huy	D13_QT04	9	12	6	25	17	10	2	81	Tốt	
3245	DH71300526	Nguyễn Tấn	Khoa	D13_QT04	10	12	4	23	20	10	2	81	Tốt	
3246	DH71300622	Nguyễn Thị Thùy	Linh	D13_QT04	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
3247	DH71300703	Nguyễn Lê Đăng	Minh	D13_QT04	9	8	4	25	20	10	8	84	Tốt	
3248	DH71300713	Trần Quang	Minh	D13_QT04	10	12	6	25	19	10	8	90	Xuất sắc	
3249	DH71300730	Nguyễn Hoàng	My	D13_QT04	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
3250	DH71300781	Nguyễn Tú	Ngọc	D13_QT04	8	12	4	25	20	10	2	81	Tốt	
3251	DH71300802	Dương Huỳnh Trúc	Nguyên	D13_QT04	9	12	8	25	17	10	2	83	Tốt	
3252	DH71300830	Nguyễn Đình Trí	Nhân	D13_QT04	10	6	8	25	20	10	2	81	Tốt	
3253	DH71300865	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	D13_QT04	9	12	6	25	18	10	2	82	Tốt	
3254	DH71300867	Phạm Huỳnh Oanh	Nhi	D13_QT04	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
3255	DH71300882	Huỳnh Thị	Nhung	D13_QT04	10	12	8	25	20	10	8	93	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3256	DH71300911	Lưu Kiến	Phát	D13_QT04	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3257	DH71301007	Vương Thúy	Quân	D13_QT04	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
3258	DH71301034	Nguyễn Thanh	Quý	D13_QT04	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3259	DH71301072	Lê Hà Thịnh	Sang	D13_QT04	10	12	4	25	17	10	2	80	Tốt	
3260	DH71301224	Nguyễn Hoàng Vân	Thanh	D13_QT04	10	8	4	25	20	10	2	79	Khá	
3261	DH71301171	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	D13_QT04	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3262	DH71301181	Nguyễn Thị	Thảo	D13_QT04	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
3263	DH71301193	Tăng Kim	Thảo	D13_QT04	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3264	DH71301209	Nguyễn Phương	Thắng	D13_QT04	9	6	8	25	20	10	2	80	Tốt	
3265	DH71301384	Nguyễn Hồ Nguyên	Trang	D13_QT04	10	12	8	25	17	10	2	84	Tốt	
3266	DH71301397	Tạ Thu	Trang	D13_QT04	9	6	2	25	20	10	2	74	Khá	
3267	DH71301428	Văn Thị Hải	Triều	D13_QT04	10	9	6	25	20	10	8	88	Tốt	
3268	DH71301432	Lê Nguyễn Thanh	Trúc	D13_QT04	10	12	6	25	20	10	2	85	Tốt	
3269	DH71301438	Võ Trang Thanh	Trúc	D13_QT04	10	8	8	25	17	10	2	80	Tốt	
3270	DH71301299	Nguyễn Thanh	Tùng	D13_QT04	9	12	6	25	20	10	2	84	Tốt	
3271	DH71301525	Lâm Thị Hiếu	Vân	D13_QT04	10	12	8	25	20	10	8	93	Xuất sắc	
3272	DH71301603	Lý Mỹ	ý	D13_QT04	9	10	6	25	20	10	2	82	Tốt	
3273	DH71301618	Nguyễn Ngọc	Yến	D13_QT04	10	6	4	25	20	10	2	77	Khá	
3274	DH71300062	Lâm Thái	An	D13_QT05	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	
3275	DH71300219	Dương Ngọc	Dịu	D13_QT05	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3276	DH71300254	Huỳnh Thị Phương	Duyên	D13_QT05	10	9	6	25	15	15	9	89	Tốt	
3277	DH71300261	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	D13_QT05	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
3278	DH71300025	Bùi Mai Trang	Đài	D13_QT05	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
3279	DH71300285	Lê Thị Mỹ	Hằng	D13_QT05	10	12	7	25	17	15	2	88	Tốt	
3280	DH71300289	Nguyễn Ngọc Diễm	Hằng	D13_QT05	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
3281	DH71300442	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	D13_QT05	10	12	6	25	15	15	9	92	Xuất sắc	
3282	DH71300382	Nguyễn Quốc	Hùng	D13_QT05	10	12	0	25	15	15	2	79	Khá	
3283	DH71300472	Từ Đức	Huy	D13_QT05	10	12	7	25	9	8	2	73	Khá	
3284	DH71300476	Lý Kim	Huyền	D13_QT05	10	12	6	25	18	10	9	90	Xuất sắc	
3285	DH71300529	Phạm Nguyễn Đình	Khoa	D13_QT05	10	12	6	25	2	15	2	72	Khá	
3286	DH71300552	Trần Mỹ	Kỳ	D13_QT05	10	12	0	25	12	15	2	76	Khá	
3287	DH71300578	Nguyễn Lê Yên	Lan	D13_QT05	10	8	4	25	20	5	2	74	Khá	
3288	DH71300608	Lâm Ngọc	Linh	D13_QT05	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
3289	DH71300637	Đinh Thị Bích	Loan	D13_QT05	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
3290	DH71300747	Mai Thanh Hoàng	Ngân	D13_QT05	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
3291	DH71300756	Phạm Thị Tuyết	Ngân	D13_QT05	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3292	DH71300844	Nguyễn Thị	Nhàn	D13_QT05	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3293	DH71300831	Nguyễn Minh	Nhân	D13_QT05	10	12	6	25	15	5	2	75	Khá	
3294	DH71300866	Nguyễn Thị ý	Nhi	D13_QT05	10	12	0	25	17	10	2	76	Khá	
3295	DH71300901	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	D13_QT05	10	9	8	25	15	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3296	DH71300916	Nguyễn Văn	Phát	D13_QT05	10	8	8	25	15	15	2	83	Tốt	
3297	DH71300945	Vũ Tuyết	Phuong	D13_QT05	10	8	6	25	12	13	2	76	Khá	
3298	DH71301038	Cao Thị Ngọc	Quyên	D13_QT05	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3299	DH71301075	Nguyễn Tấn	Sang	D13_QT05	10	6	8	25	17	10	9	85	Tốt	
3300	DH71301091	Dương Thanh	Tâm	D13_QT05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3301	DH71301175	Nguyễn Đoàn Mộng	Thảo	D13_QT05	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
3302	DH71301176	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	D13_QT05	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
3303	DH71301187	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_QT05	10	8	0	25	17	10	2	72	Khá	
3304	DH71301284	Lê Ngọc Phương	Thy	D13_QT05	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3305	DH71301377	Lê Phương	Trang	D13_QT05	10	12	4	25	19	5	9	84	Tốt	
3306	DH71301399	Trần Thị	Trang	D13_QT05	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
3307	DH71301366	Lê Thị Huỳnh	Trân	D13_QT05	10	10	7	25	13	15	9	89	Tốt	
3308	DH71301371	Trần Ngọc Bảo	Trân	D13_QT05	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
3309	DH71301458	Tô Lập	Trí	D13_QT05	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3310	DH71301436	Nguyễn Thị Phương	Trúc	D13_QT05	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
3311	DH71301326	Đoàn Cẩm	Tú	D13_QT05	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
3312	DH71301529	Nguyễn Thị Kim	Vân	D13_QT05	10	11	4	25	20	10	10	90	Xuất sắc	
3313	DH71301619	Trần Thị Kim	Yến	D13_QT05	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
3314	DH71300094	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	D13_QT06	10	6	0	25	15	10	2	68	Trung bình khá	
3315	DH71300103	Trần Ngọc Trâm	Anh	D13_QT06	10	8	2	25	15	10	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3316	DH71300167	Trần Dương Ngũ	Châu	D13_QT06	9	6	2	25	20	10	2	74	Khá	
3317	DH71300156	Trần Mạnh	Cường	D13_QT06	10	12	8	25	15	15	9	94	Xuất sắc	
3318	DH71300195	Bùi Ngọc	Diễm	D13_QT06	10	6	0	25	6	10	2	59	Trung bình	
3319	DH71300205	Nguyễn Xuân	Diệu	D13_QT06	10	12	0	25	15	10	2	74	Khá	
3320	DH71300272	Bùi Ngọc Trà	Giang	D13_QT06	10	12	2	25	17	10	2	78	Khá	
3321	DH71300273	Hoàng Thị Hương	Giang	D13_QT06	10	12	0	25	18	10	2	77	Khá	
3322	DH71300287	Ngô Thị Thanh	Hằng	D13_QT06	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3323	DH71300409	Trần Văn	Hiếu	D13_QT06	10	8	0	25	12	10	2	67	Trung bình khá	
3324	DH71300514	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	D13_QT06	10	12	2	25	15	10	2	76	Khá	
3325	DH71300519	Lê Đăng	Khoa	D13_QT06	10	12	6	25	17	10	9	89	Tốt	
3326	DH71300576	Bạch Ngọc	Lan	D13_QT06	10	12	6	25	18	10	2	83	Tốt	
3327	DH71300594	Lâm Tú	Liên	D13_QT06	10	12	2	25	17	10	2	78	Khá	
3328	DH71300667	Nguyễn Thị Trúc	Ly	D13_QT06	10	12	0	25	15	10	2	74	Khá	
3329	DH71300669	Võ Trần Ngọc Thị Mai	Lý	D13_QT06	10	12	2	25	15	10	9	83	Tốt	
3330	DH71300671	Phạm Thị	Mảnh	D13_QT06	10	12	0	25	15	10	2	74	Khá	
3331	DH71300695	Hà Đức	Minh	D13_QT06	10	12	2	25	15	10	9	83	Tốt	
3332	DH71300711	Phạm Ngọc	Minh	D13_QT06	10	12	0	25	12	10	2	71	Khá	
3333	DH71300727	Phạm Thị	Muội	D13_QT06	10	9	0	25	15	10	2	71	Khá	
3334	DH71300733	Tô Nguyễn Uyên	My	D13_QT06	10	10	2	25	15	10	9	81	Tốt	
3335	DH71300721	Chiêm Gia	Mỹ	D13_QT06	10	12	4	25	18	10	2	81	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3336	DH71300767	Văn Thị Thiên	Nga	D13_QT06	10	12	2	25	15	10	9	83	Tốt	
3337	DH71300787	Huỳnh Ngọc Đông	Nghi	D13_QT06	10	6	4	25	17	10	2	74	Khá	
3338	DH71300780	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	D13_QT06	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
3339	DH71300843	Nguyễn Thanh	Nhàn	D13_QT06	10	12	4	25	18	10	2	81	Tốt	
3340	DH71300853	Vũ Minh	Nhật	D13_QT06	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
3341	DH71300859	Huỳnh Trần Yên	Nhi	D13_QT06	10	12	0	25	15	10	2	74	Khá	
3342	DH71300997	Tăng Ngọc	Phụng	D13_QT06	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
3343	DH71301040	Nguyễn Thị Kim	Quyên	D13_QT06	10	12	8	25	15	10	9	89	Tốt	
3344	DH71301114	Lâm Phát	Tài	D13_QT06	10	12	2	25	14	10	2	75	Khá	
3345	DH71301273	Nguyễn Cẩm	Thu	D13_QT06	10	12	2	25	15	10	2	76	Khá	
3346	DH71301278	Nguyễn Ngọc	Thuận	D13_QT06	10	8	0	25	12	10	2	67	Trung bình khá	
3347	DH71301364	Lê Hồng Bảo	Trân	D13_QT06	10	12	4	25	15	10	9	85	Tốt	
3348	DH71301419	Phạm Ngọc	Trinh	D13_QT06	10	9	2	25	12	10	9	77	Khá	
3349	DH71301128	Phan Minh	Tường	D13_QT06	10	12	0	25	12	10	2	71	Khá	
3350	DH71301579	Lê Khánh	Vy	D13_QT06	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3351	DH71301613	Giang Kim	Yên	D13_QT06	10	9	6	25	18	10	2	80	Tốt	
3352	DH71300075	Đào Thị Trâm	Anh	D13_QT07	10	12	2	25	20	12	2	83	Tốt	
3353	DH71300080	Hồ Thị Trâm	Anh	D13_QT07	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3354	DH71300266	Nguyễn Cao Thiên	ấn	D13_QT07	10	12	8	25	17	15	10	97	Xuất sắc	
3355	DH71300144	Trương Thị Ngọc	Bích	D13_QT07	10	12	2	25	20	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3356	DH71300174	Huỳnh Thị Yên	Chi	D13_QT07	10	12	6	25	13	10	9	85	Tốt	
3357	DH71300192	Thái Nguyễn Chí	Danh	D13_QT07	10	12	6	25	15	15	9	92	Xuất sắc	
3358	DH71300263	Nguyễn Thị Tuyền	Duyên	D13_QT07	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
3359	DH71300288	Ngụy Thị Diễm	Hằng	D13_QT07	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
3360	DH71300458	Lê Đức	Huy	D13_QT07	10	6	2	25	20	10	2	75	Khá	
3361	DH71300503	Hà Thế	Khang	D13_QT07	10	9	8	25	19	15	2	88	Tốt	
3362	DH71300505	Lâm Chí	Khang	D13_QT07	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
3363	DH71300572	Nguyễn Hà Danh	Lam	D13_QT07	10	8	8	25	17	15	2	85	Tốt	
3364	DH71300596	Trần Phương	Liên	D13_QT07	10	12	4	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
3365	DH71300620	Nguyễn Thị Hoài	Linh	D13_QT07	10	9	6	25	10	15	2	77	Khá	
3366	DH71300717	Vương Hữu	Minh	D13_QT07	10	12	2	25	13	15	2	79	Khá	
3367	DH71300763	Nguyễn Quỳnh	Nga	D13_QT07	10	9	6	25	18	15	2	85	Tốt	
3368	DH71300804	Lê Thị Thảo	Nguyên	D13_QT07	8	12	4	25	14	7	2	72	Khá	
3369	DH71300811	Trần Thanh Thảo	Nguyên	D13_QT07	10	12	6	25	15	10	2	80	Tốt	
3370	DH71300854	Đông Thị Yên	Nhi	D13_QT07	10	12	2	25	18	10	9	86	Tốt	
3371	DH71300904	Trần Thị Kim	Oanh	D13_QT07	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
3372	DH71300920	Trương Hồng	Phát	D13_QT07	10	10	8	25	14	15	2	84	Tốt	
3373	DH71300948	Nguyễn Văn	Phi	D13_QT07	9	8	4	25	2	15	2	65	Trung bình khá	
3374	DH71300926	Huỳnh Tú	Phương	D13_QT07	10	12	6	25	2	15	2	72	Khá	
3375	DH71300942	Võ Hoàng	Phương	D13_QT07	10	10	8	25	17	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3376	DH71300943	Võ Thanh	Phuong	D13_QT07	10	8	4	25	7	15	2	71	Khá	
3377	DH71301099	Trần Hoài	Tâm	D13_QT07	10	12	6	25	12	15	2	82	Tốt	
3378	DH71301215	Phạm Thị Cẩm	Thạch	D13_QT07	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3379	DH71301228	Phạm Thiên	Thanh	D13_QT07	10	12	8	25	15	15	10	95	Xuất sắc	
3380	DH71301274	Huỳnh Trung	Thuận	D13_QT07	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
3381	DH71301253	Nguyễn Hồng	Thủy	D13_QT07	10	12	4	25	17	15	2	85	Tốt	
3382	DH71301441	Nguyễn Minh	Trực	D13_QT07	10	12	8	25	9	15	2	81	Tốt	
3383	DH71301482	Võ Trang Anh	Tuấn	D13_QT07	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3384	DH71301490	Dương Thị Kim	Tuyền	D13_QT07	10	6	6	25	7	10	2	66	Trung bình khá	
3385	DH71301527	Nguyễn Phương	Vân	D13_QT07	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
3386	DH71301590	Phạm Thị	Xinh	D13_QT07	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
3387	DH71301610	Nguyễn Thị	Yên	D13_QT07	10	12	8	25	20	5	2	82	Tốt	
3388	DH71300071	Nguyễn Văn	An	D13_QT08	10	8	2	25	15	15	9	84	Tốt	
3389	DH71300081	Huỳnh Ngọc Lan	Anh	D13_QT08	10	12	6	25	6	10	2	71	Khá	
3390	DH71300108	Võ Thị Thảo	Anh	D13_QT08	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
3391	DH71300162	Nguyễn Trần Minh	Châu	D13_QT08	10	10	2	25	5	15	2	69	Trung bình khá	
3392	DH71300178	Trương Kỳ	Chi	D13_QT08	10	11	8	25	15	15	2	86	Tốt	
3393	DH71300224	Lê Thị Ngọc	Dung	D13_QT08	10	12	7	25	20	10	2	86	Tốt	
3394	DH71300250	Trần Thị Ngọc	Duy	D13_QT08	10	6	2	25	9	15	2	69	Trung bình khá	
3395	DH71300253	Huỳnh Thị Kim	Duyên	D13_QT08	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3396	DH71300256	Lê Thị	Duyên	D13_QT08	10	8	2	25	3	15	2	65	Trung bình khá	
3397	DH71300430	Nguyễn Kim	Hoàng	D13_QT08	10	12	2	25	16	15	2	82	Tốt	
3398	DH71300363	Lê Thị Diễm	Hồng	D13_QT08	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
3399	DH71300448	Liêu	Huê	D13_QT08	10	12	2	25	12	15	2	78	Khá	
3400	DH71300484	Trần Thị Ngọc	Huyền	D13_QT08	10	12	8	25	18	13	9	95	Xuất sắc	
3401	DH71300488	Trần Kim	Khánh	D13_QT08	10	6	2	25	7	10	2	62	Trung bình khá	
3402	DH71300491	Võ Quốc	Khánh	D13_QT08	10	12	5	25	13	10	9	84	Tốt	
3403	DH71300636	Lăng Nhật	Lệ	D13_QT08	10	12	8	25	16	10	2	83	Tốt	
3404	DH71300623	Nguyễn Thị Trúc	Linh	D13_QT08	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
3405	DH71300641	Đặng Huy	Long	D13_QT08	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
3406	DH71300715	Trần Thị Hoàng	Minh	D13_QT08	10	12	8	25	13	10	2	80	Tốt	
3407	DH71300745	Lương Thị Mỹ	Ngân	D13_QT08	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
3408	DH71300788	Lê Xuân	Nghi	D13_QT08	10	12	2	25	20	15	9	93	Xuất sắc	
3409	DH71300769	Đinh Thị	Ngọc	D13_QT08	0	12	0	0	0	0	9	21	Kém	
3410	DH71300785	Trần Thị Hồng	Ngọc	D13_QT08	10	6	6	25	10	5	2	64	Trung bình khá	
3411	DH71300862	Ngô Thị Huỳnh	Nhi	D13_QT08	10	12	5	25	8	15	2	77	Khá	
3412	DH71301066	Nguyễn Lê Tuyết	Sương	D13_QT08	10	12	4	25	18	5	2	76	Khá	
3413	DH71301108	Nguyễn Hồng	Tân	D13_QT08	10	12	4	25	16	15	9	91	Xuất sắc	
3414	DH71301109	Trương Nhật	Tân	D13_QT08	10	12	6	25	3	15	2	73	Khá	
3415	DH71301188	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_QT08	10	12	2	25	6	15	9	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3416	DH71301197	Trần Ngọc	Thảo	D13_QT08	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
3417	DH71301203	Dương Phương	Thắm	D13_QT08	10	12	2	25	2	10	2	63	Trung bình khá	
3418	DH71301237	Mai Phương	Thi	D13_QT08	10	12	2	25	5	10	2	66	Trung bình khá	
3419	DH71301262	Đinh Thị Như	Thúy	D13_QT08	10	12	6	25	6	15	9	83	Tốt	
3420	DH71301155	Nguyễn Thị Hoài	Thương	D13_QT08	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3421	DH71301309	Đinh Thị Kim	Tiến	D13_QT08	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3422	DH71301341	Bùi Phạm Minh	Toàn	D13_QT08	10	12	8	25	4	10	2	71	Khá	
3423	DH71301392	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D13_QT08	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
3424	DH71301354	Nguyễn Hoàng Bảo	Trâm	D13_QT08	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
3425	DH71301430	Nguyễn Thị Minh	Trứ	D13_QT08	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
3426	DH71301300	Nguyễn Thanh	Tùng	D13_QT08	10	10	0	25	7	10	2	64	Trung bình khá	
3427	DH71300125	Huỳnh Gia	Bảo	D13_QT09	10	6	0	25	15	15	8	79	Khá	
3428	DH71300221	Lý Trọng	Dĩ	D13_QT09	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
3429	DH71300200	Trương Thị Hồng	Diễm	D13_QT09	10	10	4	25	16	15	9	89	Tốt	
3430	DH71300209	La Quốc	Dũng	D13_QT09	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
3431	DH71300040	Phạm Hữu	Đạt	D13_QT09	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
3432	DH71300043	Trần Tiến	Đạt	D13_QT09	10	12	0	25	15	15	9	86	Tốt	
3433	DH71300320	Cao Nhật Phương	Hà	D13_QT09	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3434	DH71300281	Đoàn Thị Thanh	Hằng	D13_QT09	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
3435	DH71300278	Đỗ Thị	Hằng	D13_QT09	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3436	DH71300595	Nguyễn Thị ánh	Liên	D13_QT09	10	12	4	25	12	15	9	87	Tốt	
3437	DH71300601	Đặng Phương	Linh	D13_QT09	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3438	DH71300626	Phạm Hoàng Tú	Linh	D13_QT09	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3439	DH71300666	Nguyễn Thị Hương	Ly	D13_QT09	10	6	8	25	14	15	9	87	Tốt	
3440	DH71300723	Nguyễn Ngọc	Mỹ	D13_QT09	10	8	8	25	3	15	2	71	Khá	
3441	DH71300752	Nguyễn Trọng	Ngân	D13_QT09	10	8	8	25	15	15	2	83	Tốt	
3442	DH71300855	Hà Thị Tuyết	Nhi	D13_QT09	10	9	8	25	6	12	2	72	Khá	
3443	DH71300870	Phú Phụng ý	Nhi	D13_QT09	10	10	8	25	11	15	2	81	Tốt	
3444	DH71300883	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	D13_QT09	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3445	DH71300734	Trương Thị Thùy	Nuong	D13_QT09	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3446	DH71300995	Dương Ngọc	Phụng	D13_QT09	10	8	8	25	10	15	2	78	Khá	
3447	DH71300999	Châu Mỹ	Quân	D13_QT09	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
3448	DH71301048	Trần Hoàng Quyên	Quyên	D13_QT09	10	8	8	25	20	15	2	88	Tốt	
3449	DH71301025	Nguyễn Lưu Hương	Quỳnh	D13_QT09	10	10	8	25	20	10	2	85	Tốt	
3450	DH71301026	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	D13_QT09	10	10	4	25	20	15	2	86	Tốt	
3451	DH71301081	Trương Văn	Sang	D13_QT09	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
3452	DH71301182	Nguyễn Thị	Thảo	D13_QT09	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3453	DH71301198	Trịnh Phương	Thảo	D13_QT09	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
3454	DH71301201	Võ Thị Thanh	Thảo	D13_QT09	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3455	DH71301152	Phan Văn	Thân	D13_QT09	10	12	0	25	9	15	2	73	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3456	DH71301283	Vũ Huỳnh Bảo	Thuận	D13_QT09	10	6	4	25	12	15	2	74	Khá	
3457	DH71301264	Nguyễn Thị Hoàng	Thúy	D13_QT09	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
3458	DH71301292	Trần Lê Cẩm	Tiên	D13_QT09	10	6	8	25	6	15	2	72	Khá	
3459	DH71301372	Hoàng Thị	Trà	D13_QT09	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
3460	DH71301434	Lê Thị Thanh	Trúc	D13_QT09	10	6	6	25	9	15	2	73	Khá	
3461	DH71301515	Trần Phương	Uyên	D13_QT09	10	6	6	25	12	15	9	83	Tốt	
3462	DH71301530	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	D13_QT09	10	12	8	25	11	15	2	83	Tốt	
3463	DH71301550	Ngô Đắc	Vinh	D13_QT09	10	12	0	25	16	15	2	80	Tốt	
3464	DH71301617	Lưu Thục	Yến	D13_QT09	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
3465	DH71300107	Võ Lâm	Anh	D13_QT10	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
3466	DH71300197	Nguyễn Ngọc	Diễm	D13_QT10	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
3467	DH71300223	Đỗ Thị Hoàng	Dung	D13_QT10	10	12	4	25	19	10	2	82	Tốt	
3468	DH71300255	Lê Huỳnh Mỹ	Duyên	D13_QT10	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
3469	DH71300257	Lê Thị Mỹ	Duyên	D13_QT10	10	12	8	25	13	15	2	85	Tốt	
3470	DH71300047	Nguyễn Ngọc Sĩ	Đan	D13_QT10	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3471	DH71300027	Võ Thị Xuân	Đào	D13_QT10	10	12	2	25	8	15	2	74	Khá	
3472	DH71300051	Nguyễn Ngọc	Điệp	D13_QT10	10	6	0	25	20	15	2	78	Khá	
3473	DH71300276	Hứa Tuyết	Giao	D13_QT10	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3474	DH71300336	Trương Chấn	Hào	D13_QT10	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3475	DH71300305	Nguyễn Ngọc	Hân	D13_QT10	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3476	DH71300386	Đặng Thị Thu	Hiền	D13_QT10	10	12	6	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3477	DH71300319	Trần Thu	Hương	D13_QT10	10	8	8	25	16	15	2	84	Tốt	
3478	DH71300607	Khổng Thị Mỹ	Linh	D13_QT10	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3479	DH71300673	Đặng Huỳnh Tố	Mai	D13_QT10	10	9	2	25	15	15	8	84	Tốt	
3480	DH71300718	Võ Hoàng	Minh	D13_QT10	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	
3481	DH71300773	Hoàng Thị Kim	Ngọc	D13_QT10	10	12	4	25	19	15	2	87	Tốt	
3482	DH71300820	Nghiêm Xuân Quỳnh	Như	D13_QT10	10	10	4	25	16	15	2	82	Tốt	
3483	DH71300956	Diệp Ngọc	Phượng	D13_QT10	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3484	DH71301032	Lê Văn	Quý	D13_QT10	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
3485	DH71301076	Nguyễn Thị Hồng	Sang	D13_QT10	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
3486	DH71301068	Võ Thị Thảo	Sương	D13_QT10	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
3487	DH71301213	Huỳnh Ngọc	Thạch	D13_QT10	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
3488	DH71301184	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D13_QT10	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3489	DH71301199	Võ Chi	Thảo	D13_QT10	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
3490	DH71301503	Dương Trung	Tính	D13_QT10	10	12	5	25	18	15	2	87	Tốt	
3491	DH71301342	Lê Bảo	Toàn	D13_QT10	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
3492	DH71301387	Nguyễn Thùy Ngọc	Trang	D13_QT10	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
3493	DH71301370	Phạm Ngọc	Trân	D13_QT10	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
3494	DH71301457	Nguyễn Văn	Trí	D13_QT10	9	9	7	25	20	15	2	87	Tốt	
3495	DH71301416	Nguyễn Thị Mỹ	Trình	D13_QT10	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3496	DH71301489	Cao Thị Linh	Tuyền	D13_QT10	10	12	6	25	17	15	9	94	Xuất sắc	
3497	DH71301487	Đoàn Thạch	Tuyền	D13_QT10	10	6	8	25	10	15	2	76	Khá	
3498	DH71301520	Vô Đình	Văn	D13_QT10	10	6	4	25	17	15	2	79	Khá	
3499	DH71301591	Chế Nguyễn Thanh	Xuân	D13_QT10	10	8	2	25	12	15	2	74	Khá	
3500	DH71301615	Lê Thị Hải	Yến	D13_QT10	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
3501	DH71300066	Nguyễn Hoài	An	D13_QT11	10	6	8	25	7	15	2	73	Khá	
3502	DH71300086	Nguyễn Đình Duyên	Anh	D13_QT11	10	12	8	25	4	15	2	76	Khá	
3503	DH71300099	Phạm Thị Kim	Anh	D13_QT11	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3504	DH71300101	Trương Hồ Lan	Anh	D13_QT11	10	8	8	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
3505	DH71300003	Đặng Thị Hồng	ánh	D13_QT11	10	12	6	25	12	15	9	89	Tốt	
3506	DH71300183	Nguyễn Văn	Chí	D13_QT11	10	10	8	25	6	15	2	76	Khá	
3507	DH71300225	Mạch Thu	Dung	D13_QT11	10	12	4	25	10	15	2	78	Khá	
3508	DH71300294	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D13_QT11	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3509	DH71300432	Quách Thu	Hoàng	D13_QT11	10	12	2	25	10	15	9	83	Tốt	
3510	DH71300577	Nguyễn Hương	Lan	D13_QT11	10	10	6	25	7	15	2	75	Khá	
3511	DH71300554	Nguyễn Thị Linh	Lăng	D13_QT11	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3512	DH71300606	Huỳnh Thái Diệu	Linh	D13_QT11	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3513	DH71300609	Lê Khánh	Linh	D13_QT11	10	12	8	25	5	15	2	77	Khá	
3514	DH71300630	Trần Khánh	Linh	D13_QT11	10	12	2	25	13	15	9	86	Tốt	
3515	DH71300585	Nguyễn Hoàng	Lộc	D13_QT11	10	12	6	25	12	15	9	89	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3516	DH71300674	Lê Phạm Diễm	Mai	D13_QT11	10	12	8	25	10	15	2	82	Tốt	
3517	DH71300784	Trương Thị Hồng	Ngọc	D13_QT11	10	12	8	25	17	15	9	96	Xuất sắc	
3518	DH71300835	Phan Vũ	Nhân	D13_QT11	10	8	6	25	11	15	2	77	Khá	
3519	DH71300838	Trần Nhật	Nhân	D13_QT11	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3520	DH71300880	Đỗ Thị Hồng	Nhung	D13_QT11	10	8	4	25	11	15	2	75	Khá	
3521	DH71300998	Nguyễn Thị	Phí	D13_QT11	10	9	4	25	11	15	2	76	Khá	
3522	DH71300957	Hồ Bích	Phượng	D13_QT11	10	12	4	25	15	15	2	83	Tốt	
3523	DH71301045	Quách Mỹ	Quyên	D13_QT11	10	8	6	25	11	15	2	77	Khá	
3524	DH71301022	Bùi Vũ Thu	Quỳnh	D13_QT11	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
3525	DH71301021	Bùi Vũ Tố	Quỳnh	D13_QT11	10	12	8	25	20	15	9	99	Xuất sắc	
3526	DH71301055	Phùng Bắc	Sáng	D13_QT11	10	6	6	25	11	15	2	75	Khá	
3527	DH71301256	Trương Thị Thanh	Thùy	D13_QT11	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3528	DH71301291	Phạm Thị Thủy	Tiên	D13_QT11	10	12	4	25	9	15	9	84	Tốt	
3529	DH71301394	Phạm Thị Phương	Trang	D13_QT11	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
3530	DH71301365	Lê Ngọc Nguyên	Trân	D13_QT11	10	12	4	25	8	15	2	76	Khá	
3531	DH71301481	Trần Hoàng	Tuấn	D13_QT11	10	12	6	25	6	15	2	76	Khá	
3532	DH71301483	Vũ Minh	Tuấn	D13_QT11	10	12	5	25	15	15	2	84	Tốt	
3533	DH71300906	Nguyễn Như	út	D13_QT11	10	8	8	25	8	15	2	76	Khá	
3534	DH71301513	Nguyễn Xuân Khánh	Uyên	D13_QT11	10	12	8	25	5	15	2	77	Khá	
3535	DH71301585	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D13_QT11	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3536	DH71301587	Trần Tường	Vy	D13_QT11	10	9	4	25	9	15	9	81	Tốt	
3537	DH71301602	Lê Thị Như	ý	D13_QT11	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
3538	DH71301620	Trần Thị Ngọc	Yến	D13_QT11	10	12	4	25	6	15	2	74	Khá	
3539	DH71300064	Lê Thúy	An	D13_QT12	10	12	6	25	14	10	2	79	Khá	
3540	DH71300231	Võ Thùy	Dung	D13_QT12	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
3541	DH71300247	Trương Cảnh	Duy	D13_QT12	10	12	0	25	18	13	2	80	Tốt	
3542	DH71300259	Nguyễn Thanh	Duyên	D13_QT12	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3543	DH71300024	Đỗ Hoàng Trang	Đài	D13_QT12	10	6	8	25	5	10	2	66	Trung bình khá	
3544	DH71300033	Ngô Quốc	Đạt	D13_QT12	10	12	8	25	12	10	9	86	Tốt	
3545	DH71300300	Vũ Thị	Hằng	D13_QT12	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
3546	DH71300367	Đặng Quốc	Hận	D13_QT12	10	8	6	25	19	15	10	93	Xuất sắc	
3547	DH71300390	Nhâm Quốc	Hiên	D13_QT12	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
3548	DH71300411	Võ Thị Thu	Hiếu	D13_QT12	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
3549	DH71300453	Bùi Thị Tường	Huy	D13_QT12	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3550	DH71300479	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D13_QT12	10	12	6	25	14	10	2	79	Khá	
3551	DH71300480	Nguyễn Thị Thu	Huyền	D13_QT12	10	12	8	25	19	10	8	92	Xuất sắc	
3552	DH71300483	Trần Thị Lệ	Huyền	D13_QT12	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
3553	DH71300450	Nguyễn Thị Thúy	Huỳnh	D13_QT12	10	12	8	25	20	15	2	92	Xuất sắc	
3554	DH71300653	Mai Xuân	Lịch	D13_QT12	10	6	8	25	16	15	10	90	Xuất sắc	
3555	DH71300639	Phạm Quý	Loan	D13_QT12	10	12	8	25	12	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3556	DH71300676	Nguyễn Thị Thanh	Mai	D13_QT12	10	12	8	25	18	10	2	85	Tốt	
3557	DH71300700	Nguyễn Công	Minh	D13_QT12	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
3558	DH71300750	Nguyễn Mai Tuyết	Ngân	D13_QT12	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3559	DH71300868	Phạm Trần Tú	Nhi	D13_QT12	10	8	6	25	20	5	2	76	Khá	
3560	DH71300877	Trần Thị Yên	Nhi	D13_QT12	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
3561	DH71300967	Đinh Thị Hồng	Phúc	D13_QT12	10	10	8	25	17	15	2	87	Tốt	
3562	DH71300954	Võ Quốc	Phước	D13_QT12	10	8	8	25	20	5	9	85	Tốt	
3563	DH71300955	Vũ Hoàng Minh	Phước	D13_QT12	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3564	DH71300940	Trần Thị Thu	Phuong	D13_QT12	10	12	8	25	10	10	9	84	Tốt	
3565	DH71301024	Nghiêm Thị Như	Quỳnh	D13_QT12	10	12	8	25	16	15	9	95	Xuất sắc	
3566	DH71301170	Huỳnh Phương	Thảo	D13_QT12	10	12	6	25	19	13	2	87	Tốt	
3567	DH71301172	Lê Thị Phương	Thảo	D13_QT12	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
3568	DH71301178	Nguyễn Ngọc Thạch	Thảo	D13_QT12	0	12	0	0	0	0	0	12	Kém	
3569	DH71302101	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_QT12	10	12	8	25	18	8	2	83	Tốt	
3570	DH71301270	Phạm Tấn	Thịnh	D13_QT12	10	12	4	25	2	15	2	70	Khá	
3571	DH71301154	Nguyễn Thị Huỳnh	Thơ	D13_QT12	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3572	DH71302108	Nguyễn Kim	Thuận	D13_QT12	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
3573	DH71301286	Phan Thị Anh	Thy	D13_QT12	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3574	DH71301417	Nguyễn Thị Tú	Trinh	D13_QT12	10	12	8	25	14	10	2	81	Tốt	
3575	DH71301497	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	D13_QT12	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3576	DH71301126	Lê Quang Vũ	Tường	D13_QT12	10	6	8	25	20	15	2	86	Tốt	
3577	DH71301536	Võ Thị Bích	Vân	D13_QT12	10	12	6	25	19	15	2	89	Tốt	
3578	DH71401709	Hồ Bảo	Anh	D14_QT01	9	12	0	25	20	10	2	78	Khá	
3579	DH71400062	Huỳnh Quốc	Bảo	D14_QT01	10	6	6	25	15	5	2	69	Trung bình khá	
3580	DH71400120	La Minh	Chi	D14_QT01	10	8	8	25	15	2	8	76	Khá	
3581	DH71400089	Hứa Trí	Cường	D14_QT01	10	8	2	25	20	10	2	77	Khá	
3582	DH71400098	Võ Minh	Cường	D14_QT01	10	12	6	25	8	15	2	78	Khá	
3583	DH71400152	Phạm Phước Công	Danh	D14_QT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3584	DH71400179	Mạch Mỹ	Dung	D14_QT01	10	12	8	25	8	10	2	75	Khá	
3585	DH71400166	Bùi Văn	Dũng	D14_QT01	9	12	6	25	19	5	2	78	Khá	
3586	DH71300251	Võ Hồng Khương	Duy	D14_QT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3587	DH71400217	Đỗ Tiên	Đạt	D14_QT01	10	9	6	25	6	15	2	73	Khá	
3588	DH71400236	Vương Quốc	Đạt	D14_QT01	9	8	2	25	19	6	2	71	Khá	
3589	DH71400244	Lê Hồng	Đức	D14_QT01	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
3590	DH71401755	Vương Tiến	Đức	D14_QT01	10	12	6	25	18	5	2	78	Khá	
3591	DH71400339	Bá Thụy Thiện	Hạnh	D14_QT01	10	9	6	25	15	5	2	72	Khá	
3592	DH71400279	Dương Thị Ngọc	Hân	D14_QT01	8	10	6	25	18	5	2	74	Khá	
3593	DH71400281	Nguyễn Bảo	Hân	D14_QT01	10	9	4	25	13	10	2	73	Khá	
3594	DH71400448	Trần ái	Hoa	D14_QT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
3595	DH71300375	Huỳnh Cảnh	Hùng	D14_QT01	10	12	4	25	12	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3596	DH71400476	Lý Gia	Huy	D14_QT01	9	12	6	25	18	5	2	77	Khá	
3597	DH71401684	Mai Bá	Huy	D14_QT01	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3598	DH71400421	Võ Nghệ	Hung	D14_QT01	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3599	DH71400288	Đỗ Ngọc Thanh	Huong	D14_QT01	10	12	6	25	15	5	2	75	Khá	
3600	DH71400512	Trần Ngọc	Khánh	D14_QT01	10	8	8	25	20	10	2	83	Tốt	
3601	DH71400572	Chiềng Mẫn	Kỳ	D14_QT01	10	12	8	25	8	15	2	80	Tốt	
3602	DH71400603	Võ Thị Mỹ	Liên	D14_QT01	10	9	4	25	13	10	2	73	Khá	
3603	DH71400598	Phạm Văn	Lộc	D14_QT01	10	9	8	25	8	15	9	84	Tốt	
3604	DH71400671	Hoàng Thị Thanh	Mai	D14_QT01	10	12	6	25	12	5	9	79	Khá	
3605	DH71401650	Trần Thị Huỳnh	Mai	D14_QT01	10	9	6	25	6	15	2	73	Khá	
3606	DH71302112	Phạm Thị Thanh	Mến	D14_QT01	10	6	8	25	8	15	2	74	Khá	
3607	DH71400701	Quan Khải	Minh	D14_QT01	10	6	4	25	12	5	8	70	Khá	
3608	DH71400780	Văn Thị Kim	Ngân	D14_QT01	10	12	6	25	15	5	2	75	Khá	
3609	DH71400806	Quách Hồng	Ngọc	D14_QT01	10	10	6	25	12	10	2	75	Khá	
3610	DH71400849	Từ Thuận	Nguyên	D14_QT01	10	8	8	25	18	5	2	76	Khá	
3611	DH71400860	Trần Đăng Gia	Như	D14_QT01	10	6	4	25	16	5	8	74	Khá	
3612	DH71400927	Nguyễn Thanh Minh	Nhật	D14_QT01	10	6	3	25	19	10	2	75	Khá	
3613	DH71400984	Chung Đạt	Phú	D14_QT01	10	12	0	25	0	12	2	61	Trung bình khá	
3614	DH71301029	Hồ Bảo Anh	Quý	D14_QT01	10	10	0	25	19	12	2	78	Khá	
3615	DH71401069	Nguyễn Hoàng Ngọc	Quyên	D14_QT01	10	10	6	25	6	15	2	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3616	DH71401113	Nguyễn Thị Băng	Tâm	D14_QT01	10	12	6	25	15	5	2	75	Khá	
3617	DH71401117	Nguyễn Võ Minh	Tâm	D14_QT01	10	9	6	25	20	2	2	74	Khá	
3618	DH71401265	Nguyễn Thị Thu	Thủy	D14_QT01	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
3619	DH71401300	Trần Ngọc Nhã	Thy	D14_QT01	10	10	6	25	4	15	2	72	Khá	
3620	DH71401307	Nguyễn Mai	Tiên	D14_QT01	10	8	8	25	19	5	8	83	Tốt	
3621	DH71401316	Phạm Thị Đào	Tiên	D14_QT01	10	12	4	25	13	10	2	76	Khá	
3622	DH71401465	Lư Cẩm	Trung	D14_QT01	10	8	6	25	20	2	2	73	Khá	
3623	DH71401496	Lê Hoàng	Tuấn	D14_QT01	10	9	6	25	18	10	9	87	Tốt	
3624	DH71401529	Trần Lê Thanh	Tuyền	D14_QT01	10	8	6	25	15	5	2	71	Khá	
3625	DH71401597	Dương Thúy	Vy	D14_QT01	10	6	6	25	19	5	8	79	Khá	
3626	DH71401623	Phạm Gia	Yên	D14_QT01	10	8	4	25	5	10	9	71	Khá	
3627	DH71400030	Liêu Thị Vân	Anh	D14_QT02	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
3628	DH71401712	Phạm Trâm	Anh	D14_QT02	10	8	4	25	19	15	2	83	Tốt	
3629	DH71400075	Châu Thụy Ngọc	Bích	D14_QT02	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
3630	DH71400108	Nguyễn Thị Quỳnh	Châu	D14_QT02	10	9	4	25	20	15	9	92	Xuất sắc	
3631	DH71400117	Đoàn Thị Kim	Chi	D14_QT02	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
3632	DH71400121	Ngô Quế	Chi	D14_QT02	10	12	4	25	14	15	2	82	Tốt	
3633	DH71401696	Trần Khánh	Chương	D14_QT02	10	6	2	25	11	15	2	71	Khá	
3634	DH71401776	Nguyễn Thị Mai	Duyên	D14_QT02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
3635	DH71400209	Võ Nguyễn Khánh	Dy	D14_QT02	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3636	DH71400234	Tạ Huỳnh	Đạt	D14_QT02	10	12	2	25	17	15	2	83	Tốt	
3637	DH71400404	Phạm Trung	Hiếu	D14_QT02	9	12	2	25	17	15	2	82	Tốt	
3638	DH71400408	Trần Minh	Hiếu	D14_QT02	10	8	4	25	20	15	2	84	Tốt	
3639	DH71400409	Trần Ngọc Minh	Hiếu	D14_QT02	10	10	6	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
3640	DH71400430	Lưu Nhật	Hoàng	D14_QT02	10	12	2	25	13	15	2	79	Khá	
3641	DH71400414	Lê Thị Kim	Hung	D14_QT02	10	12	2	25	19	15	2	85	Tốt	
3642	DH71400529	Nguyễn Hoàng	Khang	D14_QT02	10	6	2	25	12	15	2	72	Khá	
3643	DH71400555	Trần Nguyễn Phương	Khuê	D14_QT02	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3644	DH71401756	Danh Chúc	Linh	D14_QT02	10	9	4	25	20	15	9	92	Xuất sắc	
3645	DH71400615	Dương Thị Mỹ	Linh	D14_QT02	10	12	4	25	20	15	2	88	Tốt	
3646	DH71400645	Dương Thanh	Long	D14_QT02	10	10	2	22	10	15	2	71	Khá	
3647	DH71400677	Trần Ngọc	Mai	D14_QT02	10	8	2	25	13	15	2	75	Khá	
3648	DH71400777	Trần Thị Tuyết	Ngân	D14_QT02	10	8	2	25	19	15	2	81	Tốt	
3649	DH71400778	Trần Tuyết	Ngân	D14_QT02	10	8	2	25	15	15	2	77	Khá	
3650	DH71400811	Nguyễn Lưu	Nghi	D14_QT02	10	10	2	25	15	15	2	79	Khá	
3651	DH71400812	Nguyễn Thảo	Nghi	D14_QT02	10	9	2	25	15	15	2	78	Khá	
3652	DH71400802	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	D14_QT02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3653	DH71401651	Trần Lê Bảo	Ngọc	D14_QT02	10	10	4	25	20	15	9	93	Xuất sắc	
3654	DH71400905	Nguyễn Thị Yên	Nhi	D14_QT02	10	8	2	25	20	15	9	89	Tốt	
3655	DH71400910	Trần Thị ý	Nhi	D14_QT02	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3656	DH71400917	Bùi Thị Tuyết	Nhung	D14_QT02	10	8	2	25	20	15	2	82	Tốt	
3657	DH71400943	Phạm Thành	Phát	D14_QT02	10	9	2	25	19	15	2	82	Tốt	
3658	DH71400999	Nguyễn Hoàng	Phúc	D14_QT02	10	8	4	25	19	15	2	83	Tốt	
3659	DH71400955	Ngô Thị Tây	Phuong	D14_QT02	10	8	2	25	19	15	2	81	Tốt	
3660	DH71401045	Huỳnh Nhật	Quang	D14_QT02	10	8	2	25	17	15	2	79	Khá	
3661	DH71401052	Võ Trần Minh	Quốc	D14_QT02	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
3662	DH71401070	Nguyễn Thụy Hoàng	Quyên	D14_QT02	10	8	2	25	20	15	2	82	Tốt	
3663	DH71401120	Trần Thanh	Tâm	D14_QT02	10	9	2	25	19	15	2	82	Tốt	
3664	DH71401251	Nguyễn Ngọc Minh	Thi	D14_QT02	10	8	2	25	16	15	2	78	Khá	
3665	DH71401179	Cao Ngọc Huyền	Thơ	D14_QT02	10	8	2	25	20	15	2	82	Tốt	
3666	DH71401164	Trần Ngọc Kim	Thư	D14_QT02	10	6	2	25	17	15	2	77	Khá	
3667	DH71401301	Trần Thị Mai	Thy	D14_QT02	10	9	2	25	17	15	2	80	Tốt	
3668	DH71401536	Huỳnh Hữu	Tính	D14_QT02	10	9	2	25	20	15	2	83	Tốt	
3669	DH71401386	Nguyễn Ngọc	Trân	D14_QT02	10	9	4	25	20	15	2	85	Tốt	
3670	DH71401507	Nguyễn Thành	Tuấn	D14_QT02	10	12	2	25	19	15	2	85	Tốt	
3671	DH71401562	Phan Nguyễn Thụy	Vi	D14_QT02	10	6	2	25	20	15	2	80	Tốt	
3672	DH71401628	Hồ Ngọc	Yến	D14_QT02	10	9	2	25	16	15	2	79	Khá	
3673	DH71400044	Nguyễn Việt	Anh	D14_QT03	10	6	4	25	5	10	8	68	Trung bình khá	
3674	DH71401713	Trần Thị Lan	Anh	D14_QT03	10	9	6	25	20	10	9	89	Tốt	
3675	DH71400050	Vưu Kim	Anh	D14_QT03	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3676	DH71400052	Dương Kim	Bình	D14_QT03	10	12	0	25	0	10	2	59	Trung bình	
3677	DH71400129	Trần Thị Kim	Chi	D14_QT03	10	8	0	25	19	10	2	74	Khá	
3678	DH71400084	Bùi Thái Kim	Cương	D14_QT03	10	9	0	25	15	10	2	71	Khá	
3679	DH71400138	Chung Khánh	Dân	D14_QT03	10	9	4	25	9	10	2	69	Trung bình khá	
3680	DH71400156	Huỳnh Ngọc	Diễm	D14_QT03	9	12	2	25	14	10	9	81	Tốt	
3681	DH71400165	Lê Ngọc Thùy	Dương	D14_QT03	10	9	2	25	0	10	2	58	Trung bình	
3682	DH71400345	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	D14_QT03	10	6	4	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
3683	DH71400439	Phạm Kim	Hoàng	D14_QT03	10	9	4	25	19	10	2	79	Khá	
3684	DH71400353	Châu ánh	Hồng	D14_QT03	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
3685	DH71400376	Văn Chí	Hùng	D14_QT03	10	9	8	25	10	10	2	74	Khá	
3686	DH71400497	Lại Thị Thu	Huyền	D14_QT03	9	6	4	25	10	10	2	66	Trung bình khá	
3687	DH71401685	Nguyễn Văn	Khuong	D14_QT03	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
3688	DH71401794	Đinh Thị Ngọc	Kiều	D14_QT03	10	8	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
3689	DH71400561	Nguyễn Đức Huệ	Kim	D14_QT03	10	9	6	25	10	10	2	72	Khá	
3690	DH71400563	Nguyễn Phạm Mỹ	Kim	D14_QT03	10	12	0	25	0	10	2	59	Trung bình	
3691	DH71400587	Nguyễn Vũ Hoàng	Lan	D14_QT03	10	12	2	25	5	10	2	66	Trung bình khá	
3692	DH71400621	Nguyễn Ngọc	Linh	D14_QT03	10	12	2	25	9	10	2	70	Khá	
3693	DH71400749	Đặng Hữu Kim	Ngân	D14_QT03	9	8	4	25	0	10	2	58	Trung bình	
3694	DH71401757	Phạm Thị Trang	Nhã	D14_QT03	8	12	4	25	12	10	2	73	Khá	
3695	DH71400893	Hoàng Thị Yến	Nhi	D14_QT03	10	9	0	25	12	10	8	74	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3696	DH71400914	Đoàn Thị Tiểu	Nhu	D14_QT03	10	12	2	25	19	10	2	80	Tốt	
3697	DH71401029	Nguyễn Thị Kim	Phụng	D14_QT03	10	12	0	25	0	10	2	59	Trung bình	
3698	DH71400950	Đoàn Thị Kiều	Phuong	D14_QT03	10	10	8	25	0	10	2	65	Trung bình khá	
3699	DH71401064	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	D14_QT03	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3700	DH71401227	Bùi Thái Ngọc	Thạch	D14_QT03	10	12	2	25	15	10	8	82	Tốt	
3701	DH71401258	Nguyễn Cao Hoàng	Thiện	D14_QT03	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3702	DH71401655	Huỳnh Kim	Thoa	D14_QT03	10	12	8	25	20	10	9	94	Xuất sắc	
3703	DH71401269	Nguyễn Thị Kim	Thoa	D14_QT03	10	12	6	25	6	10	2	71	Khá	
3704	DH71401152	Bùi Ngô Anh	Thư	D14_QT03	10	12	0	25	12	10	2	71	Khá	
3705	DH71401338	Trần Minh	Tiến	D14_QT03	9	8	4	25	2	10	2	60	Trung bình khá	
3706	DH71401394	Đặng Phạm Thu	Trang	D14_QT03	10	9	2	25	0	10	2	58	Trung bình	
3707	DH71401410	Phan Thị Xuân	Trang	D14_QT03	10	9	0	25	12	10	2	68	Trung bình khá	
3708	DH71401379	Nguyễn Thị Phương	Trâm	D14_QT03	10	8	8	25	6	10	2	69	Trung bình khá	
3709	DH71401489	Trần Minh	Trí	D14_QT03	10	8	8	25	10	10	9	80	Tốt	
3710	DH71401439	Nguyễn Thị Tú	Trinh	D14_QT03	10	9	2	25	0	10	2	58	Trung bình	
3711	DH71401456	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	D14_QT03	10	8	0	25	0	10	2	55	Trung bình	
3712	DH71401459	Phan Nhã	Trúc	D14_QT03	10	9	2	25	14	10	2	72	Khá	
3713	DH71401527	Phạm Thị Mộng	Tuyền	D14_QT03	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
3714	DH71401573	Đặng Quốc	Việt	D14_QT03	9	12	4	25	0	10	2	62	Trung bình khá	
3715	DH71401568	Nguyễn Thái	Vinh	D14_QT03	8	6	4	25	12	10	2	67	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3716	DH71401604	Nguyễn Thúy	Vy	D14_QT03	10	12	2	25	6	10	2	67	Trung bình khá	
3717	DH71401612	Võ Ngọc Thảo	Vy	D14_QT03	10	12	0	25	0	10	2	59	Trung bình	
3718	DH71401617	Trần Thị Bạch	Xuân	D14_QT03	10	8	8	25	10	10	2	73	Khá	
3719	DH71400078	Khuong Thành	Công	D14_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3720	DH71400090	Huỳnh Trung	Cường	D14_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3721	DH71400199	Lê Ngọc Minh	Duyên	D14_QT04	10	12	4	25	13	15	2	81	Tốt	
3722	DH71401716	Hà Thị	Dương	D14_QT04	10	9	8	25	20	15	9	96	Xuất sắc	
3723	DH71400143	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D14_QT04	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
3724	DH71401761	Huỳnh Thanh	Hà	D14_QT04	10	8	8	25	9	15	6	81	Tốt	
3725	DH71400349	Trần Trần Mỹ	Hạnh	D14_QT04	10	6	0	25	11	15	6	73	Khá	
3726	DH71400350	Văn Lê Hữu	Hạnh	D14_QT04	10	12	8	25	20	12	8	95	Xuất sắc	
3727	DH71400411	Bùi Đức	Hung	D14_QT04	10	6	0	25	5	15	2	63	Trung bình khá	
3728	DH71400417	Nguyễn Quốc	Hung	D14_QT04	10	12	3	25	8	15	2	75	Khá	
3729	DH71401697	Nguyễn Thị	Hương	D14_QT04	10	9	4	25	9	15	8	80	Tốt	
3730	DH71400532	Trần Duy	Khang	D14_QT04	10	8	0	25	5	15	2	65	Trung bình khá	
3731	DH71400616	Lê Khánh	Linh	D14_QT04	10	8	4	25	8	15	2	72	Khá	
3732	DH71400630	Phạm Huỳnh Trúc	Linh	D14_QT04	10	9	4	25	13	15	2	78	Khá	
3733	DH71400632	Trần Lệ	Linh	D14_QT04	10	9	4	25	12	12	6	78	Khá	
3734	DH71400646	Hà Thanh	Long	D14_QT04	10	9	0	25	3	15	2	64	Trung bình khá	
3735	DH71400590	Đặng Thế	Lộc	D14_QT04	10	8	0	25	16	15	2	76	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3736	DH71400595	Nguyễn Tấn	Lộc	D14_QT04	10	8	2	25	8	15	2	70	Khá	
3737	DH71400606	Trần Thạch	Lợi	D14_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3738	DH71400763	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D14_QT04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3739	DH71400768	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	D14_QT04	10	12	0	25	15	15	2	79	Khá	
3740	DH71400798	Ngô Thị Bích	Ngọc	D14_QT04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3741	DH71400808	Trần Hoàng Mỹ	Ngọc	D14_QT04	10	12	4	25	20	10	6	87	Tốt	
3742	DH71400834	Lâm Thảo	Nguyên	D14_QT04	10	12	6	25	15	15	2	85	Tốt	
3743	DH71400967	Nguyễn Gia	Phi	D14_QT04	10	8	0	25	8	15	2	68	Trung bình khá	
3744	DH71401022	Nguyễn Thanh	Phong	D14_QT04	10	12	3	25	10	15	2	77	Khá	
3745	DH71401024	Trương Hẹ	Phong	D14_QT04	10	12	0	25	0	15	2	64	Trung bình khá	
3746	DH71400979	Đoàn Thị Kim	Phượng	D14_QT04	10	9	6	25	15	15	2	82	Tốt	
3747	DH71401035	Khua Tô	Quân	D14_QT04	10	6	4	25	15	15	9	84	Tốt	
3748	DH71401053	Cao Thị Ngọc	Quế	D14_QT04	10	8	6	25	12	15	2	78	Khá	
3749	DH71401243	Trần Kim	Thanh	D14_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3750	DH71401211	Đào Ngọc	Thắng	D14_QT04	10	9	0	25	6	15	2	67	Trung bình khá	
3751	DH71401218	Nguyễn Ngọc	Thắng	D14_QT04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3752	DH71401157	Nguyễn Anh	Thư	D14_QT04	10	8	6	25	6	15	2	72	Khá	
3753	DH71401320	Trần Thị Thủy	Tiên	D14_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3754	DH71401382	Võ Ngọc Quyên	Trâm	D14_QT04	10	8	4	25	13	15	8	83	Tốt	
3755	DH71401480	Lê Thành	Trí	D14_QT04	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3756	DH71401661	Nguyễn Thành	Trung	D14_QT04	10	6	0	25	8	15	2	66	Trung bình khá	
3757	DH71401344	Hoàng Lê Cẩm	Tú	D14_QT04	10	12	4	25	9	15	2	77	Khá	
3758	DH71401345	Huỳnh Cẩm	Tú	D14_QT04	10	8	8	25	20	12	2	85	Tốt	
3759	DH71401514	Dương Gia	Tuệ	D14_QT04	10	6	0	25	11	15	6	73	Khá	
3760	DH71401520	Đoàn Thị Ngọc	Tuyền	D14_QT04	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
3761	DH71401553	Lê Mộng Tuyết	Vân	D14_QT04	10	9	0	25	10	15	2	71	Khá	
3762	DH71401606	Phạm Thị Tường	Vy	D14_QT04	10	12	2	25	11	15	2	77	Khá	
3763	DH71401632	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	D14_QT04	10	8	0	25	11	15	2	71	Khá	
3764	DH71401634	Phạm Hoàng	Yến	D14_QT04	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3765	DH71400028	Lê Quốc	Anh	D14_QT05	10	9	8	25	20	15	2	89	Tốt	
3766	DH71400119	Lương Mỹ	Chi	D14_QT05	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3767	DH71400127	Quan Huỳnh Diệu	Chi	D14_QT05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3768	DH71400239	Nguyễn Trọng Hải	Đường	D14_QT05	10	9	8	25	16	15	2	85	Tốt	
3769	DH71400255	Trần Anh	Giàu	D14_QT05	8	6	8	25	15	15	2	79	Khá	
3770	DH71400309	Đào Chí	Hào	D14_QT05	9	8	8	25	16	15	2	83	Tốt	
3771	DH71400283	Nguyễn Vương Huỳnh	Hân	D14_QT05	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3772	DH71401777	Nguyễn Thị Bé	Hiên	D14_QT05	10	12	8	25	15	15	10	95	Xuất sắc	
3773	DH71400455	Huỳnh Đức	Hòa	D14_QT05	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3774	DH71400427	Huỳnh Lu Khánh	Hoàng	D14_QT05	9	8	8	25	14	15	2	81	Tốt	
3775	DH71401721	Nguyễn Minh	Hoàng	D14_QT05	10	9	8	25	18	15	2	87	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3776	DH71400361	Võ Thị Phụng	Hồng	D14_QT05	10	8	6	25	15	15	2	81	Tốt	
3777	DH71400463	Huỳnh Thị Hạnh	Huê	D14_QT05	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
3778	DH71400373	Phạm Văn	Hùng	D14_QT05	8	6	6	25	13	15	2	75	Khá	
3779	DH71400481	Nguyễn Lâm Hoàng	Huy	D14_QT05	10	6	6	25	14	15	2	78	Khá	
3780	DH71400293	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Hương	D14_QT05	10	12	8	25	15	15	2	87	Tốt	
3781	DH71401686	Lê Ngọc ý	Lan	D14_QT05	10	8	2	25	20	15	9	89	Tốt	
3782	DH71400591	Đinh Ngọc Trường	Lộc	D14_QT05	9	8	8	25	14	15	2	81	Tốt	
3783	DH71400593	Nguyễn Cao Hồng	Lộc	D14_QT05	10	9	8	25	13	15	2	82	Tốt	
3784	DH71400666	Trịnh Trường	Luân	D14_QT05	10	9	6	25	19	15	2	86	Tốt	
3785	DH71400705	Từ Võ Quốc	Minh	D14_QT05	9	8	2	25	16	12	9	81	Tốt	
3786	DH71400718	Trần Ngọc	Mỹ	D14_QT05	10	12	8	25	15	15	9	94	Xuất sắc	
3787	DH71400788	Nguyễn Thị	Nga	D14_QT05	10	12	6	25	16	15	10	94	Xuất sắc	
3788	DH71400754	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	D14_QT05	10	8	4	25	19	15	2	83	Tốt	
3789	DH71400873	Nguyễn Hoài	Nhân	D14_QT05	9	9	8	25	16	15	2	84	Tốt	
3790	DH71400880	Quan Thiện	Nhân	D14_QT05	8	12	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3791	DH71400881	Trần Thiện	Nhân	D14_QT05	10	8	8	25	16	15	9	91	Xuất sắc	
3792	DH71400855	Nguyễn Thị ý	Như	D14_QT05	10	12	6	25	14	15	2	84	Tốt	
3793	DH71401016	Đặng Tuấn	Phong	D14_QT05	10	8	8	25	18	15	2	86	Tốt	
3794	DH71400963	Lợi Gia	Phối	D14_QT05	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3795	DH71401005	Phan Hoàng	Phúc	D14_QT05	9	8	8	25	13	15	2	80	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3796	DH71400958	Nguyễn Huỳnh Mai	Phuong	D14_QT05	10	12	6	25	17	15	2	87	Tốt	
3797	DH71401048	Phan Nhật	Quang	D14_QT05	10	9	8	25	20	15	10	97	Xuất sắc	
3798	DH71401061	Lê Mạc	Quý	D14_QT05	10	9	8	25	16	15	10	93	Xuất sắc	
3799	DH71401788	Phạm Đức Minh	Tâm	D14_QT05	10	10	8	25	16	15	2	86	Tốt	
3800	DH71401237	Nguyễn Lan	Thanh	D14_QT05	9	8	8	25	16	15	2	83	Tốt	
3801	DH71401203	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	D14_QT05	9	9	8	25	16	15	2	84	Tốt	
3802	DH71401226	Vũ Đức	Thắng	D14_QT05	8	6	8	25	16	15	2	80	Tốt	
3803	DH71401233	Lê Xuân	Thọ	D14_QT05	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
3804	DH71401411	Phùng Thúy	Trang	D14_QT05	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3805	DH71401388	Phan Thị Ngọc	Trân	D14_QT05	10	12	6	25	19	15	9	96	Xuất sắc	
3806	DH71401468	Nguyễn Chánh	Trung	D14_QT05	10	8	8	25	20	15	9	95	Xuất sắc	
3807	DH71401329	Trần Ngọc	Tùng	D14_QT05	10	8	4	25	19	15	9	90	Xuất sắc	
3808	DH71401546	Lê Trần Phương	Uyên	D14_QT05	8	9	8	25	15	15	2	82	Tốt	
3809	DH71401664	Châu Gia	Vân	D14_QT05	10	12	8	25	19	15	2	91	Xuất sắc	
3810	DH71401610	Trần Lê Thanh	Vy	D14_QT05	10	8	8	25	14	15	2	82	Tốt	
3811	DH71400012	Cao Thị Mỹ	An	D14_QT06	9	6	4	25	14	15	2	75	Khá	
3812	DH71401784	Nguyễn Thị Lan	Anh	D14_QT06	9	6	4	25	14	15	2	75	Khá	
3813	DH71401783	Vi Đình	Bảo	D14_QT06	9	12	4	25	18	15	9	92	Xuất sắc	
3814	DH71400093	Phạm Mạnh	Cường	D14_QT06	9	9	4	25	18	15	2	82	Tốt	
3815	DH71400146	Phan Thị Thùy	Dương	D14_QT06	10	12	6	25	16	15	2	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3816	DH71401638	Nguyễn Ngân	Điền	D14_QT06	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	
3817	DH71400280	Huỳnh Lê Ngọc	Hân	D14_QT06	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
3818	DH71400379	Cao Ngọc Thanh	Hiền	D14_QT06	9	12	4	25	14	15	2	81	Tốt	
3819	DH71400388	Nguyễn Hoàng	Hiệp	D14_QT06	9	12	4	25	14	15	2	81	Tốt	
3820	DH71400389	Nguyễn Thị Khánh	Hiệp	D14_QT06	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
3821	DH71400490	Trần Gia	Huy	D14_QT06	9	6	4	25	14	15	2	75	Khá	
3822	DH71401723	Lê Việt	Khánh	D14_QT06	10	12	8	25	18	15	2	90	Xuất sắc	
3823	DH71400573	Mai Nhật	Lâm	D14_QT06	9	9	4	25	18	15	2	82	Tốt	
3824	DH71400650	Nguyễn Hoàng	Long	D14_QT06	9	9	4	25	18	15	2	82	Tốt	
3825	DH71400728	Văn Thanh Hải	My	D14_QT06	9	8	4	25	16	15	2	79	Khá	
3826	DH71400744	Phan Bảo Kỳ	Nam	D14_QT06	10	10	6	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
3827	DH71400769	Phạm Thị Diễm	Ngân	D14_QT06	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
3828	DH71400814	Phạm Trần Xuân	Nghi	D14_QT06	9	12	4	25	14	15	2	81	Tốt	
3829	DH71400801	Nguyễn Lê Mỹ	Ngọc	D14_QT06	10	12	6	25	16	15	9	93	Xuất sắc	
3830	DH71400902	Nguyễn Thị ánh	Nhi	D14_QT06	10	9	6	25	16	15	2	83	Tốt	
3831	DH71400915	Đặng Thị Hồng	Nhung	D14_QT06	9	6	4	25	16	15	2	77	Khá	
3832	DH71400853	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	D14_QT06	9	12	4	25	16	15	8	89	Tốt	
3833	DH71401700	Nguyễn Trúc	Như	D14_QT06	9	8	4	25	16	15	2	79	Khá	
3834	DH71401205	Phan Huỳnh Thanh	Thảo	D14_QT06	8	8	4	25	14	15	2	76	Khá	
3835	DH71401291	Nguyễn Tri Hoài	Thu	D14_QT06	10	8	6	25	18	15	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3836	DH71401260	Trần Diễm	Thùy	D14_QT06	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3837	DH71401266	Trần Thị Thu	Thùy	D14_QT06	9	0	4	25	16	15	2	71	Khá	
3838	DH71401270	Đinh Thị Diễm	Thúy	D14_QT06	9	10	4	25	14	15	2	79	Khá	
3839	DH71401151	Đặng Nguyễn Minh	Thư	D14_QT06	9	6	4	25	16	15	2	77	Khá	
3840	DH71401738	Nguyễn Thị Hoàng	Thư	D14_QT06	9	6	4	25	16	15	2	77	Khá	
3841	DH71401324	Võ Thị Kiều	Tiên	D14_QT06	10	8	4	25	16	15	2	80	Tốt	
3842	DH71401330	Huỳnh Thị Hồng	Tiên	D14_QT06	10	12	8	25	16	15	9	95	Xuất sắc	
3843	DH71401373	Lê Ngọc	Trâm	D14_QT06	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3844	DH71401374	Mạch Nguyệt	Trâm	D14_QT06	9	8	4	25	14	15	2	77	Khá	
3845	DH71401376	Nguyễn Thị Bích	Trâm	D14_QT06	9	8	4	25	14	15	2	77	Khá	
3846	DH71401423	Trần Thị Ngọc	Trâm	D14_QT06	10	12	4	25	18	15	2	86	Tốt	
3847	DH71401387	Nguyễn Thị Huyền	Trân	D14_QT06	10	12	6	25	18	15	2	88	Tốt	
3848	DH71401438	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	D14_QT06	10	12	4	25	16	15	2	84	Tốt	
3849	DH71401460	Trần Hồ Xuân	Trúc	D14_QT06	10	9	6	25	18	15	2	85	Tốt	
3850	DH71401518	Thái Dương Thanh	Tuyên	D14_QT06	9	8	4	25	16	15	2	79	Khá	
3851	DH71401523	Nguyễn Đỗ Bội	Tuyền	D14_QT06	9	9	4	25	16	15	2	80	Tốt	
3852	DH71401524	Nguyễn Minh	Tuyền	D14_QT06	9	8	4	25	16	15	2	79	Khá	
3853	DH71401666	Phạm Tấn	Việt	D14_QT06	9	8	4	25	18	15	2	81	Tốt	
3854	DH71401619	Trương Thị Kim	Xuyến	D14_QT06	9	8	4	25	16	15	2	79	Khá	
3855	DH71400024	Dương Hoàng	Anh	D14_QT07	10	8	2	25	7	10	2	64	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3856	DH71400027	Lê Nhật	Anh	D14_QT07	6	6	0	25	17	10	2	66	Trung bình khá	
3857	DH71400011	Phạm Đăng Hồng	Ân	D14_QT07	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3858	DH71400066	Nguyễn Quốc	Bảo	D14_QT07	10	8	8	25	15	10	2	78	Khá	
3859	DH71400076	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	D14_QT07	8	9	7	25	14	15	2	80	Tốt	
3860	DH71400125	Phạm Trần Phương	Chi	D14_QT07	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3861	DH71401641	Hoàng Lê	Duẩn	D14_QT07	10	8	8	25	15	15	2	83	Tốt	
3862	DH71400172	Tạ Tuấn	Dũng	D14_QT07	10	6	8	25	15	10	2	76	Khá	
3863	DH71400223	Huỳnh Phan Thế	Đạt	D14_QT07	9	8	7	25	10	15	2	76	Khá	
3864	DH71400230	Nguyễn Thành	Đạt	D14_QT07	10	8	6	25	14	7	2	72	Khá	
3865	DH71401668	Hồ Ngọc	Điệp	D14_QT07	10	12	7	25	11	10	2	77	Khá	
3866	DH71400265	Trần Thị Thanh	Giang	D14_QT07	10	8	5	25	11	10	2	71	Khá	
3867	DH71400268	Cao Thị Thanh	Hằng	D14_QT07	10	12	7	25	13	10	2	79	Khá	
3868	DH71400398	Nguyễn Phúc	Hiếu	D14_QT07	10	8	7	25	11	15	9	85	Tốt	
3869	DH71400447	Tăng Huỳnh	Hoa	D14_QT07	10	12	8	25	10	10	2	77	Khá	
3870	DH71400358	Trần Thị	Hồng	D14_QT07	10	9	8	25	17	15	10	94	Xuất sắc	
3871	DH71400496	Lâm Mỹ	Huyền	D14_QT07	10	9	8	25	15	15	2	84	Tốt	
3872	DH71400502	Trần Thị Ngọc	Huyền	D14_QT07	10	9	4	25	19	10	2	79	Khá	
3873	DH71400642	Cao Nguyễn Tiểu	Long	D14_QT07	10	9	4	25	11	15	9	83	Tốt	
3874	DH71401688	Phạm Thị	Lý	D14_QT07	10	12	8	25	20	12	10	97	Xuất sắc	
3875	DH71400711	Võ Nguyễn Quốc	Minh	D14_QT07	10	8	8	25	15	10	2	78	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3876	DH71400729	Võ Thị Kiều	My	D14_QT07	10	6	4	25	14	15	2	76	Khá	
3877	DH71400900	Nguyễn Phạm Thảo	Nhi	D14_QT07	10	12	8	25	15	10	9	89	Tốt	
3878	DH71400903	Nguyễn Thị Linh	Nhi	D14_QT07	10	8	4	25	18	15	9	89	Tốt	
3879	DH71400867	Võ Thị Huỳnh	Như	D14_QT07	10	9	8	25	20	10	9	91	Xuất sắc	
3880	DH71400934	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	D14_QT07	10	12	8	25	9	5	2	71	Khá	
3881	DH71400947	Trần Tiến	Phát	D14_QT07	9	8	8	25	10	15	2	77	Khá	
3882	DH71400994	Lê Phan Thiên	Phúc	D14_QT07	10	8	5	25	9	10	2	69	Trung bình khá	
3883	DH71401012	Trần Thị Kim	Phúc	D14_QT07	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3884	DH71400982	Nguyễn Trần Bích	Phượng	D14_QT07	10	12	8	25	13	15	10	93	Xuất sắc	
3885	DH71401066	Huỳnh Ngọc Tố	Quyên	D14_QT07	9	10	0	25	20	5	2	71	Khá	
3886	DH71401068	Nguyễn Hoàng	Quyên	D14_QT07	10	8	7	25	9	10	2	71	Khá	
3887	DH71401074	Võ Thị Tuyết	Quyên	D14_QT07	10	10	8	25	20	15	2	90	Xuất sắc	
3888	DH71401741	Trần Lê Trường	Thanh	D14_QT07	10	8	8	25	11	10	2	74	Khá	
3889	DH71401250	Ngô Thị Mai	Thi	D14_QT07	10	12	8	25	20	15	10	100	Xuất sắc	
3890	DH71401275	Trương Thị Thanh	Thúy	D14_QT07	0	9	0	0	0	0	0	9	Kém	
3891	DH71401321	Trần Thị Thủy	Tiên	D14_QT07	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3892	DH71401535	Phan Trung	Tín	D14_QT07	10	6	2	25	12	15	9	79	Khá	
3893	DH71401434	Nguyễn Mai	Trình	D14_QT07	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3894	DH71401442	Từ Thoại	Trình	D14_QT07	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3895	DH71401472	Trần Tất Minh	Trung	D14_QT07	10	6	0	25	8	5	2	56	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3896	DH71401522	Lâm Mộng	Tuyền	D14_QT07	10	12	4	25	11	15	2	79	Khá	
3897	DH71401550	Trần Quốc	Văn	D14_QT07	10	8	8	25	20	15	10	96	Xuất sắc	
3898	DH71401555	Trần Thị Kiều	Vân	D14_QT07	10	10	8	25	15	10	2	80	Tốt	
3899	DH71401633	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	D14_QT07	10	12	0	25	18	5	2	72	Khá	
3900	DH71400018	Nguyễn Thị	An	D14_QT08	9	6	2	20	10	10	2	59	Trung bình	
3901	DH71400032	Nguyễn Duy	Anh	D14_QT08	7	6	4	24	13	10	2	66	Trung bình khá	
3902	DH71400176	Đặng Tú	Dung	D14_QT08	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
3903	DH71400167	Lê Tiến	Dũng	D14_QT08	9	8	2	24	15	10	2	70	Khá	
3904	DH71400144	Nguyễn Thị Thùy	Dương	D14_QT08	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3905	DH71400246	Nguyễn Hoàng	Đức	D14_QT08	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3906	DH71400304	Chu Thị Thu	Hà	D14_QT08	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
3907	DH71400340	Hồ Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	D14_QT08	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3908	DH71400351	Võ Thị Mỹ	Hạnh	D14_QT08	10	9	7	25	14	10	2	77	Khá	
3909	DH71400449	Hồ Tâm	Hoan	D14_QT08	10	12	4	24	19	10	2	81	Tốt	
3910	DH71400359	Trần Thị Thúy	Hồng	D14_QT08	10	9	2	25	19	10	2	77	Khá	
3911	DH71400559	Vòng Chí	Kiên	D14_QT08	10	12	2	25	19	10	2	80	Tốt	
3912	DH71400583	Nguyễn Ngọc Yên	Lam	D14_QT08	10	12	4	25	20	10	8	89	Tốt	
3913	DH71400576	Vương Đỗ Chí	Lâm	D14_QT08	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3914	DH71400602	Trương Hà	Liên	D14_QT08	9	8	2	25	13	10	2	69	Trung bình khá	
3915	DH71400613	Bùi Ngọc Khánh	Linh	D14_QT08	9	6	4	25	14	10	2	70	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3916	DH71400625	Nguyễn Thị Như	Linh	D14_QT08	9	8	2	25	16	10	2	72	Khá	
3917	DH71401674	Nguyễn Trang Trúc	Linh	D14_QT08	10	12	2	25	16	10	2	77	Khá	
3918	DH71400634	Võ Thị Ngọc	Linh	D14_QT08	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3919	DH71400699	Nguyễn Văn	Minh	D14_QT08	9	6	4	24	10	10	2	65	Trung bình khá	
3920	DH71400730	Đặng Quốc	Nam	D14_QT08	8	6	4	25	12	10	8	73	Khá	
3921	DH71400784	Kha Minh	Ngà	D14_QT08	8	6	8	24	17	10	8	81	Tốt	
3922	DH71400772	Tăng Thị Kim	Ngân	D14_QT08	8	8	6	25	15	10	8	80	Tốt	
3923	DH71400779	Trần Tuyết	Ngân	D14_QT08	7	6	2	25	13	10	2	65	Trung bình khá	
3924	DH71400807	Từ Kim	Ngọc	D14_QT08	9	8	4	25	19	10	2	77	Khá	
3925	DH71400883	Ngô Mỹ	Nhàn	D14_QT08	10	9	4	25	19	10	2	79	Khá	
3926	DH71400960	Phạm Thanh	Phuong	D14_QT08	9	8	2	25	20	10	2	76	Khá	
3927	DH71401077	Mai Xuân	Sâm	D14_QT08	9	6	4	25	15	10	2	71	Khá	
3928	DH71401085	Nguyễn Ngọc	Son	D14_QT08	10	12	4	25	16	10	2	79	Khá	
3929	DH71401702	Lê Thị	Suong	D14_QT08	10	10	4	25	20	10	2	81	Tốt	
3930	DH71401136	Lê Thành	Tài	D14_QT08	10	12	4	25	10	10	2	73	Khá	
3931	DH71401200	Nguyễn Thị Phương	Thảo	D14_QT08	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3932	DH71401215	Hứa Hiếu	Thắng	D14_QT08	10	12	4	25	15	10	2	78	Khá	
3933	DH71401155	Lý Minh	Thư	D14_QT08	10	12	2	25	12	10	2	73	Khá	
3934	DH71401337	Nguyễn Thị Kim	Tiến	D14_QT08	10	12	2	25	13	10	2	74	Khá	
3935	DH71401339	Võ Việt	Tiến	D14_QT08	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3936	DH71401743	Nguyễn Chung	Toàn	D14_QT08	10	8	2	25	13	10	2	70	Khá	
3937	DH71401402	Nguyễn Thị ái	Trang	D14_QT08	10	8	2	25	13	10	2	70	Khá	
3938	DH71401383	Dương Ngọc Lê	Trân	D14_QT08	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
3939	DH71401440	Phạm Hoàng Phương	Trinh	D14_QT08	10	12	2	25	19	10	2	80	Tốt	
3940	DH71401458	Nguyễn Vy Anh	Trúc	D14_QT08	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3941	DH71401466	Lê Bảo	Trung	D14_QT08	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
3942	DH71401528	Trần Lê Minh	Tuyền	D14_QT08	9	8	2	25	13	10	2	69	Trung bình khá	
3943	DH71401519	Nguyễn Trọng	Tuyền	D14_QT08	10	12	2	25	20	10	2	81	Tốt	
3944	DH71401556	Dương Thị Vỹ	Vương	D14_QT08	9	8	8	25	14	10	2	76	Khá	
3945	DH71401621	Nguyễn Lâm Như	ý	D14_QT08	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
3946	DH71400002	Lê Thanh Diệu	ái	D14_QT09	10	6	4	25	10	10	2	67	Trung bình khá	
3947	DH71400049	Vương Huỳnh	Anh	D14_QT09	10	9	4	25	10	15	2	75	Khá	
3948	DH71400007	Dương Ngọc	Ân	D14_QT09	10	12	0	25	10	15	2	74	Khá	
3949	DH71401790	Hồ Quốc	Bảo	D14_QT09	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3950	DH71400111	Trần Ngọc Bảo	Châu	D14_QT09	10	8	2	25	3	10	2	60	Trung bình khá	
3951	DH71400201	Nguyễn Kỳ	Duyên	D14_QT09	10	8	0	25	6	10	2	61	Trung bình khá	
3952	DH71400203	Nguyễn Thị	Duyên	D14_QT09	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
3953	DH71400331	Tô Thế	Hải	D14_QT09	10	9	8	25	20	5	2	79	Khá	
3954	DH71400285	Phạm Ngọc	Hân	D14_QT09	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3955	DH71400380	Lê Thanh	Hiền	D14_QT09	10	6	8	25	4	10	2	65	Trung bình khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3956	DH71400387	Ngô Sĩ	Hiệp	D14_QT09	9	6	0	25	0	10	2	52	Trung bình	
3957	DH71400445	Lê Thị	Hoa	D14_QT09	10	6	6	25	0	10	8	65	Trung bình khá	
3958	DH71400441	Trương Huy	Hoàng	D14_QT09	10	6	0	25	0	10	2	53	Trung bình	
3959	DH71400291	Lại Thị Cẩm	Hương	D14_QT09	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
3960	DH71400534	Hoàng Ngọc	Khanh	D14_QT09	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3961	DH71400580	Huỳnh Thị Bích	Lê	D14_QT09	9	8	0	25	16	10	2	70	Khá	
3962	DH71400651	Nguyễn Trọng Bảo	Long	D14_QT09	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3963	DH71400654	Trần Nguyễn Thành	Long	D14_QT09	10	9	8	25	11	5	9	77	Khá	
3964	DH71400706	Trương Hoàng	Minh	D14_QT09	10	6	3	25	16	5	9	74	Khá	
3965	DH71400745	Phùng Nhật	Nam	D14_QT09	10	8	4	25	6	10	2	65	Trung bình khá	
3966	DH71400747	Vũ Trần Phương	Nam	D14_QT09	10	9	0	25	6	10	2	62	Trung bình khá	
3967	DH71400766	Nguyễn Thị Thu	Ngân	D14_QT09	10	6	0	25	0	15	2	58	Trung bình	
3968	DH71400775	Trần Bảo	Ngân	D14_QT09	10	6	2	25	6	5	2	56	Trung bình	
3969	DH71400781	Văn Thị Thu	Ngân	D14_QT09	10	6	2	25	5	10	2	60	Trung bình khá	
3970	DH71400793	Du Mỹ	Ngọc	D14_QT09	10	9	2	25	12	10	2	70	Khá	
3971	DH71400800	Nguyễn Hồng	Ngọc	D14_QT09	10	10	4	25	19	10	2	80	Tốt	
3972	DH71401676	Trần Thy Thảo	Ngọc	D14_QT09	10	8	2	25	6	5	2	58	Trung bình	
3973	DH71400810	Vũ Thị Kim	Ngọc	D14_QT09	10	8	0	25	18	10	2	73	Khá	
3974	DH71400840	Ngô Thị Bình	Nguyễn	D14_QT09	10	9	8	25	3	10	2	67	Trung bình khá	
3975	DH71400899	Nguyễn Phương	Nhi	D14_QT09	10	6	0	25	20	10	8	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3976	DH71400956	Nguyễn Đình	Phuong	D14_QT09	10	8	2	25	9	15	2	71	Khá	
3977	DH71401036	Lê Huỳnh Minh	Quân	D14_QT09	10	6	2	25	5	15	9	72	Khá	
3978	DH71401056	Nguyễn Như	Quỳnh	D14_QT09	10	6	2	25	3	10	2	58	Trung bình	
3979	DH71401105	Đình Minh	Tâm	D14_QT09	10	6	2	25	9	15	2	69	Trung bình khá	
3980	DH71401131	Phạm Văn	Tây	D14_QT09	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3981	DH71401169	Lý Văn	Thái	D14_QT09	9	0	2	25	3	10	2	51	Trung bình	
3982	DH71401236	Nguyễn Hoàng Thiên	Thanh	D14_QT09	10	8	2	25	6	10	2	63	Trung bình khá	
3983	DH71401298	Nguyễn Thị Thu	Thuyết	D14_QT09	7	6	0	25	0	10	2	50	Trung bình	
3984	DH71401325	Vũ Nguyễn Cẩm	Tiên	D14_QT09	10	8	4	25	15	10	8	80	Tốt	
3985	DH71401461	Võ Mộng	Trúc	D14_QT09	10	8	8	25	12	10	2	75	Khá	
3986	DH71401357	Võ Thị Cẩm	Tú	D14_QT09	10	8	0	25	6	10	2	61	Trung bình khá	
3987	DH71401692	Phan Phương	Tuyền	D14_QT09	10	9	4	25	10	10	2	70	Khá	
3988	DH71401746	Nguyễn Thị Thùy	Vân	D14_QT09	10	6	0	25	0	10	2	53	Trung bình	
3989	DH71401608	Phan Ngọc Tường	Vy	D14_QT09	10	8	0	25	4	15	2	64	Trung bình khá	
3990	DH71400057	Nguyễn Hoàng Như	Bình	D14_QT10	10	8	2	25	15	10	2	72	Khá	
3991	DH71400118	Bùi Thị Mỹ	Chi	D14_QT10	10	6	4	25	15	10	2	72	Khá	
3992	DH71400177	Huỳnh Hoài Diệu	Dung	D14_QT10	10	8	0	25	16	10	8	77	Khá	
3993	DH71400242	Phạm Nguyễn Thanh	Điền	D14_QT10	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
3994	DH71400343	Ngô Kiều	Hạnh	D14_QT10	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
3995	DH71400273	Phan Thị	Hằng	D14_QT10	10	8	8	25	16	10	2	79	Khá	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
3996	DH71400393	Đinh Thị Minh	Hiếu	D14_QT10	10	8	6	25	10	10	2	71	Khá	
3997	DH71400492	Bùi Thị Ngọc	Huyền	D14_QT10	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
3998	DH71400289	Dương Thị	Hương	D14_QT10	10	8	8	25	12	10	2	75	Khá	
3999	DH71400292	Nguyễn Huỳnh Quế	Hương	D14_QT10	10	9	8	25	20	10	8	90	Xuất sắc	
4000	DH71400294	Nguyễn Ngọc Thiên	Hương	D14_QT10	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
4001	DH71400551	Trần Nguyễn Tuấn	Khoa	D14_QT10	10	8	4	25	15	10	2	74	Khá	
4002	DH71400570	Từ Ngọc	Kiều	D14_QT10	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4003	DH71400664	Thị Hải	Luân	D14_QT10	10	8	6	25	13	5	2	69	Trung bình khá	
4004	DH71400698	Nguyễn Trần	Minh	D14_QT10	10	8	4	25	15	10	2	74	Khá	
4005	DH71400776	Trần Thanh	Ngân	D14_QT10	10	8	4	25	10	10	2	69	Trung bình khá	
4006	DH71400813	Nguyễn Tiểu	Nghi	D14_QT10	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4007	DH71400847	Quách Văn	Nguyên	D14_QT10	10	12	4	25	15	10	2	78	Khá	
4008	DH71400869	Hồ Thị	Nhân	D14_QT10	10	9	4	25	18	10	2	78	Khá	
4009	DH71400888	Đinh Ngọc Yến	Nhi	D14_QT10	10	6	0	25	16	10	2	69	Trung bình khá	
4010	DH71401677	Ngô Hoàng Yến	Nhi	D14_QT10	10	10	8	25	20	10	9	92	Xuất sắc	
4011	DH71400909	Thiều Yến	Nhi	D14_QT10	10	6	2	25	10	5	2	60	Trung bình khá	
4012	DH71400921	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	D14_QT10	10	8	4	25	13	10	2	72	Khá	
4013	DH71400858	Phan Thị Quỳnh	Như	D14_QT10	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4014	DH71400998	Nguyễn Hồng	Phúc	D14_QT10	10	8	4	25	18	10	2	77	Khá	
4015	DH71400951	Huỳnh Kim Anh	Phương	D14_QT10	8	8	0	25	2	10	2	55	Trung bình	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4016	DH71401055	Huỳnh Thị Hương	Quỳnh	D14_QT10	10	8	0	25	16	10	2	71	Khá	
4017	DH71401057	Nguyễn Xuân	Quỳnh	D14_QT10	10	9	4	25	13	10	2	73	Khá	
4018	DH71401091	Võ Hải	Sơn	D14_QT10	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4019	DH71401187	Nguyễn Thế	Thành	D14_QT10	10	8	4	25	15	10	2	74	Khá	
4020	DH71401704	Nguyễn Phương	Thảo	D14_QT10	10	9	4	25	17	10	9	84	Tốt	
4021	DH71401201	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D14_QT10	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4022	DH71401231	Đặng Kim	Thọ	D14_QT10	10	6	4	25	15	10	2	72	Khá	
4023	DH71401268	Nguyễn Thị	Thoại	D14_QT10	10	8	0	25	16	10	2	71	Khá	
4024	DH71401159	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	D14_QT10	10	8	0	25	10	10	9	72	Khá	
4025	DH71401161	Nguyễn Thị Anh	Thư	D14_QT10	10	8	0	25	20	10	2	75	Khá	
4026	DH71401309	Nguyễn Nhật	Tiên	D14_QT10	10	8	6	25	8	10	2	69	Trung bình khá	
4027	DH71401405	Nguyễn Thị Phương	Trang	D14_QT10	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
4028	DH71401413	Trương Thị Thùy	Trang	D14_QT10	9	9	0	25	5	10	2	60	Trung bình khá	
4029	DH71401371	Hoàng Thị Quỳnh	Trâm	D14_QT10	9	8	0	25	15	12	0	69	Trung bình khá	
4030	DH71401372	Lê Hoài Bích	Trâm	D14_QT10	10	8	4	25	8	10	2	67	Trung bình khá	
4031	DH71401432	Đặng Ngọc Phương	Trình	D14_QT10	10	8	0	25	16	10	2	71	Khá	
4032	DH71401616	Lê Ngọc	Xuân	D14_QT10	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4033	DH71401747	Nguyễn Thị	Xuyến	D14_QT10	10	12	4	25	20	10	2	83	Tốt	
4034	DH71400047	Trần Thị Trâm	Anh	D14_QT11	10	8	6	25	10	15	2	76	Khá	
4035	DH71400160	Võ Thị Mỹ	Diễm	D14_QT11	10	12	8	24	19	10	8	91	Xuất sắc	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4036	DH71400197	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	D14_QT11	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4037	DH71400198	Lê Hà	Duyên	D14_QT11	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
4038	DH71401753	Lê Thị Hồng	Duyên	D14_QT11	10	12	8	25	14	15	2	86	Tốt	
4039	DH71400141	Ngô Nguyễn T Thùy	Dương	D14_QT11	10	6	4	25	10	15	2	72	Khá	
4040	DH71400261	Hồng Trường	Giang	D14_QT11	10	6	4	25	11	15	2	73	Khá	
4041	DH71400336	Phạm Thanh Đan	Hạ	D14_QT11	10	8	4	25	10	15	2	74	Khá	
4042	DH71400317	Phan Nhật	Hào	D14_QT11	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4043	DH71400270	Nguyễn Ngọc Thanh	Hằng	D14_QT11	10	8	5	25	6	15	2	71	Khá	
4044	DH71400287	Võ Thị	Hân	D14_QT11	10	12	8	25	15	12	9	91	Xuất sắc	
4045	DH71400383	Nguyễn Thị	Hiền	D14_QT11	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4046	DH71400391	Đỗ Trung	Hiếu	D14_QT11	10	8	8	25	19	10	8	88	Tốt	
4047	DH71400458	Phạm Đặng Ngọc Mộng	Hòa	D14_QT11	10	12	8	25	17	5	9	86	Tốt	
4048	DH71400521	Trần Ngọc	Khải	D14_QT11	9	6	8	25	10	10	8	76	Khá	
4049	DH71401645	Nguyễn Phạm	Lai	D14_QT11	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
4050	DH71400578	Thái Thị Thanh	Lành	D14_QT11	10	8	0	25	20	15	2	80	Tốt	
4051	DH71400636	Hồ Thị Phụng	Loan	D14_QT11	10	10	8	25	20	15	9	97	Xuất sắc	
4052	DH71400637	Ngô Thị Hồng	Loan	D14_QT11	10	9	8	25	20	10	2	84	Tốt	
4053	DH71400663	Tất Diệu	Luân	D14_QT11	10	6	7	25	17	15	8	88	Tốt	
4054	DH71400787	Nguyễn Thị	Nga	D14_QT11	10	12	8	25	16	15	2	88	Tốt	
4055	DH71400789	Nguyễn Thị Việt	Nga	D14_QT11	10	9	8	25	18	12	2	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4056	DH71400863	Trần Nguyễn Huỳnh	Như	D14_QT11	10	12	8	25	13	15	9	92	Xuất sắc	
4057	DH71400989	Nguyễn Trung	Phú	D14_QT11	10	8	8	25	19	14	2	86	Tốt	
4058	DH71401763	Nguyễn Thị Kim	Phượng	D14_QT11	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4059	DH71401044	Hồ Thiện	Quang	D14_QT11	10	9	6	25	20	15	2	87	Tốt	
4060	DH71401067	Lê Thị Thảo	Quyên	D14_QT11	10	12	8	25	15	10	9	89	Tốt	
4061	DH71401769	Đông Đăng Thảo	Quỳnh	D14_QT11	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4062	DH71401240	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	D14_QT11	10	8	8	25	18	15	9	93	Xuất sắc	
4063	DH71401264	Nguyễn Đào	Thủy	D14_QT11	10	12	2	25	18	15	2	84	Tốt	
4064	DH71401273	Nguyễn Thị	Thúy	D14_QT11	10	8	4	25	13	15	2	77	Khá	
4065	DH71401181	Võ Thị Phương	Thương	D14_QT11	10	9	6	25	20	10	9	89	Tốt	
4066	DH71401401	Nguyễn Thái	Trang	D14_QT11	10	12	8	25	20	10	2	87	Tốt	
4067	DH71401403	Nguyễn Thị Huyền	Trang	D14_QT11	10	6	8	25	15	14	2	80	Tốt	
4068	DH71401407	Nguyễn Thị Thùy	Trang	D14_QT11	10	8	8	25	19	10	9	89	Tốt	
4069	DH71401463	Hồng Trị	Trung	D14_QT11	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4070	DH71401342	Hồ Anh	Tú	D14_QT11	10	12	8	25	17	15	2	89	Tốt	
4071	DH71401150	Lê Nguyễn Mạnh	Tường	D14_QT11	10	0	2	25	2	15	2	56	Trung bình	
4072	DH71401679	Nguyễn Thị Kim	Vân	D14_QT11	10	8	4	25	5	15	8	75	Khá	
4073	DH71401582	Nguyễn Anh	Vũ	D14_QT11	10	12	8	25	19	14	2	90	Xuất sắc	
4074	DH71401600	Lưu Thị Thúy	Vy	D14_QT11	10	6	8	25	13	15	2	79	Khá	
4075	DH71401767	Nguyễn Ngọc	Xuyến	D14_QT11	10	9	8	25	10	15	9	86	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4076	DH71400045	Phạm Quang Huỳnh	Anh	D14_QT12	9	12	6	25	16	14	2	84	Tốt	
4077	DH71400103	Huỳnh Ngọc Minh	Châu	D14_QT12	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4078	DH71400106	Ngô Ngọc Thanh	Châu	D14_QT12	10	9	8	22	17	15	10	91	Xuất sắc	
4079	DH71400097	Trần Quốc	Cường	D14_QT12	9	6	6	25	15	10	2	73	Khá	
4080	DH71400159	Võ Thị Kiều	Diễm	D14_QT12	10	6	8	25	12	10	2	73	Khá	
4081	DH71400162	Vũ Thị Vy	Diệu	D14_QT12	10	9	4	24	16	15	2	80	Tốt	
4082	DH71400154	Dương Bội	Dinh	D14_QT12	10	12	6	25	19	10	2	84	Tốt	
4083	DH71400171	Phan Quốc	Dũng	D14_QT12	10	8	6	25	14	15	2	80	Tốt	
4084	DH71401680	Huỳnh Chí	Đạt	D14_QT12	10	9	8	25	12	10	10	84	Tốt	
4085	DH71400286	Phan Thị Bảo	Hân	D14_QT12	9	6	4	25	17	15	2	78	Khá	
4086	DH71400297	Nguyễn Võ Thiên	Hương	D14_QT12	10	6	8	24	14	15	8	85	Tốt	
4087	DH71400531	Trương Cẩm	Khang	D14_QT12	10	12	8	25	15	10	2	82	Tốt	
4088	DH71400557	Phạm Thành	Khuyên	D14_QT12	10	9	0	25	20	5	9	78	Khá	
4089	DH71400586	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	D14_QT12	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4090	DH71400581	Nguyễn Thùy	Lê	D14_QT12	7	6	4	25	18	10	2	72	Khá	
4091	DH71400610	Đào Mỹ	Linh	D14_QT12	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4092	DH71400624	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	D14_QT12	9	6	2	22	20	10	9	78	Khá	
4093	DH71400652	Trương Hữu	Long	D14_QT12	10	12	4	24	18	10	2	80	Tốt	
4094	DH71400891	Bùi Thị Yên	Nhi	D14_QT12	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4095	DH71400901	Nguyễn Thục	Nhi	D14_QT12	10	12	8	25	9	10	10	84	Tốt	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					a	b	c							
4096	DH71400908	Phạm Thị Tuyết	Nhi	D14_QT12	10	8	8	25	17	10	2	80	Tốt	
4097	DH71401765	Châu Cẩm	Nhung	D14_QT12	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	
4098	DH71400859	Trương Quỳnh	Như	D14_QT12	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	
4099	DH71401135	Hồ Ngọc Tấn	Tài	D14_QT12	8	9	6	21	16	10	8	78	Khá	
4100	DH71401106	Dương Chí	Tâm	D14_QT12	10	9	4	25	20	10	2	80	Tốt	
4101	DH71401107	Hứa Thị Thanh	Tâm	D14_QT12	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
4102	DH71401198	Nguyễn Nghiêm Minh	Thảo	D14_QT12	0	8	0	0	0	0	0	8	Kém	
4103	DH71401259	Nguyễn Minh	Thiện	D14_QT12	9	12	8	23	12	15	2	81	Tốt	
4104	DH71401315	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	D14_QT12	9	12	4	24	18	15	2	84	Tốt	
4105	DH71401359	Bùi Quốc	Toàn	D14_QT12	10	8	6	25	17	10	2	78	Khá	
4106	DH71401404	Nguyễn Thị Minh	Trang	D14_QT12	10	10	8	25	19	5	10	87	Tốt	
4107	DH71401414	Trần Lê Phương	Trang	D14_QT12	10	8	7	25	13	15	2	80	Tốt	
4108	DH71401381	Trần Thị Bích	Trâm	D14_QT12	10	8	4	23	19	10	2	76	Khá	
4109	DH71401384	Lê Ngọc Bảo	Trân	D14_QT12	10	9	2	25	18	14	2	80	Tốt	
4110	DH71401441	Phạm Thị	Trình	D14_QT12	8	12	4	23	18	10	2	77	Khá	
4111	DH71401450	Võ Việt	Trình	D14_QT12	10	9	8	25	19	5	2	78	Khá	
4112	DH71401351	Nguyễn Minh Tuấn	Tú	D14_QT12	10	10	4	24	8	10	2	68	Trung bình khá	
4113	DH71401545	Hồ Thái Phương	Uyên	D14_QT12	10	9	8	25	19	10	9	90	Xuất sắc	
4114	DH71401574	Đặng Quốc	Việt	D14_QT12	10	12	4	22	16	15	2	81	Tốt	
4115	DH71401566	Mai Thế	Vinh	D14_QT12	0	6	0	0	0	0	0	6	Kém	

Stt	MSSV	Họ và tên		Lớp	I			II	III	IV	V	Tổng điểm	Xếp loại	Ghi chú
					<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>							
4116	DH71401707	Khuru Chí	Vĩnh	D14_QT12	0	10	0	0	0	0	0	10	Kém	
4117	DH71401754	Tô Thị Thiên	Vương	D14_QT12	0	0	0	0	0	0	0	0	Kém	